

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH**



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học
của Bộ Giáo dục và Đào tạo
(Giai đoạn đánh giá: 2020 - 2025)

Quảng Bình, năm 2025

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH**



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học
của Bộ Giáo dục và Đào tạo
(Giai đoạn đánh giá: 2020 - 2025)**

Quảng Bình, năm 2025

CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TĐG CSGD NĂM HỌC 2020-2025

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH



DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 384/QĐ-ĐHQB ngày 20 tháng 3 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình)

TT	HỌ VÀ TÊN		CHỨC DANH, CHỨC VỤ	NHIỆM VỤ	CHỮ KÝ
1	Nguyễn Đức	Vượng	PGS.TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2	Dương Thị Ánh	Tuyết	TS, Phó Hiệu trưởng	Phó CT HĐ	
3	Võ Khắc	Son	TS, Phó Hiệu trưởng	Phó CT HĐ	
4	Nguyễn Đại	Thăng	ThS, TP TT-ĐBCLGD	Thư ký HĐ	
5	Phạm Xuân	Hậu	TS, TP Tổ chức – HC	Thành viên	
6	Trương Thị	Tư	TS, TP Đào tạo và QLSV	Thành viên	
7	Nguyễn T. Thuý	Vân	ThS, PTP Đào tạo và QLSV	Thành viên	
8	Phan Trọng	Tiến	TS, PTP KHCN-ĐN và HL	Thành viên	
9	Nguyễn Xuân	Hào	TS, TP KH, TC và QLĐT	Thành viên	
10	Nguyễn Chiêu	Sinh	ThS, PTP Quản trị	Thành viên	
11	Nguyễn Phương	Văn	TS, GD TT NN, TH và ĐTTX	Thành viên	
12	Nguyễn Đình	Hùng	TS, TK Sư phạm	Thành viên	
13	Vương Kim	Thành	TS, TK Giáo dục TH-MN	Thành viên	
14	Võ Thị	Dung	TS, TK Ngoại ngữ	Thành viên	
15	Đậu Mạnh	Hoàn	TS, TK CNTT	Thành viên	
16	Trần Tự	Lực	TS, TK Kinh tế-Du lịch	Thành viên	
17	Trần	Thuý	TS, TK GDTC-QP	Thành viên	
18	Trần Thế	Hùng	TS, VT. Viện NN và MT	Thành viên	
19	Hoàng Anh	Vũ	ThS, GV. Bí thư ĐTN	Thành viên	
20	Hoàng Thị	Duyên	TS, GV. Khoa Sư phạm	Thành viên	
21	Lê Đăng	Đạt	SV. ĐH SP Ngữ Văn K65	Thành viên	

* Danh sách này gồm có 21 người./

MỤC LỤC

PHẦN I. HỒ SƠ VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH.....	1
1. Khái quát về Trường ĐHQB.....	1
2. Bối cảnh triển khai các hoạt động của Trường ĐHQB.....	12
3. Cơ sở dữ liệu Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (Phụ lục 01).....	15
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC.....	16
Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa.....	16
Tiêu chuẩn 2. Quản trị.....	27
Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý.....	36
Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược.....	51
Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.....	61
Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực.....	74
Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất.....	98
Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại.....	133
Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong.....	145
Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài.....	155
Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong.....	167
Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng.....	180
Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học.....	192
Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học.....	201
Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập.....	212
Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học.....	222
Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học.....	231
Tiêu chuẩn 18. Quản lý nghiên cứu khoa học.....	245
Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ.....	262
Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học.....	270
Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng.....	281

Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo.....	291
Tiêu chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu khoa học.....	310
Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng.....	327
Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường.....	341
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC.....	354
PHỤ LỤC.....	359
Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục.....	359
Phụ lục 2. Kế hoạch Tự đánh giá.....	394
Phụ lục 3. Quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá.....	

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Từ viết đầy đủ
1.	ANTT	An ninh trật tự
2.	CB	Cán bộ
3.	CBGV	Cán bộ Giảng viên
4.	CBQL	Cán bộ quản lý
5.	CBVC	Cán bộ viên chức
6.	CCB	Cựu chiến binh
7.	CĐ	Cao đẳng
8.	CGC	Cựu giáo chức
9.	CHDCND	Cộng hoà dân chủ nhân dân
10.	CLB	Câu lạc bộ
11.	CSGD	Cơ sở giáo dục
12.	CSVC	Cơ sở vật chất
13.	CTCT	Chương trình chi tiết
14.	CTĐ	Chữ thập đỏ
15.	CTĐT	Chương trình đào tạo
16.	CTSV	Công tác sinh viên
17.	CV	Công văn
18.	ĐBCLGD	Đảm bảo chất lượng giáo dục
19.	ĐH	Đại học
20.	ĐHQB	Đại học Quảng Bình
21.	ĐTN	Đoàn thanh niên
22.	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
23.	GDDH	Giáo dục đại học
24.	GDTX	Giáo dục thường xuyên
25.	GV	Giảng viên
26.	HSSV	Học sinh, sinh viên
27.	HSV	Hội sinh viên
28.	HTQT	Hợp tác quốc tế
29.	HTSV&QHĐN	Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp
30.	KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
31.	KĐV	Kiểm định viên
32.	KH&ĐT	Khoa học và Đào tạo
33.	KHCN	Khoa học công nghệ

STT	Từ viết tắt	Từ viết đầy đủ
34.	KT - XH	Kinh tế - Xã hội
35.	KTKĐCLGD	Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục
36.	KTX	Ký túc xá
37.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
38.	NCS	Nghiên cứu sinh
39.	NLĐ	Người lao động
40.	NV	Nhân viên
41.	PGS	Phó Giáo sư
42.	PCCC	Phòng cháy, chữa cháy
43.	PVCĐ	Phục vụ cộng đồng
44.	QĐ	Quyết định
45.	QLKH	Quản lý khoa học
46.	QLKH&HTQT	Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế
47.	SĐH	Sau đại học
48.	SHCD	Sinh hoạt công dân
49.	SHTT	Sở hữu trí tuệ
50.	SV	Sinh viên
51.	SVTN	SV tốt nghiệp
52.	TC - HC	Tổ chức - Hành chính
53.	TCCN	Trung cấp chuyên nghiệp
54.	TĐG	Tự đánh giá
55.	ThS	Thạc sĩ
56.	TS	Tiến sĩ
57.	TTB	Trang thiết bị
58.	TTHL	Trung tâm Học liệu
59.	UBND	Ủy ban nhân dân
60.	VC	Viên chức
61.	VLVH	Vừa làm vừa học
62.	website	Trang thông tin điện tử tổng hợp
63.	XDCB	Xây dựng cơ bản

PHẦN I. HỒ SƠ VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

1. Khái quát về Trường ĐHQB

1.1. Quá trình thành lập

Trường ĐHQB được thành lập theo Quyết định số 237/QĐ-TTg ngày 24/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở Trường Cao đẳng sư phạm Quảng Bình mà tiền thân là Trường Trung cấp Sư phạm Quảng Bình được thành lập từ năm 1959.

Trường ĐHQB là cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình. Trường chịu sự quản lý trực tiếp về mặt tổ chức của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình và sự quản lý nhà nước về chuyên môn lĩnh vực giáo dục, đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Sau gần 19 năm thành lập, nay Trường ĐHQB là một trường đại học đa ngành đa cấp với sứ mạng là trường đại học công lập, có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, thực hiện nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Bình và cả nước. Nhà trường cũng đã xác định rõ tầm nhìn là phát triển Nhà trường theo định hướng ứng dụng, phấn đấu trở thành trường đại học có uy tín trong cả nước và khu vực, là trung tâm hàng đầu về đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao và chuyển giao các ứng dụng khoa học công nghệ của vùng Bắc Trung Bộ.

Trong những năm vừa qua, Nhà trường đã đổi mới căn bản và toàn diện trên tất cả các mặt nhằm nâng cao chất lượng dạy và học, phát huy năng lực nghiên cứu khoa học, tính chủ động, sáng tạo của giảng viên và sinh viên. Đội ngũ giảng viên của Nhà trường đã tăng mạnh cả về số lượng và chất lượng, hiện tại Nhà trường có 01 PGS, có 45 TS, 82 Th.S. Cơ sở vật chất Nhà trường đã được đầu tư khang trang và đồng bộ theo hướng hiện đại. Cơ cấu ngành nghề được xây dựng phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực của tỉnh Quảng Bình và các tỉnh trong khu vực, gồm 7 khối ngành chính: khối ngành Sư phạm, Ngoại ngữ;

Nông Lâm Ngư; Kỹ thuật Công nghệ; Kinh tế Du lịch; Âm nhạc Mỹ thuật, Thể thao và Luật - Giáo dục Chính trị. Các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, đã không ngừng được mở rộng quy mô và nâng cao về chất lượng, thể hiện qua các bài báo đăng tải trên các tạp chí có uy tín trong và ngoài nước, các đề tài NCKH cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở. Trường đã dành ra nguồn kinh phí lớn để đầu tư xây dựng mới và sửa chữa, nâng cấp một số hạng mục công trình, bổ sung trang thiết bị đáp ứng ngày càng tốt hơn nhiệm vụ đào tạo và NCKH.

Để đẩy mạnh hơn nữa hoạt động NCKH, nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường đã chủ động thiết lập và duy trì quan hệ hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật với các trường đại học, các viện nghiên cứu trong nước như: Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Đà Nẵng, Đại học Huế, Đại học Vinh,... Nhà trường cũng tăng cường mở rộng hợp tác quốc tế với nhiều trường đại học ở nước ngoài như Nhật Bản, Hàn Quốc, Anh, Pháp, Nga, Úc, Thái Lan,... Tính đến nay, Trường đã thiết lập quan hệ hợp tác và ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác chung với 38 trường đại học ở nước ngoài. Các hoạt động HTQT đã góp phần tích cực trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, tăng cường CSVC, trang thiết bị, đồng thời góp phần quảng bá hình ảnh của Nhà trường ra quốc tế và khu vực.

Nhà trường đã xây dựng lộ trình, lập kế hoạch và từng bước thực hiện tự chủ hoạt động, phân đấu tự chủ về tài chính theo quy định. Giai đoạn hiện nay, Trường đã xây dựng được những điều kiện cơ bản quan trọng để có thể phát triển bền vững trên tất cả các mặt, góp phần tích cực vào công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo của địa phương Quảng Bình cũng như cả nước. Trường ĐHQB đã khẳng định được vị trí của mình trong hệ thống các trường đại học trong nước và quốc tế.

1.2. Tầm nhìn, sứ mạng và các giá trị và triết lý giáo dục của Trường

- Tầm nhìn

Mục tiêu phát triển Trường ĐHQB được xác định trên cơ sở bám sát mục tiêu phát triển giáo dục đào tạo của Đảng, Nhà nước và của địa phương trong

từng thời kỳ, thực hiện có chất lượng và hiệu quả việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ thiết thực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và cả nước, trở thành trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực, có vị thế cao trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam và khu vực vào năm 2035. Mục tiêu của Nhà trường được xác định phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và văn hóa đã tuyên bố, được thể hiện chi tiết thông qua Nghị quyết Hội nghị viên chức và người lao động trong từng năm học.

Tầm nhìn của Trường ĐHQB là phát triển theo hướng toàn diện, hiện đại phù hợp với sự phát triển chung của hệ thống các trường đại học ở Việt Nam, khu vực và thế giới, phấn đấu là trường đại học có uy tín trong cả nước, nơi đào tạo đội ngũ nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu xã hội và là trung tâm hàng đầu trong nghiên cứu khoa học, chuyển giao các ứng dụng khoa học công nghệ của tỉnh Quảng Bình và khu vực Bắc Trung Bộ. Tầm nhìn của Nhà trường được xác định như sau: “Trường Đại học Quảng Bình phát triển theo định hướng ứng dụng. Trường phấn đấu trở thành trường đại học có uy tín trong cả nước và khu vực; là trung tâm hàng đầu về đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao và chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ của vùng Bắc Trung Bộ”.

- Sứ mạng

Sứ mạng của Trường ĐHQB được xây dựng phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Phát huy truyền thống hiếu học của con người và vùng đất Quảng Bình, Trường huy động tối đa nội lực, hợp tác chặt chẽ với các trường đại học, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực khoa học, giáo dục, công nghệ, kỹ thuật và kinh tế phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước.

Sứ mạng của Nhà trường được xác định như sau: “Trường ĐHQB là trường đại học công lập, có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; thực hiện

nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Bình và cả nước”.

- Giá trị cốt lõi và văn hoá

Giá trị cốt lõi được Nhà trường xác định: “Chất lượng, sáng tạo và hiệu quả” nhằm đạt được mục tiêu chiến lược, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng.

Để thực hiện giá trị văn hóa, định kỳ Nhà trường ban hành và triển khai Bộ quy tắc ứng xử nhằm quy định các chuẩn mực ứng xử văn hóa của viên chức, người lao động và người học đang công tác, học tập tại Trường và quan hệ với các cơ quan trong, ngoài tỉnh. Những quy định về giá trị cốt lõi, giá trị văn hóa được xác định từ các giá trị, truyền thống của Nhà trường trong lịch sử hình thành và phát triển, nhằm thúc đẩy các hành vi, làm cho viên chức, người lao động và người học có lập trường chính trị vững vàng; chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước, nội quy của Nhà trường.

- Triết lý giáo dục

Triết lý giáo dục của Trường ĐHQB là “Toàn diện, khai phóng, sáng tạo, thực nghiệp, hội nhập”.

- Toàn diện: Hướng tới đào tạo các thế hệ người học phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ cá nhân trong từng lĩnh vực, đào tạo đa ngành và đào tạo con người toàn diện.

- Khai phóng: Trang bị cho người học nền tảng kiến thức, kỹ năng vững chắc, phát huy tối đa tiềm năng con người, hình thành tư duy mở, chủ động đón nhận và sáng tạo cái mới, cái tiên bộ.

- Sáng tạo: Giúp người học phát triển tư duy sáng tạo, có đủ trình độ, năng lực để tạo ra những giá trị sản phẩm mới trong nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp.

- Thực nghiệp: Gắn việc đào tạo với nhu cầu lao động thực tiễn, vận dụng tốt những kiến thức, kỹ năng cần thiết đã học để thực hành nghề, đáp ứng yêu cầu của chuyên môn và có khả năng phát triển nghề nghiệp.

- Hội nhập: Tăng cường kết nối với các cá nhân, tổ chức có liên quan, xây dựng các chuẩn mực, giá trị văn hóa, tiếp nhận sản phẩm khoa học tiến bộ trên thế giới để không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường.

1.3. Tóm tắt thành tích nổi bật của Trường giai đoạn 2020 – 2025

a) Hoạt động đào tạo

Trong giai đoạn 2020 - 2025, Trường ĐHQB đã đạt được nhiều thành tựu trong công tác đào tạo. Cụ thể:

Công tác tuyển sinh: Hàng năm, Nhà trường đã phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Nhà trường để xây dựng Đề án tuyển sinh phù hợp với nguồn lực của Trường và nhu cầu của xã hội. Mỗi năm, Nhà trường được giao hơn 1000 chỉ tiêu hệ đại học và cao đẳng. Trong khó khăn chung về công tác tuyển sinh, đặc biệt là từ năm 2020 đến nay, Nhà trường đã không ngừng đẩy mạnh công tác truyền thông tuyển sinh, đa dạng hóa các loại hình đào tạo liên thông, văn bằng 2, học cùng lúc hai chương trình; phối kết hợp hình thức thi tuyển và xét tuyển nhằm thu hút người học để tuyển sinh đạt kết quả cao. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đẩy mạnh công tác kiểm định chất lượng giáo dục, công khai chương trình đào tạo, cam kết chất lượng đào tạo, đảm bảo đầu ra cho sinh viên, coi đây là một kênh truyền thông mũi nhọn về tuyển sinh. Nhờ đó, số lượng tuyển sinh từ năm 2021 có xu hướng tăng trở lại, chất lượng đầu vào ngày càng cao.

Giai đoạn 2020 - 2025, Nhà trường đã mở rộng quy mô tuyển sinh, xây dựng chiến lược tuyển sinh lưu học sinh Lào đến học tiếng Việt và các chuyên ngành trình độ đại học. Nhà trường đã thu hút được 100 - 150 sinh viên Lào/năm theo học các chương trình đào tạo tại Trường. Mặt khác, Nhà trường phát triển và tuyển sinh hiệu quả các chương trình đào tạo ngắn hạn, đặc biệt là chương trình bồi dưỡng và cấp chứng chỉ chức danh nghề nghiệp cho giáo viên Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở. Liên kết tuyển sinh đào tạo nhiều ngành

trình độ thạc sĩ với Đại học Đà Nẵng, Trường Đại học khoa học Huế, Đại học Vinh, Học viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Công tác mở mã ngành: Nhà trường đã xây dựng các ngành nghề đào tạo dựa trên định hướng phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Quảng Bình và các vùng lân cận với 4 lĩnh vực: Sư phạm, Kinh tế - Xã hội - Du Lịch, Nông - Lâm - Ngư và Kỹ thuật - Công nghệ Thông tin. Giai đoạn 2020 - 2025, Nhà trường đã xây dựng hồ sơ và đã được sự cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo mở mã ngành đào tạo như: Giáo dục thể chất, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Nông nghiệp; Ngôn ngữ Trung Quốc; Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lý,... Công tác tuyển sinh các mã ngành mới đảm bảo chỉ tiêu và chất lượng đầu vào. Năm 2019 - 2020, thực hiện Luật Giáo dục đại học sửa đổi, Phòng Đào tạo đã tham mưu Nhà trường triển khai tốt công tác tự chủ trong mở mã ngành, xây dựng chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu địa phương, người học. Trong năm học 2024-2025, Nhà trường cũng đã Quyết định mở 01 mã ngành mới trình độ đại học. Đến 12/2020 Trường ĐHQB rà soát, cơ cấu lại ngành nghề đào tạo phù hợp với điều kiện thực tiễn. Hiện tại, Trường có 17 ngành đào tạo đại học.

Bên cạnh đó, Nhà trường xây dựng Đề án và triển khai các khóa bồi dưỡng cấp chứng chỉ chuyên môn. Giai đoạn 2018 - 2025, được sự cho phép của UBND tỉnh Quảng Bình, Nhà trường đã triển khai nhiều lớp Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp cho Giáo viên Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở, đáp ứng yêu cầu đối với tiêu chuẩn giáo viên trong giai đoạn đổi mới giáo dục, đổi mới chương trình phổ thông. Đó là một trong nhiệm vụ quan trọng trong việc đổi mới giáo dục giai đoạn hiện nay của tỉnh Quảng Bình và cả nước.

Công tác phát triển chương trình đào tạo: Nhà trường chủ trương triển khai xây dựng và phát triển chương trình đào tạo gắn liền với chuẩn đầu ra; hoàn thiện nội dung chương trình, tăng cường tính liên thông, chuyển đổi giữa các chương trình; tăng cường phương pháp học chủ động, học tích cực, học trải nghiệm, tăng cường thời gian tự học của sinh viên. Thống nhất giảng dạy các nhóm môn học chung như: lý luận chính trị, ngoại ngữ, giáo dục thể chất, giáo

dục quốc phòng an ninh cho tất cả các chương trình đào tạo và một số các môn khoa học cơ bản cho các nhóm ngành. Từng bước thiết kế và phát triển chương trình đào tạo phù hợp với bối cảnh giáo dục mới - giáo dục trong thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0, sẵn sàng chuyển đổi linh hoạt các hình thức dạy học trực tiếp sang trực tuyến, trực tiếp kết hợp trực tuyến khi có diễn biến dịch bệnh, thiên tai phức tạp xảy ra. Triển khai tự đánh giá chương trình và xây dựng lộ trình đánh giá ngoài chương trình đào tạo.

Công tác tổ chức đào tạo: Thời kỳ 2016 - 2018 quy mô đào tạo của Nhà trường trên 3000 sinh viên/ năm, giai đoạn 2018 - 2023 giảm xuống dưới 2000 sinh viên/năm, năm học 2024-2025 giảm xuống dưới 1000 sinh viên. Nhà trường đã thiết lập được hệ thống văn bản, quy trình, quy định hoàn chỉnh về quản lý đào tạo có hệ thống từ cấp trường đến các khoa, viện, phòng, trung tâm thuộc Trường. Hoạt động đào tạo luôn thực hiện đúng kế hoạch đề ra, hoàn thành đúng tiến độ do có sự phối hợp chặt chẽ hơn giữa các phòng chức năng và các khoa, bộ môn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức đánh giá, xử lý và quản lý kết quả đào tạo. Loại hình đào tạo đa dạng, linh hoạt bao gồm: đào tạo chính quy, liên thông, văn bằng 2, học cùng lúc 2 chương trình; tổ chức tốt các loại hình học tập khác như học theo hình thức thích hợp, học cải thiện kết quả học tập, học lại và học kỳ hè.

Giai đoạn từ năm 2019 đến nay, trong tình hình dịch bệnh covid-19 diễn biến phức tạp, Nhà trường đã triển khai hệ thống đào tạo trực tuyến và tổ chức đào tạo linh hoạt giữa các hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp với trực tuyến thích ứng với diễn biến dịch bệnh trên địa bàn tỉnh.

Công tác thực hành, thực tập: Công tác thực hành, thực tập luôn được chuẩn bị chu đáo trong tất cả các khâu và triển khai theo đúng kế hoạch, tiến độ, đảm bảo yêu cầu. Đối với hệ liên thông, văn bằng 2, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong điều kiện vừa giảng dạy, công tác, vừa học tập, Nhà trường đã tổ chức công tác thực hành, thực tập theo từng đợt, nhóm ở các thời điểm thích hợp nhất.

b) Hoạt động NCKH

Nhân lực cho hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ của Nhà trường bao gồm các cán bộ giảng dạy, nghiên cứu và sinh viên. Trình độ và năng lực nghiên cứu của Nhà trường ngày càng được tăng cường do số lượng cán bộ, giảng viên được đào tạo sau đại học trong và ngoài nước ngày càng nhiều và khả năng mở rộng quan hệ quốc tế cũng như năng lực tiếp cận thực tiễn ngày càng mạnh. Nhà trường đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, công nghệ thông tin, nông – lâm – ngư nghiệp.

Kết quả hoạt động NCKH trong các năm gần đây: 01 đề tài cấp nhà nước, 01 đề tài cấp Bộ; 10 đề tài cấp Tỉnh; 110 đề tài cấp Trường, toàn Trường đã có 91 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế, 89 bài báo cáo được đăng kỷ yếu và trình bày tại hội thảo khoa học quốc tế, 199 bài ở hội thảo trong nước và 200 hội thảo ở trường, 519 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học cấp ngành trong nước và 308 bài báo đăng tạp chí, tập san của Trường.

Bên cạnh đó, các sinh viên cũng rất tích cực tham gia hoạt động NCKH. Từ 2020 đến nay, có 580 sinh viên tham gia đề tài NCKH cấp trường, đạt 787 giải thưởng NCKH sáng tạo và 14 công trình được công bố. Hằng năm, Nhà trường đều dành kinh phí hỗ trợ các đề tài nghiên cứu khoa học cho sinh viên.

Đề tài NCKH được đánh giá cao, số lượng đề tài xếp loại tốt, xuất sắc chiếm tỉ lệ lớn. Gần 100% giảng viên đều tham gia NCKH, có công trình đăng trên các tạp chí uy tín khoa học trong và ngoài nước (các tạp chí trong danh mục phong hàm GS, PGS, các tạp chí ISI, Scopus).

Tỉ lệ giảng viên hoàn thành nhiệm vụ NCKH cao, chiếm từ 80% - 90%.

c) Hoạt động hợp tác quốc tế

Trong nhiều năm qua, Nhà trường đã ký kết hợp tác với 49 Trường đại học, viện nghiên cứu ở 11 quốc gia trên thế giới, trong đó có nhiều trường đã ký kết hợp tác lần 2, lần 3 để tăng cường và duy trì mối quan hệ lâu dài.

Hàng năm, Trường đón tiếp nhiều đoàn khách quốc tế với hàng trăm lượt người đến tìm hiểu, hợp tác nghiên cứu và đào tạo.

Phối hợp tổ chức thành công nhiều hội nghị, hội thảo quốc tế; Cử nhiều đoàn cán bộ, giảng viên đi xúc tiến hợp tác, tham dự báo cáo tại các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Philippine, Thái Lan, Hoa Kỳ, Singapore...; Tiếp nhận các thực tập sinh và Trợ giảng tiếng Anh của Chương trình Fulbright (Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam) đến hỗ trợ giảng dạy cho sinh viên và CBGV.

Nhà trường đã mời nhiều chuyên gia, giảng viên nước ngoài về tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề, seminar chuyên ngành về các lĩnh vực công nghệ thông tin, toán học, du lịch,... Gửi nhiều CBGV đi học nước ngoài theo các hình thức thực tập, nghiên cứu ngắn hạn, dài hạn, đào tạo sau đại học theo chương trình của Bộ GD&ĐT hoặc trong khuôn khổ các chương trình hợp tác song phương giữa Nhà trường với các trường đại học nước ngoài.

Tiếp nhận và đào tạo hàng trăm lưu học sinh và cán bộ của nước Cộng hoà Dân chủ nhân dân Lào diện hợp tác và tự túc kinh phí sang học tập tại Trường.

Triển khai thực hiện có hiệu quả một số Dự án do đối tác nước ngoài tài trợ.

d) Hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục

Căn cứ Chiến lược công tác đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường ĐHQB giai đoạn 2019 - 2023 và tầm nhìn đến 2030, trong những năm qua công tác đảm bảo CLGD đạt được các kết quả sau:

Hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong tiếp tục được hoàn thiện nhằm từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động thông qua việc thành lập các Hội đồng bảo đảm chất lượng cấp Trường và cấp đơn vị khoa, viện. Có nhiều lượt viên chức đã tham gia các hội nghị, hội thảo, tập huấn về công tác bảo đảm chất lượng giáo dục để nâng cao chất lượng đội ngũ chuyên trách và không chuyên trách công tác bảo đảm chất lượng giáo dục trong Nhà trường.

Việc cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài cấp cơ sở giáo dục định kỳ các năm tiếp tục được triển khai thực hiện theo kế hoạch. Cùng với đó là các hoạt

động phục vụ tự đánh giá từng phần chất lượng cơ sở giáo dục dựa theo bộ tiêu chuẩn ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT tại các đơn vị thuộc và trực thuộc được tiếp tục triển khai.

Công tác ba công khai các năm học được thực hiện đúng theo Quy chế công khai. Ngoài ra, Trường còn triển khai cho các đơn vị khoa, viện chủ động công khai từng phần kết quả hoạt động tự đánh giá các chương trình đào tạo nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm trong các hoạt động công khai và tăng cường khả năng thu nhận kết quả phải hỏi từ các bên liên quan.

Hoạt động lấy ý kiến phản hồi đối với cán bộ quản lý, đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên, cơ sở vật chất và chất lượng phục vụ của các đơn vị, hoạt động giảng dạy của giảng viên được thực hiện theo định kỳ hằng năm. Trường ĐHQB đã thực hiện một số hoạt động để điều chỉnh, bổ sung nhằm nâng cao chất lượng các công cụ, quy trình lấy ý kiến phản hồi.

Trong giai đoạn 2020 -2025, Trường ĐHQB đã triển khai theo kế hoạch tự đánh giá cho các CTĐT. Nhà trường đã tổ chức rà soát, thẩm định 10 báo cáo TĐG CTĐT phù hợp với văn bản hướng dẫn mới của Cục Quản lý chất lượng. Hướng dẫn các đơn vị khoa, viện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả TĐG và đăng ký ĐGN với Nhà trường.

Trong đó, có 04 CTĐT đã hoàn thành tự đánh giá, được Cục Quản lý chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo thông qua và đã được Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Vinh công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo (Quyết định số 683/QĐ-KĐCLGV; 684/QĐ-KĐCLGV; 685/QĐ-KĐCLGV và 686/QĐ-KĐCLGV ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Giám đốc Trung tâm KĐCLGD-ĐHV).

Ngoài ra, Nhà trường đã thực hiện việc quản lý và sử dụng đề thi kết thúc học phần theo nhiệm vụ phân công đúng quy trình; Triển khai công tác đề thi học kỳ các năm học bảo đảm tiến độ và chất lượng đào tạo. Triển khai tổ chức

điều chỉnh và ban hành quy trình thực hiện công tác đề thi; tổ chức đánh giá đề thi các năm học theo chuẩn đầu ra.

Công tác quản lý phôi, tem, văn bằng chứng chỉ và xác minh văn bằng, chứng chỉ đảm bảo tiến độ, nghiêm túc, đúng quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường. Công tác in, sao bằng tốt nghiệp được thực hiện đúng quy định, có chất lượng, hiệu quả. Đã làm tốt công tác xác minh văn bằng, chứng chỉ; cấp bản sao, giấy chứng nhận văn bằng, chứng chỉ khi có yêu cầu.

e) Khen thưởng

Với những đóng góp tích cực cho sự nghiệp GD&ĐT, sau gần 19 năm thành lập, Trường ĐHQB vinh dự được Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng Ba lần thứ 2 cùng nhiều Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình và Tỉnh trưởng các tỉnh bạn nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội của Nhà trường như Đảng ủy, Công Đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, Hội Cựu chiến binh cũng luôn là những tổ chức trong sạch, vững mạnh, tiên phong. Các tổ chức này, cũng như nhiều cá nhân tiêu biểu, có nhiều đóng góp tích cực cho Nhà trường cũng đã nhận được rất nhiều phần thưởng cao quý của Đảng, Nhà nước và các tổ chức cấp trên.

Cụ thể giai đoạn 2020 – 2023, kết quả thi đua, khen thưởng cao nhất đạt được như sau:

- Năm 2020: 01 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (cá nhân); 07 Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (cá nhân);
- Năm 2021: 03 Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (cá nhân);
- Năm 2022: 01 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (cá nhân); 03 Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (cá nhân);
- Năm 2023: 06 Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (cá nhân).

1.4. Cơ cấu tổ chức của Trường

Trường ĐHQB có cơ cấu tổ chức gồm:

- Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các chi bộ thuộc Đảng bộ Trường

- 06 khoa: Khoa Sư phạm, Công nghệ thông tin, Giáo dục Tiểu học – Mầm non, Ngoại ngữ, Kinh tế - Du lịch, Giáo dục Thể chất – Quốc phòng;

- 01 viện: Viện Nông nghiệp – Môi Trường;

- 06 phòng chức năng: Phòng Tổ chức – Hành chính, Đào tạo và Quản lý sinh viên, Kế hoạch, Tài chính và Quản lý đầu tư, Thanh tra – Đảm bảo chất lượng giáo dục, Khoa học công nghệ - Đối ngoại và Học liệu, Quản trị;

- 01 trung tâm trực thuộc: Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học và Đào tạo thường xuyên.

Ngoài ra, Trường còn có các tổ chức, đoàn thể như: Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, Hội Cựu chiến binh, Hội Cựu giáo chức, Hội Cựu sinh viên.

1.5. Cấu trúc tổ chức của Hội đồng trường

Hội đồng trường Trường ĐHQB, nhiệm kỳ 2020 - 2025 có 21 thành viên, trong đó có 14 thành viên là cán bộ, giảng viên, viên chức của Trường và 07 thành viên ngoài Trường. Cấu trúc tổ chức của Hội đồng trường Trường ĐHQB gồm: Thường trực Hội đồng Trường và 04 Ban chuyên môn.

Trong đó, Thường trực Hội đồng trường (Chủ tịch Hội đồng trường, Thư ký Hội đồng trường và Trưởng các Ban của Hội đồng trường) được toàn quyền quyết định những công việc được Hội đồng trường ủy quyền và có trách nhiệm báo cáo với Hội đồng trường tại phiên họp gần nhất; 04 Ban chuyên môn (gồm: Ban Quản trị chiến lược; Ban Tổ chức - Nhân sự, Ban Đào tạo, Khoa học và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Ban Tài chính - Tài sản) có trách nhiệm thẩm định các đề án, tờ trình của Hiệu trưởng trước khi đưa ra lấy ý kiến Hội đồng trường, giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường theo lĩnh vực chuyên môn, giám sát hoạt động của Trường theo quyết nghị của Hội đồng trường theo lĩnh vực chuyên môn.

2. Bối cảnh triển khai các hoạt động của Trường ĐHQB

2.1. Quy định pháp lý của các hoạt động của cơ sở giáo dục và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của cơ sở giáo dục.

Hiện nay, Trường ĐHQB đang hoạt động trên cơ sở các quy định pháp lý sau đây:

- Quyết định số 237/2006/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Quảng Bình;
- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) về “Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;
- Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013;
- Luật Giáo dục đại học sửa đổi, bổ sung năm 2018 và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 30/12/2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật giáo dục đại học.

Căn cứ các văn bản trên, Nhà trường đã triển khai bầu các thành viên của Hội đồng Trường nhiệm kỳ 2020 – 2025 và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHQB ban hành kèm theo Nghị quyết số 1699/NQ-HĐTĐHQB ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng trường Trường ĐHQB. Từ đó, Nhà trường đã kiện toàn cơ cấu tổ chức, nhân sự từ cấp BGH đến các đơn vị cấp khoa, phòng, trung tâm, bộ môn và điều hành các hoạt động của Nhà trường theo quy chế và phù hợp với quy định của Luật Giáo dục đại học sửa đổi, bổ sung.

2.2. Mô tả những thách thức chính mà cơ sở giáo dục gặp phải và kế hoạch của cơ sở giáo dục để khắc phục những thách thức đó.

Chính sách tự chủ của Nhà nước đối với các trường đại học công lập vẫn đang trong giai đoạn tiếp tục được đổi mới, hoàn thiện. Vì vậy, một số quy định

về chế độ tài chính, đầu tư công, mua sắm trang thiết bị và nhân sự còn chưa thật sự hợp lý. Đây là nguyên nhân lớn ảnh hưởng trực tiếp đến công tác phát triển toàn diện và việc nâng cao chất lượng đào tạo cũng như nâng cao thu nhập của viên chức, người lao động trong Trường. Để khắc phục điều này, Nhà trường đã ban hành Đề án vị trí việc làm của Trường ĐHQB số 831/ĐA-ĐHQB ngày 06 tháng 5 năm 2024 để hướng đến tự chủ toàn diện về nhân sự, là tiền đề để Nhà trường chủ động hơn trong tất cả các hoạt động nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng như đã đề ra.

Việc có nhiều cơ sở đào tạo của địa phương cạnh tranh với mức học phí thấp hơn học phí của Trường ĐHQB, cùng một số điều kiện tuyển sinh đầu vào dễ hơn đã làm ảnh hưởng nhất định đến công tác thu hút người học vào Trường đối với các hệ đại học liên thông vừa làm vừa học, văn bằng 2. Để khắc phục điều này, một mặt Nhà trường kiên trì duy trì chất lượng đào tạo, mặt khác, Nhà trường tập trung mở rộng quy mô đào tạo những hệ có thể mạnh như hệ đại học vừa làm vừa học, văn bằng 2 (ngành Ngôn ngữ Anh,...); chú trọng hơn đến các hoạt động hỗ trợ phát triển học thuật cho người học như tạo điều kiện cho người học tham gia NCKH, tham quan các trường đại học tiên tiến trong nước và nước ngoài,...

2.3. Mô tả các điểm mạnh và cơ hội của cơ sở giáo dục và cách mà cơ sở giáo dục tận dụng những điểm mạnh và cơ hội đó.

Những điểm mạnh của Trường ĐHQB và cách mà Nhà trường tận dụng điểm mạnh

Nhà trường có đội ngũ GV, đặc biệt là GV chuyên ngành,... Nhiều GV của Trường được đào tạo tại các nước có nền giáo dục tiên tiến. Đội ngũ GV năng động, nhiệt tình, có bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng, có trình độ chuyên môn cao, có năng lực giảng dạy và NCKH đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của xã hội. Với lợi thế này, Nhà trường đã chủ động mở nhiều trình độ đào tạo chuyên ngành luật để bố trí họ giảng dạy ở mọi trình độ đào tạo; đã đẩy mạnh công tác NCKH trong GV và SV; phát triển bộ giáo trình, đề cương hướng dẫn

học tập, sách giảng dạy tình huống, sách tham khảo của Nhà trường phục vụ cho nhu cầu giảng dạy, nghiên cứu trong và ngoài trường.

Nhà trường có hệ thống học liệu phong phú, hiện đại và không ngừng cập nhật thường xuyên, đáp ứng được nhu cầu học tập, nghiên cứu, giảng dạy, trao đổi. Với lợi thế này, GV và người học của Trường được chủ động tiếp cận nhanh nhất và thuận lợi nhất với nguồn học liệu dồi dào.

Hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên và của Công đoàn mạnh hỗ trợ đắc lực cho mảng phục vụ cộng đồng của Trường và chăm lo tốt cho đời sống tinh thần của viên chức, người lao động và người học.

Những cơ hội của Trường ĐHQB và cách mà Nhà trường tận dụng cơ hội

Nhà trường có nhiều CTĐT ở các cấp độ khác nhau, nhiều ngành học có thể liên thông với nhau, nhiều hệ đào tạo.

Bên cạnh đó, Nhà trường có tiềm lực mạnh về NCKH và có quan hệ hợp tác rộng với các đối tác trong và ngoài nước. Đây là cơ hội để Nhà trường tích cực tổ chức các hội thảo khoa học trong đó có các hội thảo theo đơn đặt hàng và các hội thảo quốc tế mang tính thời sự. Nhà trường có tạp chí riêng mang tên Tạp chí Khoa học và Công nghệ, điều này đã tạo môi trường thuận lợi cho GV, SV trong trường gửi bài viết, trao đổi về học thuật.

Ngoài ra, Nhà trường có quan hệ hợp tác với nhiều trường đại học trong và ngoài nước, với nhiều đơn vị sử dụng lao động, nhiều cơ quan, hội nghề nghiệp, nhiều đơn vị đào tạo khác ở địa phương vừa là cầu nối và đáp ứng tốt đầu ra cho sinh viên khi tốt nghiệp ra trường.

3. Cơ sở dữ liệu Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (Phụ lục 01)

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa

Tiêu chí 1.1. Lãnh đạo cơ sở giáo dục đảm bảo tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường được xác định rõ ràng, cụ thể, đó là trường đại học công lập, phát triển theo định hướng ứng dụng, có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, thực hiện nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, phục vụ cho sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Bình và cả nước [H1.01.01.01]. Thực hiện Chiến lược phát triển của Trường Đại học Quảng Bình giai đoạn 2021-2026 và tầm nhìn 2035, Nhà trường đã ban hành quyết định về việc công bố sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi là trường đại học đào tạo đa cấp, đa ngành và sự thành công và phát triển của người học, chất lượng, sáng tạo, hiệu quả được xác định là giá trị cốt lõi của nhà Trường đồng thời cũng được phổ biến trên nhiều phương tiện truyền thông của Nhà trường [H1.01.01.02], [H1.01.01.03].

Trong quá trình xây dựng, điều chỉnh tầm nhìn và sứ mạng, Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến góp ý của các đơn vị, các tổ chức chính trị - xã hội trong Nhà trường [H1.01.01.04]. Nhà trường luôn coi trọng công tác rà soát tầm nhìn, sứ mạng và lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng Trường để đưa ra Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tiễn [H1.01.01.05].

Tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của Nhà trường và được cụ thể hóa trong quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Quảng Bình [H1.01.01.06]. Tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Bình. Nghị quyết về nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội 5 năm (2021 - 2025) của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình đã xác định mục tiêu phát triển văn hóa - xã hội là nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục - đào tạo, dạy nghề và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và giao

nhệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cho Trường Đại học Quảng Bình [H1.01.01.07], [H1.01.01.08]. Trong các năm học, nhà trường đã thực hiện tốt các nghị quyết, kết luận của Đảng, các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về giáo dục và đào tạo, đặc biệt là triển khai thực hiện có hiệu quả Kết luận số 51-KL/TW ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo [H1.01.01.09].

Nhằm thực hiện tốt nhệm vụ trọng tâm hàng năm, Nhà Trường đã có chủ trương xây dựng kế hoạch, hướng dẫn các đơn vị xây dựng và triển khai các hoạt động theo tầm nhìn, sứ mạng đã được xác định [H1.01.01.10], [H1.01.01.11]. Nhà trường cũng đã tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành những văn bản mới để điều hành các hoạt động của Trường phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng đã được công bố như ban hành quy chế tổ chức và hoạt động, ban hành quy định về tiêu chuẩn và chế độ làm việc, ban hành quy chế đào tạo, bồi dưỡng, quy chế thi đua –khen thưởng và nhiều văn bản khác nhằm thực hiện tốt tầm nhìn, sứ mạng đã được Nhà trường xác định [H1.01.01.12].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 1.2. Lãnh đạo cơ sở giáo dục thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục

Nhà trường đã xác định giá trị cốt lõi là “Chất lượng, sáng tạo, hiệu quả” nhằm thúc đẩy các hành vi mong muốn của Nhà trường và xã hội để đạt được mục tiêu chiến lược, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng. Giá trị cốt lõi của Nhà trường là kim chỉ nam định hướng cho tất cả các mặt hoạt động của Nhà trường nhằm đạt được mục tiêu chiến lược về phát triển đào tạo và NCKH, về phát triển đội ngũ cán bộ, về phát triển CSVC phục vụ cho đào tạo và NCKH, về phát triển tài chính, và đã được thể hiện trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn 2035 [H1.01.01.01].

Sau khi ban hành giá trị cốt lõi, Nhà trường đã ban hành Thông báo phổ biến, quán triệt nội dung sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Trường đến các

bên liên quan [H1.01.02.01]. Đồng thời, được công bố công khai và phổ biến rộng rãi qua nhiều kênh thông tin, làm cho toàn thể viên chức, người lao động, người học và xã hội nhận thức đầy đủ về Nhà trường [H1.01.02.02], [H1.01.02.03]. Thực hiện giá trị văn hóa Nhà trường đã có quyết định ban hành Bộ quy tắc ứng xử nhằm quy định các chuẩn mực ứng xử văn hóa của cán bộ, giảng viên, viên chức, người lao động và người học đang công tác, học tập tại Trường Đại học Quảng Bình và quan hệ với các cơ quan trong, ngoài tỉnh [H1.01.02.04]. Những quy định về giá trị văn hóa, giá trị cốt lõi được xác định từ các giá trị truyền thống của Trường Đại học Quảng Bình qua quá trình hình thành và phát triển, nhằm giáo dục cho viên chức, người lao động và người học có lập trường chính trị vững vàng, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước, nội quy của Nhà trường để đạt được mục tiêu chiến lược của Nhà trường, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng [H1.01.01.01], [H1.01.02.05]. Nhà trường đã thành lập đội xung kích văn hóa học đường để thường xuyên tạo mọi điều kiện cho học sinh, sinh viên vươn lên trong học tập, giữ vững nề nếp kỷ cương ở giảng đường, thư viện và ký túc xá sinh viên [H1.01.02.06]. Hàng năm thực hiện nhiệm vụ năm học Nhà trường xây dựng kế hoạch học tập “Tuần sinh hoạt công dân”, đồng thời có kế hoạch tổ chức hoạt động về hiến máu tình nguyện, tình nguyện hè và các hoạt động văn hóa cộng đồng [H1.01.02.07], [H1.01.02.08].

Cùng với tầm nhìn, sứ mạng, giá trị văn hóa cốt lõi của Nhà trường cũng được xây dựng với sự tham gia góp của các bên liên quan, trong đó có các viên chức quản lý, GV của nhà trường [H1.01.02.09].

Đảng bộ Trường Đại học Quảng Bình đã lãnh đạo xây dựng kế hoạch nhằm phổ biến và hướng dẫn các đơn vị, cá nhân trực thuộc trường xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể để giữ gìn và phát triển giá trị văn hóa, giá trị cốt lõi [H1.01.02.10]. Trên cơ sở đó Đoàn Thanh niên Trường đã xây dựng kế hoạch để thực hiện hàng năm nhằm đảm bảo tính thống nhất và hiệu quả trong các hoạt động chính trị - xã hội [H1.01.02.11]. Các chi bộ trong toàn Đảng bộ đã ban hành

ng nghị quyết đại hội nhiệm kỳ 2020-2022, 2023-2025 để quán triệt, triển khai các chủ trương của Đảng bộ trường về mọi mặt để thực hiện sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường, phát triển giá trị văn hóa, giá trị cốt lõi chất lượng, hiệu quả và bền vững [H1.01.02.12]. Hàng năm, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch năm học để thực hiện nhiệm vụ chính trị của Nhà trường, trong đó đã bám sát chiến lược của Nhà trường để đưa ra các chỉ tiêu phát triển, nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, thực hiện đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy chuẩn [H1.01.02.13]. Các đơn vị khoa, phòng, trung tâm trong toàn trường đã bám sát chủ trương của Nhà trường triển khai xây dựng kế hoạch năm học phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và đưa ra các giải pháp phù hợp với tình hình thực tiễn để phát triển đơn vị [H1.01.02.14]. Bên cạnh việc xác định nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, Nhà trường luôn coi trọng giáo dục thể chất và các hoạt động văn hóa. Vì vậy đã đầu tư xây dựng các sân bãi, nhà đa năng phục vụ hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao của Nhà trường [H1.01.02.15].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 1.3. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục được phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng để thực hiện

Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Trường Đại học Quảng Bình:

Sứ mạng

Trường Đại học Quảng Bình là trường đại học công lập, có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; thực hiện nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Bình và cả nước.

Tầm nhìn

Trường Đại học Quảng Bình phát triển theo định hướng ứng dụng. Trường phấn đấu trở thành trường đại học có uy tín trong cả nước và khu vực; là trung tâm hàng đầu về đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao và chuyển giao các ứng dụng khoa học công nghệ của vùng Bắc Trung Bộ.

Giá trị cốt lõi

Chất lượng, sáng tạo, hiệu quả.[H1.01.03.01].

Nhà trường đã chỉ đạo các đơn vị khoa, viện, phòng, trung tâm phổ biến sứ mạng, tầm nhìn đến tận cán bộ viên chức, người lao động và người học [H1.01.03.02].

Nhằm quán triệt cho viên chức, người lao động và người học thường xuyên hiểu biết và có ý thức trách nhiệm xây dựng nhà trường, nhà trường đã chủ trương xây dựng kế hoạch công bố công khai sứ mạng, tầm nhìn và văn hóa của Trường và phổ biến đến toàn thể viên chức, người lao động và sinh viên trong toàn Trường qua nhiều kênh thông tin, nhà trường đã có kế hoạch công khai sứ mạng, tầm nhìn và hóa ở các nơi công cộng [H1.01.03.03], [H1.01.03.04]. Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Nhà trường cũng được đăng tải trên trang Website <http://qbu.edu.vn> đồng thời hàng năm thiết kế tờ rơi trong các chương trình truyền thông tuyển sinh để quảng bá rộng rãi nhiệm vụ chính trị của nhà trường cho các bên liên quan để có cơ sở hợp tác [H1.01.03.05], [H1.01.03.06]. Trong quá trình phát triển nhà trường luôn coi trọng chất lượng giáo dục để thực hiện mục tiêu chiến lược, sứ mạng, tầm nhìn, năm 2017 được Trung tâm kiểm định giáo dục đánh giá ngoài và đạt chuẩn cơ sở giáo dục đại học trong nước và được công bố công khai [H1.01.03.07].

Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Trường Đại học Quảng Bình được quán triệt và giải thích rõ ràng để thực hiện. Đảng bộ trường đã đề ra nghị quyết nhiệm kỳ 2020-2025, trong đó đã xác định nhiệm vụ chiến lược để quán triệt, thực hiện tầm nhìn, sứ mạng trong toàn trường [H1.01.03.08]. Các chi bộ trực thuộc trong Đảng bộ trường đã đưa ra nghị quyết nhiệm kỳ 2020-2022 để quán triệt sâu rộng trong toàn thể đảng viên viên chức, người lao động và người học nhằm đảm bảo tính thống nhất trong nhận thức và hành động để xây dựng nhà trường ngày càng phát triển [H1.01.03.09]. Trên cơ sở quán triệt chủ trương của Đảng ủy, Nhà trường đã xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động, tại điều 4 của quy chế đã xác định cụ thể sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Nhà trường, phổ biến đến các bên liên quan phối hợp để thực hiện nhằm thúc đẩy sự phát triển của Nhà trường [H1.01.03.10]. Hàng năm các đơn vị trực thuộc đã xây dựng kế hoạch để thực hiện nhiệm vụ đảm bảo chất lượng, trong đó làm rõ cho toàn thể viên chức, người lao động và sinh viên hiểu rõ, góp phần thực hiện

nhiệm vụ của năm học [H1.01.03.11]. Các đơn vị đã quán triệt và góp ý cho sứ mạng, mục tiêu và giá trị cốt lõi của Nhà trường. Bộ phận truyền thông tuyển sinh của Nhà trường đã xây dựng kế hoạch truyền thông tuyển sinh, trong đó làm rõ sứ mạng, nhiệm vụ chính trị của nhà trường về quy mô, chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học [H1.01.03.12], [H1.01.03.13]. Nhà trường đã ban hành chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn 2035, trong đó rà soát, sửa đổi các chỉ tiêu trong mục tiêu của nhà trường để phù hợp với thực tiễn và đảm bảo tính thực thi [H1.01.01.01].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 1.4. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Trường Đại học Quảng Bình được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường Đại học Quảng Bình lần thứ III nhiệm kỳ 2020 – 2025 đã xác định các mục tiêu là tạo sự chuyển biến cơ bản về chất lượng dạy và học, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhằm để thực hiện kế hoạch chiến lược của nhà trường và có chủ trương về các mặt nhân sự, tổ chức bộ máy cho phù hợp với nhiệm vụ trong tình hình mới [H1.01.04.01]. Năm 2021, sau giai đoạn triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2015 - 2020 và tầm nhìn 2030 nhà trường đã tiến hành xây dựng Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2035 trong đó sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Nhà trường đã được rà soát, điều chỉnh lại cho phù hợp với bối cảnh và yêu cầu của các bên liên quan [H1.01.04.02], [H1.01.01.01].

Kết quả rà soát và đề xuất điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi được Hội đồng trường nhất trí thông qua [H1.01.04.03]. Thực hiện chỉ đạo của Hội đồng trường, Nhà trường đã thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQB giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến 2035

[H1.01.04.04]. Trên cơ sở đó, Ban chỉ đạo xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQB đã có văn bản phân công nhiệm vụ đến các đơn vị, cá nhân trong Nhà trường, trong đó đã phân công cụ thể nhiệm vụ rà soát, điều chỉnh, bổ sung tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi cho Phòng Tổ chức - hành chính, Phòng Tổ chức –Hành chính có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan khác trong Trường để thực hiện công tác rà soát, điều chỉnh, bổ sung tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi theo các bước của Kế hoạch **[H1.01.04.05]**.

Ban chỉ đạo xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQB đã triển khai họp để thảo luận việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch chiến lược Trường, trong đó có thảo luận về tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi **[H1.01.04.06]**. Sau khi có dự thảo bản điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch chiến lược phát triển Trường, Ban chỉ đạo xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQB đã gửi công văn về việc góp ý Dự thảo Chiến lược phát triển Trường ĐHQB đến các đơn vị trong toàn trường **[H1.01.04.07]**. Kết quả xin ý kiến đóng góp của các bên liên quan đối với dự thảo Kế hoạch chiến lược, trong đó có ý kiến đóng góp đối với dự thảo tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi đã được Ban chỉ đạo xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQB tổng hợp lại, trên cơ sở đó tiếp thu, chỉnh sửa, để điều chỉnh, bổ sung hoàn chỉnh Kế hoạch chiến lược phát triển Trường **[H1.01.04.08]**. Sau khi tiếp thu các ý kiến và thực hiện điều chỉnh, Ban soạn thảo tiếp tục xin ý kiến Đảng ủy, Hội đồng trường để hoàn thiện dự thảo và ban hành **[H1.01.01.01]**, **[H1.01.04.09]**. Sau khi ban hành Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2035, Nhà trường đã ra quyết định công bố tầm nhìn, sứ mạng rộng rãi trên nhiều kênh thông tin để viên chức, người lao động và sinh viên trong trường, xã hội nhận thức sâu sắc về chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của nhà trường **[H1.01.04.10]**.

Nhà trường đã tuyên bố và xác định sự phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và văn hóa, được thể hiện chi tiết thông qua Nghị quyết Hội nghị công chức, viên chức và người lao động trong từng năm học. Các đơn vị khoa, phòng, viện,

trung tâm và các tổ chức đoàn thể trong Trường tổ chức tổng kết năm học và xây dựng phương hướng, nhiệm vụ trong năm học tiếp theo đã đưa nội dung đánh giá đảm bảo chất lượng giáo dục và đề ra các giải pháp cụ thể cải tiến chất lượng giáo dục trên cơ sở mục tiêu chung, tầm nhìn, chiến lược phát triển của nhà trường [H1.01.04.11], [H1.01.04.12].

Hội đồng Trường, Hội đồng Khoa học và Đào tạo tổ chức các hội nghị đánh giá kết quả hoạt động, định hướng cho Nhà trường triển khai thực hiện nhiệm vụ cho phù hợp với mục tiêu và sứ mạng đã được xác định. Hội đồng Trường đã tổ chức lấy ý kiến các thành viên trong và ngoài nhà trường để điều chỉnh tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Trường Đại học Quảng Bình cho phù hợp với các chủ trương tin tưởng bộ máy hành chính của Đảng các cấp nhằm đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan [H1.01.04.13]. Kết luận phiên họp lần thứ 2 Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Quảng Bình đã có báo cáo về điều chỉnh các chỉ tiêu đào tạo, nghiên cứu khoa học cho chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện của trường đại học địa phương [H1.01.04.14].

Định kỳ Nhà trường luôn coi trọng công tác rà soát, bổ sung, điều chỉnh các chỉ tiêu phù hợp với tình hình thực tiễn và sứ mạng trong từng thời điểm. Nhà trường đã có báo cáo kết quả rà soát về tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi qua nghị quyết của Hội đồng Trường và được công bố rộng rãi trên trang quản lý văn bản của Trường [H1.01.04.15].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 1.5. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục cũng như quá trình xây dựng và phát triển chúng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Trường Đại học Quảng Bình được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của xã hội, của người học. Sứ mạng của Nhà trường được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và các nguồn lực của nhà trường và địa phương. Để có cơ sở rà soát, cải tiến tầm nhìn, sứ mạng,

Nhà trường đã thành lập bộ phận Tư vấn pháp luật và có viên chức làm công tác pháp chế để định kỳ rà soát văn bản quản lý, kế hoạch chiến lược của Nhà trường [H1.01.05.01]. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục hàng năm để tự đánh giá, rà soát các chỉ tiêu của tầm nhìn, sứ mạng [H1.01.05.02]. Đồng thời, trong kế hoạch tự đánh giá cơ sở giáo dục hàng năm, Nhà trường đã thành lập các nhóm chuyên trách để rà soát các tiêu chuẩn, tiêu chí đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định, các nhóm chuyên trách có nhiệm vụ tham mưu và đề xuất phương án cải tiến các tiêu chuẩn cho phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và điều kiện thực tiễn của Nhà Trường [H1.01.05.03]. Trong quá trình xây dựng, điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến rộng rãi của tất cả viên chức, người lao động và các bên liên quan [H1.01.05.04]. Để phù hợp với tình hình đào tạo theo hướng ứng dụng Nhà trường đã có Quyết định về Tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi cho phù hợp chiến lược phát triển Trường Đại học Quảng Bình giai đoạn 2021-2026 và tầm nhìn 2035 đồng thời yêu cầu các đơn vị, các tổ chức chính trị - xã hội phổ biến rộng rãi sứ mạng đến viên chức, người lao động và các bên liên quan [H1.01.05.05].

Quy trình xây dựng, rà soát và phát triển tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa được cải tiến ít nhất một lần trong 5 năm của chu kỳ đánh giá. Năm 2021, Nhà trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường đại học Quảng Bình. Trong đó đã xác định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong rà soát và phát triển tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi [H1.01.05.06]. Thực hiện công tác rà soát và điều chỉnh về các chỉ tiêu chiến lược Nhà trường đã xây dựng, ban hành chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn 2035, trong đó rà soát, sửa đổi các chỉ tiêu trong mục tiêu của nhà trường để phù hợp với thực tiễn và đảm bảo tính thực thi [H1.01.01.01]. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ trường Đại học Quảng Bình lần thứ III nhiệm kỳ 2020 – 2025 đã chủ trương điều chỉnh một số chỉ tiêu để phù hợp với công tác rà soát, sửa đổi bổ sung mục tiêu chiến lược, tầm nhìn và văn hóa của Nhà trường [H1.01.05.07]. Hội đồng Trường đã rà soát

và đưa ra Nghị quyết điều chỉnh một số mục tiêu chiến lược trong sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường, trong đó nêu rõ sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, về đội ngũ viên chức, người lao động cho phù hợp với thực tiễn [H1.01.05.08].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tự đánh giá chung về tiêu chuẩn 1:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Mục tiêu, sứ mạng và văn hóa được xác định rõ ràng, cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và các điều kiện của Nhà trường, của địa phương.
- Mục tiêu, sứ mạng và văn hóa được phổ biến cho các đơn vị, cá nhân để giữ gìn và phát triển giá trị văn hóa, giá trị cốt lõi, thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của Nhà trường.
- Mục tiêu, sứ mạng và văn hóa được công bố công khai và phổ biến rộng rãi qua nhiều kênh thông tin, làm cho toàn thể viên chức, người lao động, người học và xã hội nhận thức đầy đủ về Nhà trường.
- Công tác rà soát, sửa đổi mục tiêu, sứ mạng và giá trị cốt lõi luôn được coi trọng, nhằm đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan; được tuyên bố chính thức.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Mục tiêu, sứ mạng và văn hóa của Nhà trường chưa được phổ biến rộng rãi đến các cơ sở giáo dục đại học nước ngoài.
- Seminar với các bên liên quan về mục tiêu, sứ mạng và văn hóa chưa nhiều, chưa sâu rộng.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1.	Phát huy	Tăng cường tuyên truyền, định hướng sứ mạng, tầm	Hội đồng Trường, Hội	Hàng năm	

	điểm mạnh 1	nhìn, các giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược của Trường	đồng Khoa học và Đào tạo, Tổ Truyền thông tuyển sinh, các đơn vị		
2.	Phát huy điểm mạnh 2	Đẩy mạnh tuyển sinh; tổ chức các hoạt động văn hóa xã hội. Tham gia tốt các nhiệm vụ của tỉnh	Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, Công đoàn, Các đơn vị	Hàng năm	
3.	Phát huy điểm mạnh 3	Đa dạng hóa các kênh thông tin; Tổ chức chuyên đề về văn hóa học đường cho sinh viên	Các đơn vị; Các tổ chức đoàn thể	Hàng năm	
4.	Phát huy điểm mạnh 4	Định kỳ rà soát, sửa đổi mục tiêu, sứ mạng và giá trị cốt lõi có sự tham gia các bên liên quan	Hội đồng Trường; Phòng Tổ chức-Hành chính	Hàng năm	
5.	Khắc phục tồn tại 1	Tăng cường mở rộng hợp tác quốc tế về đào tạo và trao đổi học thuật, trao đổi sinh viên, giảng viên.	Phòng Tổ chức-Hành chính; Phòng Khoa học công nghệ và Đối ngoại tham mưu	Hàng năm	
6.	Khắc phục tồn tại 2	Tăng cường lấy ý kiến các bên liên quan về tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa. Tổ chức hội nghị, hội thảo trao đổi các	Phòng Tổ chức-Hành chính tham mưu	Từ 2024	

		vấn đề trọng tâm về mục tiêu, sứ mạng và văn hóa của Nhà trường. Đồng thời đưa ra định hướng, giải pháp sửa đổi bổ sung cho phù hợp			
--	--	---	--	--	--

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 1</i>	<i>4,60</i>
Tiêu chí 1.1	5
Tiêu chí 1.2	5
Tiêu chí 1.3	5
Tiêu chí 1.4	4
Tiêu chí 1.5	4

Tiêu chuẩn 2. Quản trị

Tiêu chí 2.1. Hệ thống quản trị (bao gồm hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn khác) được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể của CSGD; đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của CSGD

Hệ thống quản trị của Nhà trường bao gồm: Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, các đơn vị gồm: 06 khoa, 06 phòng, 01 trung tâm, 01 viện và các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Hội Chữ thập đỏ [H2.02.01.01], [H2.02.01.02], [H2.02.01.03], [H2.02.01.04]. Ngoài ra, để tham mưu, tư vấn giúp Nhà trường quyết định trong một số lĩnh vực, Hiệu trưởng quyết định thành lập các Hội đồng như: Hội đồng KH&ĐT, Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng biên tập Tạp chí

KH&CN, Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng xét tốt nghiệp...và các hội đồng khác; Các thành viên Hội đồng được cập nhật, bổ sung hàng năm để phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường. [H2.02.01.05]. Hệ thống quản trị của Nhà trường được xây dựng theo đúng quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học và được cụ thể hóa trong Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường [H2.02.01.06]. Căn cứ Điều lệ trường đại học, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình ký quyết định thành lập Hội đồng trường gồm 15 thành viên gồm Chủ tịch Hội đồng trường và các thành viên theo quy định của Điều lệ trường đại học [H2.02.01.07]. Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường được thành lập gồm 25 thành viên và kiện toàn thành viên hàng năm khi nhân sự có thay đổi [H2.02.01.08].

Đảng ủy Trường Đại học Quảng Bình là tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh (*nay là Đảng bộ UBND tỉnh*), được thành lập đến nay đã là khóa 3, thông qua quy chế làm việc của BCH Đảng bộ Trường ĐHQB để lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Đảng cấp trên và nhiệm vụ chính trị của Nhà trường [H2.02.01.09]. Ngay sau Đại hội, BCH Đảng bộ Trường đã ban hành chương trình công tác năm, công tác toàn khóa để thực hiện nghị quyết đại hội [H2.02.01.10]. Căn cứ chương trình hành động toàn khóa và yêu cầu công tác từng năm, Đảng ủy xây dựng kế hoạch và triển khai hội nghị công tác năm và các chương trình công tác toàn khóa [H2.02.01.11], [H2.02.01.12], [H2.02.01.13].

Các tổ chức Công đoàn, Đoàn TNCSHCM, Hội sinh viên của Nhà trường đều được thành lập theo quy định của pháp luật và hoạt động dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cơ quan quản lý cấp trên [H2.02.01.14].

Cùng với việc hình thành các đơn vị theo quy định, nhà trường đã ban hành hệ thống văn bản làm công cụ để điều hành, quản lý có hiệu quả các hoạt động của Trường như quy chế tổ chức và hoạt động và các quy định khác của Trường [H2.02.01.15], [H2.02.01.16]. Trong Quy chế tổ chức và hoạt động xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các đơn vị liên quan

trong Trường (HĐT, HT, PHT, các phòng, ban, khoa chức năng, bộ môn); quy định rõ trách nhiệm, quyền lợi của công chức, viên chức, người lao động và người học. Quy chế cũng quy định rõ chế độ làm việc của giảng viên, chế độ thanh tra, kiểm tra, khen thưởng kỷ luật...[H2.02.01.17], [H2.02.01.18]. Ngoài ra, Trường còn ban hành các quy định khác như: Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế tổ chức và hoạt động của bộ phận pháp chế; quy chế làm việc của BCH Công đoàn; quy chế thi đua, khen thưởng của Trường; quy định đánh giá, xếp loại viên chức và người lao động [H2.02.01.19], [H2.02.01.20], [H2.02.01.21], [H2.02.01.22], [H2.02.01.23]. Khi xây dựng các văn bản trên Nhà trường đều làm công văn gửi các đơn vị lấy ý kiến đóng góp và sau khi ban hành đều được phổ biến đến tất cả viên chức, người lao động trong toàn Trường thông qua hội nghị giao ban hàng tháng và được giới thiệu trên trang thông tin điện tử của Trường [H2.02.01.24], [H2.02.01.25], [H2.02.01.26].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 2.2. Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách hướng dẫn để triển khai thực hiện

Hệ thống quản trị của Nhà trường luôn kịp thời đưa ra các quyết định và được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, các văn bản thể chế và các văn bản hướng dẫn để triển khai thực hiện, cụ thể:

Hội đồng trường họp thường kỳ 1 năm hai lần, 6 tháng và cuối năm, ban hành nghị quyết để thực hiện nhiệm vụ đề ra trong năm về sắp xếp, cơ cấu bộ máy, tuyển sinh, đào tạo, nghiên cứu khoa học, rà soát các văn bản quản lý... [H2.02.02.01].

Cuối năm, Đảng ủy trường họp đánh giá, tổng kết công tác đảng và xây dựng phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp để lãnh đạo nhà trường, các chi bộ và tổ chức đoàn thể [H2.02.02.02]. Hằng tháng, Đảng ủy tổ chức hội nghị, thông qua nghị quyết công tác trọng tâm trong tháng lãnh đạo, chỉ đạo các chi bộ trực thuộc và các tổ chức đoàn thể [H2.02.02.03]. Cuối năm, Đảng ủy có

kế hoạch chỉ đạo các chi bộ tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của chi bộ và phân loại đảng viên cuối năm [H2.02.02.04].

Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy trường, Công đoàn trường tổ chức các hoạt động công đoàn thông qua nghị quyết, chương trình và kế hoạch [H2.02.02.05]. Công đoàn thực hiện tốt chức năng đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và chính đáng của người lao động, phối hợp với nhà trường tổ chức Hội nghị công chức, VC và người lao động, tạo điều kiện cho VC và người lao động đóng góp ý kiến cho báo cáo tổng kết năm học cũng như việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động [H2.02.02.06]. Công đoàn chỉ đạo Ban Thanh tra nhân dân thực hiện tốt vai trò giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ, nghị quyết hội nghị công chức, VC, người lao động và việc thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà trường [H2.02.02.07]. Hàng năm, để đánh giá hiệu quả việc thực hiện quy chế dân chủ, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ đối với toàn thể CBQL, GV, NV của Trường được biết [H1.02.02.08], [H1.02.02.09].

Đoàn thanh niên, Hội sinh viên đều có chương trình công tác theo năm và ban hành các kế hoạch công tác từng tháng, công tác chuyên đề, các hướng dẫn triển khai công tác chuyên môn [H1.02.02.10], [H1.02.02.11].

Các hội đồng tư vấn: Hội đồng khoa học và đào tạo, Hội đồng đảm bảo chất lượng giáo dục, Hội đồng nâng lương trước thời hạn, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng đánh giá, phân loại... họp định kỳ và họp thường xuyên khi có nhu cầu. Các cuộc họp đều được ghi biên bản, thông báo các kết luận và các kết luận được kiến nghị lên Hiệu trưởng xem xét chỉ đạo triển khai, sau đó mới ban hành quyết định phê duyệt kết quả [H1.02.02.12], [H1.02.02.13], [H1.02.02.14], [H1.02.02.15].

Tóm lại, các quyết định của cơ quan quản trị đã được truyền tải vào kế hoạch hành động, chính sách và văn bản hướng dẫn để đảm bảo hiệu quả quản trị về mặt tổ chức cũng như các hoạt động giáo dục trong Trường; duy trì hệ thống quản trị vận hành hợp pháp, thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 2.3. Hệ thống quản trị của cơ sở giáo dục được rà soát thường xuyên

Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số 1582/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình gồm 15 thành viên do đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình làm Chủ tịch và các thành phần khác theo quy định của Điều lệ trường ĐH, sau thời gian hoạt động, vì lý do khách quan Hội đồng trường có sự thay đổi về nhân sự để phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường [H2.02.03.01]. Hội đồng trường hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động do Chủ tịch Hội đồng trường phê duyệt, ban hành [H2.02.03.02]. Hàng năm, Hội đồng trường tổ chức hội nghị và có báo cáo giám sát hoạt động của Trường, đánh giá những vấn đề còn hạn chế, cơ hội và thách thức mới để làm căn cứ đưa ra các quyết định phù hợp, sau hội nghị Nghị quyết được ban hành để triển khai thực hiện [H2.02.03.03].

Đảng ủy Trường nhiệm kỳ 2020-2025 đã ban hành quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ các đảng ủy viên và thành lập các ban giúp việc [H2.02.03.04], [H2.02.03.05].

Căn cứ quy chế làm việc của Đảng ủy Trường [H2.02.03.06], Đảng ủy xây dựng Chương trình kiểm tra, giám sát, Kế hoạch kiểm tra, giám sát theo nhiệm kỳ, giữa nhiệm kỳ và theo từng năm [H2.02.03.07]. Đây cũng là dịp để Đảng ủy rà soát lại các công tác mà mỗi đảng ủy viên và toàn Đảng ủy đã chỉ đạo triển khai. Đảng ủy cũng ban hành quy chế làm việc của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Trường Đại học Quảng Bình [H2.02.03.08].

Định kỳ hàng năm, Đảng ủy Trường xây dựng kế hoạch, có báo cáo tổng kết, kiểm điểm, đánh giá đối với tập thể và đánh giá đối với các đảng ủy viên từ đó có những điều chỉnh, phân công lại nhiệm vụ các đảng ủy viên [H2.02.03.09]. Tiêu chí để kiểm điểm, đánh giá Ban thường vụ đảng ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ, các đảng ủy viên được thực hiện theo văn bản hướng dẫn của cấp trên [H2.02.03.10].

Năm thứ 2 của nhiệm kỳ, Đảng ủy đã xây dựng kế hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch nhân sự BCH Đảng bộ [H2.02.03.11]. Căn cứ kế hoạch đã xây dựng, hàng năm, Đảng ủy trường rà soát, bổ sung nhân sự đảng ủy viên để phù hợp với yêu cầu công tác thực tế và biến động về nhân sự đảng ủy viên và thay thế đảng ủy viên khi đảng ủy viên chuyển công tác hoặc khi nghỉ hưu [H2.02.03.12].

Công đoàn, Đoàn thanh niên CSHCM và HSV có quy chế làm việc và được rà soát, cập nhật, bổ sung khi có văn bản hướng dẫn của ngành dọc cấp trên và tình hình thực tế [H2.02.03.13]. Ban chấp hành các tổ chức trên được điều chỉnh, bổ sung nhân sự kịp thời để đảm bảo yêu cầu triển khai công tác [H2.02.03.14]. Các chương trình, kế hoạch công tác của Đảng, Đoàn thanh niên CSHCM, Công đoàn, HSV cũng được rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với các cuộc phát động từ cấp trên và phong trào hoạt động thực tế của Trường [H2.02.03.15]. Các tổ chức Đảng, đoàn thể trong Trường đều được các đơn vị cấp trên đánh giá cao và đã nhận được các phần thưởng, danh hiệu tương xứng [H2.02.03.16].

Hệ thống văn bản quản lý được rà soát khi có văn bản của cấp trên mới ban hành hoặc có các ý kiến phản hồi từ các bộ phận chức năng trong quá trình thực hiện qua các kỳ kiểm định chất lượng hoặc tại buổi tổng kết công tác năm có nội dung góp ý về các văn bản quản lý, điều hành. Nội dung rà soát đó là Quyết định quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Trường; các quy chế, quy định về các lĩnh vực như: công tác đánh giá, phân loại; quy định thời giờ làm việc, nghỉ ngơi; quy chế chi tiêu nội bộ; thi đua, khen thưởng... [H2.02.01.24].

Hội đồng Khoa học và Đào tạo họp định kỳ 2 lần/năm và đột xuất khi có yêu cầu, tư vấn cho Hiệu trưởng về các lĩnh vực đào tạo, mở ngành, hoạt động khoa học và công nghệ, phát triển giảng viên [H2.02.03.17]. Các hội đồng tư vấn khác như Hội đồng đảm bảo chất lượng giáo dục, Hội đồng lương, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng đánh giá, phân loại... thường xuyên được rà soát, kiện toàn nhằm đáp ứng tốt yêu cầu tư vấn cho Hiệu trưởng trong các mảng

công tác của Trường [H2.02.01.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 2.4. Hệ thống quản trị của cơ sở giáo dục được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục và quản lý rủi ro tốt hơn

Hệ thống quản trị của Trường sau khi được rà soát thì được xem xét tiến hành cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các đơn vị, Nhà trường tiến hành sắp xếp lại bộ máy tổ chức, nhân sự cho phù hợp [H2.02.04.01]. Ví dụ năm học 2019-2020: Thành lập đơn vị mới trên cơ sở sát nhập 02 đơn vị (sát nhập khoa Khoa học xã hội và khoa Khoa học tự nhiên thành khoa Khoa học cơ bản, sát nhập Khoa SP Tiểu học – Mầm non và Khoa Âm nhạc – Mỹ thuật thành Khoa Sư phạm), đổi tên Khoa Lý luận chính trị thành Khoa Luật... [H2.02.04.02]. Tương ứng với những thay đổi về cơ cấu tổ chức của bộ máy, đội ngũ CBQL cũng được rà soát và bổ nhiệm mới hoặc bổ nhiệm lại hoặc phân công trách nhiệm lại cho hợp lý [H2.02.04.03], [H2.02.04.04], [H2.02.04.05].

Để nâng cao năng lực quản trị Nhà trường, các thành viên của Đảng ủy, Hội đồng trường, Công đoàn, Đoàn Thanh niên CSHCM và Hội sinh viên đã thường xuyên tham dự các đợt bồi dưỡng, tập huấn theo kế hoạch của Trường và của cấp trên [H2.02.04.06]. Ngoài ra, Trường còn tổ chức để các thành viên này đi tham quan thực tế, học tập kinh nghiệm ở một số cơ quan, đơn vị [H2.02.04.07]. Nhờ rút kinh nghiệm từ các đợt học tập, bồi dưỡng trên, hiệu quả hoạt động của các tổ chức quản trị của Nhà trường được nâng cao rõ rệt đặc biệt là cách thức xây dựng kế hoạch, hoạch định chiến lược, cách thức giám sát, điều chỉnh, bổ sung kịp thời về thể chế chính sách tạo sự phù hợp ngày càng cao trong các hoạt động của Nhà trường với điều kiện thực tiễn [H2.02.04.08].

Hệ thống văn bản quản lý do được rà soát nên đã có những điều chỉnh, cải tiến. Kết quả là Quy chế tổ chức và hoạt động được ban hành năm 2015 và được điều chỉnh, thay thế vào năm 2021, Quy chế đánh giá, phân loại công chức, viên chức, lao động hợp đồng ban hành năm 2016, sửa đổi bổ sung năm 2022, Quy

định nhiệm vụ và quyền hạn của trưởng khoa, phó trưởng khoa, trưởng bộ môn và phó trưởng bộ môn ban hành năm 2015, được điều chỉnh năm 2017, Quy định thời giờ nghỉ ngơi, nghỉ việc riêng của công chức, viên chức và người lao động ban hành năm 2012, được điều chỉnh năm 2014, 2024, Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành năm 2017 được điều chỉnh một số nội dung 2022, Quy chế thi đua, khen thưởng ban hành năm 2016, được sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2025 [H2.02.04.09], [H2.02.04.10], [H2.02.04.11], [H2.02.04.12], [H2.02.04.13], [H2.02.04.14].

Do hệ thống quản trị của Trường thường xuyên được rà soát kịp thời, sửa đổi, bổ sung, cải tiến nên đã hạn chế được các rủi ro xảy ra.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 2

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Cơ cấu tổ chức của trường gồm Hội đồng trường, các tổ chức đảng, đoàn thể, các hội đồng tư vấn được thành lập tuân thủ đúng quy định của Chính phủ, Bộ GD&ĐT, của tỉnh và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, chiến lược phát triển của nhà trường. Hệ thống văn bản quản lý của nhà trường được lấy ý kiến rộng rãi trong toàn trường trước khi ban hành.

- Hệ thống quản trị (bao gồm Hội đồng trường; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn khác) được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể của Nhà trường; đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của Nhà trường.

- Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện. Hệ thống quản trị của Nhà trường được đảm bảo dựa trên các công cụ quản lý có hiệu quả và được thể hiện thông qua hệ thống văn bản quản lý điều hành nội bộ đầy đủ và chi tiết, trong đó quan trọng nhất là quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, quy chế

hoạt động của Hội đồng trường, Quy chế hực hiện dân chủ cơ sở, quy chế làm việc của tổ chức đảng và các tổ chức đoàn thể.

- Hệ thống quản trị của Nhà trường được rà soát thường xuyên. Hệ thống quản trị nhà trường được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục và quản lý rủi ro tốt hơn.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Một số nghị quyết và chỉ đạo của Đảng ủy, Hội đồng trường chưa được giám sát đầy đủ, kịp thời, sâu sát trong quá trình thực hiện.

- Một số văn bản trong quản trị Nhà trường thực hiện chưa kịp thời, việc đánh giá, điều chỉnh, bổ sung các văn bản trong hệ thống quản trị Nhà trường chưa được thực hiện khoa học, kịp thời.

- Nhiều hoạt động trong kế hoạch của Đảng bộ, Công đoàn và Đoàn thanh niên chịu ảnh hưởng trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 trong hai năm 2020 và 2021.

- Chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ CBVC, NLĐ chưa được cải thiện nên chưa kích thích nhiều trong công việc.

3. Kế hoạch cải tiến

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng chính sách thu hút để giữ chân nguồn nhân lực.	Phòng TC-HC, phòng KH-TC	Hàng năm	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 2</i>	<i>5,00</i>
Tiêu chí 2.1	5/7
Tiêu chí 2.2	5/7
Tiêu chí 2.3	5/7
Tiêu chí 2.4	5/7

Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý

Tiêu chí 3.1. Lãnh đạo cơ sở giáo dục thiết lập cơ cấu quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Trường Đại học Quảng Bình được thành lập trên cơ sở Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Bình (Quyết định số 237/2006/QĐ-TTg ngày 24/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ) [H3.03.01.01]. Sau khi thành lập, Trường đã đảm bảo các yêu cầu về cơ cấu lãnh đạo, quản lý theo quy định, phù hợp với các điều kiện, quy mô của Nhà trường. Qua 18 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Quảng Bình đã có những sự thay đổi về cơ cấu quản lý để phù hợp với Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học; với tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa, mục tiêu chiến lược; với tình hình thực tiễn của xã hội và Nhà trường, theo đó cơ cấu quản lý của Trường được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Quảng Bình ban hành vào các năm 2011, năm 2013, năm 2015 và năm 2021 [H3.03.01.02].

Hệ thống tổ chức quản lý của Trường được thực hiện theo nguyên tắc tập trung dân chủ, trong đó Hội đồng trường quyết định phương hướng hoạt động của Nhà trường, Đảng ủy lãnh đạo toàn diện và tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Trường đã xây dựng hệ thống văn bản quy định vai trò, trách nhiệm, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý.

Hội đồng trường Trường Đại học Quảng Bình được thành lập theo các nhiệm kỳ 2011-2016, 2016-2021 và 2020-2025 và hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường nhiệm kỳ 2011-2016, nhiệm kỳ 2016-2021 và nhiệm kỳ 2020-2025 [H3.03.01.03], [H3.03.01.04].

Về hoạt động Đảng ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ Trường đã ban hành Quy chế làm việc của Đảng ủy Trường nhiệm kỳ 2020-2025, Phân công công tác trong Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ Trường ĐHQB nhiệm kỳ 2020-2025 và được sửa đổi, bổ sung lần 3 năm 2022 và Chương trình công tác toàn

khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ Trường ĐHQB nhiệm kỳ 2020-2025 **[H3.03.01.05], [H3.03.01.06], [H3.03.01.07]**.

Về hoạt động của Ban Giám hiệu, nhiệm vụ các thành viên trong Ban Giám hiệu được phân công rõ tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và Phân công nhiệm vụ trong Ban Giám hiệu năm 2020 và được sửa đổi sau khi tinh gọn bộ máy năm 2024 **[H3.03.01.08]**.

Cơ cấu tổ chức, quản lý của Trường Đại học Quảng Bình theo Quy chế tổ chức và hoạt động Trường năm 2021 bao gồm: Hội đồng trường; Ban Giám hiệu (gồm 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng); Hội đồng Khoa học và Đào tạo; 18 đơn vị thuộc Trường (07 Phòng chức năng; 08 Khoa, Viện; 03 Trung tâm) và các tổ chức Đảng, Công đoàn cơ sở, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, chi hội di sản văn hóa Việt Nam Trường **[H3.03.01.09]**. Trên cơ sở các Chiến lược phát triển của Nhà trường; căn cứ vào các đề án, nghị quyết của Hội đồng trường để thành lập các đơn vị như Trung tâm Đào tạo thường xuyên; Khoa Khoa học cơ bản, Khoa Sư phạm, bộ môn Khoa học xã hội, bộ môn Khoa học tự nhiên, bộ môn Nghệ thuật; Viện Nông nghiệp và Môi trường; Phòng Quản lý đầu tư; Phòng Kế hoạch, Tài chính và Quản lý đầu tư **[H3.03.01.10], [H3.03.01.11], [H3.03.01.12], [H3.03.01.13], [H3.03.01.14], [H3.03.01.15], [H3.03.01.16], [H3.03.01.17], [H3.03.01.18]**. Năm 2024, để sắp xếp, tổ chức lại bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu quả, cơ cấu tổ chức Trường thay đổi tại Đề án sắp xếp, tổ chức lại các khoa, phòng và tương đương thuộc Trường Đại học Quảng Bình và được UBND phê duyệt **[H3.03.01.19], [H3.03.01.20]**. Sau khi tổ chức lại, giải thể, thì số lượng các khoa, phòng và tương đương thuộc Trường, giảm 04 đơn vị, còn **14 đơn vị** (06 Phòng chức năng; 06 Khoa, 01 Viện; 01 Trung tâm) **[H3.03.01.21]**.

Các đơn vị, tổ chức đoàn thể thuộc Trường có cơ cấu quản lý rõ ràng với chức năng, nhiệm vụ chung quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Đại học Quảng Bình và quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ các đơn vị, tổ chức đoàn thể ở các văn bản **[H3.03.01.22]**. Năm 2024, sau khi sắp xếp, tổ chức

lại đã ban hành các quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị cho phù hợp tại Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chức năng thuộc Trường Đại học Quảng Bình; Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học và Đào tạo Trường Đại học Quảng Bình **[H3.03.01.23]**, **[H3.03.01.24]**.

Trong Trường Đại học Quảng Bình, Hiệu trưởng có vai trò điều hành chung và các Phó Hiệu trưởng được phân công phụ trách các mảng công tác tại thông báo về phân công nhiệm vụ trong Ban Giám hiệu và được xem xét và điều chỉnh thường xuyên cho phù hợp thực tế **[H3.03.01.25]**. Ngoài ra, để tham mưu, tư vấn giúp Hiệu trưởng quyết định một số lĩnh vực, Hiệu trưởng quyết định thành lập các hội đồng tư vấn, giúp việc như: Hội đồng tuyển sinh hệ chính quy; Hội đồng thi đua, khen thưởng; Hội đồng xét nâng lương trước hạn; Hội đồng xác định danh mục đề tài NCKH cấp cơ sở; Hội đồng xét đền bù chi phí đào tạo...**[H3.03.01.26]**. Trực tiếp tham mưu, giúp việc cho Ban Giám hiệu là Trường, Phó các phòng, khoa, trung tâm, viện với chức năng, nhiệm vụ được quy định rõ ràng trong Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chức năng năm 2022, được thay thế năm 2024 và Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trường khoa, Phó Trường khoa, Trưởng bộ môn, Phó Trưởng bộ môn **[H3.03.01.27]**, **[H3.03.01.28]**. Đối với giảng viên, Nhà trường ban hành quy định, định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên tại Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên Trường Đại học Quảng Bình và sửa đổi một số điều năm 2022 **[H3.03.01.29]**. Ngoài ra, Nhà trường xác định vị trí việc làm ở 3 vị trí (gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành, gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp, gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ), số lượng người làm việc và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp tại Đề án vị trí việc làm trong Trường Đại học Quảng Bình **[H3.03.01.30]**.

Về chế độ thông tin, báo cáo, Nhà trường đã ban hành Nội quy tiếp công dân để tiếp nhận những kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo đồng thời duy trì

thường xuyên chế độ họp giao ban hàng tuần trong Lãnh đạo Trường Hội nghị giao ban hàng tháng để đảm bảo chế độ thông tin, báo cáo trong BGH; giữa BGH với các đơn vị, đoàn thể trong Nhà trường [H3.03.01.31], [H3.03.01.32], [H3.03.01.33]. Trường đã xây dựng quy định cụ thể cơ chế phối hợp công tác, chế độ thông tin, báo cáo giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý tại quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và trong Quy chế làm việc của Trường Đại học Quảng Bình [H3.03.01.34].

Như vậy, Trường Đại học Quảng Bình đã thiết lập cơ cấu quản lý được phân định rõ vai trò, trách nhiệm; chế độ thông tin, báo cáo để tổ chức triển khai nhiệm vụ đảm bảo các mục tiêu chiến lược, tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 3.2. Lãnh đạo cơ sở giáo dục tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Trong Phân công nhiệm vụ trong Ban Giám hiệu hằng năm Nhà trường yêu cầu các thành viên trong Ban Giám hiệu phải là nhân tố tích cực, đi đầu trong việc thông tin, kết nối các bên liên quan nhằm định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường [H3.03.01.25]. Sau khi ban hành quyết định công bố sứ mạng, tầm nhìn, văn hóa và các mục tiêu chiến lược vào năm 2015, 2016 Trường đã ban hành kế hoạch công khai sứ mạng, tầm nhìn [H3.03.02.01], [H3.03.02.02], [H3.03.02.03]. Năm 2022, Trường rà soát, điều chỉnh tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược tại Chiến lược phát triển Trường ĐHQB giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2035, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Quảng Bình năm 2021 và tiến hành công bố sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Trường [H3.03.01.11], [H3.03.02.04], [H3.03.02.05].

Lãnh đạo Nhà trường đã chỉ đạo phổ biến, tuyên truyền sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi đến toàn thể viên chức, người lao động, người học cũng như các bên liên quan thông qua nhiều hình thức đa dạng như công khai trên website

<http://qbu.edu.vn> của Trường đăng tải trên fanpage của Trường, trên các tờ rơi, brochure và in thành poster treo ở vị trí trong Trường **[H3.03.02.06]**, **[H3.03.02.07]**, **[H3.03.02.08]**. Hằng năm, Nhà trường đều xây dựng Đề án tuyển sinh trong đó lồng ghép nội dung truyền thông về sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, giá trị cốt lõi của Trường **[H3.03.02.09]**.

Để tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược, trong cuộc họp giao ban đầu năm, Lãnh đạo Nhà trường đã chỉ đạo các đơn vị lồng ghép nội dung tầm nhìn sứ mạng, giá trị cốt lõi vào trong việc xây dựng kế hoạch năm học và tổ chức Hội nghị công chức, viên chức, người lao động cấp khoa, phòng, viện, trung tâm và cấp Trường **[H3.03.02.10]**. Trong Lễ khai giảng năm học mới và Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên, Lãnh đạo Nhà trường cũng giúp người học hiểu và ý thức được sứ mạng, tầm nhìn, các giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược qua việc giao nhiệm vụ cụ thể cho năm học mới và đưa thành nội dung học tập tại đợt sinh hoạt công dân đầu năm, đầu khóa trong Sổ tay sinh viên **[H3.03.02.11]**, **[H3.03.02.12]**, **[H3.03.02.13]**.

Ngoài ra, trong nội dung các bài phát biểu tại các hội nghị, hội thảo trong, ngoài nước và các bài trả lời phỏng vấn trên truyền hình hay của các cơ quan thông tấn báo chí, Lãnh đạo Trường đã chú trọng giới thiệu hoặc lồng ghép để tuyên truyền, thông tin, kết nối về tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường **[H3.03.02.14]**. Nhà trường tiếp tục tuyên truyền và phổ biến rộng rãi sứ mạng của Trường đến các đối tượng có liên quan ngoài Trường bằng các hình thức như: các bài viết đăng trên các trang báo chí của địa phương, báo địa phương và các trang mạng xã hội các hoạt động truyền thông tuyển sinh tổng kết hoạt động năm học và phương hướng, nhiệm vụ năm học mới **[H3.03.02.15]**, **[H3.03.02.16]**, **[H3.03.02.17]**.

Đối với các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, Nhà trường thực hiện việc tuyên truyền sứ mạng, tầm nhìn, văn hóa và các mục tiêu chiến lược thông qua các hoạt động như ký kết hợp tác, các buổi làm việc ... **[H3.03.02.18]**. Đối với

cộng đồng, xã hội, Nhà trường giao Phòng Đào tạo, Trung tâm Đào tạo thường xuyên thông qua các hoạt động tư vấn, truyền thông tuyển sinh để quảng bá hình ảnh Nhà trường trong đó chú trọng việc tuyên truyền sứ mạng, tầm nhìn, văn hóa và các mục tiêu chiến lược, đặc biệt là đối tượng phụ huynh, học sinh tốt nghiệp THPT và LHS Lào tại Kế hoạch tuyển sinh [H3.03.02.19].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 3.3. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được rà soát thường xuyên

Cơ cấu lãnh đạo, quản lý được Nhà trường tiến hành rà soát thường xuyên nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ và tình hình thực tế. Trường đã hoàn thành thủ tục thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025 theo quy định tại Luật Giáo dục đại học sửa đổi và được UBND tỉnh quyết định công nhận [H3.03.03.01], [H3.03.03.02], [H3.03.03.03].

Sau khi thành lập, Hội đồng trường đã thực hiện kiện toàn cơ cấu, bộ máy [H3.03.03.04], [H3.03.03.05], [H3.03.03.06]. Năm 2022, do sự thay đổi về nhân sự Hội đồng trường, Hội đồng trường đã thực hiện các thủ tục đảm bảo các thành phần trong Hội đồng trường trong năm 2022,2024 [H3.03.03.07], [H3.03.03.08]. Đối với Ban Giám hiệu, trong giai đoạn 2017-2022, Nhà trường thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự đề nghị bổ nhiệm mới 02 Phó Hiệu trưởng (năm 2018), bổ nhiệm mới 01 Hiệu trưởng (năm 2021) và bổ nhiệm mới 01 Phó Hiệu trưởng (năm 2022) [H3.03.03.09], [H3.03.03.10], [H3.03.03.11], [H3.03.03.12], [H3.03.03.13], [H3.03.03.14]. Cũng trong năm 2021, Trường được tiếp nhận 01 Phó Hiệu trưởng theo sự điều động, bổ nhiệm của tỉnh [H3.03.03.15].

Nhà trường thường xuyên thực hiện kiểm tra, rà soát văn bản do Trường Đại học Quảng Bình ban hành. Năm 2019 và năm 2023 đã thực hiện rà soát các quy định, quy chế và công bố kết quả rà soát các văn bản gửi các đơn vị [H3.03.03.16], [H3.03.03.17]. Ngoài ra, dự thảo các văn bản (Quy chế, Quy

định, Nội quy) đều được gửi đến các đơn vị tổ chức góp ý và gửi viên chức phụ trách công tác pháp chế thẩm định trước khi ban hành **[H3.03.03.18]**.

Tại Đề án vị trí việc làm của Trường năm 2018, năm 2024, Bản mô tả và khung năng lực của từng vị trí việc làm đã xác định yêu cầu, nhiệm vụ, quyền hạn của Lãnh đạo trường, Lãnh đạo đơn vị cho phù hợp **[H3.03.01.30]**, **[H3.03.03.19]**. Trong giai đoạn đánh giá, đã có sự thay đổi về nhân sự hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, Trường đều có sự thay đổi trong phân công nhiệm vụ BGH **[H3.03.01.25]**. Trong năm 2021, Nhà trường thành lập Ban xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Đại học Quảng Bình triển khai xây dựng dự thảo và lấy ý kiến góp ý của các đơn vị để ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Đại học Quảng Bình vào năm 2021 **[H3.03.03.20]**, **[H3.03.03.21]**, **[H3.03.03.22]**. Song song với rà soát cơ cấu quản lý, trong giai đoạn đánh giá, Lãnh đạo Trường chỉ đạo các đơn vị rà soát, chức năng, nhiệm vụ ở Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chức năng thuộc Trường Đại học Quảng Bình năm 2022 **[H3.03.03.23]**. Trên cơ sở đó, phòng Tổ chức-Hành chính tổng hợp, tham mưu về việc tổ chức, sắp xếp lại các đơn vị tinh gọn, hiệu quả, hợp lý tại Đề án sắp xếp, tổ chức lại, đổi tên các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và Trung tâm Đào tạo thường xuyên thuộc Trường ĐHQB **[H3.03.03.24]**. Nhà trường yêu cầu các đơn vị thành lập, tổ chức lại thực hiện rà soát, bổ sung chức năng, nhiệm vụ và ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ các phòng chức năng thuộc Trường ĐHQB năm 2024 **[H3.03.03.25]**, **[H3.03.01.26]**.

Việc rà soát cơ cấu lãnh đạo, quản lý của Nhà trường được thực hiện thường xuyên. Hội đồng trường đã thực hiện đúng chức năng của mình, định kỳ 3 tháng tổ chức các phiên hội nghị và ban hành các nghị quyết, trong đó quyết nghị về công tác quản trị chiến lược **[H3.03.03.25]**. Ngoài ra, trong Báo cáo tổng kết năm học được trình bày tại Hội nghị công chức, viên chức năm học, Nhà trường đã đánh giá tình hình và đề ra nhiệm vụ về cơ cấu tổ chức, bộ máy từng năm học **[H3.03.03.27]**. Hằng tháng, Đảng bộ Trường tổ chức hội nghị định kỳ, ban hành các Nghị quyết lãnh đạo công tác tháng; sau đó, Trường tổ

chức Hội nghị giao ban công tác tháng giữa Ban Giám hiệu và Trưởng các đơn vị, sau 3 tháng tổ chức hội nghị giao ban mở rộng đến Trưởng, phó các bộ môn thuộc khoa, viện **[H3.03.03.28], [H3.03.03.29]**. Hằng tuần, Lãnh đạo Trường tổ chức họp giao ban để có các chỉ đạo kịp thời về công tác cán bộ **[H3.03.03.30]**.

Nhà trường đã ban hành Quy định đánh giá và xếp loại chất lượng viên chức, lao động hợp đồng Trường Đại học Quảng Bình làm quản lý, sử dụng viên chức, lao động hợp đồng **[H3.03.03.31]**. Hàng năm, viên chức quản lý thực hiện theo mẫu Phiếu đánh giá và xếp loại chất lượng **[H3.03.03.32]**. Đối với Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng, Nhà trường thực hiện đánh giá, nhận xét tại cuộc họp cán bộ chủ chốt, Đảng ủy có ý kiến nhận xét bằng văn bản, Trường gửi Tờ trình đề nghị BTV Tỉnh ủy xem xét, quyết định **[H3.03.03.33], [H3.03.03.34]**. Đối với viên chức quản lý thực hiện đánh giá, nhận xét tại Hội nghị viên chức, người lao động cấp đơn vị được Lãnh đạo Trường nhận xét và phê duyệt **[H3.03.03.35]**. Hồ sơ sau Hội nghị nộp về Nhà trường, kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức quản lý được thông báo và công khai trên trang web Nhà trường **[H3.03.03.36], [H3.03.03.37], [H3.03.03.38]**. Kết quả đánh giá, xếp loại hàng năm đối với viên chức quản lý xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao và là cơ sở cho việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại viên chức quản lý **[H3.03.03.39]**. Ngoài ra, Trường còn thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng để xét chọn và đề nghị các danh hiệu thi đua, khen thưởng đối với viên chức quản lý hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong từng năm học **[H3.03.03.40]**.

Nhằm đảm bảo đội ngũ cán bộ quản lý luôn có tính kế thừa, tạo động lực cho sự phấn đấu góp phần thực hiện mục tiêu chiến lược. Nhà trường đã thực hiện quy trình rà soát và phê duyệt bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý diện Lãnh đạo Trường quản lý, thời kỳ 2015-2020, vào năm 2017, năm 2018 **[H3.03.03.41], [H3.03.03.42]**. Trong giai đoạn mới 2021-2026 và 2026-2031, Trường đã triển khai rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý hằng năm như Kế hoạch triển khai thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ

lãnh đạo quản lý thời kỳ 2015-2020 và thời kỳ 2020-2025 năm 2019, Kế hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý thời kỳ 2020-2025 (định kỳ năm 2021), Kế hoạch triển khai công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp năm 2022, Kế hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2021-2026 và quy hoạch nhiệm kỳ 2026-2031, định kỳ năm 2023, Kế hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2021-2026 và nhiệm kỳ 2026-2031, định kỳ năm 2024 [H3.03.03.43], [H3.03.03.44], [H3.03.03.45], [H3.03.03.46], [H3.03.03.47].

Căn cứ kết quả phê duyệt rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý diện Tập thể Lãnh đạo Trường quản lý, hằng năm Nhà trường thực hiện quy trình bổ nhiệm viên chức lãnh đạo và quản lý nhằm bổ sung đội ngũ cán bộ quản lý trẻ, có trình độ, có triển vọng, có tính kế thừa [H3.03.03.48], [H3.03.03.49].

Năm 2024, thực hiện Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập và các kiến nghị của Bộ Nội vụ, UBND tỉnh và Sở Nội vụ về tổ chức, sắp xếp bộ máy tại Hội đồng trường đã thông qua Đề án sắp xếp, tổ chức lại các khoa, phòng và tương đương thuộc Trường Đại học Quảng Bình để trình Sở Nội vụ và UBND tỉnh thẩm định, phê duyệt [H3.03.03.50] [H3.03.03.51], [H3.03.03.52], [H3.03.03.53], [H3.03.03.54] [H3.03.03.55]. Trên cơ sở đó, Trường thực hiện sắp xếp, bố trí nhân sự sau khi tổ chức lại, giải thể theo kế hoạch [H3.03.03.56].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 3.4. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được cải tiến nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc của cơ sở giáo dục như mong muốn

Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của Trường được cải tiến, đổi mới nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc như mong muốn. Trong Đảng ủy, nhân sự BCH nhiệm kỳ 2015-2020 từ 13 người đã tăng số lượng lên 15

người trong nhiệm kỳ 2020-2025 nhằm đảm bảo cơ cấu hợp lý về độ tuổi, tỷ lệ nam nữ **[H3.03.04.01]**, **[H3.03.04.02]**. Trong Quy chế làm việc của BCH Đảng bộ nhiệm kỳ 2020-2025 đã bổ sung quy định các quan hệ công tác giữa Đảng ủy với Hội đồng trường, với Ban Giám hiệu và các tổ chức đoàn thể cải tiến hơn so với Quy chế nhiệm kỳ cũ **[H3.03.01.05]**, **[H3.03.04.03]**. Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025 đã kịp thời đề nghị bổ sung thành viên bị khuyết; cử tạm thời kiêm nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng trường năm 2023, 2024; thực hiện kiện toàn nhân sự Hội đồng trường theo quy định **[H3.03.04.04]**, **[H3.03.04.05]**, **[H3.03.04.06]**. Đối với cơ cấu Ban Giám hiệu, khi có sự thay đổi nhân sự do nghỉ hưu (02 Phó Hiệu trưởng) chuyển công tác (01 Phó Hiệu trưởng), Nhà trường đã có sự bổ sung kịp thời để đảm bảo cơ cấu **[H3.03.03.14]**, **[H3.03.03.15]**.

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, các Nghị quyết của Hội đồng trường, Nhà trường đã tổ chức rà soát các đơn vị thuộc Trường để liên tục cải tiến, đảm bảo cơ cấu quản lý tinh gọn, hiệu quả. Năm 2018, thành lập Trung tâm Đào tạo thường xuyên trên cơ sở Khoa Giáo dục thường xuyên (năm 2018) **[H3.03.04.07]**, **[H3.03.04.08]**. Năm 2019, để phù hợp với tình hình thực tế, theo rà soát **[H3.03.04.09]**, Nhà trường đã tiến hành sáp nhập, đổi tên một số đơn vị, bộ môn cho phù hợp như sau: Thành lập Khoa Khoa học cơ bản trên cơ sở sáp nhập Khoa Tự nhiên xã hội và Khoa Khoa học xã hội **[H3.03.04.10]**, thành lập Khoa Sư phạm trên cơ sở sáp nhập Khoa SP Tiểu học - Mầm non và Khoa Âm nhạc - Mỹ thuật, đổi tên Khoa Lý luận chính trị, thành lập Bộ môn Khoa học xã hội trên cơ sở sáp nhập các bộ môn: Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý, Bộ môn Khoa học tự nhiên trên cơ sở sáp nhập các bộ môn: Toán, Vật lý và Hóa học, Bộ môn Nghệ thuật trên cơ sở sáp nhập các bộ môn: Âm nhạc và Mỹ thuật, đổi tên Bộ môn Cơ sở ngành thành Tâm lý giáo dục **[H3.03.04.09]**, **[H3.03.04.10]**, **[H3.03.04.11]**, **[H3.03.04.12]**, **[H3.03.04.13]**, **[H3.03.04.14]**, **[H3.03.04.15]**, **[H3.03.04.16]**. Cũng trong năm 2019, căn cứ Nghị quyết Hội đồng trường Trường thực hiện các thủ tục để thành lập Viện Nông nghiệp và

Môi trường trên cơ sở hợp nhất Khoa Nông-Lâm-Ngư và Trung tâm Nghiên cứu và Thực nghiệm Nông Lâm, từ xây dựng Đề án báo cáo UBND tỉnh và thành lập Viện Nông nghiệp và Môi trường [H3.03.04.17], [H3.03.04.18], [H3.03.04.19], [H3.03.04.20]. Năm 2020, thành lập Phòng Quản lý đầu tư trên cơ sở Ban Quản lý dự án xây dựng [H3.03.04.21], [H3.03.04.22]. Năm 2021, sáp nhập Trung tâm Nghiên cứu ASEAN vào Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế [H3.03.04.23], [H3.03.04.24]. Năm 2022, căn cứ Nghị định 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ, Trường tiến hành rà soát, sắp xếp và tổ chức lại tại Đề án sắp xếp, tổ chức lại, đổi tên các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và Trung tâm Đào tạo thường xuyên thuộc Trường ĐHQB và được UBND tỉnh phê duyệt [H3.03.03.27], [H3.03.04.25]. Với việc rà soát, cải tiến liên tục, Nhà trường đã kiện toàn cơ cấu tổ chức, bộ máy các đơn vị bao gồm Hội đồng trường, Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Ban Giám hiệu, 06 phòng chuyên môn, 01 viện, 06 khoa và 01 Trung tâm phục vụ đào tạo [H3.03.04.26].

Giai đoạn 2017-2022, Nhà trường đã rà soát, ban hành và cải tiến hệ thống văn bản cho phù hợp. Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ban hành năm 2021 đã có bổ sung, điều chỉnh so với năm 2015, trong đó xác định lại cơ cấu tổ chức; điều chỉnh về vai trò, chức năng, nhiệm vụ bộ máy quản lý và mối quan hệ, phối hợp của các đơn vị nhằm tăng hiệu quả quản lý [H3.03.04.27]. Nhiều quy định khác của Nhà trường được cải tiến, ban hành mới, từ đó tăng cường hiệu quả quản lý như Quy định chế độ làm việc của giảng viên, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động năm 2022 và triển khai góp ý Quy định mới năm 2025, Quy định chức năng, nhiệm vụ các phòng chức năng thuộc Trường ĐHQB [H3.03.01.29], [H3.03.04.28], [H3.03.04.29], [H3.03.01.23].

Khi thực hiện điều chỉnh, cải tiến cơ cấu quản lý (sáp nhập, hợp nhất, sắp xếp, tổ chức lại), cơ cấu lãnh đạo cũng thay đổi cho phù hợp. Năm 2018, bổ nhiệm Giám đốc Trung tâm Đào tạo thường xuyên [H3.03.04.30]. Năm 2019, bổ nhiệm Trưởng các khoa Trưởng và Phó Trưởng các Bộ môn, Viện trưởng

Viện Nông nghiệp và Môi trường [H3.03.04.31], [H3.03.04.32], [H3.03.04.33]. Năm 2020, bổ nhiệm Phó Trưởng phòng Quản lý đầu tư [H3.03.04.34]. Năm 2021, điều động và bổ nhiệm viên chức quản lý khi sáp nhập đơn vị thuộc Trường [H3.03.04.35]. Năm 2022, khi thành lập, tổ chức lại các đơn vị đã quyết định điều động và bổ nhiệm đối với 12 viên chức quản lý [H3.03.04.36]. Năm 2024, sau khi tổ chức lại, giải thể các đơn vị theo quyết định của cấp trên, Trường đã thực hiện điều động và bổ nhiệm 06 viên chức quản lý là Trưởng đơn vị, 14 Phó Trưởng đơn vị và 11 Trưởng và Phó Trưởng bộ môn [H3.03.01.20], [H3.03.04.37].

Nhà trường đã thực hiện 04 lần quy hoạch và rà soát quy hoạch để đảm bảo các nguồn nhân sự quy hoạch phục vụ cho công tác bổ nhiệm. Năm 2021, triển khai công tác rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý thời kỳ 2020-2025 (định kỳ năm 2021) [H3.03.04.38]. Năm 2022, thực hiện các văn bản của cấp trên Trường đã triển khai rà soát, bổ sung quy hoạch nhiệm kỳ 2021-2026 và quy hoạch nhiệm kỳ 2026-2031 diện BTV Tỉnh ủy quản lý và diện Tập thể lãnh đạo Trường quản lý [H3.03.04.39], [H3.03.04.40]. Năm 2023, triển khai công tác rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2021-2026 và quy hoạch nhiệm kỳ 2026-2031, định kỳ năm 2023 [H3.03.04.41]. Định kỳ năm 2024, Trường tiếp tục triển khai rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2021-2026 và nhiệm kỳ 2026-2031 để đề nghị phê duyệt kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các chức danh diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý tại Trường Đại học Quảng Bình [H3.03.04.42].

Dựa trên kết quả quy hoạch, kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức quản lý, Trường đã kiện toàn cơ cấu lãnh đạo, trong đó thực hiện điều động, bổ nhiệm một số vị trí cho phù hợp theo từng năm, thực hiện quy trình bổ nhiệm mới các viên chức quản lý, bổ nhiệm lại viên chức quản lý, thôi giao nhiệm vụ phụ trách các đơn vị [H3.03.04.43], [H3.03.04.44], [H3.03.04.45], [H3.03.04.46].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 3:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Trường có cơ cấu lãnh đạo, quản lý hoàn thiện theo quy định của pháp luật và đáp ứng tốt yêu cầu công tác, nhiệm vụ được giao. Thành lập và hoàn thiện bộ máy Hội đồng trường, đáp ứng hoạt động tổ chức quản lý của một trường đại học địa phương đang từng bước thực hiện tự chủ. Nhà trường đã ban hành đầy đủ các quy định, quy chế phục vụ cho công tác lãnh đạo, quản lý.

- Các hoạt động tuyên truyền có định hướng và mang tính tổng thể, toàn diện nên tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường đã được tuyên truyền, phổ biến đến các bên liên quan. Từ đó tạo tiền đề giúp cho Lãnh đạo Trường lãnh đạo, quản lý theo đúng sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và mục tiêu chiến lược đã đặt ra.

- Công tác rà soát, đánh giá đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp được Nhà trường thực hiện định kỳ theo năm, theo thời kỳ; công tác quy hoạch được thực hiện đúng quy định, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, điều hành của Trường. Các văn bản, quy định, quy chế được rà soát, sửa đổi và hoàn thiện thường xuyên để phục vụ hiệu quả cho công tác lãnh đạo, quản lý của Nhà trường.

- Công tác rà soát, cải tiến cơ cấu lãnh đạo, quản lý và các văn bản quy định vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý, cũng như công tác quy hoạch, bổ nhiệm trong giai đoạn đánh giá đã giúp Nhà trường có cơ cấu lãnh đạo phù hợp, công tác quản lý điều hành hiệu quả hơn.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Nhân sự trong cơ cấu lãnh đạo, quản lý ở một số bộ phận chưa phát huy năng lực để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Các hoạt động tuyên truyền tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường đến cộng đồng xã hội, các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng chưa đạt được mục tiêu đề ra.

- Việc rà soát, cập nhật, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị một cách tổng thể chưa được triển khai định kỳ, thường xuyên nên vẫn còn tình trạng chồng chéo trong công tác lãnh đạo, quản lý.

- Tỷ lệ viên chức hành chính đã giảm theo từng năm tuy nhiên tỷ lệ chưa hợp lý, hiệu quả công việc chưa cao. Trường còn 01 đơn vị là Khoa Giáo dục thể chất – Quốc phòng chưa có Phó Trưởng đơn vị.

3. Kế hoạch cải tiến

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh 1	Rà soát, thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại viên chức theo quy định để kiện toàn cơ cấu lãnh đạo	Phòng TC-HC	Liên tục	
2	Phát huy điểm mạnh 2	Lãnh đạo trường tiếp tục tham gia kết nối, tuyên truyền, định hướng sứ mạng, tầm nhìn, các giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược của Trường đến các bên liên quan	Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, Công đoàn trường, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên	Liên tục	
3	Phát huy điểm mạnh 3	Công tác rà soát, đánh giá đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp của Trường phải tiếp tục thực hiện định kỳ hàng năm, theo từng thời kỳ nhằm đáp ứng	Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, Phòng TC-HC	Liên tục	

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		tốt yêu cầu của công tác quản lý và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường			
4	Phát huy điểm mạnh 4	Sắp xếp, cơ cấu lại đội ngũ làm công tác hành chính, phục vụ với tỷ lệ giảm dần Quan tâm cử cán bộ diện quy hoạch đi học tập để đủ các điều kiện bổ nhiệm Thực hiện quy trình công tác bổ nhiệm một số vị trí viên chức quản lý còn thiếu	Phòng TC-HC	Liên tục	
5	Khắc phục tồn tại 1	Rà soát và xây dựng kế hoạch điều chuyển viên chức quản lý trong nội bộ	Phòng TC-HC	Liên tục	
6	Khắc phục tồn tại 2	Cải tiến hình thức tuyên truyền về sứ mạng, tầm nhìn, các giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược đến cộng đồng xã hội, các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng	Phòng Đào tạo và QLSV, Trung tâm NN,TH &ĐTTX	Liên tục	
7	Khắc phục tồn tại 3	Thực hiện rà soát chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị một cách tổng thể	Phòng TC-HC	Liên tục	
8	Khắc phục tồn tại 4	Tiếp tục rà soát và cải tiến cơ cấu đội ngũ CB lãnh đạo, quản lý hàng năm, đảm bảo đủ về số lượng, chuẩn hóa về chất lượng	Phòng TC-HC	Liên tục	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 3</i>	<i>4,50</i>
Tiêu chí 3.1	4
Tiêu chí 3.2	5
Tiêu chí 3.3	5
Tiêu chí 3.4	4

Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược

Tiêu chí 4.1. Thực hiện việc lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Trường ĐHQB rất coi trọng công việc lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và PVCĐ. Nhằm xây dựng kế hoạch chiến lược có hệ thống, khoa học, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi đã công bố, Nhà trường đã thành lập Ban xây dựng chiến lược phát triển Trường ĐHQB giai đoạn 2016-2020 và Ban chỉ đạo xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Quảng Bình giai đoạn 2021 -2025 và tầm nhìn đến năm 2035 **[H4.04.01.01]**, **[H4.04.01.02]**. Ngày 16 tháng 1 năm 2024, Trường Đại học Quảng Bình đã ban hành Quyết định số 109/QĐ-ĐHQB về việc thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Chiến lược phát triển Trường Đại học Quảng Bình đến năm 2030 đến năm 2045. **[H4.04.01.03]**.

Bên cạnh đó, Nhà trường đã ban hành văn bản hướng dẫn về quy trình xây dựng các kế hoạch chiến lược, đồng thời phân công cụ thể các đơn vị chủ trì xây dựng, triển khai thực hiện, rà soát, đánh giá và cải tiến kế hoạch chiến lược **[H4.04.01.04]**.

Kế hoạch chiến lược được xây dựng, ban hành và còn hiệu lực phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi cũng như các mục tiêu chiến lược đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Nhà trường bao gồm: Kế hoạch chiến lược

phát triển Trường ĐHQB giai đoạn 2016 - 2020 ban hành năm 2014 [H4.04.01.05]. Để phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi được công bố năm 2016, Nhà trường đã tiến hành rà soát mục tiêu chiến lược chung cũng như các mục tiêu chiến lược cụ thể, từ đó thực hiện việc sửa đổi, bổ sung kế hoạch chiến lược với những chỉ số và lộ trình thực hiện rõ ràng nhằm đạt được các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng mà Nhà trường đã xác định [H4.04.01.06]. Năm 2021 Nhà trường đã ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Quảng Bình giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2035 [H4.04.01.07].

Đối với Chiến lược phát triển Trường Đại học Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2035, Đảng ủy, Hội đồng trường đã chỉ đạo rà soát các nội dung của kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 trước khi ban hành [H4.04.01.08], [H4.04.01.09]. Đồng thời, Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến góp ý của viên chức, người lao động và người học trong toàn Trường trước khi ban hành [H4.04.01.10].

Theo Chiến lược phát triển Trường Đại học Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 đã ban hành, Nhà trường đã xác định 08 mục tiêu chiến lược cụ thể cần thực hiện gồm: xây dựng bộ máy tổ chức và quản lý; xây dựng đội ngũ viên chức, người lao động; phát triển hoạt động đào tạo; nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học - công nghệ; hợp tác quốc tế; đảm bảo chất lượng giáo dục; xây dựng cơ sở vật chất; huy động các nguồn lực tài chính. Trên cơ sở mục tiêu đề ra, Chiến lược đưa ra các giải pháp tương ứng và tập trung thực hiện 09 chương trình trọng điểm, tổ chức thực hiện chiến lược từng giai đoạn: giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025; giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2035. Đồng thời, trong chiến lược phân công trách nhiệm cụ thể đối với từng đơn vị chuyên môn nhằm triển khai, hiện thực hóa mục tiêu chiến lược.

Trên cơ sở Chiến lược phát triển Trường Đại học Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 đã ban hành, các đơn vị chuyên môn xây

dựng các chiến lược theo từng lĩnh vực do đơn vị phụ trách trên cơ sở tham chiếu văn bản của Nhà trường, cấp trên [H4.04.01.11], [H4.04.01.12], [H4.04.01.13], [H4.04.01.14], [H4.04.01.15], [H4.04.01.16].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 4.2. Kế hoạch chiến lược được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện

Nhằm cụ thể hoá Kế hoạch chiến lược phát triển, Trường đã ban hành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn theo từng lĩnh vực để triển khai thực hiện trong toàn Trường [H4.04.01.11], [H4.04.01.12], [H4.04.01.13], [H4.04.01.14], [H4.04.01.15], [H4.04.01.16]. Quá trình xây dựng, triển khai, theo dõi việc thực hiện các kế hoạch được Nhà trường giao trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị và cá nhân có liên quan theo quy trình quy định [H4.04.01.05], [H4.04.01.07].

Việc triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược và kế hoạch ngắn hạn, dài hạn của Trường cũng như kết quả thực hiện được thể hiện chi tiết trong Nghị quyết tại Đại hội Đảng bộ Trường nhiệm kỳ 2015-2020, nhiệm kỳ 2020-2025 và báo cáo tổng kết công tác Đảng hằng năm, báo cáo sơ kết, tổng kết định kỳ đánh giá của Nhà trường về việc thực hiện các kế hoạch; báo cáo tổng kết và phương hướng nhiệm vụ năm học của Trường [H4.04.02.01], [H4.04.02.02], [H4.04.02.03]. Việc đánh giá tổng kết hằng năm được thực hiện từ các đơn vị vào cuối mỗi năm học; các khoa, phòng, ban, trung tâm tiến hành tổng kết việc thực hiện kế hoạch nhiệm vụ trong năm học [H4.04.02.04].

Đồng thời, các đơn vị chuyên môn đều báo cáo các lĩnh vực được phân công phụ trách theo từng năm học, từng giai đoạn [H4.04.02.05], [H4.04.02.06], [H4.04.02.07], [H4.04.02.08], [H4.04.02.09], [H4.04.02.10].

Nhằm triển khai và thực hiện có hiệu quả các mục tiêu đề ra trong chiến lược, các kế hoạch ngắn hạn, Nhà trường xây dựng kế hoạch công tác năm học của Nhà trường, các đơn vị chuyên môn xây dựng kế hoạch công tác của từng đơn vị [H4.04.02.11], [H4.04.02.12]. Đồng thời, đầu mỗi năm học, Nhà trường tổ chức Hội nghị viên chức và người lao động cấp trường, cấp đơn vị để thảo

luận, đóng góp ý kiến và thông qua phương hướng, nhiệm vụ năm học **[H4.04.02.13]**.

Hoạt động triển khai các kế hoạch dài hạn, ngắn hạn được Nhà trường thực hiện như sau:

- Định kỳ mỗi quý, Hội đồng trường họp quyết nghị các vấn đề mang tính chỉ đạo **[H4.04.02.14]**.

- Hàng tháng, Đảng ủy Nhà trường tổ chức hội nghị đưa ra ý kiến chỉ đạo, xây dựng chủ trương đối với các lĩnh vực công tác trong toàn Trường **[H4.04.02.15]**. Đồng thời, Nhà trường tổ chức Hội nghị giao ban đối với toàn thể trưởng đơn vị trong toàn trường để tổng kết công tác tháng và đề ra kế hoạch, nhiệm vụ công tác của tháng tiếp theo **[H4.04.02.16]**.

- Hàng tuần, vào đầu tuần, Ban Giám hiệu hội ý chỉ đạo, triển khai công tác trong tuần **[H4.04.02.17]**.

Các chỉ tiêu, nhiệm vụ năm học thể hiện trong Nghị quyết Hội nghị viên chức và người lao động được Nhà trường công bố công khai, trực tiếp tại Hội nghị cấp trường; kế hoạch ngắn hạn, chiến lược dài hạn được Nhà trường công bố công khai và tổ chức quán triệt, phổ biến tất cả đơn vị, cá nhân thuộc Trường thông qua nhiều hình thức khác nhau như: Hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ Trường, Hội nghị giao ban công tác Trường, các cuộc họp đơn vị định kỳ, gửi kế hoạch đến tài khoản truy cập của các đơn vị trên Trang quản lý văn bản nội bộ, đăng tải trên Website Trường,... để các đơn vị thuận tiện trong việc tra cứu và thực hiện **[H4.04.02.18]**, **[H4.04.02.19]**. Đồng thời, kế hoạch chiến lược phát triển của Trường được gửi đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để báo cáo **[H4.04.01.01]**, **[H4.04.01.02]**.

Cuối mỗi năm học, Trường thông báo tới các đơn vị tổng kết kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm mà đơn vị được giao, dựa trên kết quả báo cáo của mỗi đơn vị, Trường tiến hành tổng kết, đưa ra những điểm mạnh, điểm yếu và qua đó có kế hoạch điều chỉnh cho những năm tiếp theo của Nhà trường cho phù hợp với thực tế.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 4.3. Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của CSGD

Dựa trên Chiến lược phát triển Trường ĐHQB giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, Chiến lược phát triển Trường Đại học Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2035, Nhà trường xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các hoạt động dài hạn, ngắn hạn, hàng năm của Nhà trường ở các lĩnh vực: đào tạo, tuyển sinh, khoa học công nghệ, đảm bảo chất lượng, phục vụ cộng đồng,... trong đó, Trường đã thiết lập các chỉ số thực hiện chính (KPIs) bao gồm cả chỉ số định tính và chỉ số định lượng, các chỉ tiêu phân đầu chính để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của Trường theo từng lĩnh vực hoạt động [H4.04.01.04], [H4.04.01.06], [H4.04.01.10], [H4.04.01.11], [H4.04.01.12], [H4.04.01.13], [H4.04.01.14], [H4.04.01.15], [H4.04.01.16], [H4.04.02.11], [H4.04.02.12].

Cụ thể, các kế hoạch đã đề cập đến chỉ số về quy mô nhân sự (viên chức, giảng viên, nhân viên), tỷ lệ giảng viên có học hàm GS, PGS, tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ; quy mô tuyển sinh hàng năm; số lượng đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, phát triển các đề tài nghiên cứu có tính ứng dụng và chuyển giao khoa học kỹ thuật; xây dựng các dự án, bổ sung thêm trang thiết bị đáp ứng sự phát triển của Trường; xác định chỉ tiêu phân đầu tăng nguồn thu của Trường bao gồm cả tăng thu ngân sách và tăng thu ngoài ngân sách;...

Các chỉ số nói trên được rà soát theo định kỳ nhằm kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện và mức độ thực hiện các mục tiêu của chiến lược được thể hiện cụ thể qua các nghị quyết, các biên bản họp rà soát, báo cáo tổng kết công tác Đảng hằng năm, báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường, của các đơn vị thực hiện công tác chuyên môn [H4.04.02.01], [H4.04.02.02], [H4.04.02.03], [H4.04.02.04], [H4.04.02.05], [H4.04.02.06], [H4.04.02.07], [H4.04.02.08], [H4.04.02.09], [H4.04.02.10]. Bên cạnh đó, để giám sát và đánh giá hiệu quả

việc thực hiện hiện các kế hoạch của Nhà trường, trên cơ sở Nghị quyết công tác tháng trước, Đảng ủy Trường tổ chức hội nghị định kỳ để đánh giá việc thực hiện kế hoạch đồng thời ban hành Nghị quyết tháng để lãnh đạo, chỉ đạo các công việc trọng tâm trong tháng tiếp theo [H4.04.02.15]. Sau hội nghị định kỳ hằng tháng của Đảng ủy, Hiệu trưởng tổ chức hội nghị giao ban công tác Trường gồm Ban Giám hiệu và Trưởng các đơn vị để đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tháng trước và trao đổi thống nhất kế hoạch công tác tháng tiếp theo [H4.04.02.16]. Hằng tuần, Ban Giám hiệu tổ chức giao ban, đánh giá khái quát tiến độ và mức độ hoàn thành kế hoạch một số công việc trọng tâm, đồng thời đề ra biện pháp để thực hiện tốt kế hoạch đã đặt ra [H4.04.02.17].

Đối với mỗi cá nhân, tùy từng vị trí công tác mà có các kế hoạch hoạt động cụ thể khác nhau: Cán bộ quản lý và viên chức làm công tác hành chính thực hiện nhiệm vụ công tác hằng năm mang tính định tính khó có thể lượng hóa được; giảng viên thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hoạt động chuyên môn, học tập nâng cao trình độ,... với những chỉ số định lượng rõ ràng về định mức giờ chuẩn giảng dạy, giờ chuẩn nghiên cứu khoa học, giờ chuẩn hoạt động chuyên môn. Kết thúc năm học, mỗi cá nhân phải tự đánh giá, phân loại về mức độ thực hiện nhiệm vụ của mình, làm cơ sở để Nhà trường phân loại viên chức và bình xét thi đua, khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, đóng góp tích cực trong các hoạt động của Trường [H4.04.02.04].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 4.4. Quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của CSGD

Cùng với thay đổi theo chiều hướng phát triển của giáo dục đại học trong bối cảnh hiện nay, Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh nhằm cải tiến quá trình lập kế hoạch chiến lược để đạt được các mục tiêu chiến lược cho phù hợp với thực tiễn. [H4.04.01.06]. Nhà trường đã thành lập Ban chỉ đạo xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Quảng Bình giai đoạn 2021 -2025

và tầm nhìn đến năm 2035 **[H4.04.01.02]**. Ngày 16 tháng 1 năm 2024, Trường Đại học Quảng Bình đã ban hành Quyết định số 109/QĐ-ĐHQB về việc thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Chiến lược phát triển Trường Đại học Quảng Bình đến năm 2030 đến năm 2045. **[H4.04.01.03]**.

Việc đối sánh, đánh giá việc xây dựng và thực hiện kế hoạch chiến lược của Nhà trường được thực hiện bám sát 08 mục tiêu được đề ra trong chiến lược phát triển của Nhà trường... Thông qua các báo cáo của các đơn vị chuyên môn, phụ trách các lĩnh vực, hoạt động đánh giá, phân tích được thực hiện đầy đủ, đồng thời, đề xuất các giải pháp nhằm cải tiến nội dung, phương pháp thực hiện để đạt được mục tiêu chiến lược **[H4.04.02.05]**, **[H4.04.02.06]**, **[H4.04.02.07]**, **[H4.04.02.08]**, **[H4.04.02.09]**.

Đồng thời, định kỳ hằng năm Nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến của các bên liên quan về hoạt động của Nhà trường: lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên; lấy ý kiến phản hồi của sinh viên trước khi tốt nghiệp về chất lượng chương trình đào tạo; ý kiến của cựu sinh viên về chương trình đào tạo; lấy ý kiến phản hồi từ viên chức và lao động hợp đồng về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên, cơ sở vật chất và chất lượng phục vụ của các đơn vị tại Trường; lấy ý kiến phản hồi từ cán bộ, giảng viên đối với cán bộ quản lý; lấy ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động về chất lượng sinh viên tốt nghiệp và chương trình đào tạo; lấy ý kiến phản hồi của giảng viên và sinh viên về sự đáp ứng của Trung tâm học liệu đối với hoạt động dạy và học; khảo sát sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công **[H4.04.04.01]**. Sau khi có kết quả khảo sát, Nhà trường tổng hợp báo cáo và yêu cầu các đơn vị có liên quan sử dụng kết quả khảo sát để thực hiện cải tiến đối với các hoạt động do đơn vị phụ trách **[H4.04.04.02]**. Ngoài ra, các hoạt động khắc phục hạn chế và cải tiến còn được thực hiện sau các đợt tự đánh giá và đánh giá ngoài tại Trường **[H4.04.04.03]**, **[H4.04.04.04]**, **[H4.04.04.05]**.

Sau khi thực hiện đánh giá, rà soát mức độ thực hiện các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính so với các mục tiêu chiến lược của các lĩnh

vực hoạt động như: đào tạo, nguồn nhân lực, tài chính, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và phục vụ cộng đồng,... Nhà trường tiến hành điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu, KPIs thông qua các kế hoạch phát triển dài hạn, ngắn hạn để phù hợp với điều kiện và tính thực tế thông qua việc hằng năm, Nhà trường giao cho các đơn vị thuộc Trường xây dựng kế hoạch công tác năm học, phù hợp với tình hình thực tiễn hiện tại, đồng thời bám sát các mục tiêu chiến lược [H4.04.02.11], [H4.04.02.12].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 4:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Trên cơ sở tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược đã xác định, Nhà trường đã xây dựng các kế hoạch dài hạn, kế hoạch ngắn hạn theo từng giai đoạn, từng năm, từng lĩnh

vực và giao nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị chuyên môn tiếp tục tham mưu, triển khai, theo dõi thực hiện. Kế hoạch chiến lược của Nhà trường được xây dựng, ban hành dựa trên ý chí, nguyện vọng của viên chức, người lao động và người học trong toàn Trường, phù hợp với điều kiện của Nhà trường cũng như yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Bình và cả nước.

- Các kế hoạch chiến lược, kế hoạch ngắn hạn, dài hạn của Trường được quán triệt, phổ biến, công bố để các bên liên quan biết và thực hiện.

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu luôn được tổng kết, báo cáo, giám sát và rà soát kịp thời để ngày càng đáp ứng tốt hơn các mục tiêu chiến lược của Trường và phù hợp với thực tiễn của Nhà trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Nhà trường chưa chú trọng các biện pháp quản trị rủi ro rõ ràng để hoàn thành các kế hoạch chiến lược; công tác dự báo, đánh giá rủi ro chưa được thực hiện thường xuyên để phục vụ cho việc xác định đúng mục tiêu, điều chỉnh kế hoạch chiến lược phù hợp cho từng giai đoạn. Kế hoạch dài hạn, ngắn hạn một số lĩnh vực chưa xác định một cách định lượng rõ ràng, cụ thể các mục tiêu, KPI

cần đạt được để có cơ sở đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược.

- Việc đối sánh các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phát triển chính để đánh giá và cải tiến kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường chưa được thực hiện thường xuyên và đầy đủ.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Thực hiện thường xuyên công tác phân tích môi trường, dự báo, đánh giá rủi ro để phục vụ cho việc xác định đúng mục tiêu, điều chỉnh kế hoạch chiến lược.	HĐT, BGH, các đơn vị	Thường xuyên (ít nhất 2 năm 1 lần), từ năm 2024	
		Xây dựng KPIs một cách định lượng hơn cho các chỉ số thực hiện chính để có cơ sở đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược.	BGH, các đơn vị	Từ năm 2023 đến năm 2024	
2	Khắc phục tồn tại 2	Thực hiện đối sánh thường xuyên và đầy đủ với môi trường ngoài đối với các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phát triển chính để đánh giá và cải tiến kế hoạch chiến lược một cách cập nhật và hiệu quả hơn nhằm đạt được các mục tiêu chiến lược của Nhà trường.	BGH, Phòng TC-NS	Thường xuyên (ít nhất 2 năm 1 lần), từ năm 2024	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
3	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục rà soát và cải tiến tính đáp ứng của kế hoạch chiến lược đối với tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và PVCĐ	HĐT, BGH, các tổ chức Đảng, đoàn thể, các đơn vị	Thường xuyên (ít nhất 2 năm 1 lần), từ năm 2024	
4	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục giữ mối liên hệ với các bên liên quan và ứng dụng công nghệ vào hoạt động công khai của Nhà trường	HĐT, BGH, các tổ chức Đảng, đoàn thể, các đơn vị	Thường xuyên, từ năm 2024	
5	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục tăng cường công tác giám sát, đánh giá và rà soát mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược để có sự điều chỉnh, cải tiến kịp thời trong điều hành các hoạt động các mặt của Trường.	BGH, các đơn vị	Thường xuyên (ít nhất 2 năm 1 lần), từ năm 2024	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 4	4,50
Tiêu chí 4.1	5
Tiêu chí 4.2	5
Tiêu chí 4.3	4
Tiêu chí 4.4	4

Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 5.1. Có hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Với triết lý Toàn diện - Khai phóng – Sáng tạo - Thực nghiệp – Hội nhập, Trường ĐHQB xác định đào tạo, NCKH và PVCĐ là nhiệm vụ trọng tâm. Nhà trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động, Kế hoạch chiến lược phát triển Trường các giai đoạn, Quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị. Trong các văn bản này, Nhà trường đã xác định và phân công nhiệm vụ cụ thể đến từng đơn vị chức năng chịu trách nhiệm tham mưu và xây dựng hệ thống chính sách liên quan đến hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ [H5.05.01.01], [H5.05.01.02], [H5.05.01.03].

Về công tác đào tạo, Nhà trường xây dựng và thực hiện các chính sách phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT như: Đề án tuyển sinh hệ đại học chính quy [H5.05.01.04]; các quy định hỗ trợ đào tạo đối với SV: Quy định về học phí, chính sách học bổng cho SV, Chính sách miễn, giảm học phí đối với SV [H5.05.01.05], ĐHQB đã ban hành hệ thống các quy chế, quy định cụ thể để thực hiện các chính sách đào tạo như: Quy chế chi tiêu nội bộ [H5.05.01.06]; Quy chế đào tạo trình độ đại học [H5.05.01.07]; Quy định học phí các hệ đào tạo hằng năm [H5.05.01.05].

Hệ thống chính sách về NCKH đã được Nhà trường xây dựng, ban hành và cập nhật phù hợp với các văn bản pháp quy. Đặc biệt, Nhà trường đã quan tâm xây dựng các quy định về vấn đề sở hữu trí tuệ, các quy định về trích dẫn, chống đạo văn, đạo đức trong NCKH, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế như: Quy định quản lý hoạt động khoa học [H5.05.01.08]; Quy định về quản lý hoạt động hợp tác quốc tế [H5.05.01.09]; Quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ [H5.05.01.10].

Về chính sách PVCD, thực hiện chủ trương của Đảng cấp trên, Đảng uỷ, BGH Nhà trường đã nghiêm túc thực hiện các kết luận được ghi nhận trong Nghị quyết và phối kết hợp các tổ chức để thực hiện các vấn đề liên quan đến PVCD. Hệ thống chủ trương, chính sách cụ thể được ghi nhận trong các văn bản như: Nghị quyết ĐHDB Đảng bộ Trường ĐHQB nhiệm kỳ 2015 - 2020 và 2020 – 2025 [H5.05.01.11]; Các Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội khoá II, III của Đảng bộ Trường ĐHQB [H5.05.01.12]; Nghị quyết ĐHDB CĐCS nhiệm kỳ 2018 - 2023 [H5.05.01.13]; Các chương trình hành động thực hiện Nghị quyết đại hội CĐCS nhiệm kỳ 2018 - 2023 [H5.05.01.14]; Nghị quyết ĐHDB Đoàn thanh niên CSHCM trường ĐHQB [H5.05.01.15]; Kế hoạch hoạt động Đoàn và phong trào thanh niên các năm học [H5.05.01.16]. Các đơn vị chức năng đã mưu cho lãnh đạo Nhà trường ban hành nhiều văn bản thể hiện trách nhiệm của đơn vị đối với cộng đồng xã hội như:, Thực hiện nhiệm vụ quốc tế, đào tạo tiếng Việt cho LHS Lào [H5.05.01.17].

Các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD được các đơn vị chức năng xây dựng, triển khai thực hiện dựa trên cơ sở lấy ý kiến của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các hội đồng tư vấn chuyên môn và các bên liên quan (các đơn vị thuộc và trực thuộc trường, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng, đơn vị liên kết đào tạo) trước khi trình lãnh đạo Trường phê duyệt và ban hành.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 5.2. Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hoá bằng văn bản, phổ biến và thực hiện.

Với triết lý Toàn diện - Khai phóng – Sáng tạo - Thực nghiệp – Hội nhập, Trường ĐHQB xác định đào tạo, NCKH và PVCD là nhiệm vụ trọng tâm. Nhà trường đã ban hành Quy chế đánh giá xếp loại viên chức và các đơn vị thuộc Trường [H5.05.02.01]. Đây là văn bản cụ thể hoá công tác tham mưu, xây dựng hệ thống chính sách liên quan đến hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD, là căn cứ để đánh giá kết quả thực hiện quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách của các đơn vị [H5.05.02.02].

Về công tác đào tạo, trong các cuộc họp giao ban, Nhà trường đã thực hiện các quy trình giám sát các đơn vị chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ [H5.05.02.03]. Tại các kết luận của Hiệu trưởng trong các họp giao ban, các chính sách đã được quyết định, tuân thủ quy trình thực [H5.05.02.04]. Từ các kết luận đó, Trường ĐHQB đã ban hành hệ thống các quy chế, quy định cụ thể để thực hiện các chính sách đào tạo ĐH, CĐ.

Hệ thống chính sách về NCKH đã được Nhà trường xây dựng, ban hành và cập nhật phù hợp với các văn bản pháp quy. Căn cứ Báo cáo đánh giá của Đảng uỷ [H5.05.02.05], [H5.05.02.07], Hội đồng trường [H5.05.02.07] và kế hoạch thanh tra, kiểm tra của Trường ĐHQB [H5.05.02.08], [H5.05.02.09], Nhà trường đã quan tâm xây dựng các quy định về vấn đề sở hữu trí tuệ, các quy định về trích dẫn, chống đạo văn, đạo đức trong NCKH, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế [H5.05.01.10],...

Về chính sách PVCĐ, thực hiện chủ trương của Đảng cấp trên, Đảng uỷ, BGH Nhà trường đã nghiêm túc thực hiện các kết luận được ghi nhận trong Nghị quyết và phối kết hợp các tổ chức để thực hiện các vấn đề liên quan đến PVCĐ. Hệ thống chủ trương, chính sách cụ thể được ghi nhận trong các văn bản như: Báo cáo tổng kết công tác và triển khai nhiệm vụ thường niên của Ban thanh tra nhân dân [H5.05.02.10], phòng Thanh tra – Đảm bảo chất lượng giáo dục [H5.05.02.11]... Các đơn vị chức năng, hội đoàn thể đã mưu cho lãnh đạo Nhà trường thể hiện trách nhiệm của đơn vị đối với cộng đồng xã hội như: Báo cáo tổng kết công tác năm học của Công đoàn Trường [H5.05.02.12], Đoàn Thanh niên [H5.05.02.13], Hội Sinh viên Nhà trường [H5.05.02.14].

Các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ được các đơn vị chức năng xây dựng, triển khai thực hiện dựa trên cơ sở lấy ý kiến của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các hội đồng tư vấn chuyên môn và các bên liên quan (các đơn vị thuộc và trực thuộc trường, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng, đơn vị liên kết đào tạo) trước khi trình lãnh đạo Trường phê duyệt ban hành.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 5.3. Chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được rà soát thường xuyên.

Hệ thống chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD được Trường ĐHQB liên tục rà soát, cải tiến nhằm phù hợp với thực tiễn, theo đúng mục tiêu và kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường [H5.05.01.06], [H5.05.03.01]. Định kỳ, căn cứ các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường ban hành các quy định triển khai việc cập nhật, phát triển CTĐT thuộc trình độ ĐH, CD được triển khai đến các Khoa, bộ môn trực thuộc Trường thực hiện theo quy trình cụ thể [H5.05.03.02], [H5.05.03.03], [H5.05.03.04], [H5.05.03.05], [H5.05.03.06], [H5.05.03.07], [H5.05.03.08], [H5.05.03.09].

Nhà trường đã định ký ban hành các kế hoạch triển khai công tác rà soát, điều chỉnh, cập nhật, bổ sung CTĐT trình độ ĐH [H5.05.03.01], [H5.05.03.02], [H5.05.03.03], [H5.05.03.04], thực hiện Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục [H5.05.03.11], [H5.05.03.12], [H5.05.03.13], [H5.05.03.14], [H5.05.03.15], [H5.05.03.16], [H5.05.03.17], [H5.05.03.18] và xây dựng Kế hoạch và triển khai thực hiện công tác rà soát thông qua hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động đào tạo của Nhà trường [H5.05.03.11], [H5.05.03.12], [H5.05.03.13], [H5.05.03.14], [H5.05.03.15], đánh giá tiến độ và hiệu quả của các đề tài, dự án hợp tác nghiên cứu [H05.05.03.19].

Hoạt động rà soát các chính sách đào tạo, NCKH và PVCD còn được thực hiện bởi Hội đồng Trường, Hội đồng thi đua - Khen thưởng của Nhà trường, Ban Thanh tra nhân dân và các bên liên quan [H5.05.03.20], [H5.05.03.21], [H5.05.03.22], [H5.05.03.23], [H5.05.03.24], [H5.05.03.25], [H5.05.03.26]. Công tác lấy ý kiến của các bên liên quan được thực hiện qua Kế hoạch khảo sát các bên về kết quả hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng Trường ĐHQN giai đoạn 2018 – 2021 [H5.05.03.27]. Các khoa chuyên môn, bộ môn trực thuộc Trường sử dụng kết quả của khảo sát do Nhà trường tổ chức để cập nhật, điều chỉnh hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD của đơn vị.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 5.4. Chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Nhà trường đã thực hiện việc điều chỉnh, cải tiến các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD dựa trên kết quả rà soát định kỳ và phản hồi của các bên liên quan. Hệ thống văn bản quy định về chế độ làm việc [H5.05.04.01], quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường [H5.05.04.02], điều chỉnh chức năng của các đơn vị [H5.05.04.03], [H5.05.04.04] được ban hành nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn và phù hợp với Kế hoạch và chiến lược phát triển Trường ĐHQB từ 2020 đến 2025 và tầm nhìn đến 2030 [H5.05.01.06].

Về chính sách liên quan đến đào tạo, Nhà trường đã ban hành các quyết định về việc công bố các kết quả rà soát, điều chỉnh và xây dựng mới các CTĐT đào tạo trình độ ĐH [H5.05.03.03], [H5.05.03.04], [H5.05.03.05]. Căn cứ Nghị quyết của HĐT về việc kế hoạch, Phương hướng, đề án tuyển sinh [H5.05.01.04] của Trường ĐHQB, Nhà trường cũng điều chỉnh chính sách, cách thức tuyển sinh kịp thời phù hợp với quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, áp dụng chính sách này từ kỳ thi tuyển sinh năm 2018 đến nay nhằm tăng cường thu hút SV vào học tại Trường.

Về chính sách NCKH, Nhà trường thường xuyên đánh giá và cải tiến các chính sách về NCKH, phổ biến trong toàn trường qua các kênh truyền thông để các khoa, bộ môn, viên chức, NH trong đơn vị được biết, triển khai thực hiện, giám sát và đóng góp ý kiến. Chính sách hỗ trợ hoạt động NCKH được Nhà trường cập nhật trong Quy chế chi tiêu nội bộ Trường và Quy định về quản lý hoạt động KHCN Trường ĐHQN được cập nhật bổ sung hằng năm [H5.05.04.11].

Về chính sách PVCD, Nhà trường đẩy mạnh các hoạt động cộng đồng cả về số lượng lẫn loại hình, điều chỉnh chức năng và nhiệm vụ của Trung tâm HTSV&QHĐN [H5.05.04.04], [H5.05.04.05]. Trung tâm TVTS&QHĐN, Công đoàn, ĐTN, HSV Trường đã triển khai nhiều hoạt động thu hút sự quan tâm của

các bên liên quan, Biên bản ký kết thỏa thuận hợp tác giữa Trường ĐHQB với các doanh nghiệp [H5.05.04.13], [H5.05.04.14], [H5.05.04.15]; Chương trình và hoạt động hỗ trợ SV tìm việc làm thông qua Ngày hội việc làm, hỗ trợ khởi nghiệp [H5.05.04.16], Kế hoạch tổ chức chúc tết Bounpimay cho LHS Lào đang học tập tại Trường ĐHQB [H5.05.04.20].

Công tác lấy ý kiến của các bên liên quan về việc đánh giá các chính sách đào tạo, NCKH và PVCĐ đã được Nhà trường triển và nhận được những phản hồi tích cực từ phía GV, nhà khoa học, NH, cựu NH, nhà tuyển dụng, các doanh nghiệp. Toàn bộ những ý kiến đóng góp ghi nhận về hệ thống chính sách đào tạo, NCKH và PVCĐ được thể hiện qua các Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo [H5.05.03.02,09], các Báo cáo kết quả khảo sát do Nhà trường thực hiện trong thời gian qua [H5.05.04.21], [H5.05.04.22], [H5.05.04.23], [H5.05.04.24], [H5.05.04.25], [H5.05.04.26], [H5.05.04.26].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 5:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Trường ĐHQB có hệ thống văn bản quy định rõ ràng chức năng và phân công nhiệm vụ cho các đơn vị tham mưu xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH, và PVCĐ. Hệ thống chính sách được xây dựng phù hợp với các chủ trương của Đảng, quy định của Nhà nước và tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu chiến lược của Nhà trường. Hệ thống chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ được ban hành theo một quy trình cụ thể, có sự góp ý, tham vấn ý kiến chuyên gia và sự giám sát chặt chẽ của các bên liên quan.

- Hệ thống văn bản quy trình giám sát các chính sách đào tạo, NCKH và PVCĐ đã được Đảng uỷ, HDT và Hiệu trưởng ban hành và công bố rộng rãi trên Website của Nhà trường, hộp thư điện tử của viên chức, NH và các bên liên quan. Hệ thống văn bản thực hiện giám sát về đào tạo, NCKH và PVCĐ được ban hành theo một quy trình chặt chẽ có sự góp ý, tham vấn chuyên gia và sự

giám sát chặt chẽ của các bên liên quan trong và ngoài Trường. Định kỳ hằng năm, các đơn vị đều có những báo cáo cụ thể về công tác giám sát cụ thể.

- Trường ĐHQB đã ban hành quy định định kì thực hiện quy trình rà soát cụ thể các chính sách về đào tạo, NCKH, và PVCD. Kế hoạch rà soát, cập nhật chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD của Trường ĐHQB phù hợp với quy định của các văn bản pháp quy cũng như mục tiêu chiến lược, tầm nhìn, sứ mệnh và triết lý giáo dục của Nhà trường. Các nội dung cập nhật và phát triển của các chính sách luôn có sự tham vấn ý kiến của các bên liên quan trong và ngoài Trường ĐHQB.

- Trên cơ sở kết quả đánh giá, rà soát việc thực hiện các chính sách, tiếp thu các ý kiến phản hồi của các bên liên quan, lãnh đạo nhà trường đã phân công các đơn vị chức năng liên quan tiến hành cải tiến, điều chỉnh các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD phù hợp với tình hình mới, đảm bảo sự hài lòng của NH, nhà tuyển dụng và cộng đồng.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Việc lấy ý kiến các bên liên quan, đặc biệt là nhà sử dụng lao động, chưa được thực hiện thường xuyên khi xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD.

- Công tác rà soát, đánh giá việc thực hiện chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD theo kế hoạch của Nhà trường đã được thực hiện hằng năm, tuy nhiên, việc rà soát, đánh giá còn chưa được toàn diện tất cả các chính sách, đặc biệt là các chính sách PVCD.

- Hệ thống chính sách đào tạo, NCKH và PVCD được rà soát, cập nhật thể hiện chưa rõ sự tiếp thu các ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng, cựu NH, nhà quản lý. Chương trình tham vấn ý kiến của các bên liên quan tổ chức chưa được thường xuyên trong các đơn vị Khoa, Bộ môn thuộc Trường.

- Việc lấy ý kiến phản hồi sự hài lòng của các bên liên quan khi thực hiện công tác điều chỉnh, cải tiến các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD của Nhà trường chưa được thực hiện thường xuyên và kịp thời.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD	BGH, các đơn vị liên quan	Thường xuyên, từ năm 2023	
		Xây dựng các chính sách về PVCD, liên kết chuyên giao công nghệ	Các đơn vị liên quan	Từ năm 2023	
2	Khắc phục tồn tại 2	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh và cập nhật các văn bản liên quan đến quy trình giám sát thực hiện chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD	BGH, các đơn vị liên quan	Thường xuyên, từ năm 2023	
		Xây dựng các văn bản giám sát hệ thống chính sách về phục vụ cộng đồng, liên kết chuyển giao công nghệ	KHCN-ĐN và HL, ĐT và QLSV, TT - ĐBCLGD	Từ năm 2023	
3	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục rà soát bổ sung các văn bản liên quan đến quy trình cập nhật, phát triển các	BGH, các đơn vị: KHCN-ĐN và HL, ĐT và	Thường xuyên, từ năm 2023	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	3	chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ	QLSV, TT - ĐBCLGD, ĐTN, HSV		
		Tiếp tục xây dựng kế hoạch, chương trình cụ thể để tham vấn ý kiến của các bên liên quan về việc cập nhật, điều chỉnh bổ sung chính sách về phục vụ cộng đồng, liên kết chuyên giao công nghệ, sản phẩm sở hữu trí tuệ, CTĐT trình độ ĐH, liên kết SDH	Các đơn vị KHCN-ĐN và HL, TT - ĐBCLGD, các khoa, viện bộ môn trực thuộc Trường	Từ năm 2023	
4	Khắc phục tồn tại 4	Tiếp tục triển khai các hoạt động hỗ trợ đào tạo theo các văn bản đã công bố về chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ	BGH, các đơn vị: KHCN-ĐN và HL, ĐT và QLSV, TT - ĐBCLGD, ĐTN, HSV	Thường xuyên, từ năm 2023	
		Tổ chức thường xuyên, đồng bộ các hoạt động đúng theo	Các đơn vị KHCN-ĐN và HL, TT -	Từ năm 2023	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		các chính sách về PVCD, liên kết chuyên giao công nghệ, sản phẩm sở hữu trí tuệ, CTĐT trình độ ĐH, liên kết SDH	ĐBCLGD, các Khoa, viện bộ môn trực thuộc Trường		
5	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD trong thời gian tới;	BGH, các đơn vị: ĐT và QLSV, KHCN-ĐN và HL, TT - ĐBCLGD, ĐTN, HSV	Thường xuyên, từ năm 2023	
		Đơn vị chức năng tiếp tục thực hiện công tác tham mưu để triển khai cụ thể các chính sách, kế hoạch chiến lược cụ thể nhằm đẩy mạnh công tác xây dựng thương hiệu và trách nhiệm xã hội của Nhà trường.	Các đơn vị: ĐT và QLSV, KHCN-ĐN và HL, TT - ĐBCLGD, ĐTN, HSV	Thường xuyên, từ năm 2023	
6	Phát	Xác định nhiệm vụ	BGH, các đơn	Thường	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	huy động mạnh 2	cụ thể của các bên liên quan đối với việc giám sát quy trình thực hiện các chính sách liên quan đào tạo, NCKH và PVCD trong thời gian tới;	vị: ĐT và QLSV, KHCN-ĐN và HL, TT - ĐBCLGD,, ĐTN, HSV	xuân, từ năm 2023	
		Các phòng chức năng tiếp tục thực hiện công tác tham mưu để triển khai cụ thể hệ thống văn bản, quy trình giám sát các chính sách, kế hoạch chiến lược cụ thể nhằm đẩy mạnh công tác xây dựng thương hiệu và trách nhiệm xã hội của Trường ĐHQB	Các đơn vị: KHCN-ĐN và HL, TT - ĐBCLGD,, ĐTN, HSV.	Thường xuân, từ năm 2023	
7	Phát huy động mạnh	Xác định nhiệm vụ cụ thể của các bên liên quan đối với việc rà soát, cập nhật chính sách liên quan	BGH, các đơn vị: ĐT và QLSV, KHCN-ĐN và HL, TT -	Thường xuân, từ năm 2023	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	3	đến các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD trong thời gian tới	ĐBCLGD,, ĐTN, HSV, các khoa, viện, bộ môn trực thuộc Trường		
		Các phòng chức năng tiếp tục thực hiện công tác tham mưu để triển khai kế hoạch rà soát định kì hệ thống văn bản, quy trình cập nhật bổ sung và thực thi các chính sách, kế hoạch chiến lược cụ thể nhằm đẩy mạnh công tác xây dựng thương hiệu và trách nhiệm xã hội của Trường ĐHQB.	Các đơn vị: ĐT và QLSV, KHCN-ĐN và HL, TT - ĐBCLGD,, ĐTN, HSV.	Thường xuyên, từ năm 2023	
8	Phát huy điểm mạnh 4	Xác định rõ nhiệm vụ của các bên liên quan đối với thực hiện, triển khai các chính sách liên quan	BGH, các đơn vị: ĐT và QLSV, KHCN-ĐN và HL, TT -	Thường xuyên, từ năm 2023	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		đến các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD trong thời gian tới	ĐBCLGD,, ĐTN, HSV, các khoa, viện, bộ môn trực thuộc Trường		
		Các phòng chức năng tiếp tục thực hiện công tác tham mưu để triển khai kế hoạch đúng theo cam kết của các chính sách, kế hoạch chiến lược cụ thể nhằm đẩy mạnh công tác xây dựng thương hiệu và trách nhiệm xã hội của Trường ĐHQB	Các đơn vị: ĐT và QLSV, KHCN-ĐN và HL, TT - ĐBCLGD,, ĐTN, HSV.	Thường xuyên, từ năm 2023	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 5</i>	<i>4,50</i>
Tiêu chí 5.1	5
Tiêu chí 5.2	5
Tiêu chí 5.3	4

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chí 5.4	4

Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực

Tiêu chí 6.1. Nguồn nhân lực được quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng

Trường Đại học Quảng Bình xác định nguồn nhân lực là tiền đề cho việc nâng cao chất lượng và có vai trò quyết định đến hiệu quả các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, công tác xây dựng đội ngũ viên chức quản lý, GV và NV được Nhà trường đặc biệt chú trọng nhằm đảm bảo thực hiện sứ mạng, mục tiêu và định hướng phát triển. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề này, mục tiêu phát triển nguồn nhân lực đã được nêu rõ và cụ thể hóa trong Chiến lược phát triển của Nhà trường trong từng giai đoạn phát triển như giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030, giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 [H6.06.01.01], [H6.06.01.02], [H6.06.01.03]. Chiến lược phát triển Trường Đại học Quảng Bình trong từng giai đoạn này đã đánh giá thực trạng đội ngũ nguồn nhân lực, phân tích bối cảnh kinh tế, xã hội và dự báo nhu cầu tương lai để xác định nguồn nhân lực trong thời gian tới.

Nhằm xây dựng và phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là đối với đội ngũ cán bộ chủ chốt, viên chức quản lý, Nhà trường thực hiện xây dựng quy hoạch cấp uỷ đảng và chính quyền theo từng thời kỳ; đồng thời, rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh quản lý định kỳ theo quy định hàng năm [H6.06.01.04], [H6.06.01.05], [H6.06.01.06], [H6.06.01.07], [H6.06.01.08], [H6.06.01.09], [H6.06.01.10]. Cán bộ, viên chức được giới thiệu vào quy hoạch đều được đánh giá tốt về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; trình độ, năng lực công tác, uy tín, triển vọng phát triển và phấn đấu với 3 độ tuổi để đảm bảo tính kế thừa vững chắc, phát triển liên tục của đội ngũ.

Để đảm bảo nguồn nhân lực có chất lượng, Nhà trường đã xây dựng các chính sách về nhân sự được thể hiện rõ trong các quy định như: Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHQB; Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động; Quy chế thi, xét tuyển viên chức sự nghiệp; Quy chế đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý [H6.06.01.11], [H6.06.01.12], [H6.06.01.13], [H6.06.01.14], [H6.06.01.15] [H6.06.01.16].

Để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD, hàng năm căn cứ vào Đề án vị trí việc làm và nhu cầu thực tế, Nhà trường báo cáo tình hình thực hiện biên chế số lượng người làm việc trong năm và xây dựng kế hoạch biên chế năm tiếp theo theo danh mục vị trí việc làm, số lượng người làm việc của Trường và cơ cấu theo chức danh nghề nghiệp để trình Sở Nội vụ, UBND tỉnh Quảng Bình duyệt chỉ tiêu biên chế hằng năm [H6.06.01.17], [H6.06.01.18], [H6.06.01.19]. Tuy nhiên, trong bối cảnh là trường đại học địa phương, công tác tuyển sinh gặp nhiều khó khăn, trong những năm gần đây đều không tuyển đủ chỉ tiêu tuyển sinh nên Nhà trường không tuyển dụng viên chức mới; trong giai đoạn đánh giá, thực hiện chủ trương chung của Đảng và Nhà nước về tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, Nhà trường không thực hiện tuyển dụng mới viên chức, người lao động mà chủ yếu thực hiện giải pháp động viên khuyến khích CB, GV có chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ; trên cơ sở đó, hằng năm Nhà trường cử CB, GV tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo Quy chế đào tạo, bồi dưỡng của Trường và Quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức [H6.06.01.14], [H6.06.01.20].

Số lượng viên chức, giảng viên cơ hữu hàng năm đều giảm, kết quả đào tạo, bồi dưỡng qua các năm được thể hiện trên số liệu tổng hợp như sau:

Bảng 6.1. Qui mô và cơ cấu nguồn nhân lực giai đoạn 2021 - 2025

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	202 1	202 2	202 3	202 4	202 5
----------	----------------	----------	----------	----------	----------	----------

Tổng số lao động	Người	281	253	236	193	189
<i>Phân theo trình độ</i>						
Tiến sĩ	Người	54	53	55	52	49
Thạc sĩ	Người	146	140	125	97	96
Đại học	Người	57	45	40	35	35
Dưới ĐH, trình độ khác	Người	24	15	16	09	09
<i>Phân theo giới tính</i>						
Nam	Người	97	86	80	62	61
Nữ	Người	184	167	156	131	128
<i>Phân theo tính chất</i>						
Giảng viên	Người	169	164	156	137	133
Viên chức HC, NV hành chính, phục vụ	Người	112	89	80	56	56

(Nguồn: Phòng Tổ chức - Hành chính)

Qua bảng 6.1. cho thấy trình độ chuyên môn của lực lượng viên chức, nhất là lực lượng giảng viên cơ hữu trong toàn Trường cơ bản đáp ứng chuẩn trình độ theo quy định, tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ cơ bản đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Các dữ liệu đội ngũ nhân lực của Trường được lưu giữ trong Hồ sơ viên chức, Hồ sơ lao động hợp đồng có tại Phòng Tổ chức - Hành chính [H6.06.01.21].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 6.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được xác định và được phổ biến

Nguồn nhân lực là vấn đề cốt lõi của mỗi đơn vị, muốn đơn vị phát triển thì chất lượng nguồn nhân lực phải được đặt lên hàng đầu trong các khâu tuyển

dụng, sử dụng và quản lý viên chức, người lao động. Quy trình tuyển dụng viên chức, lao động hợp đồng ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng NNL của Nhà trường, do vậy Trường đã xác định rõ các tiêu chuẩn, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ CB, GV, nhân viên (bao gồm cả đạo đức và tự do học thuật) để đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự phù hợp với vị trí việc làm, trình độ, năng lực chuyên môn; những điều này được nêu rõ trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHQB, Quy chế thi, xét tuyển viên chức sự nghiệp Trường ĐHQB, Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý thuộc thẩm quyền của Trường ĐHQB, Đề án vị trí việc làm của Trường ĐHQB **[H6.06.01.11], [H6.06.01.13], [H6.06.01.16], [H6.06.01.17]**.

Trường ĐHQB là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh Quảng Bình, trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, Trường được phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức theo quy định của UBND tỉnh **[H6.06.02.01]**. Tuy nhiên, trong giai đoạn đánh giá, mặc dù chỉ tiêu tuyển dụng theo biên chế được UBND tỉnh giao vẫn chưa sử dụng hết nhưng do quy mô đào tạo, kết quả tuyển sinh giảm, Nhà trường không thực hiện tuyển dụng thêm viên chức, người lao động mà tập trung vào sắp xếp nhân sự, cơ cấu lại đội ngũ theo vị trí việc làm, thực hiện tinh giản biên chế các trường hợp thuộc diện dôi dư sau sắp xếp **[H6.06.02.02], [H6.06.02.03]**. Tuy nhiên, nếu thực hiện tuyển dụng viên chức, Nhà trường sẽ thực hiện với quy trình quy định của Nhà nước và của UBND tỉnh, cụ thể: Nhà trường phải xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức trình Sở Nội vụ thẩm định. Nội dung Kế hoạch phải nêu rõ: số lượng chỉ tiêu tuyển dụng; hình thức tuyển dụng; vị trí việc làm cần tuyển dụng; đối tượng, điều kiện tiêu chuẩn và hồ sơ dự tuyển; lệ phí đăng ký dự tuyển; thời gian, địa điểm và các nội dung khác **[H6.06.02.04]**. Sau khi Kế hoạch được Sở Nội vụ phê duyệt, Nhà trường tiến hành trình tự tuyển dụng theo quy trình tuyển dụng đã được quy định tại Nghị định của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức **[H6.06.02.05]**.

Đội ngũ viên chức, GV mặc dù đã được tuyển dụng đúng chuyên ngành nhưng trình độ chủ yếu là thạc sĩ nên Trường xác định rất rõ tự do học thuật của viên chức, GV là một quyền cơ bản cần phải được ghi nhận và cụ thể hóa trong các văn bản quản lý nội bộ của Trường như: Quy định chế độ làm việc của giảng viên, Quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ đối với cán bộ, giảng viên [H6.06.02.06], [H6.06.02.07].

Nhà trường thực hiện nghiêm túc việc lực chọn đề bạt, bổ nhiệm viên chức quản lý theo các quy định chung của Đảng và Nhà nước [H6.06.02.05], [H6.06.02.08]. Đồng thời, Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo thuộc Trường được thể hiện rõ tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHQB, Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý thuộc thẩm quyền của Trường ĐHQB [H6.06.01.11], [H6.06.01.16]. Công tác quy hoạch và đào tạo, bồi dưỡng viên chức quản lý đều được thực hiện theo định hướng phát triển và đáp ứng nhu cầu hoạt động của Nhà trường [H6.06.01.20]. Mỗi giai đoạn Trường đều thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch theo quy định [H6.06.01.07], [H6.06.01.08].

Công tác bổ nhiệm viên chức quản lý được thực hiện theo Luật viên chức, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức, Nghị định của Chính phủ và các quy định, văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Quảng Bình. Việc bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý đối với viên chức dựa trên cơ sở trình độ chuyên môn, năng lực và thành tích NCKH của viên chức, được đánh giá có triển vọng, được rèn luyện trong thực tiễn vào vị trí chủ chốt để bổ nhiệm vào các vị trí quản lý nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trường [H6.06.01.09]. Quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại viên chức quản lý được thực hiện công khai, tiêu chí bổ nhiệm rõ ràng và được thực hiện đúng quy định của Trường, của Nhà nước. Trường đã ban hành những quy định, điều kiện, tiêu chuẩn, thẩm quyền và quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm lãnh đạo, quản lý [H6.06.01.11], [H6.06.01.16]. Quy định này được thực hiện

thống nhất trong Trường và được điều chỉnh phù hợp với Nghị định của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức **[H6.06.02.05]**.

Đồng thời, để đánh giá chất lượng của viên chức, người lao động hàng năm, Trường đã ban hành các văn bản quy định về công tác đánh giá, xếp loại chất lượng đối với viên chức, người lao động đang công tác tại Trường; những văn bản này đã quy định rõ về nội dung, trình tự, thẩm quyền đánh giá, hướng dẫn thực hiện đánh giá và xếp loại chất lượng viên chức, người lao động **[H6.06.02.10]**. Việc thực hiện đánh giá viên chức, người lao động sẽ là cơ sở để mỗi cá nhân tự xem xét, đánh giá lại kết quả mà mình đã thực hiện được trong một năm, những hạn chế còn tồn tại để từ đó đưa ra phương hướng hoàn thiện bản thân đồng thời làm cơ sở thực hiện chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động **[H6.06.02.11]**, **[H6.06.02.12]**, **[H6.06.02.13]**.

Các văn bản về công tác này được phổ biến công khai, rộng rãi đến tận các đơn vị, viên chức, người lao động bằng nhiều hình thức khác nhau như thông qua các cuộc họp, Website của Trường **[H6.06.02.14]** tại địa chỉ www.qbu.edu.vn, chủ yếu thông qua kênh phần mềm quản lý văn bản của Trường **[H6.06.02.15]** tại địa chỉ www.qlvb.qbu.edu.vn/dhqb phổ biến đến các đơn vị trong Trường để thuận tiện trong việc áp dụng và giám sát thực hiện quy định.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 6.3. Xác định và xây dựng được tiêu chuẩn năng lực bao gồm cả kỹ năng quản lý, lãnh đạo của các nhóm viên chức, người lao động

Tiêu chuẩn năng lực của GV, viên chức và người lao động được Trường ĐHQB xác định là yếu tố đặc biệt quan trọng để Nhà trường lựa chọn và xây dựng đội ngũ nguồn nhân lực chất lượng cao, giỏi về chuyên môn và có phẩm chất đạo đức tốt, do đó Nhà trường đã xây dựng, ban hành quy định về tiêu chuẩn, tiêu chí để đánh giá năng lực GV, viên chức, người lao động và bắt đầu triển khai áp dụng từ năm học 2024-2025 cùng với Quy định đánh giá, xếp loại

chất lượng viên chức, người lao động Trường ĐHQB [H6.06.02.09], [H6.06.02.10].

Đội ngũ viên chức quản lý của Trường có năng lực chuyên môn cao, phẩm chất đạo đức tốt, được bổ nhiệm theo nhiệm kỳ, đáp ứng các tiêu chuẩn bổ nhiệm đối với từng chức danh theo quy định chung của pháp luật và các tiêu chuẩn chuyên ngành, các điều kiện tiêu chuẩn riêng của mỗi chức danh lãnh đạo. Trong Quy chế về tổ chức và hoạt động Trường, quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ phải làm và quyền hạn của viên chức giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng trường, Thành viên Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa, Trưởng bộ môn, Phó trưởng bộ môn, Trưởng phòng, Phó trưởng phòng được nêu cụ thể và chi tiết [H6.06.01.11].

Bám sát các quy định hiện hành của Đảng, Nhà nước và của ngành về xây dựng vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập cũng như Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHQB, Trường đã xây dựng, ban hành Đề án vị trí việc làm và đã được Hội đồng trường phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức của Trường ĐHQB (gồm 04 nhóm: Nhóm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý; nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành giáo dục và đào tạo; nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; nhóm vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ) để mô tả chi tiết công việc, khối lượng công việc của từng vị trí và đưa ra các tiêu chuẩn về trình độ, năng lực cụ thể (bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo) của đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên [H6.06.01.17]. Việc xây dựng Đề án vị trí việc làm với khung năng lực và tiêu chuẩn của từng vị trí việc làm cụ thể (bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo) của mỗi vị trí việc làm là rất cần thiết để hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của Trường và mỗi đơn vị, đồng thời sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực.

Đối với nhóm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý, ngoài các yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng, kinh nghiệm, phẩm chất cá nhân, uy tín, tư duy, khả năng

đoàn kết, tập hợp, quy tụ viên chức trong đơn vị,... thì Bản mô tả vị trí việc làm tại Đề án vị trí việc làm còn xác định cụ thể các yêu cầu về năng lực gồm 03 nhóm năng lực: Nhóm năng lực chung, nhóm năng lực chuyên môn, nhóm năng lực quản lý; tùy từng vị trí quản lý là các khoa/viện chuyên môn, trung tâm hay các phòng chức năng, các tiêu chuẩn năng lực được xác định cụ thể; theo yêu cầu của công tác quản lý, một số trường đơn vị phải có trình độ Tiến sĩ như Trưởng các khoa/viện chuyên môn, Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Khoa học công nghệ - Đối ngoại và Học liệu được nêu cụ thể và chi tiết tại Bản mô tả vị trí việc làm trên cơ sở quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường **[H6.06.01.11]**. Các vị trí quản lý như Chủ tịch HĐ trường, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng ngoài các tiêu chuẩn, quy định chung của ngành, của Trường còn phải tuân thủ các yêu cầu, điều kiện, tiêu chuẩn được Tỉnh ủy Quảng Bình quy định đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý quy định **[H6.06.03.01]**.

Nhà trường luôn quan tâm và thường xuyên cử đi đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức, người lao động nhằm nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, được thể hiện trong các báo cáo kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng hàng năm **[H6.06.03.02]**. Các viên chức lãnh đạo, quản lý được Nhà trường cử đi bồi dưỡng về cao cấp lý luận chính trị, trung cấp lý luận chính trị, quốc phòng an ninh, kỹ năng lãnh đạo để có những chứng chỉ phù hợp với các chức vụ được bổ nhiệm nhằm đáp ứng đủ tiêu chuẩn về công tác lãnh đạo, quản lý **[H6.06.03.03]**, **[H6.06.03.04]**, **[H6.06.03.05]**. Các vị trí quản lý đặc thù như Tổng Biên tập, Phó Tổng Biên tập Tạp chí khoa học công nghệ được cử đi đào tạo nghiệp vụ quản lý báo chí **[H6.06.03.06]**.

Hàng năm, việc đánh giá về năng lực, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đội ngũ viên chức quản lý nói riêng và viên chức, người lao động nói chung được Nhà trường thực hiện qua nhiều hình thức, trong đó có kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng VC, NLĐ hàng năm; qua đó, Trường đã đánh giá đúng đội

ngũ VC, NLĐ về năng lực chuyên môn, trách nhiệm, thực hiện nhiệm vụ theo đúng các quy định [H6.06.02.11], [H6.06.02.12], [H6.06.02.13].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.4. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác định và có các hoạt động được triển khai để đáp ứng các nhu cầu đó

Nhà trường luôn xác định chất lượng đội ngũ viên chức, người lao động là điều cốt lõi quyết định chất lượng đào tạo và góp phần không nhỏ vào sự phát triển của Nhà trường. Do đó, thời gian qua, Trường luôn quan tâm, chú trọng đến công tác đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ viên chức, GV và NV của Trường. Để quản lý và triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng, căn cứ vào các văn bản quy định của Nhà nước, Nhà trường đã ban hành quy định về quản lý đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức và người lao động làm việc tại Trường ĐHQB để quản lý và triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng cho viên chức và người lao động [H6.06.04.01]; Quy định này được chỉnh sửa, bổ sung và ban hành thay thế để phù hợp với sự thay đổi của quy định pháp luật và tình hình thực tiễn của Nhà trường [H06.01.14]. Trong đó, quy định cụ thể về quy trình xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; mục tiêu, nguyên tắc, nội dung đào tạo, bồi dưỡng; quy định điều kiện, trách nhiệm, quyền lợi của người được cử đi đào tạo, bồi dưỡng; quy trình, thủ tục và xử lý vi phạm về đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức. Ngoài các điều kiện chung theo quy định của Nhà nước thì viên chức, GV của Trường khi được cử đi đào tạo sau đại học phải đảm bảo các điều kiện về độ tuổi, chuyên ngành đăng kí đi đào tạo phù hợp với vị trí việc làm, cam kết thực hiện nhiệm vụ sau khi hoàn thành chương trình đào tạo; các quyền lợi, trách nhiệm, nghĩa vụ của người tham gia đào tạo được quy định cụ thể trong quy chế này và Quy chế chi tiêu nội bộ Trường [H6.06.01.15].

Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ viên chức, giảng viên và NV của Trường đã được xác định trong Chiến lược xây dựng đội ngũ viên chức,

người lao động trong Chiến lược phát triển Trường Đại học Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 [H6.06.01.03]. Trong bản Chiến lược đó đã nêu rõ mục tiêu là: *“Xây dựng đội ngũ giảng viên cơ hữu đủ về số lượng và mạnh về chất lượng theo hướng: phát triển đội ngũ nhân sự phù hợp với yêu cầu của từng đơn vị, xác định cơ cấu giảng viên theo hướng tăng tỷ lệ tiến sĩ; thu hút các giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên được đào tạo ở nước ngoài theo các mục tiêu của Kế hoạch chiến lược này. Chú trọng rà soát, đánh giá chất lượng đội ngũ giảng viên thông qua năng lực chuyên môn, năng lực giảng dạy và năng lực nghiên cứu, đồng thời có biện pháp xử lý phù hợp đối với những trường hợp không đáp ứng yêu cầu. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên dưới nhiều hình thức, chú trọng việc gửi viên chức, người lao động ra nước ngoài học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, nghiệp vụ sư phạm; đa dạng hóa hợp tác quốc tế nhằm phát triển nhanh nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là đội ngũ giảng viên. Xây dựng đội ngũ viên chức hành chính tinh gọn, chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất, có khả năng sáng tạo, thực hiện tốt công việc, có năng lực hội nhập. Hoàn thiện Đề án vị trí việc làm và tiêu chí đánh giá công tác của đội ngũ viên chức hành chính; chú trọng đào tạo bồi dưỡng kiến thức, năng lực làm việc cho đội ngũ viên chức hành chính. Tiếp tục quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo của Trường đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn sắp tới, nhằm tạo sự chủ động, sớm phát hiện cán bộ có phẩm chất, năng lực lãnh đạo, quản lý, năng lực hội nhập, được đào tạo bài bản để quy hoạch, bồi dưỡng rèn luyện, thử thách, đáp ứng các nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của Trường. Chú trọng kiện toàn các đơn vị, trong đó đặt trọng tâm kiện toàn tổ chức, cán bộ những đơn vị thế mạnh, chủ lực của Trường”*.

Chiến lược phát triển Trường đã đặt ra mục tiêu cụ thể về phát triển đội ngũ như sau: Bồi dưỡng 05 lượt ứng viên GS, PGS; Cử đi đào tạo sau tiến sĩ ở nước ngoài 10 người; đào tạo tiến sĩ ở nước ngoài: 15 người; tiến sĩ trong nước: 15 người; đào tạo thạc sĩ ở nước ngoài: 10 người; thạc sĩ trong nước: 20 người;

đào tạo khác: 15 người. Kết quả đào tạo, bồi dưỡng: Phần đầu có 05 cán bộ, viên chức được phong hàm GS, PGS, 30 CBGV bảo vệ luận án tiến sĩ; 30 CBGV bảo vệ luận văn thạc sĩ; 150 người tốt nghiệp ngoại ngữ trình độ B1 (hoặc tương đương) trở lên. Như vậy, trong giai đoạn này, Trường có tổng số viên chức, người lao động là 265 người, trong đó phần đầu đạt 198 giảng viên, tỷ lệ sinh viên, học viên trên một cán bộ giảng dạy đạt 28/1; phần đầu đạt 05 PGS (1,89%), 70 tiến sĩ (26,42%), 160 thạc sĩ (60,37%), cán bộ phục vụ giảng dạy 67 người.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng được triển khai và nhận được sự tham gia tích cực của toàn thể viên chức. Để triển khai các hoạt động phát triển đội ngũ CB, GV, NV được tốt hơn, trên cơ sở Quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức theo từng giai đoạn, hàng năm Nhà trường đã triển khai xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ CB, GV, NV; đồng thời tiến hành rà soát, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng và điều chỉnh để xây dựng kế hoạch triển khai cho năm học tiếp theo nhằm nâng cao công tác phát triển đội ngũ nguồn nhân lực đạt được hiệu quả tốt hơn **[H6.06.01.20], [H6.06.04.02], [H6.06.03.02], [H6.06.04.03]**. Trong bối cảnh Trường đang dần thực hiện tự chủ, hạn chế về kinh phí đào tạo, bồi dưỡng ảnh hưởng không nhỏ đến nguồn lực tài chính của Trường. Tuy nhiên, Nhà trường xác định đây là vấn đề trọng yếu gắn với sự phát triển lâu dài nên ngoài các khoá đào tạo, bồi dưỡng do Nhà trường tổ chức, Nhà trường còn cử viên chức đi đào tạo ở trong nước và nước ngoài **[H6.06.04.04], [H6.06.04.05]**. Trường tạo điều kiện, khuyến khích cho cán bộ quản lý, giảng viên tham gia các hội thảo khoa học quốc tế, hội thảo khoa học quốc gia, tham gia các khoá bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn ở trong nước và nước ngoài nhằm đáp ứng đa dạng nhu cầu về đào tạo và phát triển của đội ngũ cán bộ, giảng viên và chuyên viên **[H6.06.04.06]**. Để đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực NCKH của giảng viên, Nhà trường đã tăng cường các đề tài NCKH cấp cơ sở cho đội ngũ giảng viên, viên chức hành chính qua các năm **[H6.06.04.07]**.

Bên cạnh đó, Nhà trường luôn coi trọng ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có phản hồi của đội ngũ viên chức, GV, NV về các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn để kịp thời rút kinh nghiệm trong công tác xây dựng kế hoạch hàng năm. Các thông tin phản hồi và góp ý được tổng hợp và lập thành báo cáo tổng kết năm học hàng năm [H6.06.04.08].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 6.5. Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ là một quá trình gồm các bước từ xác định nội dung, mục tiêu công việc đến theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện công việc giữa viên chức quản lý và giảng viên, nhân viên nhằm đảm bảo các nhiệm vụ và mục tiêu công việc được thành công, góp phần vào mục tiêu chung của Nhà trường.

Để đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV thì ngoài các quy định chung của Nhà nước, của ngành, của Tỉnh, Nhà trường xây dựng hệ thống văn bản hướng dẫn và triển khai thực hiện đánh giá, thi đua, khen thưởng như: Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động; Quy định về công tác thi đua, khen thưởng; Quy định chế độ làm việc của giảng viên; Quy định nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức, viên chức và người lao động; Quy chế chi tiêu nội bộ [H6.06.02.10], [H6.06.05.01], [H6.06.02.06], [H6.06.05.02], [H6.06.01.15]. Các quy định được phổ biến, công khai trên website và trang quản lý văn bản nội bộ của Nhà trường.

Nhà trường đã xây dựng quy trình, tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV dựa trên quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động [H6.06.02.10]. Việc xây dựng quy định, tiêu chí đánh giá có sự tham gia đóng góp ý kiến của các đơn vị trước khi Nhà trường ban hành chính thức [H6.06.05.03]. Hàng năm, Phòng Tổ chức - Hành chính

làm đầu mối xây dựng kế hoạch, hướng dẫn tổ chức triển khai, đánh giá, xếp loại viên chức và người lao động đến các đơn vị trong Trường **[H6.06.05.04]**; các đơn vị tổ chức đánh giá viên chức, người lao động theo quy trình, trên cơ sở đó Nhà trường họp xét và ban hành Quyết định công nhận kết quả đánh giá, xếp loại viên chức và người lao động hàng năm **[H6.06.02.09]**. Nội dung đánh giá, phân loại viên chức và NLD dựa trên các tiêu chí cụ thể tương ứng với các mức: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Hoàn thành tốt nhiệm vụ, Hoàn thành nhiệm vụ, Không hoàn thành nhiệm vụ.

Nhà trường có các tiêu chí về giờ giảng, giờ hoạt động chuyên môn, giờ nghiên cứu khoa học và việc tham gia các hoạt động đoàn thể, phục vụ cộng đồng cũng được đưa vào tiêu chí để đánh giá, xếp loại và bình xét thi đua, khen thưởng cuối năm học **[H6.06.02.06]**. Quy trình đánh giá, xếp loại viên chức và bình xét thi đua, khen thưởng được thực hiện theo quy trình công khai, minh bạch. Các cá nhân làm phiếu đánh giá, xếp loại viên chức và Báo cáo thành tích theo mẫu, các đơn vị trực tiếp sử dụng viên chức họp và tiến hành nhận xét, đánh giá, bỏ phiếu xếp loại viên chức và hình thức thi đua, khen thưởng; việc đánh giá, xếp loại CTHĐT, HT, PHT được thực hiện theo quy định của Tỉnh ủy **[H6.06.02.11]**.

Viên chức được công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp hoặc được tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ hay các hình thức khen thưởng khác đều được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng và xem xét nâng bậc lương trước thời hạn theo quy định **[H6.06.05.01]**, **[H6.06.05.02]**, **[H6.06.02.11]**.

Căn cứ vào kết quả phân loại viên chức và quy định về công tác thi đua khen thưởng, hội đồng thi đua khen thưởng tiến hành bình xét và đề nghị Nhà trường công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng năm học **[H6.06.05.05]**, **[H6.06.05.06]**, **[H6.06.05.07]**. Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức là căn cứ

quan trọng để Nhà trường lập kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, xác định kinh phí đầu tư cho đào tạo, bồi dưỡng nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; đồng thời là cơ sở để bố trí, sử dụng, thăng hạng chức danh nghề nghiệp, quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, khen thưởng, kỷ luật, đánh giá, xếp loại chất lượng đảng viên và thực hiện các chính sách khác đối với viên chức nhằm tạo động lực cho đội ngũ nhân sự phát huy năng lực và gắn bó hơn nữa với Nhà trường [H6.06.01.08], [H6.06.01.15], [H6.06.01.15].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.6. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên

Công tác chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được Nhà trường quan tâm rà soát tương đối thường xuyên để phù hợp với tình hình thực tiễn, đáp ứng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Nhà trường giao cho một số đơn vị là đầu mối thực hiện công tác rà soát chế độ, chính sách của Trường như: Phòng TC-HC rà soát về công tác tổ chức bộ máy, quy hoạch, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, thi đua khen thưởng...; Phòng Kế hoạch, Tài chính và Quản lý đầu tư rà soát, cập nhật bổ sung chế độ tài chính thanh toán cho viên chức và NLĐ; Phòng Khoa học công nghệ và Đối ngoại rà soát về NCKH và HTQT; Phòng Đào tạo, Phòng Khoa học công nghệ và Đối ngoại và Phòng TC-HC phối hợp rà soát, bổ sung quy định về chế độ làm việc của giảng viên... Kết quả được thể hiện tại báo cáo tổng kết của Trường theo từng năm học [H6.06.06.01], [H6.06.04.08].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị viên chức và người lao động để xin ý kiến biểu quyết thông qua các báo cáo: Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm học và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường; Báo cáo quyết toán tài chính; Báo cáo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân,... [H6.06.06.02]. Tổ chức hội nghị theo từng đơn vị thuộc Trường trước khi Hội

nghi viên chức và người lao động cấp Trường. Tại Hội nghị của các đơn vị đều tổ chức lấy ý kiến đóng góp của toàn thể viên chức, người lao động về chế độ chính sách, quy định, quy chế để xây dựng mới hoặc điều chỉnh bổ sung **[H6.06.06.03]**. Kết quả đóng góp ý kiến của các đơn vị, của viên chức và người lao động là cơ sở thực tiễn để Nhà trường đánh giá chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường và được sử dụng để áp dụng các biện pháp điều chỉnh, cải tiến kịp thời nhằm hoàn thành tốt các mục tiêu nhiệm vụ của năm học.

Để đảm bảo các chế độ, chính sách liên quan đến tiền lương, phụ cấp ưu đãi nghề, phụ cấp thâm niên nhà giáo, phụ cấp độc hại và kịp thời cập nhật các quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường và quy định của Nhà nước; trong những năm qua, Trường đã có nhiều cải tiến, điều chỉnh nhằm thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách và nâng cao trách nhiệm thực thi nhiệm vụ đối với đội ngũ viên chức thông qua việc xây dựng và ban hành các văn bản có liên quan như: Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường ĐHQB (ban hành năm 2015 và được điều chỉnh, bổ sung năm 2021, 2022; Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ĐHQB (ban hành năm 2017, rà soát và điều chỉnh năm 2022); Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức và người lao động (ban hành năm 2015, điều chỉnh năm 2022, 2023); Quy chế Thi đua, khen thưởng (ban hành năm 2020, rà soát và điều chỉnh ban hành thay thế năm 2025); Quy chế đào tạo, bồi dưỡng viên chức Trường ĐHQB năm 2018 (ban hành năm 2018, điều chỉnh năm 2023, 2024),... **[H6.06.06.04]**, **[H6.06.01.15]**, **[H6.06.05.02]**, **[H6.06.06.05]**, **[H6.06.01.14]**.

Bên cạnh đó, để xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý có đủ tiêu chuẩn, năng lực theo quy định của Nhà nước, hàng năm, Nhà trường thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch chức danh Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng và quy hoạch cán bộ quản lý các đơn vị thuộc Trường theo từng giai đoạn đúng theo yêu cầu, hướng dẫn của cơ quan cấp trên và phù hợp với yêu cầu thực tiễn của Trường: Năm 2022, Nhà trường đã tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch nhiệm kỳ 2021-2026

và quy hoạch nhiệm kỳ 2026-2031, gửi báo cáo và danh sách nguồn quy hoạch các chức danh diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng) đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, điều chỉnh, bổ sung và đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt; rà soát, bổ sung quy hoạch nhiệm kỳ 2021-2026 và quy hoạch nhiệm kỳ 2026-2031 các chức danh diện Tập thể Lãnh đạo trường quản lý [H6.06.01.07], [H6.06.01.08], [H6.06.01.09], [H6.06.01.10]. Công tác bổ nhiệm cán bộ quản lý được thực hiện đối với những người có trong quy hoạch và thực hiện đúng quy trình của quy chế bổ nhiệm.

Quá trình rà soát, đánh giá về chế độ, chính sách, quy chế, quy định và quy hoạch về nguồn nhân lực hằng năm được Nhà trường thông báo đến các đơn vị triển khai lấy ý kiến đóng góp của toàn thể viên chức Nhà trường để xây dựng mới hoặc điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường và phù hợp với các văn bản của Nhà nước.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 6.7. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Nhà trường thường xuyên điều chỉnh, bổ sung, cải tiến các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng như: Quy chế chi tiêu nội bộ là văn bản liên quan chặt chẽ đến việc thực hiện chế độ chính sách đối với viên chức, người lao động được Nhà trường quan tâm, rà soát và điều chỉnh bổ sung để phù hợp với quy định của Nhà nước và tình hình tài chính thực tiễn của Trường [H6.06.01.15]. Sửa đổi, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022 có nhiều điểm mới ví dụ như Điều 14 Chi văn phòng phẩm; Điều 15 Công tác phí; Điều 16 Quản lý, sử dụng tài sản công, sử dụng điện thoại và thông tin liên lạc; và các khoản chi phúc lợi tập thể được điều chỉnh phù hợp với quy định quản lý tài chính công của Nhà nước và có nhiều nội dung điều chỉnh giảm xuống cho phù hợp với tình hình tài chính của Trường.

Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường Đại học Quảng Bình ban hành năm 2015 đã quy định cụ thể về thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của giảng viên; tuy nhiên, để phù hợp với các văn bản của Nhà nước, của Bộ GD&ĐT và tình hình thực tế, năm 2021, Nhà trường ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên thay thế quy định năm 2015 **[H6.06.06.04]**. Việc quy đổi giờ dạy được linh hoạt hơn khi chấp nhận quy đổi kết quả NCKH sang giờ dạy và ngược lại.

Đối với quy trình, quy hoạch nguồn nhân lực được thực hiện theo quy trình quy định, hướng dẫn của Trung ương, Tỉnh ủy và UBND tỉnh Quảng Bình về công tác quy hoạch cán bộ và được cụ thể hóa bằng các văn bản của Nhà trường. Trong giai đoạn đánh giá, Trường Đại học Quảng Bình đã triển khai thực hiện tốt các quy định, hướng dẫn của Trung ương và của Tỉnh về công tác quy hoạch cán bộ quản lý của Nhà trường **[H6.06.07.01]**, **[H6.06.01.06]**. Trên cơ sở việc cải tiến quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực và tiêu chuẩn, điều kiện đối với vị trí quy hoạch của viên chức, hằng năm Nhà trường cử viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng phục vụ phát triển nguồn nhân lực.

Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Quảng Bình được ban hành từ năm 2014 và điều chỉnh, thay thế vào năm 2023 để phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và thực tiễn của Nhà trường, quy định cụ thể các nội dung như: quản lý và thực hiện nhiệm vụ KH&CN các cấp; quản lý hoạt động sáng kiến; quản lý hoạt động biên soạn giáo trình; quản lý hoạt động NCKH của SV; khen thưởng và xử lý vi phạm **[H6.06.07.02]**. Bên cạnh đó Nhà trường đã ban hành Quy định về hoạt động của Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Quảng Bình năm 2018 và được sửa đổi năm 2023; Quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ ban hành năm 2016 được thay thế bởi Quy chế quản trị tài sản trí tuệ vào năm 2023 đã quy định cụ thể các chế độ, chính sách có liên quan **[H6.06.07.03]**, **[H6.06.07.04]**. Nhà trường khuyến khích các giảng viên thực hiện NCKH, tham gia các dự án,

chương trình do các tổ chức nước ngoài tài trợ (như Harmony, Erasmus+, Dự án trại hè tiếng Anh Access...) [H6.06.07.05].

Quy định về đào tạo, bồi dưỡng được điều chỉnh, bổ sung thường xuyên hoặc ban hành thay thế nhằm cải tiến, đổi mới cho phù hợp với quy định của Nhà nước và chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường, trong đó nhấn mạnh đến việc các viên chức, các đơn vị xây dựng Kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng, từ đó Nhà trường xây dựng Kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng tổng thể hàng năm, trung hạn và dài hạn; các quy định về bồi dưỡng sau tiến sĩ, quy định về bồi hoàn kinh phí đào tạo được bổ sung, cập nhật để phù hợp với tình hình thực tiễn của Nhà trường [H6.06.01.14]. Kết quả trong giai đoạn đánh giá số lượng viên chức, giảng viên có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ tăng lên không ngừng nhằm bổ sung, đáp ứng quy định của Nhà nước đối với giảng viên giảng dạy đại học [H6.06.03.02], [H6.06.04.08].

Có thể nói, với việc thực hiện công tác rà soát và cải thiện chế độ, chính sách, đánh giá hằng năm đúng năng lực và hiệu quả của viên chức, người lao động là chìa khóa giúp Nhà trường hoạch định, tuyển dụng, đãi ngộ, góp phần củng cố và phát triển văn hóa tổ chức cũng như cải tiến quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực làm căn cứ đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực tại Trường, không ngừng nâng cao chất lượng công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của viên chức, người lao động Trường ĐHQB.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 6:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường đã ban hành Kế hoạch Chiến lược phát triển Trường Đại học Quảng Bình giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2035; đã thực hiện tốt công tác quản lý nguồn nhân lực; đã xây dựng lộ trình phát triển nguồn nhân lực, ban hành Đề án vị trí việc làm mang tính tổng thể và đồng bộ ở các nhóm và các khâu của công tác cán bộ; bố trí, sử dụng, đào tạo bồi dưỡng, đánh giá đội ngũ nhằm đạt mục tiêu Nhà trường đề ra. Thường xuyên rà soát, bổ sung quy hoạch

cán bộ chủ chốt, quy hoạch phát triển đội ngũ GV, CV theo đúng thẩm quyền, quy trình và tiêu chuẩn.

- Nhà trường đã ban hành hệ thống văn bản quản lý nội bộ về nguồn nhân lực cơ bản đầy đủ như: Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy chế làm việc của Trường ĐHQB, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy định về đào tạo, bồi dưỡng, Quy định thi đua, khen thưởng Quy định về chế độ làm việc của giảng viên, về tuyển dụng, bổ nhiệm, nâng bậc lương trước thời hạn,... Các quy định, quy chế này là các căn cứ để thực hiện tuyển dụng, bố trí, bổ nhiệm và thực hiện các chế độ, chính sách về nhân sự, đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực của Nhà trường.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ GV trong những năm qua được Nhà trường chú trọng. Nhà trường thường xuyên rà soát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt ưu tiên những GV tìm được các nguồn học bổng ở nước ngoài.

- Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng VCNLD và Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Trường ĐHQB được xây dựng theo đúng quy định của pháp luật; các tiêu chuẩn và tiêu chí được miêu tả rõ ràng, minh bạch làm căn cứ để Nhà trường tổ chức thực hiện một cách thống nhất.

- Các chế độ, chính sách, quy trình, quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát, kiểm tra và báo cáo thường xuyên, đảm bảo thực hiện đúng quy định và kịp thời, tạo được niềm tin cho VCNLD.

- Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên và tích cực cải tiến, vì vậy đội ngũ viên chức Nhà trường được đảm bảo cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng tốt công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Việc xây dựng kế hoạch quy hoạch dài hạn đối với đội ngũ GV ở một số nhóm chuyên môn/chuyên ngành giảng dạy trong Nhà trường còn gặp khó khăn do nhu cầu đào tạo thay đổi thường xuyên.

- Nhà trường vẫn chưa tuyển dụng được một số lượng nhất định nhân sự có chất lượng cao ở các vị trí việc làm theo nhu cầu công việc. Nguyên nhân chính là Nhà trường hiện là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên, nguồn thu tài chính đang gặp nhiều khó khăn nên việc chi trả tiền lương và thu nhập chưa cao.

- Hệ thống đo lường, đánh giá hiệu suất làm việc của VCNLD tương thích với hệ thống tiêu chí về năng lực của các vị trí việc làm trong Đề án vị trí việc làm chưa được rà soát, cải tiến thường xuyên. Điểm tồn tại này có thể tạo khó khăn trong công tác nâng cao chất lượng làm việc, năng lực công tác của đội ngũ VCNLD trong Nhà trường.

- Mặc dù công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động, nhất là đội ngũ viên chức quản lý, giảng viên được Nhà trường hết sức coi trọng, tuy nhiên do nguồn thu còn hạn hẹp nên mức hỗ trợ kinh phí đối với viên chức được cử đi đào tạo bồi dưỡng, đặc biệt là nghiên cứu sinh còn thấp. Mặc dù Trường đã có chế độ, chính sách tạo điều kiện cho viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng cũng như bố trí thời gian, phân công công việc phù hợp, nhưng đây vẫn là khó khăn lớn đối với công tác xây dựng kế hoạch trung hạn và dài hạn về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực của Nhà trường.

- Nhà trường chưa xây dựng được các kế hoạch chi tiết trong quy hoạch nguồn nhân lực hỗ trợ đào tạo. Một số vị trí việc làm hỗ trợ đào tạo chưa được tập huấn, bồi dưỡng một cách hệ thống, khoa học nhằm hỗ trợ tốt hơn các hoạt động đào tạo của Nhà trường, như công tác tư vấn nghề nghiệp, tư vấn tuyển sinh, kết nối các doanh nghiệp, kết nối cựu người học...

3. Kế hoạch cải tiến

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
----------------	---------------------	-----------------	--	--	--------------------

1	Khắc phục tồn tại 1	- Tổng hợp thông tin, dự báo thay đổi về nhu cầu nhân lực của địa phương, vùng và trên phạm vi cả nước, nhằm xây dựng và điều chỉnh công tác quy hoạch đối với đội ngũ chuyên môn của Nhà trường ở một số chuyên ngành.	BGH, Phòng TC-HC và các đơn vị thuộc Trường	Các năm học, giai đoạn 2025-2030	
2	Khắc phục tồn tại 2	- Xây dựng cải tiến chế độ phúc lợi, tăng thu nhập cho người lao động nhằm thu hút nhân tài và nguồn nhân lực có chất lượng cao về làm việc tại Trường.	Phòng KH, TC&QLĐT, Phòng TC-HC	Hàng năm (theo năm học)	
3	Khắc phục tồn tại 3	- Thường xuyên rà soát, cải tiến hệ thống đánh giá công việc của viên chức quản lý nói riêng và viên chức nói chung phù hợp Bản mô tả vị trí việc làm nhằm giám sát, tăng cường năng lực quản lý và mức độ hoàn thành công việc,	Các đơn vị trong Trường	Hàng năm	

		hiệu quả công tác của đội ngũ VCNLD theo .			
4	Khắc phục tồn tại 4	- Tăng cường các nguồn kinh phí phục vụ đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ viên chức, NLD; - Tạo điều kiện và khuyến khích viên chức tìm kiếm các nguồn học bổng trong nước và ngoài nước để nâng cao cơ hội học tập và phát triển.	BGH, Phòng TC-HC và các đơn vị thuộc Trường	Hằng năm	
5	Khắc phục tồn tại 5	- Xây dựng các chương trình bồi dưỡng, các khóa tập huấn đối với đội ngũ chuyên viên nhằm hỗ trợ các hoạt động đào tạo; - Xây dựng các hệ thống dạy học và quản lý người học.	Các đơn vị thuộc Trường	Hằng năm	
6	Phát huy điểm mạnh	Phát huy tính tự chủ trong việc bố trí, lựa chọn người đáp ứng được công việc	BGH, Phòng TC-HC	Theo Kế hoạch của Trường	

	h 1	theo Đề án vị trí việc làm.		đề ra trong mỗi năm học	
7	Phát huy điểm mạnh h 2	Cụ thể hóa hơn nữa các quy định, tiêu chí đánh giá, sử dụng và quản lý viên chức	Phòng TC-HC	Hằng năm	
8	Phát huy điểm mạnh h 3	Tiếp tục rà soát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt đối với đội ngũ GV của Nhà trường	Phòng TC-HC, các đơn vị thuộc Trường	Hằng năm	
9	Phát huy điểm mạnh h 4	Thường xuyên thực hiện rà soát, điều chỉnh các Quy chế, Quy định nội bộ cho phù hợp với các văn bản hiện hành của Nhà nước và đáp ứng sự thay đổi của chiến lược phát triển Nhà trường.	Các đơn vị	Hằng năm	
10	Phát huy	Tiếp tục rà soát các chế độ, chính sách, quy trình và	BGH, Phòng	Hằng	

	điểm mạn h 5	quy hoạch về nguồn nhân lực	TC-HC, Phòng KH,TC& QLĐT	năm	
12	Phát huy điểm mạn h 6	Tiếp tục rà soát, đổi mới các quy chế, quy trình, bổ sung tiêu chí, tiêu chuẩn cho phù hợp với tình hình thực tế, đặc biệt về các chế độ lương, thưởng, phụ cấp...	BGH, Phòng TC-HC, Phòng KH,TC& QLĐT và các đơn vị liên quan	Hằng năm	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 6</i>	<i>4,28</i>
Tiêu chí 6.1	4
Tiêu chí 6.2	4
Tiêu chí 6.3	5
Tiêu chí 6.4	4
Tiêu chí 6.5	5
Tiêu chí 6.6	4
Tiêu chí 6.7	4

Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất

Tiêu chí 7.1. Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của cơ sở giáo dục để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành

Phòng Kế hoạch - Tài chính và QLĐT có chức năng, nhiệm vụ tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong việc xây dựng kế hoạch tổ chức, quản lý và thực hiện công tác tài chính, kế toán của Trường. Theo Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chức năng thuộc trường ĐHQB, Phòng Kế hoạch - Tài chính và QLĐT là đơn vị đầu mối triển khai xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển của Nhà trường. Chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan thực hiện theo dõi, giám sát, đánh giá kế hoạch nhiệm vụ năm học trong việc phát triển các nguồn lực tài chính phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H7.07.01.01].

Công tác lập kế hoạch, theo dõi, giám sát việc phát triển các nguồn lực tài chính phục vụ đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng được triển khai qua hệ thống các văn bản quản lý điều hành và phần mềm (phần mềm kế toán), (phần mềm quản lý văn bản)... để theo dõi công tác tài chính trong toàn Trường từ đó nâng cao được hiệu quả của công tác quản lý tài chính và hoàn thành các nhiệm vụ được giao [H7.07.01.02].

Đối với các nguồn lực tài chính phục vụ cộng đồng, hàng năm phòng Kế hoạch Tài chính và QLĐT phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai xây dựng kế hoạch tổ chức các lớp bồi dưỡng cấp chứng chỉ theo quy định, lớp tập huấn ngắn hạn, các hoạt động tư vấn pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp phục vụ cộng đồng [H7.07.01.03], [H7.07.01.04].

Nhà trường luôn đảm bảo hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ, nội dung hàng năm theo chiến lược của Nhà trường: Kế hoạch chiến lược phát triển trường ĐHQB số 1723/KH-ĐHQB ngày 06/10/2014, Kế hoạch phát triển trường ĐHQB giai đoạn 2017 - 2019 số 1088/KH - ĐHQB ngày 20/6/2017 và Chiến

lược phát triển Trường Đại học Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 [H7.07.01.05].

Để đảm bảo nguồn lực tài chính cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ, Nhà trường xác định mục tiêu chiến lược nguồn lực tài chính như sau: “Đa dạng hóa và phát triển các nguồn thu, đảm bảo năng lực tài chính bền vững; hợp tác các dự án, liên kết đào tạo để thu hút các nguồn lực từ bên ngoài”. Trên cơ sở mục tiêu chiến lược, Trường đã xây dựng các kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn về nguồn lực tài chính [H7.07.01.04], [H7.07.01.05], [H7.07.01.06].

Việc lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của Trường nhằm hỗ trợ thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Hệ thống đó được thiết lập và vận hành nhằm đảm bảo các yêu cầu chủ chốt sau đây:

Thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm quản lý tài chính, Trường thực hiện rà soát toàn bộ các văn bản quản lý tài chính trong đó quy định rõ về cơ chế quản lý tài chính, các định mức chi tiêu, quy trình các nghiệp vụ quản lý tài chính. Các văn bản quy định cụ thể các định mức chi tiêu như: Quy chế chi tiêu nội bộ [H7.07.01.07], Quyết định ban hành hướng dẫn thực hiện các chế độ chính sách người học [H7.07.01.08], Quyết định ban hành về mức thu học phí hằng năm [H7.07.01.09], Quyết định quản lý sử dụng định mức tài sản công của Nhà nước [H7.07.01.10].

+ Về công tác quản lý tài chính: Trong giai đoạn 2017 - 2021, Trường đã quản lý tốt các nguồn kinh phí, các quỹ, đảm bảo chi tiêu kịp thời đúng chế độ chính sách của Nhà nước, không để xảy ra các vi phạm hay thất thoát về tài chính. Các khoản thu đều thu đủ và thu đúng theo quy định của Nhà nước, các khoản chi đảm bảo chấp hành theo Luật Ngân sách, theo dự toán được giao và theo kiểm soát của Kho bạc Nhà nước. Công tác lập dự toán, chế độ chi tiêu tài chính theo đúng quy chế chi tiêu nội bộ của Trường đã được báo cáo công khai tại Hội nghị VC&NLĐ, đúng với các quy định của Nhà trường và của Nhà nước

[H7.07.01.07], [H7.07.01.11].

+ Việc tăng cường các nguồn lực tài chính nhà trường được cụ thể hóa qua đề án một cách rõ ràng, minh bạch, độc lập và công khai. Hàng năm Nhà trường thực hiện báo cáo ba công khai, kế hoạch tài chính, báo cáo cơ cấu nguồn thu, đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn thu chi trong năm trước, định hướng các năm sau được báo cáo tại Hội nghị VC&NLĐ hàng năm **[H7.07.01.11], [H7.07.01.12].**

+ Căn cứ vào định hướng chiến lược, quy hoạch phát triển đã được Hội đồng trường phê duyệt, cũng như căn cứ vào kế hoạch trọng tâm của Trường, phòng đã triển khai công tác xây dựng kế hoạch tài chính. Các kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn và dài hạn được xây dựng thông qua hai chiều từ cấp đơn vị góp ý và đề xuất và từ cấp trường phân bổ để thực hiện các mục tiêu phát triển **[H7.07.01.13].**

+ Căn cứ trên kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển Nhà trường, phòng KH,TC&QLĐT tiến hành làm căn cứ xây dựng kế hoạch hoạt động và kế hoạch ngân sách hàng năm **[H7.07.01.03]**, đồng thời xây dựng Chiến lược phát triển Trường Đại học Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 **[H7.07.01.05].**

+ Nhà trường xây dựng dự toán ngân sách, trình UBND Tỉnh phê duyệt dự toán ngân sách hàng năm **[H7.07.01.14]**. Các căn cứ để xây dựng dự toán ngân sách bao gồm: Chiến lược phát triển trường, kế hoạch trọng tâm cụ thể của năm, kế hoạch hoạt động và kế hoạch ngân sách của các đơn vị chức năng; Tình hình thực hiện kế hoạch ngân sách của năm năm trở lại đây; Các nguồn lực khả thi trong việc thực hiện kế hoạch dự toán ngân sách; Các văn bản của UBND Tỉnh và các văn bản hướng dẫn về lập kế hoạch dự toán ngân sách; Căn cứ vào Luật, pháp lệnh thuế, chế độ thu chi, định mức theo quy định; Các quy định, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá học phí của Trường. **[H7.07.01.03], [H7.07.01.15].**

Hàng năm, công tác tài chính được thể hiện bằng báo cáo công khai tài

chính, báo cáo tờ khai quyết toán thuế [H7.07.01.16], [H7.07.01.17].

Công tác kế hoạch trong toàn trường được kiểm tra, giám sát thường xuyên. Thể hiện thông qua các báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và thông qua Hội nghị VC&NLĐ hàng năm [H7.07.01.11], [H7.07.01.12]. Đồng thời, cũng tại Hội nghị VC&NLĐ toàn bộ viên chức trong trường thảo luận, góp ý và thống nhất để điều chỉnh QCCTNB cho phù hợp.

Công tác kiểm tra tài chính được thông qua các ban: Ban thanh tra nhân dân của Nhà trường...Kiểm toán nhà nước [H7.07.01.18], [H7.07.01.19]. Hàng năm, Trường có trách nhiệm nộp báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính cho UBND, Sở Tài chính [H7.07.01.16]. Bên cạnh đó, Trường luôn đáp ứng đầy đủ công tác tài chính nếu có Kiểm toán Nhà nước khi có kế hoạch kiểm toán, cũng như yêu cầu của các cơ quan chức năng khác của Nhà nước. Các báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán thuế Nhà trường luôn nộp đúng thời hạn và theo đúng quy định [H7.07.01.19], [H7.07.01.20].

Việc quản lý, sử dụng tài chính đã được thực hiện trung thực và hợp lý với tình hình tài chính, tình hình quyết toán ngân sách, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng và quy định pháp luật có liên quan. Nhà trường thực hiện công khai tài chính theo quy định, triển khai các hoạt động kiểm soát nội bộ, kiểm soát chặt chẽ về mặt tài chính; kiểm soát hoạt động thu, chi minh bạch, hiệu quả đúng theo quy định của Quy chế chi tiêu nội bộ và các quy định của Nhà nước [H7.07.01.07], [H7.07.01.21]. Công tác quản lý tài sản được gắn với công tác lập, chấp hành dự toán ngân sách Nhà nước, đảm bảo phù hợp với quá trình đầu tư xây dựng, sửa chữa bảo dưỡng, mua sắm, sử dụng tài sản theo tiêu chuẩn, định mức, đúng mục đích, trên tinh thần tiết kiệm, sử dụng có hiệu quả. Đồng thời, thực hiện công khai, kiểm kê và trích hao mòn tài sản theo quy định. Việc mua sắm tài sản đảm bảo đúng quy định, trình tự mua sắm thực hiện theo các quy định có liên quan [H7.07.01.22], [H7.07.01.23].

Thực tại nguồn thu tài chính của Nhà trường với bối cảnh phần lớn nguồn thu là từ học phí, đến nay ngoài nguồn thu học phí, Trường đã tích cực thực hiện

các giải pháp tăng thu như liên kết đào tạo với nhiều trường trong và ngoài nước, mở thêm các lớp đào tạo ngắn hạn tại các huyện, thị xã ... để cố gắng ổn định nguồn thu học phí của Nhà trường trong điều kiện nguồn thu học phí các hệ đào tạo chính quy, liên thông, văn bằng 2 đều giảm. Bên cạnh việc tăng thu, công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cũng được Trường tích cực coi trọng **[H7.07.01.24], [H7.07.01.25]**.

Nhà trường cũng thúc đẩy các dự án phát triển, dự án hợp tác, nghiên cứu chuyển giao và tư vấn cho các tổ chức, doanh nghiệp... góp phần gia tăng nguồn thu và nhờ đó đảm bảo an toàn tài chính trong điều kiện khó khăn, đồng thời tạo tiền đề cho phát triển ở những giai đoạn kế tiếp **[H7.07.01.26]**.

Trải qua giai đoạn khó khăn về nguồn kinh phí do số lượng SV ít, phải chịu sự cắt giảm hoàn toàn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, Trường ĐHQB đã từng bước đa dạng hóa các nguồn thu và thực hiện chiến lược tích lũy cho phát triển. Nhà trường đã đưa ra cơ sở xác định chi phí đào tạo ứng với chuẩn chất lượng đề trên cơ sở đó thực hiện chính sách học phí và các nguồn thu khác đảm bảo đầy đủ chi phí đào tạo hợp lý trong đó đảm bảo tích lũy bù đắp được khấu hao tài sản và chi phí tái tạo nguồn lực phục vụ giáo dục đào tạo. Đặc biệt là sự kết nối chặt chẽ với các tổ chức, doanh nghiệp, cơ quan quản lý, nhà đầu tư. góp phần thực hiện chiến lược phát triển của nhà trường **[H7.07.01.05], [H7.07.01.27]**.

Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy định về hỗ trợ cho SV như chi phí học tập, hỗ trợ xã hội, miễn giảm học phí, khuyến khích học tập, hỗ trợ SV vay vốn...với những thay đổi lớn trong thực thi hỗ trợ người học, đặc biệt là hỗ trợ tài chính cho người học có những hoàn cảnh khó khăn **[H7.07.01.09]**. Điều này góp phần đảm bảo sự bình đẳng trong tiếp cận giáo dục đại học của người học, đồng thời giúp cho Trường thu hút được SV tham gia học tập tại Trường. Bên cạnh nguồn kinh phí từ Quỹ hỗ trợ SV được hình thành trên cơ sở quy định của Nhà nước, trong những năm qua Trường ĐHQB đã không ngừng nỗ lực thu hút các nguồn lực từ bên ngoài để hỗ trợ cho người học **[H7.07.01.27]**.

Nhà trường đã có những chế độ chính sách tài chính tích cực trong việc nâng cao chất lượng đào tạo của Trường, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ giảng dạy, đầu tư cơ sở vật chất, phòng học, phòng thí nghiệm. Hàng năm nhà trường đã thực hiện công khai tài chính, tích cực thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong quản lý tài chính, tài sản, vật tư [H7.07.01.28], [H7.07.01.29].

Tóm lại, công tác kế hoạch và công tác tài chính thường xuyên được đánh giá qua các kênh phản hồi từ các viên chức của các khoa, phòng ban, của các SV, HV trong toàn trường. Thông qua Hội nghị cán bộ viên chức hàng năm và cập nhật các văn bản quy định của pháp luật để Nhà trường luôn có những điều chỉnh kịp thời, điều chỉnh quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp với thực tế. Nhà trường liên tục có những đánh giá, cải tiến về quy chế, quy trình và phương thức sử dụng nguồn tài chính của mình có hiệu quả [H7.07.01.07], [H7.07.01.11] [H7.07.01.30].

Giai đoạn 2017 - 2021, kinh phí hoạt động của nhà trường được hình thành từ hai nguồn: Nguồn ngân sách Nhà nước cấp và nguồn thu sự nghiệp.

Bảng 7.1. Tình hình tài chính của trường trong năm (2019 - 2023)

ĐVT: Triệu đồng

Năm	T.số VC, NLD	Ngân sách Nhà nước cấp				Nguồn thu ngoài ngân sách			Tổng cộng
		Tiền lương & CK trích theo lương	Chi công tác HC	Nghiệp vụ CM, mua sắm CSVC	Khác	Học phí chính quy	Học phí không chính quy	Thu khác	
2017	317	18.429	2.641	1.823	8.572	14.488	9.640	108	55.701
2018	314	19.352	2.354	1.225	9.159	11.20	6.853	99	50.242

						0			
2019	304	23.663	2.198	1.107	4.767	9.400	4.000	955	46.090
2020	287	19.446	698	505	4.158	8.217	3.829	131	36.984
2021	281	29.230	1980	603	4.185	7.121	4.185	10.001	17.212
2022	274	16.443	432	1.031	10.856	7.977	317	2.065	39.121
2023	243	15.706	676	874	13.278	7.924	1.316	2.477	42.251

(Nguồn: Phòng KH,TC&QLĐT Trường ĐHQB)

Từ 2017 đến 2021 nguồn ngân sách cấp cho chi thường xuyên hàng năm của Trường có xu hướng giảm theo lộ trình tự chủ tài chính; năm 2017 đạt 48,854 tỷ đồng, đến năm 2021 chỉ còn 33.683 tỷ đồng. Do điều kiện tuyển sinh khó khăn, dẫn đến nguồn thu ngoài ngân sách cũng giảm mạnh, cụ thể: năm 2017 là 17,311 tỷ đồng, đến năm 2021 là 17,212 tỷ đồng. Theo đó, tỷ trọng nguồn kinh phí từ ngân sách cũng giảm theo. Kết hợp hai yếu tố về lộ trình tự chủ tài chính và tuyển sinh khó khăn đã làm cho tổng thu của Trường giảm rất mạnh, tổng nguồn thu năm 2017 là 55,701 tỷ đồng và bị giảm mạnh qua các năm, đến năm 2021 tổng thu chỉ đạt 17,212 tỷ đồng, bình quân mỗi năm giảm thu 7.69 tỷ đồng.

Phòng KH,TC&QLĐT của Trường đã thực hiện tốt chức năng xây dựng kế hoạch, theo dõi và giám sát việc phát triển các nguồn lực tài chính phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; Kế hoạch tài chính được lập sát với thực tế và đáp ứng được những yêu cầu của các mặt hoạt động chính của Nhà trường nên ít khi phải điều chỉnh lớn. Nhà trường đã phân bổ một cách hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn thu nhằm đảm bảo chi phí cho các hoạt động thường xuyên, trong đó tăng cường chi cho các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H7.07.01.12].

Công tác lập kế hoạch, theo dõi, giám sát việc phát triển các nguồn lực tài chính phục vụ đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng được ứng dụng CNTT, triển khai qua hệ thống các văn bản quản lý điều hành và phần mềm (phần mềm kế toán, phần mềm quản lý văn bản). Có thể giám sát hệ thống tài chính trong

toàn Trường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý kế hoạch tài chính và hoàn thành các nhiệm vụ được giao [H7.07.01.31].

Tập trung mọi nguồn lực để xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất Trường Đại học Quảng Bình theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và chuyên môn hóa. Bắt kịp xu hướng hội nhập và phát triển bền vững, góp phần thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

Công tác minh bạch tài chính, báo cáo tài chính, phục vụ thanh tra, kiểm toán được thực hiện nghiêm túc và chính xác.

Hệ thống hoạch định và quản lý tài chính của nhà trường được tổ chức chặt chẽ đảm bảo đáp ứng các yêu cầu chính sau:

Các qui định của pháp luật về Kế toán, tài chính, kiểm toán, và sử dụng ngân sách.

Đảm bảo tính hiệu quả của công tác tài chính nhằm đáp ứng tốt nhu cầu vận hành và phát triển của Nhà trường.

Đảm bảo tính minh bạch, công khai cho các bên liên quan.

Tự đánh giá tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 7.2. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng như các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành

Công tác Cơ sở vật chất (CSVC) và Cơ sở hạ tầng (CSHT) luôn được Trường ĐHQB quan tâm và coi trọng. Phòng Quản trị có chức năng nhiệm vụ tham mưu cho Ban Giám hiệu trong công tác quản lý, mua sắm, bảo trì, sửa chữa và sử dụng CSVC; Giám sát thực hiện kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá và nâng cấp CSVC về hạ tầng các trang thiết bị dạy học để thực hiện phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H7.07.02.01], [H7.07.02.02].

Để nâng cao CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH, Nhà trường đã xây dựng Chiến lược phát triển trường ĐHQB đến năm 2025 và tầm nhìn 2035. Tập trung mọi nguồn lực để xây dựng,

nâng cấp cơ sở vật chất Trường Đại học Quảng Bình theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và chuyên môn hóa. Bắt kịp xu hướng hội nhập và phát triển bền vững, góp phần thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước [H7.07.01.04], [H7.07.02.03].

Trước hết, cần tập trung rà soát, điều chỉnh, bố trí, sắp xếp các phòng ban nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất hiện có của Nhà trường. Việc mua sắm bổ sung chỉ tính đến việc trang bị các thiết bị hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin để phù hợp với xu hướng phát triển của khoa học công nghệ hiện nay [H7.07.02.04], [H7.07.01.24].

Để hoàn thiện cơ sở 1, Nhà trường đã tăng cường đầu tư về cơ sở vật chất, khuôn viên, hệ thống điện chiếu sáng. Hiện khuôn viên Trường được xây dựng, quy hoạch khang trang, hiện đại, hợp lý, cảnh quan xanh - sạch - đẹp, môi trường văn minh, chuyên nghiệp.

Thực trạng cơ sở vật chất (CSVCh) của Trường ĐHQB tính đến cuối năm 2021 như sau: Tổng diện tích của nhà trường là 41,81 ha, trong đó đất hiện đang sử dụng có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) là 11,36 ha, đất chưa đưa vào khai thác, sử dụng là 30,45 ha (chưa có GCNQSDĐ) [H7.07.02.05], [H7.07.02.06].

Bảng 7.2.1. Số liệu về CSVCh đáp ứng quy mô đào tạo 2019 – 2023

TT	Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Diện tích đất (m ²)	114.225,4	114.225,4	114.225,4	114.225,4	114.225,4
2	Diện tích sàn xây dựng toàn trường	38.947	38.947	38.947	38.947	38.947
3	Diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo	26.532	31.717	32.717	32.717	32.717
4	Diện tích TTHL (m ²)	3.160	3.160	3.160	3.160	3.160
5	Diện tích KTX (m ²)	6.666	6.666	6.666	6.666	6.666

TT	Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
6	Diện tích sân bãi, phục vụ văn nghệ, TDTT	16.463	17.445	21.285	21.285	21.285

(Nguồn: Phòng Quản trị Trường ĐHQB)

Về CSVC phục vụ giảng dạy và NCKH (Phòng học, phòng thực hành, thí nghiệm và xưởng thực hành thực tập, vườn thí nghiệm):

Trường có 74 phòng học, 03 giảng đường lớn, TTHL, 01 nhà thi đấu đa chức năng và 35 phòng thực hành, thí nghiệm, 01 xưởng thực hành thực tập, 01 vườn thực nghiệm [H7.07.02.07]. Nhà trường hiện có 09 phòng học ngoại ngữ, 11 phòng đa phương tiện sử dụng cho nhiều chuyên ngành đào tạo, 10 phòng máy tính sử dụng cho các ngành công nghệ thông tin và học ngoại ngữ; Có 01 khu nhà thực hành cho khối sư phạm như Tiểu học - Mầm non, Âm nhạc, Mỹ thuật...; Xưởng thực hành, thực tập sử dụng cho các ngành Điện, Xây dựng; Nhà thực hành dùng cho bộ môn Giáo dục quốc phòng; Vườn thực nghiệm dùng cho khối Nông nghiệp - Lâm nghiệp - Ngư nghiệp - Môi trường; Có phòng nghiên cứu về trí tuệ nhân tạo, phòng nghiên cứu ứng dụng Viễn thám - GIS,... Hệ thống phòng học, giảng đường lớn, các phòng thí nghiệm, thực hành, TTHL, xưởng, vườn, nhà đa chức năng được quy hoạch tách biệt [H7.07.02.08].

Năm 2020 Nhà trường tiếp tục được đầu tư kinh phí trang cấp CSVC trang thiết bị hiện đại phục vụ dạy học, đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Hiện nay, Nhà trường có 625 máy tính để bàn và máy tính xách tay, trong đó 410 máy tính được bố trí ở 6 phòng phục vụ giảng dạy tin học và thực hành máy tính; 04 phòng Lab dùng để dạy, học ngoại ngữ và thực hành; Trung tâm Học liệu có 28 máy phục vụ việc tự học và tra cứu thông tin; 170 máy tính được lắp đặt ở các văn phòng, 08 máy quay phim chụp ảnh kỹ thuật số, 69 máy chiếu projector, 106 máy in, 9 máy photocopy, 7 máy scanner, 40 máy trợ giảng cùng nhiều thiết bị khác được trang bị ở các khoa, phòng, ban, trung tâm phục vụ cho hoạt động dạy học, NCKH và công tác quản lý. 100% cán bộ làm công tác hành

chính và cán bộ quản lý các phòng, khoa, trung tâm đều được trang bị máy tính [H7.07.02.09].

Tất cả các máy tính phục vụ dạy học, NCKH và quản lý đều được kết nối internet tốc độ cao, hệ thống wifi được phủ sóng toàn Trường với 92 điểm phát sóng, Nhà trường có 01 phòng máy chủ được trang bị đầy đủ thiết bị hiện đại, các thiết bị, hệ thống đường truyền internet, mạng nội bộ (mạng LAN) [H7.07.02.10], [H7.07.02.11].

Trong những năm qua Nhà trường đã tăng cường nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng để nâng cao chất lượng, phục vụ đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành [H7.07.02.12], [H7.07.02.13].

Bảng 7.2.2. Kinh phí thực hiện đầu tư cải tạo nâng cấp công trình từ năm 2020 đến 2023

TT	Tên dự án/công trình	Giá trị thực hiện (1000 đồng)	Hoàn thành (tháng/năm)	Ghi chú
1	Cải tạo, nâng cấp Nhà giảng đường A3 Trường Đại học Quảng Bình	4.300.000	07/2021	[H7.07.02.14]
2	Cải tạo, sửa chữa Nhà giảng đường B1 Trường Đại học Quảng Bình	700.000	07/2021	[H7.07.02.15]
3	Cải tạo, sửa chữa khu vệ sinh khối B - Nhà giảng đường A1	990.391	12/2020	[H7.07.02.16]
4	Cải tạo, sửa chữa Nhà hiệu bộ - Trường Đại học Quảng Bình	681.969	05/2020	[H7.07.02.17]
5	Cải tạo phần mái chống dột, chống thấm bể nước và sân cho nhà H	354.228	6/2022	[H7.07.02.18]
6	Giảng đường A1 được nâng cấp sửa chữa thay thế hệ thống cửa mặt trước,	321.161	7/2021	[H7.07.02.19]
7	Các khu Nhà TTHL, khu Nhà	90.079	6/2022	[H7.07.02.20]

	D, KTX Nhà N và P1,P2 được sửa chữa lại nền gạch bị bong tróc và các hạng mục khác			
8	Thay thế quạt trần giảng đường A1	25.368	06/2023	[H7.07.02.21]
9	Sửa chữa nhà Hiệu bộ	2.547.764	12/2023	[H7.07.02.22]

(Nguồn: Phòng KH,TC&QLĐT Trường ĐHQB)

Từ năm 2020 đến nay Nhà trường đầu tư CSVC và đưa vào sử dụng các công trình để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ công cộng [H7.07.02.12].

Bảng 7.2.3. Kinh phí thực hiện đầu tư công trình từ năm 2017 đến nay

TT	Tên dự án/công trình	Giá trị thực hiện (1000 đồng)	Hoàn thành (tháng/năm)	Ghi chú
1	Khu giáo dục thể chất	27.711.534	05/2021	[H7.07.02.21]
2	Nhà thí nghiệm thực hành Khối Kỹ thuật, Nông lâm và Môi trường	14.749.783	06/2021	[H7.07.02.22]
3	Xây dựng mương thoát nước xử lý ô nhiễm khu vực Trường	964.190	02/2017	[H7.07.02.23]
4	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng sân trường	3.187.143	02/2021	[H7.07.02.24]
5	Xây dựng sân đường khu vực Nhà văn phòng khoa khối sư phạm và vùng lân cận	1.870.259	02/2021	[H7.07.02.25]
6	Phòng chống mối	673.395	07/2019	[H7.07.02.26]
7	Bể bơi và các hạng mục phụ trợ, sửa chữa cổng trên đường Nguyễn Văn Linh và xây mới hàng rào phía Nam khuôn viên	6.972.511	12/2021	[H7.07.02.27]

8	Hợp đồng kinh tế Gói thầu: Cung cấp, lắp đặt hệ thống camera giám sát tại ĐHQB	42.049	6/2021	
---	--	--------	--------	--

(Nguồn: Phòng KH,TC&QLĐT Trường ĐHQB)

+ Năm 2020 Nhà trường đã tập trung đầu tư kinh phí là 26.107.951.000đ để trang cấp CSVC trang thiết bị ngày càng chuyên nghiệp và hiện đại phục vụ dạy học, đào tạo và nghiên cứu khoa học như: Máy tính, máy chiếu, máy photo, máy in, máy điều hòa, âm thanh loa máy, tivi, màn hình led, các máy phục vụ các phòng thực hành, hệ thống máy chủ, bàn ghế các loại, tủ, giường, quạt cho KTX... [H7.07.02.12].

Bảng 7.2.4. Kinh phí thực hiện mua sắm thiết bị từ năm 2020 đến nay

TT	Tên dự án/công trình	Giá trị thực hiện (1000 đồng)	Hoàn thành (tháng/năm)	Ghi chú
1	Mua sắm thiết bị khu giáo dục thể chất và phòng thí nghiệm Nông lâm - Môi trường	5.705.688	01/2021	[H7.07.01.24]
2	Mua sắm thiết bị Nhà thực hành khối kỹ thuật, văn phòng khoa khối KT-XH-DL, truyền thống Đoàn - Hội	8.408.773	12/2020	[H7.07.01.24]
3	Mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo năm 2020	11.993.490	12/2020	[H7.07.01.24]

(Nguồn: Phòng KH,TC&QLĐT Trường ĐHQB)

Hàng năm, dựa trên nhu cầu của các đơn vị trong toàn trường, trên cơ sở đề xuất CSVC của các đơn vị Nhà trường tập hợp nhu cầu mua sắm, sửa chữa để lập Kế hoạch phê duyệt dự toán, phê duyệt kinh phí sửa chữa duy trì, bảo dưỡng, nâng cấp CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học, đáp ứng nhu cầu về đào tạo cũng như NCKH [H7.07.01.03], [H7.07.02.12], [H7.07.02.28].

Dựa trên kế hoạch ngân sách đã được Nhà trường phê duyệt, với nhiệm vụ được giao, phòng Quản trị đã có các kế hoạch đầu tư, bảo trì, nâng cấp cơ sở vật chất như: chuẩn bị cơ sở vật chất cho Ký túc xá (sửa chữa các phòng ở bị thấm, dột, trần, tường bong tróc... bổ sung giường, tủ, quạt... thay thế sửa chữa điện, nước cho các phòng bị hỏng... phục vụ công tác đón SV cho năm học mới và phục vụ cho cuộc sống hàng ngày của SV ở KTX); Thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị cho các Hội trường, lớp học (sửa chữa, thay thế các trang thiết bị bị hỏng, hỗ trợ giáo viên trong các giờ lên lớp, căn chỉnh hệ thống âm thanh, hệ thống máy chiếu...); Thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị điện, nước (bảo dưỡng hệ thống điện, máy bơm, hệ thống điều hòa, quạt trần... tại các tòa nhà); Công tác phòng cháy chữa cháy cũng luôn được quan tâm đặc biệt (các thiết bị PCCC được kiểm tra thường xuyên và định kỳ, thay bình bột khi hết hạn, mua bổ sung các trang thiết bị cần thiết), luôn được giám sát [H7.07.02.29].

Căn cứ vào nhu cầu sử dụng và cân đối nguồn kinh phí tài chính các năm để đầu tư nâng cấp CSVN, cơ sở hạ tầng trang thiết bị theo kế hoạch. Kết quả giai đoạn 2017- 2021, Trường đã hoàn thành cải tạo, sửa chữa nhiều hạng mục công trình và mua sắm tài sản, công cụ dụng cụ các gói thầu nhằm tăng cường và duy trì máy móc thiết bị phục vụ công việc quản lý, giảng dạy và học tập [H7.07.02.14] đến [H7.07.02.27]. Công tác lập kế hoạch và triển khai việc bảo trì, sửa chữa trang thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và hoạt động PVCD được thực hiện thường xuyên ở tất cả các đơn vị, cụ thể:

Kinh phí sử dụng để sửa chữa, cải tạo, bảo trì, mua sắm tài sản và công cụ dụng cụ giai đoạn 2017 - 2021 trong Bảng 7.2.5.

Bảng 7.2.5. Tổng hợp kinh phí sửa chữa, cải tạo, bảo trì, mua sắm tài sản giai đoạn 2019 - 2023

DVT: 1000 đồng

TT	Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Kinh phí cải	1.102.377	353.600	1.542.300	555.307	2.700.000

TT	Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
	tạo, sửa chữa CSVC					
2	Kinh phí thực hiện sửa chữa máy móc thiết bị	596.522	92.695	121.010	50	65
3	Kinh phí mua sắm trang cấp mới máy móc thiết bị phục vụ đào tạo và NCKH	225.500	12.205.730	101.981	156	143

(Nguồn: Phòng KH,TC&QLĐT Trường ĐHQB)

Để đảm bảo máy móc thiết bị phục vụ quản lý, điều hành vận hành tốt, Nhà trường lựa chọn nhà thầu, ký hợp đồng và thực hiện hợp đồng [H7.07.02.30], Kiểm tra, giám sát, nghiệm thu công việc thực hiện [H7.07.02.31]. Định kỳ nhà trường tổ chức duy tu, bảo dưỡng hệ thống cơ sở hạ tầng, sửa chữa máy móc thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên, liên tục.

Các kế hoạch về CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thực hành, thiết bị được rà soát, đánh giá hiệu quả đầu tư hằng năm, qua kế hoạch kiểm kê hằng năm [H7.07.02.32].

Trang thiết bị ở các phòng học đã đáp ứng được yêu cầu giảng dạy, phù hợp với xu thế mới, với phương pháp dạy và học của Nhà trường cũng như của các nước trong khu vực và thế giới. Bên cạnh đó, Trường đã ban hành các nội quy sử dụng phòng học, phòng thực hành; Quy định về quản lý, sử dụng cơ sở vật chất [H7.07.02.33].

Để kịp thời xử lý các sự vụ về cơ sở vật chất xảy ra hàng ngày, phòng Quản trị bố trí cán bộ kiểm tra cơ sở vật chất để từ đó phát hiện các trang thiết bị

hư hỏng, không sử dụng, kịp thời sửa chữa, thay thế để phục vụ tốt cho quá trình dạy và học.

Nhằm thực hiện tốt các công việc, nội dung kiểm tra cũng như đánh giá việc sử dụng trang thiết bị, phòng Quản trị đã lập các Biên bản kiểm tra, rà soát cơ sở vật chất công tác sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng điện nước, PCCC để theo dõi, kịp thời xử lý khi có sự cố xảy ra [H7.07.02.34].

Nhà trường luôn chú trọng đầu tư về CSVC, CSHT và trang thiết bị hỗ trợ phục vụ đào tạo đã đáp ứng các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; Phòng Quản trị đã đề xuất phê duyệt, triển khai và hoàn thành các hạng mục sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp nhiều công trình để phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập, NCKH và các hoạt động khác của Nhà trường. Cách thức đầu tư hợp lý, bài bản, đã mang lại sự tiện nghi và hài lòng đối với CBGV và SV Nhà trường.

Nhà trường đã thực hiện việc khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của SV, trong đó có nội dung về cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị để từ đó thực hiện các đầu tư, sửa chữa, nâng cấp. Hàng năm, Ban giám hiệu Nhà trường và các đơn vị chức năng tổ chức Hội nghị Dân chủ SV để tiếp nhận các ý kiến góp ý của SV. Tất cả các ý kiến góp ý đều được tiếp nhận, phản hồi và triển khai trong các kế hoạch cải tạo, nâng cấp CSVC của Nhà trường [H.07.02.35].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 7.3. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Hệ thống công nghệ thông tin (CNTT) và cơ sở hạ tầng (CSHT) trong trường đại học đóng vai trò rất quan trọng đến việc cung cấp các dịch vụ phục vụ nhu cầu quản lý, giảng dạy, học tập, NCKH (NCKH) và phục vụ cộng đồng (PVCD).

Nhà trường đã từng bước thiết lập và vận hành qua các năm các hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Hiện nay, Trường ĐHQB luôn chú trọng đến đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu, tài liệu thư viện phục vụ nhu cầu quản lý, giảng dạy, học tập, NCKH và phục vụ cộng đồng của cán bộ, giảng viên và SV. Nhà trường đã thành lập tổ chuyên môn phụ trách công tác Công nghệ thông tin của toàn trường, trực thuộc phòng Quản trị quản lý, được thể hiện qua chức năng và nhiệm vụ của Phòng **[H7.07.03.01]**.

Về CSVC hạ tầng CNTT đã được đầu tư mạnh mẽ, có khả năng đáp ứng khá tốt cho nhu cầu giảng dạy và các hoạt động đào tạo nói chung. Về hạ tầng mạng, trường hiện sử dụng 01 đường Lead line và 02 đường FTTH cáp quang tốc độ cao của VNPT Quảng Bình để cung cấp dịch vụ internet cho tất cả các phòng máy, phòng lab, nhà làm việc, hội trường và phủ sóng Wifi toàn trường; 01 đường truyền kênh riêng cho các máy chủ để cung cấp các dịch vụ như website, thư viện điện tử hay các dịch vụ tiện ích khác phục vụ cho mọi mặt trong hoạt động đào tạo và NCKH. Công ty viễn thông quân đội Viettel cũng hỗ trợ 04 đường cáp quang cho CBGV và SV sử dụng tất cả đều được quản lý qua hệ thống máy chủ **[H7.07.03.02]**, **[H9.09.04.03]**. Có đội ngũ kỹ thuật viên của thường xuyên kiểm tra sửa chữa, cập nhật và tham mưu cho Nhà trường trong việc nâng cấp trang thiết bị phù hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ đáp ứng nhu cầu người sử dụng **[H7.07.03.04]**. Trường bố trí 04 phòng máy tính với 160 máy tại nhà R, 01 phòng nhà D có 50 máy để phục vụ việc thực hành tin học đại cương và các chuyên ngành khác; 04 phòng Lab với 200 máy tại trung tâm học liệu với tổng số máy tính thực hành là 410 máy. Ngoài ra, các phòng học tại giảng đường A1 được lắp đặt máy chiếu cố định để phục vụ công tác giảng dạy. Trường đã trang bị 162 máy tính dành cho CBGV, 308 máy tính tại các phòng ban chức năng. Như vậy, tỷ lệ máy tính/ cán bộ chuyên viên phòng

ban là 95%; tỉ lệ máy tính trên SV là đảm bảo 100% SV có máy tính để thực hành trong các phòng máy tính **[H7.07.03.05]**.

Tại các phòng máy, phòng thực hành đều có sơ đồ thiết kế, danh mục tài sản trang thiết bị, nội quy phòng thực hành, nội quy PCCC, tài liệu hướng dẫn sử dụng, sổ theo dõi tần suất sử dụng máy móc thiết bị và số điện thoại hỗ trợ kỹ thuật đảm bảo thuận tiện cho CBGV và SV học tập và nghiên cứu **[H7.07.03.06]**.

Về công tác trang bị CSVC, sửa chữa trang thiết bị, hằng tháng, hằng năm, căn cứ vào giấy đề nghị, đề xuất của các đơn vị, Phòng Quản trị lập kế hoạch mua sắm CSVC thay thế, sửa chữa để đáp ứng đầy đủ CSVC phục vụ công tác giảng dạy và học tập. Tính đến nay, hệ thống phần cứng và phần mềm luôn có sẵn và đáp ứng đầy đủ cho nhu cầu đào tạo và NCKH cho thầy và trò của Trường Đại học Quảng Bình và cho bộ máy hành chính hoạt động hiệu quả **[H7.07.03.07]**. Cụ thể, năm 2016 đã chi 1.592.821.000 đồng dành cho đầu tư CSVC, trang thiết bị và 591.367.000 đồng dành cho sửa chữa máy móc thiết bị. Năm 2017 đã chi 2.449.110.000 đồng dành cho đầu tư CSVC, trang thiết bị và 1.018.668.000 đồng dành cho sửa chữa máy móc thiết bị. Năm 2018 đã chi 1.947.415.000 đồng dành cho đầu tư CSVC, trang thiết bị và 849.935.000 đồng dành cho sửa chữa máy móc thiết bị. Năm 2019 đã chi 1.270.744.000 đồng dành cho đầu tư CSVC, trang thiết bị và 653.665.000 đồng dành cho sửa chữa máy móc thiết bị. Năm 2020 đã chi 12.245.164.000 đồng dành cho đầu tư CSVC, trang thiết bị và 253.859.000 đồng dành cho sửa chữa máy móc thiết bị. Năm 2021 đã chi 1.591.000.000 đồng dành cho đầu tư CSVC, trang thiết bị và 184.492.000 đồng dành cho sửa chữa máy móc thiết bị **[H7.07.03.08]**.

Chi tiết hệ thống thông tin của Trường Đại học Quảng Bình được thể hiện ở bảng sau:

TT	Hạ tầng và dịch vụ CNTT	Nội dung	Ghi chú
1	Phòng Máy	- Có 9 máy chủ, 3 tủ rack, 8 Switch, 2	

TT	Hạ tầng và dịch vụ CNTT	Nội dung	Ghi chú
	chủ	Router, hệ thống lưu trữ dữ liệu tập trung, 5 lưu điện, hệ thống điều hòa không khí, thiết bị phòng cháy chữa cháy.	[H7.07.03.02]
2	Phòng thực hành máy tính, Phòng LAB	- 04 phòng thực hành máy tính cho SV các ngành - 01 phòng thực hành cho SV chuyên ngành của Khoa Kinh tế và quản lý - 04 phòng Lab thực hành ngoại ngữ. - 01 phòng thực hành phần mềm phục vụ nghiên cứu chuyên ngành CNTT	[H7.07.03.05]
3	Hạ tầng mạng	- Trang bị tại tất cả các tòa nhà hành chính, giảng đường, ký túc xá được kết nối bằng sợi dây cáp quang thông qua các thiết bị Core Switch và Access Switch - Đường truyền internet: 03 đường truyền FTTH 100Mbps và 01 đường truyền Leaseline 10Mbps.	[H7.07.03.02]
4	Hệ thống bảo mật	Sử dụng phần mềm diệt vi rút	
5	Quyền truy cập	- Tài khoản email đối với CB, GV tên miền.edu.vn của G Suite. - Tài khoản email đối với SV, học viên tên miền trên nền G Suite	[H7.07.03.09]
6	Các phần mềm quản lý	1. Website Trường ĐHQB http://qbu.edu.vn	[H7.07.03.10]

TT	Hạ tầng và dịch vụ CNTT	Nội dung	Ghi chú
		2. Phần mềm Đào tạo http://daotao.quangbinhuni.edu.vn 3. Phần mềm Tuyển Sinh http://tuyensinh.qbu.edu.vn 4. Phần mềm E-learning http://elearning.qbu.edu.vn 5. Phần mềm Quản lý Văn bản và điều hành http://qlvb.quangbinh.gov.vn 6. Phần mềm Thư viện http://lrc.quangbinhuni.edu.vn http://lrc.quangbinhuni.edu.vn:8282 (Phần hệ hỗ trợ bạn đọc tại TTHL) http://lrc.quangbinhuni.edu.vn:9090 (Phần hệ quản trị dành cho cán bộ TV) http://lrc.quangbinhuni.edu.vn:8181/dspace (Phần mềm tài liệu số) http://thuvienso.quangbinhuni.edu.vn (Phần mềm thư viện số) 7. Phần mềm tạp chí KHCN http://tckhcn.qbu.edu.vn 8. Hệ thống Email ĐHQB - Tên miền quangbinhuni.edu.vn và qbu.edu.vn của G Suite google. 9. Phần mềm kế toán 10. Phần mềm giảng dạy và thi ngoại ngữ E-Master	

TT	Hạ tầng và dịch vụ CNTT	Nội dung	Ghi chú
		11. Phần mềm thi chứng chỉ ứng dụng CNTT 12. Hệ thống trực tuyến giữa Nhà trường và các đơn vị và cơ quan khác.	

Vì vậy, hệ thống luôn được lập kế hoạch, bảo trì, nâng cấp thường xuyên và liên tục nhằm đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu đào tạo, NCKH, PVCĐ các nội dung được giao cho bộ phận kỹ thuật thực hiện cụ thể **[H7.07.03.11]**.

Chiến lược dài hạn được thực hiện CLPT Trường ĐHQB với mục tiêu phát triển nhanh CNTT trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, sản xuất và hiện đại hóa công tác quản lý đáp ứng yêu cầu của một trường đại học tiên tiến trong khu vực.

Kế hoạch trung hạn được giao cho phòng KH,TC&QLĐT lập đề đầu tư, quản lý, vận hành hạ tầng CNTT và dịch vụ CNTT bao gồm: Hệ thống máy chủ và các thiết bị mạng, phòng thực hành máy tính, hạ tầng mạng và đường truyền internet, hệ thống dự phòng, hệ thống bảo mật và quyền truy cập, các phần mềm ứng dụng và điều hành, nhằm phục vụ công tác trao đổi thông tin, tác nghiệp, đào tạo, NCKH và PVCĐ. Trên cơ sở kế hoạch hàng năm, kế hoạch trung hạn và dài hạn, Nhà trường thường xuyên bố trí nguồn kinh phí đầu tư cung cấp cơ sở hạ tầng bao gồm hệ thống mạng LAN, máy chủ, các phòng thực hành máy tính, các phòng LAB, các phần mềm phục vụ quản lý. Nhờ vậy, hệ thống CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT được thường xuyên đầu tư cung cấp đáp ứng ngày càng tốt hơn các nhu cầu của CBGV, người học.

Trên cơ sở các ý kiến phản hồi, kết quả kiểm tra thường xuyên và định kỳ, Phòng Quản trị đề xuất việc thực hiện cải tạo, cải tiến hệ thống nhằm đảm bảo ngày càng tốt hơn cho nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và PVCĐ.

Kết quả cải tiến hạ tầng và dịch vụ CNTT trong các năm gần đây được chi

tiết ở bảng sau [H7.07.03.12].

Bảng 7.3. Kết quả cải tiến hạ tầng và dịch vụ CNTT

TT	Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Máy vi tính	602 bộ	602 bộ	602 bộ	602 bộ	602 bộ
2	Máy tính xách tay	30	30	30	30	30
3	Máy chiếu	69	69	69	69	69
4	Máy in	106	106	106	106	106
5	Loa máy	39	39	39	39	39
6	Điều hòa	121	154	154	154	154

Hàng năm Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên, SV về hệ thống công nghệ thông tin bao gồm: máy tính, thiết bị mạng, điểm kết nối wifi, màn chiếu, projector, máy in và các thiết bị khác... Theo kết quả khảo sát năm 2021, mức độ đáp ứng về số lượng, chất lượng của hệ thống công nghệ thông tin phục vụ công tác dạy học, NCKH và cộng đồng được thiết lập và vận hành của Nhà trường có 75,36% ý kiến đánh giá hài lòng và rất hài lòng [H7.07.01.13]. Qua đó cho thấy, hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường cơ bản phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng.

Đặc biệt, năm học 2020 - 2021, Nhà trường đã đầu tư nâng cấp hệ thống CSVC bổ sung các máy tính nối mạng đầy đủ nhằm đáp ứng nhu cầu tốt của NCKH và PVCĐ [H7.07.03.14].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 7.4. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành

Trung tâm Học liệu là một bộ phận quan trọng của Trường Đại học Quảng Bình, là bộ phận hỗ trợ đắc lực cho việc nâng cao chất lượng đào tạo và

nghiên cứu khoa học trong Nhà trường. Cùng với sự phát triển của Nhà trường, Trung tâm Học liệu đã không ngừng được đổi mới, phát triển. Trung tâm là đơn vị tham mưu ban hành các quy định về công tác thư viện và hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định đó trong toàn trường; Tham mưu cho Ban Giám hiệu về chính sách, đề án, dự án, giải pháp phát triển thư viện, nâng cao hiệu quả phục vụ bạn đọc của thư viện đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học của Nhà trường; Truyền thông, quảng bá và cung cấp các thông tin, tư liệu khoa học, công nghệ phục vụ giảng dạy, nghiên cứu và học tập của giảng viên và sinh viên; Mở cửa phục vụ bạn đọc hàng ngày theo giờ quy định; Xây dựng và thực hiện kế hoạch bổ sung, cập nhật giáo trình, sách báo và các ấn phẩm phục vụ giảng dạy, học tập và NCKH, đảm bảo phù hợp với đề cương học phần, chương trình đào tạo; Xây dựng và triển khai đề án phát triển thư viện điện tử; quản lý và khai thác có hiệu quả thư viện điện tử.

Trung tâm Học liệu được tọa lạc trên một tòa nhà 3 tầng, với tổng diện tích 3160m² hoạt động theo mô hình thư viện mở, bạn đọc khi đến thư viện có thể tùy ý vào các giá sách để lựa chọn những tài liệu mình cần, tự do chọn chỗ ngồi phù hợp để đọc hoặc nghiên cứu. Thời gian mở cửa hàng ngày của thư viện làm theo giờ hành chính từ 7h30 đến 17h theo lịch làm việc của Nhà trường [H7.07.04.01], [H7.07.04.02].

Cán bộ Trung tâm năng động và có chuyên môn. Hiện nay, Trung tâm có 01 Tiến sĩ chuyên ngành Công nghệ thông tin, 01 thạc sĩ và 01 cử nhân tốt nghiệp chuyên ngành Công nghệ thông tin. Cán bộ có trình độ chuyên môn về chuyên ngành Thư viện chiếm tỉ lệ cao, hiện tại Trung tâm có 01 thạc sĩ và 05 cử nhân Khoa học thư viện. Hiện nay, 100% cán bộ Trung tâm sử dụng thành thạo máy tính. Cho đến nay, nhiều cán bộ đã có bằng B tin học và chứng chỉ tin học nâng cao. Công tác tập huấn, tham gia các hội nghị hội thảo chuyên môn được Trung tâm hết sức coi trọng. Hàng năm, cán bộ Trung tâm đều được cử đi tập huấn, học tập nâng cao chuyên môn nghiệp vụ [H7.07.04.03].

Công tác xây dựng cơ sở dữ liệu số nội sinh được Trung tâm chú trọng,

coi đây là nguồn tài liệu hỗ trợ đắc lực cho hoạt động dạy, học và nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên trong Nhà trường. Đề cương chi tiết học phần, bài giảng trong chuyên ngành đào tạo được lưu trữ, bảo quản và được cập nhật đáp ứng theo yêu cầu của các chương trình đào tạo **[H7.07.04.04]**.

Trường ĐHQB có chủ trương đầu tư phát triển các nguồn lực học tập để đáp ứng các nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học. Theo Quyết định về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường, Trung tâm Học liệu có chức năng thu thập, bảo quản, quản lý, cung cấp, phổ biến thông tin, tài liệu khoa học và hỗ trợ khai thác cho cán bộ, giảng viên và sinh viên trong công tác giảng dạy, học tập và NCKH của Trường. Hàng năm, Trung tâm lập kế hoạch bổ sung theo các yêu cầu đề nghị bổ sung tài liệu của các Bộ môn **[H7.07.04.05]**. Ưu tiên bổ sung tài liệu cho các mã ngành đào tạo mới. Ngoài tài liệu giấy, Nhà trường còn mua bản quyền cơ sở dữ liệu số để cung cấp thêm giáo trình, tài liệu tham khảo, các bài báo, tạp chí khoa học, các luận văn, luận án phục vụ dạy, học, NCKH. Nguồn học liệu điện tử ngoại sinh này được bổ sung định kỳ hàng năm, hiện tại được khai thác tại cổng thông tin điện tử: <http://thuvienso.quangbinhuni.edu.vn>. **[H7.07.04.06], [H7.07.04.07]**.

Trung tâm Học liệu, Trường Đại học Quảng Bình với khuôn viên độc lập, yên tĩnh, đầu tư trang thiết bị hiện đại được đào tạo với điều kiện về Thư viện và nguồn học liệu cùng với các thiết bị, cơ sở hạ tầng đầy đủ. Hàng năm các nguồn học liệu tại được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học có hiệu quả hơn. Thư viện có đầy đủ học liệu bắt buộc để phục vụ đào tạo bao gồm giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo được lưu trữ dưới dạng bản cứng và bản mềm đảm bảo về các quy định sở hữu trí tuệ và Pháp luật. Hiện nay TTHL, Thư viện của Trường có đầy đủ các nguồn học liệu phù hợp như sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. Nguồn tài liệu của Trung tâm hiện tại bao gồm: Tài liệu giấy có 13.693 đầu, trong đó: sách tham khảo là 12.214 đầu sách; 64.707 bản sách; giáo trình 1.479 đầu sách 28.998 bản sách; Sách ngoại

văn 1.545 đầu sách; Bài giảng 547 đầu và 566 bản; Đề tài NCKH 250 đề tài; khóa luận 1.129 bản. Tài liệu số gồm cơ sở dữ liệu nội sinh và cơ sở dữ liệu ngoại sinh. Cơ sở dữ liệu số nội sinh bao gồm: Bài giảng: 1.115 file; ĐCCT 842 file; Luận án, Luận văn 132 file; Khóa luận: 757 file; Đề tài NCKH: 207 file, tạp chí KHCN 103 file. Nguồn tài liệu nội sinh đều tăng ổn định hàng năm. Cơ sở dữ liệu ngoại sinh bao gồm gói tailieu.vn và cơ sở dữ liệu mở, hiện đang được khai thác và sử dụng tại địa chỉ: <http://thuvienso.quangbinhuni.edu.vn> và csdl mở địa chỉ: <http://10.10.13.78:8080/dspace>

Hàng năm, Nhà trường tạo điều kiện, cấp kinh phí để cán bộ, giảng viên thực hiện đề tài các cấp, nhằm mục đích phục vụ nguồn học liệu, cơ sở hạ tầng, cơ sở dữ liệu trực tuyến để hỗ trợ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng [H7.07.04.08].

Hàng năm, khi khảo sát nhu cầu bạn đọc, lấy ý kiến về mức độ hài lòng đối với TTHL, kết quả cho thấy đa số GV, SV đánh giá tốt về CSVC, chất lượng phục vụ và cho rằng sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, thư viện điện tử cơ bản đáp ứng yêu cầu sử dụng của CB, GV và người học [H7.07.04.09]. Kết quả này cũng được thể hiện qua số lượng truy cập và khai thác tài nguyên, cơ sở vật chất hàng năm của Trung tâm [H7.07.04.10].

Bảng 7.4. Bảng thống kê kinh phí đầu tư nguồn lực thông tin

(ĐVT: 1000 đồng)

TT	Năm	Tài liệu giấy	Tài liệu số	Tổng
1	2017	53.567	49.000	102.567
2	2018	62.875	49.000	111.875
3	2019	16.712	49.000	65.712
4	2020	14.475	49.000	63.475
5	2021	600	49.000	49.600
6	2022	0	49.000	49.000
7	2023	0	49.000	49.000
		148.229	343.000	491.229

Ngoài ra, phòng Quản trị được giao nhiệm vụ đáp ứng các thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H7.07.04.11]. Trung tâm Học liệu của Trường có cả thư viện truyền thống và thư viện số, toàn bộ máy tính tại Trung tâm được kết nối mạng, để phục vụ dạy, học và nghiên cứu khoa học.

Tòa nhà Trung tâm Học liệu với hệ thống thư viện và cơ sở vật chất đầy đủ bao gồm 01 phòng làm việc của Giám Đốc, 01 phòng làm việc của Phó Giám Đốc, 05 phòng đọc, 4 phòng máy tính, 02 phòng tự nghiên cứu cho giảng viên và sinh viên, 01 phòng hội thảo, 01 phòng lễ tân, phòng làm việc của bộ phận Chuyên môn - nghiệp vụ, các kho lưu trữ và phòng truyền thống của Nhà trường. Bên trong thư viện có trang bị đầy đủ các trang thiết bị, cơ sở hạ tầng, các phòng đọc có bàn ghế, hệ thống máy vi tính nối mạng internet, wifi miễn phí để phục vụ bạn đọc tra cứu, tìm kiếm tài liệu, tự học và tự nghiên cứu.

Thời gian vừa qua, Trung tâm đã triển khai ứng dụng 2 phần mềm mã nguồn mở: phần mềm quản trị thư viện tích hợp koha và phần mềm xây dựng và quản lý bộ sưu tập số Dspace. Ứng dụng Koha để xây dựng phần mềm thư viện tại Trung tâm đã mang lại những kết quả cao, các thông tin về tài liệu được xử lý và lưu trữ trên máy tính, phân hệ biên mục giúp cán bộ Trung tâm một công cụ hữu hiệu và tiện lợi để tiến hành công tác biên mục. Bên cạnh các mẫu biên mục thiết kế sẵn cho các dạng tư liệu khác nhau gồm sách, báo, tạp chí, báo cáo khoa học, phim, luận án, luận văn... cán bộ thư viện còn có thể chỉnh sửa hoặc tạo các mẫu biên mục mới dễ dàng với phần mềm Koha. Phần mềm Koha sử dụng biểu mẫu biên mục Marc21 như những phần mềm khác, ngoài ra nó còn hỗ trợ các tiêu chuẩn nghiệp vụ quốc tế khác như AACR2, DDC. Điều này có ý nghĩa rất lớn đến chất lượng cơ sở dữ liệu và khả năng chia sẻ, trao đổi thông tin giữa Trung tâm và các thư viện khác. Từ tháng 1 năm 2015, cán bộ Trung tâm tiến hành nhập dữ liệu vào phần mềm. Cơ sở dữ liệu của Trung tâm bao gồm các

thông tin thư mục cơ bản: tên tác giả, nhan đề, nhan đề song song, phụ đề, chỉ số phân loại, số đăng ký cá biệt, tóm tắt, từ khóa, số tập, tên của tập **[H7.07.04.12]**.

Trung tâm sử dụng phần mềm mã nguồn mở Dspace để xây dựng, lưu trữ, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu số nội sinh của Trường Đại học Quảng Bình. Trung tâm ứng dụng phần mềm này trong việc tạo lập cơ sở dữ liệu số nội sinh, bao gồm: Tài liệu bài giảng, đề cương chi tiết; Đề tài khoa học công nghệ cấp cơ sở của giảng viên, đề tài NCKH của sinh viên; Khóa luận và đồ án tốt nghiệp của sinh viên; Luận án tiến sỹ, luận văn thạc sỹ của giảng viên, viên chức. Phần mềm mã nguồn mở Dspace là phần mềm miễn phí hỗ trợ giải pháp xây dựng và phân phối các bộ sưu tập số hóa trên Internet. Dspace được sử dụng cơ bản như một phần mềm lưu trữ và phân phối tài liệu số với ba vai trò chính: Thu nhận và quản lý tài liệu được dễ dàng; Truy cập tài liệu được nhanh chóng; Bảo quản tài liệu được lâu dài **[H7.07.04.13]**. Trung tâm đã có những bước phát triển nhảy vọt đáng khích lệ, từ mô hình thư viện truyền thống tiến dần đến mô hình thư viện điện tử. Công tác quản lý bạn đọc và phục vụ lưu thông tài liệu được tiến hành rất nhanh chóng, chuyên nghiệp.

Để phục vụ bạn đọc một cách có hiệu quả, Trung tâm đã tham mưu cho Nhà trường ban hành Quy định về sử dụng thư viện và cơ sở vật chất, trong đó quy định rõ số lượng sách được mượn, thời hạn phải trả cho từng đối tượng và chế độ xử phạt cụ thể **[H7.07.04.14]**.

Nhằm mục đích quảng bá, tuyên truyền đến đông đảo giảng viên và sinh viên về hình ảnh, nguồn lực thông tin và cách thức tra cứu, sử dụng tài liệu, thời gian qua, Trung tâm Học liệu luôn chú trọng công tác truyền thông, coi đây là một trong những hoạt động chuyên môn của Trung tâm. Với sự phát triển không ngừng của Công nghệ thông tin và truyền thông, công tác truyền thông, quảng bá thư viện đã có nhiều thay đổi mạnh mẽ. Mạng xã hội ra đời đã trở thành một công cụ tuyệt vời cho các thư viện ứng dụng hiệu quả trong công tác truyền thông. Không nằm ngoài xu thế trên, Trung tâm Học liệu thời gian vừa qua đã ứng dụng rất hiệu quả mạng xã hội trong công tác truyền thông, quảng bá của

mình [H7.07.04.15]. Hàng năm, Trung tâm đều có kế hoạch rất cụ thể để triển khai hoạt động chuyên môn này [H7.07.04.16]. Hiện nay Trung tâm sử dụng 2 tài khoản sau để tiến hành hoạt động truyền thông của mình: Fanpage *Trungtamhoclieu* được tạo lập từ năm 2014. Fanpage *Caulachbosachqbu* được tạo lập năm 2017.

Nhằm mục đích hỗ trợ đắc lực cho bạn đọc trong vấn đề sử dụng, khai thác tài liệu, cơ sở vật chất thư viện, hàng năm Trung tâm đều tham gia phổ biến, hướng dẫn cụ thể các nội quy, quy định sử dụng tài liệu, cơ sở vật chất tại Trung tâm Học liệu cho sinh viên đầu khóa trong tuần sinh hoạt công dân. Ngoài ra, vào đầu mỗi năm học, Trung tâm tham mưu và lập Kế hoạch tập huấn sử dụng phần mềm thư viện và khai thác tài nguyên số cho các bạn sinh viên khóa mới [H7.07.04.17].

Để đảm bảo đáp ứng nhu cầu của Thư viện cho các bên liên quan, hằng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị dân chủ sinh viên để tiếp nhận những ý kiến phản hồi từ sinh viên về mức độ đáp ứng của hệ thống giáo trình, tài liệu bao gồm cả mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với CSVC của Thư viện cũng như công tác phục vụ [H7.07.04.18]. Hàng năm, Trung tâm đều xây dựng kế hoạch khảo sát bạn đọc về sự đáp ứng của Trung tâm Học liệu về hoạt động dạy và học, kết quả khảo sát cho thấy đa số bạn đọc đánh giá tốt về CSVC, chất lượng phục vụ và cho rằng sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, thư viện điện tử cơ bản đáp ứng yêu cầu sử dụng của CB, GV và người học [H7.07.04.09]. Kết quả này cũng được thể hiện qua số lượng truy cập và khai thác tài nguyên, cơ sở vật chất hàng năm của Trung tâm [H7.07.04.10].

Hàng năm Trung tâm luôn chủ động tổ chức các hoạt động bề nổi nhằm tăng khả năng tương tác của người học và tạo hứng khởi cho sinh viên trong học tập, nghiên cứu. Nổi bật là hoạt động Ngày sách Việt Nam hàng năm, hoạt động này đã thu hút đông đảo cán bộ, giảng viên và sinh viên trong toàn trường tham gia [H7.07.04.19].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 7.5. Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập và vận hành

Để thực hiện tốt các yêu cầu về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt, Trường ĐHQB đã có sự phân công chức năng nhiệm vụ rõ ràng cho các đơn vị trong Nhà trường [H7.07.05.01]. Cụ thể, Bộ phận Y tế là đơn vị chịu trách nhiệm về các công tác y tế như: chăm sóc sức khỏe ban đầu; Sơ cấp cứu ban đầu cho các viên chức, người lao động và SV [H7.07.05.02], an toàn vệ sinh thực phẩm [H7.07.05.03], làm kế hoạch khám sức khỏe cho CBGV và người lao động. Phòng Chính trị và Quản lý Sinh viên làm kế hoạch khám sức khỏe cho SV [H7.07.05.04]. Phòng Quản trị là đơn vị chịu trách nhiệm về đảm bảo vệ sinh học đường, vệ sinh môi trường, đảm bảo an ninh trật tự phòng chống thiên tai, tai nạn thương tích, công tác phòng cháy chữa cháy. Nhà trường luôn quan tâm xây dựng chính sách bảo vệ an toàn, sức khỏe và vệ sinh môi trường tại khu làm việc, giảng đường cũng như tại KTX sinh viên, nhà trường đã ban hành các nội quy, quy định về công tác trật tự trị an, nội quy quy định khi sử dụng phòng thí nghiệm, thực tập, thực hành, vệ sinh môi trường... Các công trình xây dựng đều có phương án PCCC [H7.07.05.05]. Kết quả đầu tư cho môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thể hiện ở Bảng 7.5.1.

Bảng 7.5.1. Dự toán chi cho các hoạt động về môi trường, sức khỏe, an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy giai đoạn 2020-2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung chi	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Mua thuốc y tế phục vụ CBNV, SV	20	15	11	29
2	Chi phí cho phòng cháy chữa cháy	6	6	22	15
3	Dịch vụ bảo vệ, bảo đảm an ninh trật tự	9	9	9.6	9

TT	Nội dung chi	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
4	Vệ sinh môi trường	59	59	60	59
5	Thuê mướn, chăm sóc cây cảnh	144	102	96	56
6	Phun hóa chất diệt côn trùng, phòng chống dịch bệnh	6	11	5	8

(Nguồn: Phòng KH,TC& QLĐT)

Về công tác sức khỏe, Y tế cộng đồng:

Phòng TC-HC có bộ phận y tế với chức năng nhiệm vụ theo Quyết định ban hành quy định về công tác y tế trường học số 308/QĐ-ĐHQB ngày 22/02/2022 [H7.07.05.02]. Phòng Y tế của Nhà trường làm việc thực hiện theo giờ hành chính của nhà trường, ngày thứ 7 và chủ nhật có người trực để đảm bảo công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho CBVC - LDHĐ và người học [H7.07.05.06]. Căn cứ kế hoạch công tác chuyên môn của phòng Y tế đã được ban hành, phòng Y tế của Nhà trường đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong năm học như: Trang bị tủ thuốc, vật tư y tế phục vụ cho công tác sơ cứu, cấp cứu và cấp phát thuốc thiết yếu và lập kế hoạch triển khai khám sức khỏe cho viên chức và người lao động, mua bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể cho viên chức, người lao động và SV. Kết hợp với Phòng Chính trị và Quản lý Sinh viên xây dựng kế hoạch tổ chức khám sức khỏe đầu vào cho SV chính quy nhập học và khám sức khỏe định kỳ hằng năm cho sinh viên; Cập nhật, theo dõi và xây dựng cơ sở dữ liệu về sức khỏe của người học. Nhà trường đã làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho CBVC - LDHĐ và người học, cụ thể hằng năm 100% công chức, viên chức, NLĐ và SV được Nhà trường tổ chức triển khai khám sức khỏe cho CBVC - LDHĐ và người học [H7.07.05.07], [H7.07.05.04].

Bảng 7.5.2. Số lượng viên chức, người lao động khám sức khỏe định kỳ

Nội dung	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
----------	-------------	-------------	-------------	-------------

	Số lượng (người)	Số tiền (triệu đồng)	Số lượng (người)	Số tiền (triệu đồng)	Số lượng	Số tiền (triệu đồng)	Số lượng	Số tiền (triệu đồng)
Khám sức khỏe cho CCVC	273	93	247	84	217	55	217	55
Khám sức khỏe cho SV	302	58	295	59	326	63	304	59

(Nguồn: Phòng KH,TC& QLĐT)

Về môi trường sinh thái và môi trường học tập:

Nhằm tạo môi trường làm việc và học tập cho công chức, viên chức, NLD và SV đặc biệt là trong mùa nắng nóng, Nhà trường đầu tư hệ thống máy lạnh phủ toàn bộ khu làm việc, các phòng thực hành, phòng học... **[H7.07.05.08]**. Bên cạnh đó, Nhà trường đã lựa chọn và ký kết hợp đồng lao động thuê khoán bên ngoài thực hiện cung cấp dịch vụ vệ sinh công nghiệp, hợp đồng chăm sóc cây xanh trong khuôn viên Trường, tạo môi trường làm việc và học tập thoải mái cho công chức, viên chức, NLD và SV Nhà trường **[H7.07.05.09]**. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho những người có nhu cầu đặc biệt, tại các giảng đường, thư viện và hội trường lớn đều được thiết kế hệ thống đường dành riêng cho người khuyết tật. Bên cạnh đó, người khuyết tật luôn được các tổ chức hội và Nhà trường quan tâm hỗ trợ, giải quyết các vấn đề khó khăn và vướng mắc trong sinh hoạt và học tập. Nhà trường chủ động phòng tránh các bệnh dịch theo mùa để kiểm soát và ứng phó kịp thời với các đợt dịch bệnh xảy ra. Hàng năm, Bộ phận Y tế chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, dự toán và lựa chọn đơn vị thực hiện phun thuốc diệt muỗi toàn bộ khu ký túc xá, nhà ăn, căng tin và khu giảng đường, khu làm việc. Trong năm, các hoạt động

nhằm tạo môi trường học tập lành mạnh, rèn luyện sức khỏe và sự năng động cho sinh viên được diễn ra thường xuyên, liên tục, tạo sự gắn kết cũng như nâng cao sức khỏe, tinh thần và thể chất của sinh viên **[H7.07.05.10]**.

Về vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm: Hiện nay, trong khuôn viên Trường có 1 bếp ăn tập thể và các căng tin bán hàng phục vụ CBGV, SV. Bộ phận Y tế Nhà trường thường xuyên tổ chức các đợt kiểm tra công tác vệ sinh an toàn thực phẩm tại bếp ăn tập thể và các căng tin **[H7.07.05.03]**.

Về công tác đảm bảo an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy, phòng chống bão, lụt: Trường có tường rào bao bọc, cách ly hoàn toàn với môi trường xung quanh. Nhà trường có Tổ bảo vệ trực tại trường 24/24h với chức năng và nhiệm vụ được phân công cụ thể và được trang bị đầy đủ các vật dụng cần thiết như quần áo, đèn pin, dùi cui, ... **[H7.07.05.11]**. Hàng năm lực lượng bảo vệ của Nhà trường đã được công an phòng PA 83, công an phường Bắc lý tập huấn nghiệp vụ bảo vệ **[H7.07.05.12]**. Nhà trường kết hợp mật thiết với công an địa phương để tăng cường công tác kiểm tra an ninh đối với SV nội trú, ngoại trú và KTX **[H7.07.05.13]**. Hàng năm, Nhà trường cùng với công an phường Bắc lý và công an phường Đồng phú, Công an Thành phố, Công an tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết công tác an ninh trật tự của Trường **[H7.07.05.14]**. Công tác an toàn về phòng cháy chữa cháy được chú trọng. Hệ thống phòng cháy chữa cháy của Trường đều được trang bị đầy đủ **[H7.07.05.15]**. Về công tác PCCC, CNCH được kiểm tra định kỳ của công an PCCC tỉnh Quảng Bình **[H7.07.05.16]**. Công tác PCCC đã xây dựng phương án theo yêu cầu của cơ quan PCCC và định kỳ 2 năm một lần CBGV, NV và SV của nhà trường được tập huấn PCCC và CHCN **[H7.07.05.17]**. Hàng năm, Nhà trường đều xây dựng và thực hiện kế hoạch phòng chống bão, lụt nhằm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do bão, lụt gây ra **[H7.07.05.18]**.

Trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch đã được ban hành, Nhà trường thường xuyên thực hiện tổng kết rút kinh nghiệm báo cáo trên cả hai cấp độ là đơn vị được phân công và Nhà trường, thông qua các

phản ánh của CB, VC, NLD và SV trong toàn Trường tại báo cáo tổng kết năm học, báo cáo Hội nghị VC&NLD, hội nghị nhân chủ của SV [H7.07.05.19].

Kết quả, môi trường học tập được cải thiện rõ rệt, sức khỏe của CBGV và người học được đảm bảo, an ninh, an toàn trong trường học được duy trì được các cấp, ngành đánh giá cao nhiều năm liền Nhà trường đạt trường học đảm bảo an toàn, ANTT [H7.07.05.20]. Nhà trường luôn tổng kết, rút kinh nghiệm và đưa ra phương hướng cho năm tiếp theo đối với hoạt động chung của Nhà trường cũng như tổng kết hoạt động đối với sinh viên Lào đang sống và học tập tại KTX dành cho sinh viên ngoại quốc [H7.07.05.19]. Tuy công tác khảo sát, thu thập thông tin phản hồi từ NH và các bên liên quan về thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt của đơn vị chức năng đã được thực hiện [H7.07.05.21]. Tuy nhiên, việc khảo sát này còn chưa thực sự đi vào chi tiết chuyên sâu. Hiện tại đa số các tòa nhà có lối đi riêng cho người có nhu cầu đặc biệt, nhưng một số giảng đường chưa có. Nhà trường đề ra các giải pháp khắc phục điểm chưa đạt và phát huy điểm mạnh trong giai đoạn sắp tới.

Tự đánh giá tiêu chí: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 7:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường hằng năm đã xây dựng và triển khai hợp lý kế hoạch nguồn kinh phí tài chính trong hoạt động chi thường xuyên và đầu tư CSVC được xây dựng sát với thực tiễn và có tính khả thi, thường xuyên được rà soát nhằm đánh giá sát đúng tình hình thực hiện kế hoạch của Nhà trường để kịp thời có những điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn.

- Nguồn lực tài chính đã cân đối để bảo đảm thực hiện được các chính sách đầu tư CSVC, trang thiết bị thiết yếu và các nhiệm vụ chi thường xuyên nhằm hỗ trợ tốt nhất cho đào tạo, NCKH và PVCD trên cơ sở bám sát kế hoạch và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường. Chính vì vậy hệ thống CSVC, trang thiết bị, hệ thống CNTT, thư viện và các nguồn lực học tập khác được giám sát

chặt chẽ, đánh giá định kỳ, bảo trì, sửa chữa và lập kế hoạch triển khai mua mới thường xuyên góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng và phục vụ tốt nhất cho các hoạt động của toàn Trường.

- Môi trường sinh thái và môi trường học tập, công tác phòng cháy chữa cháy, an ninh, an toàn, bảo hiểm y tế, tư vấn sức khỏe ban đầu cho NH luôn được Nhà trường quan tâm, đánh giá và cải tiến.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Nguồn thu chưa đa dạng, đặc biệt nguồn thu về NCKH, tốc độ các nguồn thu chưa cao phụ thuộc chủ yếu vào NSNN hỗ trợ đầu tư. Nguồn lực thông tin trong thư viện còn chưa phong phú.

- Hệ thống an ninh mạng.

- Hệ thống môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt chưa nhiều. Hiện tại một số giảng đường chưa có lối đi riêng cho người có nhu cầu đặc biệt.

3. Kế hoạch cải tiến

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Quy trình quản lý tài chính của Nhà trường rõ ràng, thống nhất, tuân thủ các quy trình, qui định của pháp luật và đáp ứng mục tiêu phát triển của Nhà trường.	Phòng KH-TC&QLĐT	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Việc đầu tư CSVC và CSHT phục vụ đào tạo, NCKH và PVCD được quan tâm thực hiện hằng năm trên cơ sở dự toán được giao, kế hoạch triển khai cụ thể.	Phòng KH-TC&QLĐT và Phòng Quản trị	Hằng năm	
4	Khắc phục tồn tại	Xây dựng được các tiêu chí đánh giá hiệu quả tài chính cho các hoạt động của Trường	Phòng Kế hoạch – Tài chính &QLĐT	Năm 2023	

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
5	Khắc phục tồn tại	Cần có chiến lược và các giải pháp đa dạng hóa nguồn thu ngoài ngân sách nhằm tăng mức độ tự chủ theo mục tiêu đặt ra.	Phòng Kế hoạch – Tài chính & QLĐT	Năm 2023	
6	Khắc phục tồn tại	Cần xây dựng kế hoạch, báo cáo giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư, hiệu quả khai thác CSVC, thiết bị hàng năm.	Phòng quản trị	Năm 2023	
7	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục cải tạo CSVC và tăng cường đầu tư CSVC, trang thiết bị phục vụ dạy và học.	Phòng KH-TC & QLĐT và Phòng Quản trị	Từ năm 2023 - 2024	
8	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch Hệ thống an ninh mạng.	Khoa CNTT	Từ năm học 2023-2024	
9	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch và cải tạo sửa chữa hệ thống cầu thang các giảng đường để cho người có nhu cầu đặc biệt sử dụng.	Phòng quản trị	Từ năm học 2023-2024	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 7</i>	<i>5,40</i>
Tiêu chí 7.1	5
Tiêu chí 7.2	6
Tiêu chí 7.3	6
Tiêu chí 7.4	5
Tiêu chí 7.5	5

Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại

Tiêu chí 8.1. Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Phòng Khoa học Công nghệ - Đối ngoại và Học liệu (KH-CN-ĐN&HL) là đơn vị có nhiệm vụ xây dựng và thực hiện các chiến lược, kế hoạch hoạt động đối ngoại, hợp tác phù hợp với chiến lược phát triển của Trường theo từng giai đoạn. Cụ thể, Phòng có chức năng tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong công tác phát triển hợp tác quốc tế trong và ngoài nước của Trường [H8.08.01.01]. Các khoa đào tạo và các phòng chức năng phối hợp với Phòng KH-CN-ĐN&HL trong việc thực hiện những chức năng, nhiệm vụ này [H8.08.01.03], [H8.08.01.04]. Một Phó Hiệu trưởng được phân công nhiệm vụ trực tiếp chỉ đạo, theo dõi và điều hành các mảng công việc về đối ngoại, hợp tác và phát triển [H8.08.01.05].

Các hoạt động đối ngoại của Trường được triển khai trên cơ sở các văn bản quản lý hiện hành như: quy định về hợp tác, đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục; quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quản lý hoạt động hợp tác quốc tế [H8.08.01.06]; quy định về đoàn ra, đoàn vào của UBND tỉnh Quảng Bình [H8.08.01.07]; hướng dẫn tổ chức, tham gia hội nghị, hội thảo quốc tế [H8.08.01.08]; quy định về tiếp nhận, quản lý và hỗ trợ lưu học sinh nước ngoài tại Việt Nam [H8.08.01.09], [H8.08.01.10], [H8.08.01.11] và chuyên gia quốc tế đến học tập, làm việc tại Trường [H8.08.01.12].

Kế hoạch phát triển đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được xây dựng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, năng lực nghiên cứu khoa học, đáp ứng yêu cầu xã hội và khẳng định vai trò nòng cốt của Trường trong hệ thống giáo dục quốc dân. Các kế hoạch này đồng thời bám sát mục tiêu chiến lược, sứ mạng và tầm nhìn phát triển giai đoạn 2020–2025, định hướng đến năm 2030 [H8.08.01.13], [H8.08.01.14], [H8.08.01.15].

Hằng năm, Trường xây dựng kế hoạch cụ thể về đối ngoại, hợp tác và phát triển nhằm mở rộng và củng cố mạng lưới đối tác trong và ngoài nước; thu hút sinh viên, chuyên gia quốc tế đến học tập và làm việc; đồng thời thúc đẩy các chương trình trao đổi, thực tập, đào tạo ở nước ngoài cho sinh viên và cán bộ của Trường [H8.08.01.31].

Từ năm 2019, do ảnh hưởng của dịch bệnh, nhiều chỉ tiêu hợp tác và phát triển không đạt kế hoạch, đặc biệt là hoạt động đưa đoàn công tác của Trường ra nước ngoài. Tuy vậy, từ năm 2022, sau khi tình hình dịch bệnh Covid được khắc phục, Nhà trường đã tiếp tục thúc đẩy hợp tác quốc tế thông qua thực hiện dự án quốc tế, duy trì được một số lượng nhất định sinh viên và chuyên gia quốc tế đến làm việc và học tập, dù có giảm so với các năm trước [H8.08.01.16], [H8.08.01.23]. Quy định về quản lý hoạt động hợp tác và phát triển của Trường đã nêu rõ cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát và phân cấp giữa Phòng Khoa học Công nghệ và Đối ngoại với các đơn vị liên quan [H8.08.01.24]. Việc quản lý viên chức, người lao động đi công tác, học tập ở nước ngoài tuân thủ các quy định của Nhà nước [H8.08.01.25], [H8.08.01.27] và quy định nội bộ của Trường [H8.08.01.28].

Các kế hoạch liên quan đến hoạt động đối ngoại được phổ biến đến các đơn vị thông qua hội nghị tổng kết năm, hội nghị giao ban quý và được công khai trên website Trường tại địa chỉ: [<https://qbu.edu.vn/ba-cong-khai/>] [H8.08.01.29], [H8.08.01.30].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 8.2. Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện

Triển khai các hoạt động đối ngoại, hợp tác và phát triển theo kế hoạch đã được xây dựng, định kỳ hàng tháng, hàng quý, BGH tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị trong Trường để thúc đẩy thực hiện các hoạt động này [H8.08.01.13], [H8.08.01.29], [H8.08.02.01]. Phòng KHCN-ĐN&HL được giao nhiệm vụ là

đơn vị đầu mối phụ trách quản lý các hoạt động đối ngoại, hợp tác và phát triển, và phối hợp với các đơn vị liên quan để triển khai các hoạt động này. Các hoạt động đối ngoại cũng được triển khai thực hiện dựa trên đề xuất của các khoa đào tạo, các phòng chức năng hoặc các đơn vị đối tác thể hiện sự đa dạng trong hoạt động đối ngoại chung của Trường [H8.08.02.02]. Dựa trên kế hoạch đoàn ra hàng năm đã được xây dựng và phê duyệt, Phòng KHCN-ĐN&HL phối hợp với Phòng Tổ chức Hành chính tổ chức các chuyến công tác nước ngoài của lãnh đạo Trường nhằm phát triển các đối tác quốc tế [H8.08.02.03], [H8.08.02.04], [H8.08.02.05]. Phòng KHCN-ĐN&HL là đơn vị đầu mối, phối hợp với các đơn vị tổ chức tiếp đón các đoàn khách trong nước và quốc tế đến thăm và làm việc tại Trường [H8.08.02.06], [H8.08.02.07]. Các khoa đào tạo, các phòng chức năng cũng chủ động tìm kiếm các đối tác trong và ngoài nước, soạn thảo các hợp đồng, thỏa thuận, MoU, và phối hợp với Phòng KHCN&ĐN tiến hành ký kết và triển khai thực hiện [H8.08.02.08], [H8.08.02.09], [H8.08.02.10]. Bảng 8.2.1 mô tả số lượng văn bản thỏa thuận hợp tác đã ký kết với các đối tác quốc tế và số lượng chương trình hợp tác trong nước giai đoạn 2018 – 2025.

Bảng 8.2.1. Số lượng văn bản thỏa thuận hợp tác quốc tế đã ký kết và số lượng chương trình hợp tác trong nước giai đoạn 2020 – 2025

Nội dung	Năm					
	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Số lượng văn bản thỏa thuận hợp tác quốc tế đã ký kết (<i>đơn vị: văn bản</i>)	11	18	11	2	1	0
Số chương trình hợp tác trong nước (<i>đơn vị: chương trình</i>)	34	17	2	2	2	4

Các hoạt động hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật, trao đổi GV và SV với các đối tác trong và ngoài nước được tích cực triển khai trong giai đoạn 2018-2025. Từ năm 2018 đến nay, Nhà Trường đã ký kết 84 MoU, thỏa thuận hợp tác

với các đối tác quốc tế về trao đổi SV và GV, trao các học bổng cho SV Trường; thực hiện 90 chương trình hợp tác với các đối tác trong nước đã được triển khai [H8.08.02.08], [H8.08.02.09]. Dựa trên nội dung đã ký kết, Trường đã cử các cán bộ tham gia các chương trình trao đổi chuyên môn tại các cơ sở giáo dục (CSGD) là đối tác quốc tế của Trường [H8.08.02.11]. Sinh viên của Trường cũng có cơ hội tham gia các chương trình trao đổi SV, học tập trải nghiệm tại các CSGD tại nước ngoài với thời gian khác nhau. Trong giai đoạn 2018-2025, có tổng số 720 lượt SV của Trường đi học tập, trao đổi và thực tập tại nước ngoài, như mô tả trong Bảng 8.2.2 [H8.08.02.12], tuy nhiên số lượng này giảm đáng kể từ năm 2021 đến nay do Nhà trường gặp khó khăn về tài chính và điều kiện tổ chức các chuyến đi học tập trao đổi và thực tập nước ngoài cho SV.

Bảng 8.2.2. Thống kê số lượng SV của Trường đi học tập, trao đổi, thực tập tại nước ngoài

Nội dung	Năm					
	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Số lượng SV Trường ĐHQB đi học tập, trao đổi, thực tập tại nước ngoài (đơn vị: SV)	88	33	0	3	5	0

Cùng với đó, Trường cũng tổ chức tiếp nhận các SV quốc tế và chuyên gia quốc tế tới học tập và làm việc tại Trường. Trong giai đoạn 2018-2025, có tổng số 598 lượt SV quốc tế đến học tập tại Trường, như mô tả trong bảng 8.2.3 và 180 lượt chuyên gia quốc tế đến làm việc tại Trường, thể hiện trong bảng 8.2.4 [H8.08.02.13]. Bên cạnh đối tượng SV quốc tế đến học tập tại Trường theo diện trao đổi, hiệp định, Trường cũng xây dựng các chương trình ngắn hạn về Dự bị tiếng Việt, học tiếng Việt và trải nghiệm văn hóa Việt Nam để gia tăng số lượng SV quốc tế đến học tập tại Trường [H8.08.02.14], [H8.08.02.15]. Ngoài

ra, Trường có đang đề xuất nộp hồ sơ xin phép liên kết đào tạo 01 CTĐT trình độ cử nhân với các CSGD quốc tế [H8.08.02.16], [H8.08.02.17], [H8.08.02.18]. Từ năm 2018 - 2025, Trường tổ chức 23 hội thảo quốc tế, tạo điều kiện cho học viên và cán bộ trong Trường có cơ hội trao đổi về học thuật, nâng cao trình độ chuyên môn, đồng thời mở ra các cơ hội hợp tác về đào tạo, nghiên cứu. Thống kê về số lượng hội thảo quốc tế đã được tổ chức trong giai đoạn 2018-2025 được mô tả trong bảng 8.2.3 kèm theo số kinh phí thực hiện và số lượt đại biểu tham dự [H8.08.02.19].

Bảng 8.2.3. Thống kê số lượng SV quốc tế đến học tập tại Trường giai đoạn 2020-2025, thống kê toàn bộ và theo nước đến

Nội dung	Năm				
	2020	2021	2022	2023	2024
Số lượng SV quốc tế (đơn vị: SV)	31	126			
Lưu học sinh Trung Quốc (đơn vị: SV)	1	97	0	0	0
Lưu học sinh Lào	29	17			
Lưu học sinh từ Thái Lan (đơn vị: SV)	1	4	0	0	0
Lưu học sinh từ các khu vực khác (đơn vị: SV)	0	8	0	0	0

Bảng 8.2.4. Thống kê số lượng chuyên gia quốc tế đến làm việc tại Trường giai đoạn 2020-2025

Nội dung	Năm				
	2020	2021	2022	2023	2024

Số lượng chuyên gia quốc tế đến làm việc tại Trường (<i>đơn vị: chuyên gia</i>)	16	20			
---	----	----	--	--	--

Bảng 8.2.5. Thống kê số lượng hội thảo quốc tế đã được tổ chức tại Trường trong giai đoạn 2020-2025

Nội dung	Năm					
	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Số lượng hội thảo quốc tế (<i>đơn vị: hội thảo</i>)	2	1	0	1	0	1
Số lượt đại biểu tham dự hội thảo, hội nghị, tập huấn quốc tế (<i>đơn vị: người</i>)	450	430	8	8	2	50
Kinh phí được tài trợ (<i>đơn vị: triệu đồng</i>)	350	50				

Việc phát triển các mạng lưới, các mối quan hệ, đối tác trong nước theo chủ trương của Trường được triển khai thực hiện hiệu quả. Hàng năm, Trường có những buổi làm việc, gặp mặt với các đối tác tiềm năng nhằm phát triển mạng lưới hợp tác trong nước. Theo thống kê được mô tả trong bảng 8.2.6, tổng cộng 172 lượt các đoàn khách đã làm việc với Trường. Qua thống kê có thể thấy sự sụt giảm về số lượng các đoàn khách trong các năm gần đây do ảnh hưởng của dịch bệnh, và nhiều thách thức khác mà Nhà trường đang gặp phải [H8.08.02.07]. Tận dụng thế mạnh về nghiên cứu, giảng dạy, đào tạo đa ngành, Trường đã triển khai việc hợp tác và liên kết trong đào tạo NCKH với các đối tác trong nước [H8.08.02.09], [H8.08.02.20], [H8.08.02.21], [H8.08.02.22], [H8.08.02.23], [H8.08.02.24], [H8.08.02.25], [H8.08.02.26].

Bảng 8.2.6. Thống kê số lượng các đoàn khách đến làm việc với Trường giai đoạn 2020-2025

Đơn vị tính: lượt

	Năm					
	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Số lượng các đoàn	10	9				3

Trường phát triển các mạng lưới đối tác nước ngoài thông qua việc đàm phán, tiến hành ký kết mới các biên bản, thỏa thuận tác về hợp tác trong các lĩnh vực trao đổi GV, NH, nghiên cứu và giảng dạy [H8.08.02.08], [H8.08.02.27]. Bên cạnh đó, Trường tổ chức các cuộc tiếp đón, gặp mặt, làm việc giữa Trường và các đoàn khách quốc tế để mở rộng, tăng cường hợp tác với các đối nước ngoài [H8.08.02.07]. Ngoài ra, Trường tổ chức các chương trình giao lưu, trải nghiệm với các đối tượng SV và chuyên gia quốc tế cùng với cán bộ Trường để tăng cường giao lưu kết nối, xây dựng, quảng bá hình ảnh của Trường, thu hút SV, chuyên gia quốc tế và mở rộng mạng lưới đối ngoại của Trường [H8.08.02.28], [H8.08.02.29], [H8.08.02.30], [H8.08.02.31].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 8.3. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát

Định kỳ hàng năm, phòng KHCN-ĐN&HL tiến hành thống kê, rà soát, đánh giá việc triển khai các hoạt động hợp tác với đối tác trong nước bao gồm các hoạt động hợp tác do KHCN-ĐN&HL trực tiếp triển khai và các hoạt động hợp tác khác do các khoa đào tạo, các đơn vị chức năng làm đầu mỗi triển khai [H8.08.03.01], [H8.08.01.31]. Số liệu thống kê bao gồm các hợp đồng, thỏa thuận, MoU đã ký kết, đang trong thời gian triển khai, đồng thời xây dựng các báo cáo tiến độ triển khai thực tế các chương trình hợp tác trong nước [H8.08.01.31], [H8.08.02.08]. Việc này giúp đánh giá tính hiệu quả của các hoạt động hợp tác trong nước, đánh giá mạng lưới và quan hệ với các đối tác trong nước để có phương hướng phát triển hoạt động.

Đối với các đối tác nước ngoài, hàng năm phòng KHCN-ĐN&HL tiến hành rà soát số lượng các văn bản thỏa thuận hợp tác, MoU đã ký với các đối tác nước ngoài. Song song với đó, Phòng cũng đánh giá kết quả triển khai các văn

bản thỏa thuận hợp tác, MoU thông qua việc thu thập các số liệu liên quan tới nội dung của các thỏa thuận hợp tác này [H8.08.01.31], [H8.08.03.02], [H8.08.02.09]. Trường cũng thực hiện một số khảo sát đối với chuyên gia, SV quốc tế trong thời gian làm việc và học tập tại Trường và SV của Trường tham gia một số chương trình hợp tác với đối tác nước ngoài [H8.08.03.03]. Qua đó, Trường có thể theo dõi tiến độ, tính hiệu quả của thỏa thuận hợp tác, có cái nhìn toàn cảnh về mạng lưới đối tác nước ngoài, cũng như tiềm năng phát triển và mở rộng các quan hệ hợp tác.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 8.4. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Các số liệu về đối ngoại, hợp tác và phát triển cho thấy qua từng năm Nhà trường đều cố gắng duy trì hoạt động đối ngoại đảm bảo về số lượng và chất lượng (Bảng 8.4), thể hiện qua số lượng SV và chuyên gia quốc tế đến học tập và làm việc tại Trường giai đoạn 2018-2022. Số lượng SV của Trường được đi nước ngoài để học tập, trao đổi, thực tập cũng có sự gia tăng. Cán bộ, GV của Trường tham gia các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu, tham dự hội thảo quốc tế có sự phát triển về số lượng. Hàng năm, Trường duy trì số lượng hội thảo, hội nghị quốc tế được tổ chức. Việc thực hiện các thỏa thuận hợp tác với các đối tác được rà soát, đánh giá để đảm bảo hiệu quả. Mặc dù có khó khăn trong những năm vừa qua do đại dịch Covid-19, Trường đã gia hạn ký kết MOU và ký kết mới MOU với một số đối tác trong nước và ngoài nước như Trường Đại học Sakon Nakhon Rajabhat - Thái Lan, Trung tâm Du lịch Phong Nha - Kẻ Bàng, Công ty TNHH TV&PT Giáo Dục Newsky, Ngân Hàng Lộc Phát Việt Nam - CN Quảng Bình, Công ty TNHH MTV Me Chua Đất (Oxalis Co., LDT). Ngoài ra, như đã trình bày ở Tiêu chí 8.1, trong thời gian này, Trường vẫn thu hút được một số lượng nhất định SV và chuyên gia quốc tế đến học tập và làm việc, dù số lượng ít hơn nhiều so so với các năm học trước đó.

Bảng 8.4. Thống kê hợp tác và phát triển

Nội dung	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Số lượng SV quốc tế đến học tập tại Trường	36	19	0	0	0	0
Số chuyên gia quốc tế đến làm việc tại Trường	23	23	5	15	10	6
Số SV của Trường đi học tập tại nước ngoài	88	36	0	3	5	0
Số cán bộ Trường đi công tác nước ngoài	9	0	8	8	6	0
Số hội nghị, hội thảo quốc tế tổ chức	2	0	0	1	0	1
Số văn bản ghi nhớ/thỏa thuận hợp tác ký kết	18	4	4	4	4	4

Thực hiện các biện pháp cải thiện các quan hệ hợp tác với các đối tác và quan hệ đối ngoại, sau khi tiến hành rà soát, đánh giá hiệu quả của các mạng lưới đối tác và kết quả của hoạt động đối ngoại, Nhà Trường tổ chức hoặc tham gia các hội nghị về công tác đối ngoại, hợp tác phát triển định kỳ hàng năm để báo cáo chung về các hoạt động đối ngoại và lấy ý kiến của các đơn vị trong Trường nhằm xây dựng phương hướng hành động để giải quyết các tồn tại, cải thiện quan hệ hợp tác với đối tác cũng như phát triển công tác đối ngoại của Trường [H8.08.04.01], [H8.08.04.02], [H8.08.04.03]. Tin bài về các hoạt động đối ngoại, hợp tác trong và ngoài nước đều được cập nhật đầy đủ trên website chính thức của Trường, giúp cán bộ, GV, SV nắm được thông tin về các hoạt động đối ngoại của Trường, từ đó có thể đóng góp các ý kiến nhằm phát triển công tác đối ngoại của Trường. Với đặc thù là một cơ sở giáo dục giảng dạy,

nghiên cứu đa ngành với hơn 6 ngành được đào tạo, việc xây dựng các chủ trương khuyến khích các khoa đào tạo tăng cường phát triển mạng lưới đối ngoại chung của Trường cũng rất cần thiết. Từ sau năm 2022, Nhà trường đã thực hiện nhiều hoạt động hợp tác quốc tế, khắc phục trước khó khăn do dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng trước đó. Trường vẫn duy trì thực hiện các biện pháp cụ thể, kết hợp giữa hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến để thích ứng với bối cảnh xã hội có nhiều thay đổi, nhằm duy trì các chỉ số hợp tác và phát triển như: chủ động lên kế hoạch tiếp nhận SV và chuyên gia quốc tế tới học tập và làm việc tại Trường, thực hiện đúng các quy định về xuất nhập cảnh, cách ly y tế đối với người nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam [H8.08.04.04]. Trường cũng gửi công văn tới các cơ quan ngoại giao ở nước ngoài đề nghị phối hợp, giúp đỡ các SV Trường sớm được về nước [H8.08.04.05], hỗ trợ các hoạt động đào tạo [H8.08.04.06], [H8.08.04.07], [H8.08.04.08], [H8.08.04.09] triển khai các hoạt động trao đổi học thuật [H8.08.04.10] và phát triển mạng lưới đối tác [H8.08.04.11], [H8.08.04.12]. Những cải tiến trong hoạt động hợp tác và phát triển đã góp phần giúp Trường thực hiện được các mục tiêu chiến lược của mình.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 8:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Trường có đơn vị chuyên trách về công tác đối ngoại (Phòng KHCN-ĐN&HL) với chức năng, nhiệm vụ rõ ràng. Hệ thống văn bản quản lý, hướng dẫn thực hiện công tác đối ngoại đầy đủ, chi tiết. Tập thể lãnh đạo của Trường thường xuyên có chỉ đạo cụ thể trong công tác xây dựng kế hoạch về đối ngoại theo giai đoạn dài hạn và ngắn hạn, đảm bảo tính thống nhất cao.

Việc thực hiện các kế hoạch, nhiệm vụ được rà soát thường xuyên nhằm đảm bảo công tác đối ngoại đạt yêu cầu về chỉ tiêu, kế hoạch đề ra, đồng thời xây dựng phương hướng cho các hoạt động đối ngoại trong giai đoạn tiếp theo.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Mặc dù có thực hiện nhiều việc đàm phán, ký kết các văn bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác trong và ngoài nước, việc thực hiện các nội dung trong các văn ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác này đòi hỏi sự vào cuộc của cả Trường và đối tác để đạt được hiệu quả như mong muốn. Việc đánh giá tiềm năng của đối tác cũng như tính khả thi của các nội dung hợp tác cần được thực hiện một cách phù hợp nhằm thúc đẩy việc hợp tác đi vào chiều sâu và tăng tính hiệu quả của các hoạt động hợp tác trong và ngoài nước.

Việc hoàn thành các kế hoạch nhiệm vụ của Trường trong bối cảnh khách quan chung của thế giới gặp rất nhiều khó khăn do diễn biến của dịch bệnh Covid-19 là bất khả kháng. Việc dự báo những rủi ro không dễ dàng thực hiện, cần có sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng giữa đơn vị đầu mối là phòng KHCN-ĐN&HL với các đơn vị liên quan.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/Cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Đánh giá tiềm năng đối tác, rà soát tính khả thi các nội dung hợp tác trong và ngoài nước	BGH, HĐ TVHTPT, P. KHCN-ĐN&HL, các đơn vị liên quan	Định kỳ hàng năm	
2	Khắc phục tồn tại 2	Xây dựng phương án dự phòng, chủ động ứng phó với rủi ro	BGH, P. KHCN-ĐN&HL, các đơn vị liên quan	Định kỳ hàng năm	

		khách quan trong hợp tác			
3	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục đơn đốc, định hướng công tác hợp tác phát triển	BGH, P. KHCN-ĐN&HL	Hàng năm	
4	Phát huy điểm mạnh 2	Rà soát kết quả, chỉ tiêu nhiệm vụ công tác đối ngoại thường xuyên	P. KHCN-ĐN&HL	Hàng năm	
5	Phát huy điểm mạnh 3	Đẩy mạnh mở rộng quan hệ đối tác với cơ sở giáo dục, doanh nghiệp, địa phương	BGH, P. KHCN- ĐN&HL, K. ĐT&BDNN, HĐ TVHTPT	Hàng năm	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 8</i>	<i>5,00</i>
Tiêu chí 8.1	5
Tiêu chí 8.2	5
Tiêu chí 8.3	5
Tiêu chí 8.4	5

Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong

Tiêu chí 9.1. Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của

hệ thống ĐBCL bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD.

Nhằm đáp ứng tốt sứ mệnh, tầm nhìn và chiến lược dài hạn, trường ĐHQB đã xây dựng hệ thống ĐBCL bên trong với phương châm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo. Hệ thống ĐBCL bên trong của Nhà trường bao gồm bộ phận chuyên trách về ĐBCL là đơn vị phòng chức năng phụ trách hoạt động bảo đảm chất lượng và các bộ phận phụ trách là Hội đồng bảo đảm chất lượng các cấp trong toàn trường [H9.09.01.01], [H9.09.01.02]. Các cá nhân liên quan đến hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về đảm bảo và KĐCLGD, trong đó có 01 cán bộ đã có thể kiểm định viên và hiện đang là cộng tác viên của các trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục đại học [H9.09.01.03].

Với hệ thống ĐBCL bên trong thống nhất trong toàn trường để vận hành công tác ĐBCL của các cá nhân, đơn vị đảm bảo tính trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, kịp thời trong công tác đánh giá hoạt động ĐBCL góp phần nâng cao chất lượng các mặt hoạt động của Nhà trường, Nhà trường đã xây dựng được mạng lưới ĐBCL tại các bộ phận/đơn vị trực thuộc của CSGD bao gồm cả đơn vị chuyên trách và bộ phận phụ trách với sự tham gia của toàn bộ các đơn vị trong trường. Đó là Hội đồng ĐBCL cấp trường và Hội đồng đảm bảo chất lượng tại các đơn vị đào tạo [H9.09.01.02]. Hệ thống văn bản quy định về các hoạt động ĐBCL và các hướng dẫn thực hiện đã được Nhà trường xây dựng một cách khoa học, có hệ thống [H9.09.01.04]. Trong đó có các quy định chung, quy định riêng đối với các hoạt động bảo đảm chất lượng. Đồng thời, Nhà trường có quy định về chức năng nhiệm vụ cho cả bộ phận chuyên trách và không chuyên trách về ĐBCL và quy định về sự phối hợp ĐBCL nội bộ bên trong CSGD nhằm đảm bảo cho các hoạt động ĐBCL có tính hệ thống, đồng bộ trong toàn trường [H9.09.01.05], [H9.09.01.06], [H9.09.01.07]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng có hệ thống các kế hoạch dài hạn, ngắn hạn trong công tác

ĐBCL và nhiều hướng dẫn cụ thể để hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý [H9.09.01.08].

Trong những năm qua Nhà trường đã tạo điều kiện cho đội ngũ viên chức của phòng Thanh tra – Đảm bảo chất lượng giáo dục cũng như viên chức các khoa, phòng chức năng tham gia nhiều khóa đào tạo, bồi dưỡng về công tác ĐBCL do Bộ GD&ĐT, các trung tâm KĐCLGD tổ chức [H9.09.01.09]. Một số giảng viên, viên chức các đơn vị đã tham dự tập huấn KĐCLGD (ĐH Đà Nẵng). Đến nay, Nhà trường đã có 06 viên chức có chứng chỉ đào tạo kiểm định viên KĐCLGD ĐH, trong đó có 01 viên chức có thể kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục [H9.09.01.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 9.2. Xây dựng kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác đảm bảo chất lượng và tập huấn nâng cao năng lực) để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.

Chiến lược ĐBCL của Nhà trường được xác định trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2035, trong đó bao gồm cả chiến lược, chính sách về ĐBCL được xây dựng với sự tham gia của các bên liên quan nhằm đảm bảo tất cả các hoạt động trên ba lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng đáp ứng các mục tiêu chiến lược mà Nhà trường đã đề ra [H9.09.02.01]. Các nội dung trong kế hoạch chiến lược ĐBCL được Nhà trường cụ thể hóa thành các kế hoạch nhiệm vụ hoạt động ĐBCL theo từng giai đoạn và theo từng năm để các bên liên quan triển khai thực hiện, góp phần vào việc hoàn thành mục tiêu chất lượng trên tất cả các mặt hoạt động của Nhà trường [H9.09.02.02].

Nhiều hội nghị tập huấn nâng cao năng lực nhằm đáp ứng các mục tiêu chiến lược về ĐBCL được triển khai đã góp phần hỗ trợ cho hoạt động xây dựng và phổ biến kế hoạch chiến lược ĐBCL [H9.09.02.03]; đồng thời nhiều

cuộc họp triển khai nội bộ, thông tin về các kế hoạch chiến lược được Nhà trường phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan thông qua nhiều hình thức khác nhau như sổ tay ĐBCL và đặc biệt trên trang tin điện tử của Nhà trường. [H9.09.02.04], [H9.09.02.05].

Trong kế hoạch chiến lược phát triển chung của Nhà trường, Nhà trường luôn có các chính sách ưu tiên cụ thể cho hoạt động ĐBCL nhằm đáp ứng được các yêu cầu chất lượng theo kế hoạch chiến lược được ban hành [H9.09.02.06].

Để thực hiện các mục tiêu chiến lược về ĐBCL của Nhà trường, hằng năm, Nhà trường đều ban hành kế hoạch Chiến lược công tác Đảm bảo chất lượng giáo dục năm học trong đó sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình triển khai các hoạt động ĐBCL [H9.09.02.01], [H9.09.02.02]. Nhiều hội nghị, hội thảo về công tác ĐBCL đã được tổ chức triển khai trong chu kỳ đánh giá. Đồng thời, hằng năm trường đều triển khai các kế hoạch lấy ý kiến của các bên liên quan khác nhau để đánh giá mức độ đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD trên các mặt hoạt động theo định kỳ [H9.09.02.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 9.3. Kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.

Trên cơ sở Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2035, Nhà trường đã xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược về ĐBCL dài hạn và kế hoạch ĐBCL hằng năm [H9.09.03.01], [H9.09.01.07], [H9.09.02.01]. Trong đó kế hoạch dài hạn là sự cụ thể hóa của kế hoạch chiến lược, kế hoạch năm học là sự cụ thể hóa của kế hoạch dài hạn. Ngoài ra, Nhà trường còn thành lập Hội đồng đảm bảo chất lượng tại các đơn vị khoa, viện để xây dựng và điều chỉnh kế hoạch công tác ĐBCL tại các đơn vị đào tạo đảm bảo phù hợp và kịp thời với các kế hoạch và định hướng trong công tác ĐBCL mà Nhà trường đã ban hành [H9.09.01.02], [H9.09.03.02].

Thông qua các cuộc họp định kỳ hằng tháng, các báo cáo đánh giá công tác ĐBCL định kỳ sáu tháng [H9.09.03.03], các báo cáo tổng kết công tác ĐBCL hằng năm, các báo cáo đánh giá theo từng giai đoạn của kế hoạch và các hoạt động tập huấn về ĐBCL thì việc phổ biến, quán triệt các hoạt động chiến lược ĐBCL theo kế hoạch của Nhà trường đã được thực hiện một cách liên tục và có hệ thống đến tất cả các đơn vị trong nội bộ Nhà trường [H9.09.03.04], [H9.09.03.05]. Ngoài ra, Trường còn sử dụng trang thông tin điện tử, sổ tay ĐBCL và các tài liệu tập huấn của trong công tác ĐBCL làm công cụ để phổ biến, triển khai hệ thống kế hoạch chiến lược ĐBCL của Nhà trường [H9.09.02.05], [H9.09.02.04], [H9.09.03.05].

Để triển khai, quán triệt thực hiện các hoạt động ĐBCL theo kế hoạch, hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động ĐBCL hằng tháng và đánh giá các hoạt động ĐBCL của tất cả các đơn vị liên quan thông qua kết luận tại các cuộc họp giao ban tháng [H9.09.03.02]. Hơn thế nữa, theo định kỳ sáu tháng Nhà trường có báo cáo đánh giá các hoạt động công tác ĐBCL để làm rõ mức độ đạt được của kế hoạch năm và định hướng triển khai, quán triệt thực hiện các hoạt động ĐBCL nhằm đảm bảo hiệu quả thực hiện của kế hoạch ĐBCL hằng năm. [H9.09.03.03], [H9.09.03.04].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 9.4. Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng được triển khai.

Để hướng dẫn thực hiện thống nhất về công tác quản lý, lưu trữ văn bản trong toàn trường, Nhà trường đã ban hành Quyết định về Quy chế công tác văn thư lưu trữ [H9.09.04.01], trong đó quy định rõ các bước thực hiện từ quy trình soạn thảo, ban hành, quản lý đến công tác lưu trữ toàn bộ hệ thống văn bản của Nhà trường.

Nhà trường có hai hệ thống lưu trữ văn bản về các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL. Hệ thống lưu trữ văn bản giấy được lưu tại đơn vị phát hành và tại kho của văn thư Trường; hệ thống văn bản điện tử được lưu trữ

trên hệ thống phần mềm trực tuyến TDOffice và trên Website của Nhà trường và đơn vị chuyên trách ĐBCL [H9.09.04.02].

Để trao đổi thông tin nội bộ, Nhà trường sử dụng hệ thống phần mềm trực tuyến TDOffice để quản lý công việc, quản lý dữ liệu hệ thống văn bản đến, văn bản đi trong tất cả các lĩnh vực hoạt động theo thời gian ban hành do phòng Tổ chức - Hành chính phụ trách [H9.09.04.02]. Mỗi cán bộ, giảng viên được cấp 01 tài khoản cá nhân để có thể truy cập vào hệ thống và dễ dàng truy xuất văn bản khi cần thiết. Ngoài ra, hệ thống các văn bản đó còn được công khai trên trang tin điện tử theo bộ cục từng nội dung hoạt động của đơn vị chức năng.

Hằng năm, Nhà trường có kế hoạch triển khai rà soát các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL theo định kỳ [H9.09.04.03]. Phổ biến cho các bên liên quan trong CSGD về các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL một cách công khai và rộng rãi trong các cuộc họp giao ban, qua các Báo cáo tổng kết công tác ĐBCL của đơn vị chuyên trách và trong các kết luận của Hội đồng ĐBCL. [H9.09.04.04], [H9.09.04.05], [H9.09.04.06]. Đồng thời còn được phổ biến trên trang tin điện tử của Nhà trường và cả thông qua các hoạt động lấy ý kiến phản hồi của bên liên quan đối với từng hoạt động của Trường [H9.09.04.07], [H9.09.04.08].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 9.5. Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.

Nhà trường đã triển khai xây dựng bộ KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính để đo lường và đánh giá kết quả công tác ĐBCL một cách có hệ thống và được thể hiện cả trong kế hoạch chiến lược công tác ĐBCL, kế hoạch ĐBCL giai đoạn 2019 – 2023 và kế hoạch công tác ĐBCL hằng năm [H9.09.05.01], [H9.09.05.02], [H9.09.05.03], [H9.09.05.04]. Trong kế hoạch chiến lược ĐBCL và kế hoạch ĐBCL giai đoạn 2019 – 2023 đã làm rõ mục tiêu và các chỉ tiêu phấn đấu đến từng năm. Đó cũng chính là cơ sở để xây dựng kế hoạch hoạt

động ĐBCL và chỉ số hoạt động ĐBCL cụ thể hằng năm [H9.09.05.05], [H9.09.05.06], [H9.09.05.07], [H9.09.05.08]. Ngoài ra, các chỉ tiêu, chỉ số thực hiện các hoạt động ĐBCL của Nhà trường còn được cụ thể trong các kế hoạch thực hiện hoạt động khuyến nghị sau đánh giá ngoài hằng năm [H9.09.05.03].

Dựa trên bộ chỉ số đã được xây dựng, Nhà trường đã triển khai thực hiện thông qua các kế hoạch riêng cho từng hoạt động công tác ĐBCL. Bộ chỉ số chính là căn cứ để Nhà trường đo lường và đánh giá kết quả công tác ĐBCL thông qua các báo kết quả từng hoạt động đã được triển khai theo kế hoạch, báo cáo đánh giá kết quả hoạt động ĐBCL định kỳ 6 tháng và báo cáo kết quả hoạt động ĐBCL hằng năm và từng giai đoạn. Hơn thế nữa, kết quả thực hiện các chỉ số còn được thể hiện trong các báo cáo thực hiện khuyến nghị sau đánh giá ngoài hằng năm và báo cáo giữa chu kỳ [H9.09.05.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 9.6. Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phân đầu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.

Trong 5 năm của chu kỳ đánh giá, Nhà trường đã thực hiện rà soát và cải tiến quy trình lập kế hoạch các hoạt động để đáp ứng mục tiêu chiến lược và ĐBCL. Quy định công tác ĐBCLGD bên trong CSGD Trường Đại học Quảng Bình Số 1879/QĐ-ĐHQB, ngày 30/9/2022 đã quy định rõ chu kỳ rà soát, đánh giá và cải tiến đối với từng nội dung ĐBCL [H9.09.01.03]. Theo đó việc rà soát, đánh giá và cải tiến đối với ĐBCL về chiến lược được thực hiện ít nhất 5 năm một lần. Xác định việc lập kế hoạch là bước đầu tiên trong chu trình PDCA để tạo cơ sở cho việc thực hiện các bước tiếp theo trong vòng tròn cải tiến chất lượng, Nhà trường đã coi trọng công tác kế hoạch để không ngừng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ ĐBCL. Việc lập kế hoạch được thực hiện trên tất cả các mặt hoạt động của đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của Nhà trường hằng năm và theo từng giai đoạn.

Việc lập kế hoạch trải qua nhiều bước khác nhau nhưng đều có điểm chung

là sử dụng kết quả của năm trước, giai đoạn trước làm cơ sở quan trọng để rà soát, điều chỉnh và xây dựng kế hoạch cho năm sau và giai đoạn tiếp theo sao cho phù hợp với định hướng và chiến lược phát triển chung, với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường [H9.09.06.01]. Quy trình xây dựng kế hoạch trong hoạt động ĐBCL của Nhà trường trong thời gian qua đã có cải tiến để bổ sung các KPIs và các chỉ tiêu phân đầu chính theo mục tiêu chiến lược của Nhà trường. Năm 2019 Nhà trường đã ban hành riêng Chiến lược cho công tác ĐBCL theo giai đoạn 2019 – 2023 và tầm nhìn đến năm 2030; ban hành Kế hoạch ĐBCL giai đoạn 2019 – 2023 để triển khai theo chu kỳ đánh giá CSGD. Sự linh động trong quy trình lập kế hoạch đã giúp Nhà trường thực hiện rà soát, cập nhật và cải tiến để ban hành lại kế hoạch các hoạt động ĐBCL giai đoạn 2020 – 2025 và 2026 – 2030 theo Quyết định số 78/QĐ-TTg ngày 14/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ để đáp ứng yêu cầu văn bản chỉ đạo cấp trên và các mục tiêu chiến lược, tầm nhìn đến năm 2035 của Nhà trường [H9.09.06.02].

Cùng với quá trình xây dựng kế hoạch cho năm mới, giai đoạn mới là quá trình Nhà trường đã thực hiện rà soát và cải tiến các KPIs và các chỉ tiêu phân đầu chính để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD [H9.09.06.01]. Các chỉ số đưa ra trong kế hoạch năm mới, giai đoạn mới là dựa trên kết quả rà soát thể hiện trong các báo cáo tổng kết hằng năm của Nhà trường, báo cáo kết quả hoạt động của hệ thống ĐBCL bên trong theo định kỳ sáu tháng và kết quả khảo sát các bên liên quan trong quá trình triển khai các hoạt động ĐBCL [H9.09.06.03], [H9.09.06.04].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 9:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường đã thiết lập hệ thống ĐBCL bên trong bao gồm cả đội ngũ chuyên trách và không chuyên trách, xây dựng được hệ thống Hội đồng ĐBCL các cấp với sự tham gia của đại diện tất cả các bên liên quan trong các hoạt động ĐBCL của Nhà trường. Đồng thời, Nhà trường quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội

ngũ viên chức của đơn vị chuyên trách về công tác ĐBCL, đội ngũ này đủ năng lực tổ chức và triển khai thực hiện các hoạt động ĐBCL của Nhà trường có hiệu quả.

- Kế hoạch chiến lược về ĐBCL được xây dựng, rà soát và điều chỉnh cập nhật theo từng giai đoạn khác nhau, phù hợp với mục tiêu chiến lược phát triển chung của Nhà trường.

- Nhà trường đã xây dựng được một hệ thống đầy đủ kế hoạch ngắn hạn và dài hạn đảm bảo tính liên tục, nhất quán để chuyển tải và triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược về ĐBCL.

- Nhà trường có chiến lược, chính sách về ĐBCL; có sự tham gia của các bên liên quan trong các hoạt động ĐBCL của Nhà trường. Các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL được lưu trữ dưới hai hình thức lưu trữ tài liệu bản cứng và bản mềm; được phổ biến đến tất cả các bên liên quan trong nội bộ Nhà trường và cả các bên liên quan bên ngoài Trường để dễ dàng nắm bắt và triển khai.

- Nhà trường chú trọng việc triển khai các hoạt động thực hiện chiến lược ĐBCL theo kế hoạch, trong đó có các hoạt động tập huấn, nâng cao năng lực công tác ĐBCL. Kế hoạch ĐBCLGD hàng năm được xây dựng, triển khai thực hiện nghiêm túc.

- Nhà trường đã xây dựng và thực hiện việc điều chỉnh cập nhật hệ thống các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính để đo lường kết quả công tác ĐBCL của cơ sở giáo dục trong từng năm và các giai đoạn khác nhau đảm bảo tính phù hợp với tình hình thực tế.

- Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính thể hiện được tính linh động, cập nhật để đáp ứng yêu cầu từ cơ quan quản lý cấp trên và các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của cơ sở giáo dục.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Việc xác định và điều chỉnh một số KPIs chưa đáp ứng được hiệu quả như kỳ vọng mà Nhà trường đặt ra, đặc biệt là trong công tác tuyển sinh và phát triển đội ngũ chuyên sâu.

3. Kế hoạch cải tiến

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Phát huy các điểm mạnh	Phát triển hệ thống ĐBCL bên trong thông qua việc kiện toàn các Hội đồng ĐBCL theo định kỳ	Phòng TT-ĐBCLGD	Hàng năm	Các HĐ ĐBCLGD; Các KH ĐBCLGD
2	Khắc phục tồn tại	Xác định KPIs theo năm học và giai đoạn cần phải gắn với nguồn lực thực hiện để đảm bảo tính khả thi của từng chỉ số, chỉ tiêu.	Các đơn vị	Hàng năm	Thể hiện trong KH và BC năm học và từng giai đoạn

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 9</i>	<i>4,83</i>
Tiêu chí 9.1	5
Tiêu chí 9.2	5
Tiêu chí 9.3	5
Tiêu chí 9.4	5
Tiêu chí 9.5	5

Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài

Tiêu chí 10.1. Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được thiết lập

Tự đánh giá (TĐG) và chuẩn bị cho hoạt động đánh giá ngoài (ĐGN) chất lượng CSGD cũng như các CTĐT luôn là nội dung trọng tâm trong hoạt động ĐBCL tại Nhà trường. Nhà trường đã ban hành Chiến lược công tác ĐBCLGD của Trường giai đoạn 2019 - 2023 và tầm nhìn đến 2030 [H10.10.01.01]. Tại văn bản này đã thể hiện rõ mục tiêu chiến lược về ĐBCL của Nhà trường: Hoàn thành đánh giá ngoài một số chương trình đào tạo; Đánh giá ngoài cơ sở giáo dục chu kỳ 2023 - 2027; Tiếp cận để xây dựng và phát triển chương trình đào tạo theo chuẩn AUN; Đến năm 2030, Trường đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng các nước trong khu vực và có các chương trình đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn của các trường đại học Đông Nam Á (AUN-QA) [H10.10.01.01]. Bên cạnh đó, để bám sát Chiến lược, Nhà trường đã ban hành kế hoạch đảm bảo chất lượng của từng giai đoạn [H10.10.01.02]. Nhà trường đồng thời xây dựng kế hoạch Triển khai thực hiện quyết định số 78/ QĐ-TTg ngày 14/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về “Phát triển hệ thống đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm giai đoạn 2022 - 2023” [H10.10.01.03].

Để thực hiện các mục tiêu chiến lược ĐBCL, Nhà trường thành lập Hội đồng và xây dựng kế hoạch ĐBCLGD hàng năm của Trường cũng như thành lập Hội đồng ĐBCLGD tại các đơn vị khoa/viện [H10.10.01.04], [H10.10.01.05], [H10.10.01.06]. Trong đó đã xác định rõ lộ trình và kế hoạch tự đánh giá, chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài CSGD, các CTĐT, dự kiến kết quả đạt được cũng như sự tham gia của các bên liên quan trong Trường [H10.10.01.05]. Đối với kiểm định CTĐT, Nhà trường có kế hoạch TĐG cụ thể cho từng CTĐT, trong đó xác định các nhiệm vụ, thời gian thực hiện, đơn vị thực hiện cụ thể [H10.10.01.07]. Đối với kiểm định CSGD, Nhà trường đã xây dựng và ban hành kế hoạch TĐG CSGD có nội dung hoạt động, thời gian thực hiện theo từng tháng, phân công nhiệm vụ, sản phẩm yêu cầu, lộ trình rõ ràng đối với các bên liên quan và triển khai các hoạt động theo kế hoạch để phục vụ công tác kiểm định chất lượng [H10.10.01.08].

Nhà trường có các quy định, hướng dẫn thực hiện tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài CSGD và CTĐT [H10.10.01.09], [H10.10.01.10], [H10.10.01.11]. Các quy định, hướng dẫn này được phổ biến cho các bên liên quan của Nhà trường qua nhiều kênh thông tin khác nhau [H10.10.01.12]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã tổ chức các lớp tập huấn về nâng cao năng lực ĐBCL, công tác kiểm định CTĐT và CSGD cho Ban Giám hiệu, lãnh đạo các đơn vị, thành viên tham gia công tác ĐBCL trong Trường [H10.10.01.13]. Phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng giáo dục là đơn vị đầu mối tổ chức điều phối, hướng dẫn và triển khai công tác tự đánh giá và chuẩn bị cho đánh giá ngoài cấp Trường và cấp CTĐT thông qua các công văn thông báo, kế hoạch cụ thể được phổ biến đến các bên liên quan trong và ngoài Nhà trường [H10.10.01.14]. Đây cũng là đơn vị đầu mối liên hệ, trao đổi với Trung tâm KĐCLGD về việc đăng ký KĐCLGD cấp CSGD hoặc CTĐT cũng như các công tác khác để chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài [H10.10.01.15].

Nhà trường đã phân công trách nhiệm cụ thể cho các bộ phận và các cá nhân liên quan để thực hiện TĐG các CTĐT và CSGD thông qua các quyết định

thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT, Hội đồng tự đánh giá chất lượng CSGD cùng Hội đồng thẩm định báo cáo TĐG. Trong đó, phân công rõ trách nhiệm, quyền hạn và nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách chịu trách nhiệm một số tiêu chuẩn, viết báo cáo tự đánh giá cũng như cơ chế phối hợp để đảm bảo hiệu quả công việc [H10.10.01.16], [H10.10.01.17], [H10.10.01.18]. Sau khi thành lập, Hội đồng TĐG tổ chức họp và thông qua Kế hoạch TĐG cấp CSGD/CTĐT, xác định quy trình thực hiện, các nội dung, nguồn lực, thời gian thực hiện cụ thể. Đồng thời Ban thư ký cũng tổ chức họp rà soát kế hoạch TĐG CSGD/CTĐT và tiến độ thực hiện, phân công nhiệm vụ cho các thành viên rà soát, đôn đốc, giám sát việc thực hiện của các nhóm CTCT để hoàn thành nhiệm vụ chung của Nhà trường [H10.10.01.07], [H10.10.01.08], [H10.10.01.19].

Để thực hiện các bước chuẩn bị cho công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài chất lượng CTĐT và đánh giá chất lượng CSGD, Nhà trường đã tổ chức hội nghị triển khai công tác tự đánh giá Trường đại học đến các thành viên Hội đồng cùng các nhóm công tác chuyên trách được hướng dẫn chi tiết về nội dung cũng như các bước thực hiện và những kinh nghiệm mà Nhà trường hoặc các đơn vị đã có được sau kỳ đánh giá [H10.10.01.20]. Trong những năm qua, Nhà trường đã thực hiện tốt các bước chuẩn bị cho công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài thông qua các kế hoạch, hướng dẫn thực hiện cụ thể, dưới sự hỗ trợ, giám sát chặt chẽ của Ban giám hiệu Nhà trường và sự tham gia tích cực của toàn thể các đơn vị và cá nhân trong Trường [H10.10.01.21], [H10.10.01.22]. Năm học 2024-2025, để chuẩn bị cho công tác ĐGN CSGD chu kỳ 2 giai đoạn 2020-2025 Nhà trường đã thông báo đến các nhóm CTCT xây dựng dự trù kinh phí theo các tiêu chí, tiêu chuẩn, đồng thời gửi công văn xin báo giá dịch vụ kiểm định đến các Trung tâm nhằm làm cơ sở cho việc dự toán kinh phí phục vụ công tác TĐG và ĐGN CSGDĐH [H10.10.01.23]. Điều đó cho thấy, Nhà trường đã xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các kế hoạch TĐG và các kế hoạch chuẩn bị cho ĐGN cấp Trường và cấp CTĐT đạt hiệu quả hướng dẫn của Bộ giáo dục và ĐT.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 10.2. Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được thực hiện định kỳ bởi các cán bộ và/hoặc các chuyên gia độc lập đã được đào tạo

Nhà trường triển khai thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục cấp Trường và cấp CTĐT theo đúng các quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

Giai đoạn 2013 - 2017, Trường đã triển khai thực hiện công tác TĐG CSGD theo quy định tại Thông tư số 62/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và TCCN và theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng được quy định tại văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BGDĐT ngày 04/3/2014 [H10.10.02.01]. Sau đó, Trường đã ký kết các văn bản với Trung tâm KĐCLGD - Đại học Đà Nẵng để thực hiện đánh giá ngoài cấp Trường theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT [H10.10.01.21], [H10.10.02.02]. Tháng 5/2018, Trường đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp Trường theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT [H10.10.02.03]. Sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, Nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch TĐG CSGD chu kỳ 2 theo quy định về KĐCLGD CSGD đại học ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT và các văn bản hướng dẫn của Cục QLCL (công văn số 766/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018; công văn số 1668/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019) [H10.10.01.16].

Công tác tự đánh giá CTĐT cũng được Nhà trường triển khai thực hiện từ năm 2018 cho tất cả các CTĐT tại Trường theo đúng quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng CTĐT của các trường đại học, cao đẳng và TCCN được quy định tại Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 và theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ giáo dục đại học được quy định tại Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT và các văn bản hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng [H10.10.02.04]. Những năm tiếp theo, Nhà

trường thực hiện công tác tự đánh giá CTĐT theo đúng quy trình và các văn bản hướng dẫn của Cục QLCL: Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019; Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020; Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 **[H10.10.02.05]**. Sau khi hoàn thành Báo cáo tự đánh giá, Trường đã ký kết các văn bản với Trung tâm KĐCLGD - Đại học Vinh để tổ chức ĐGN cấp CTĐT đối với 04 CTĐT: Giáo dục Tiểu học, Ngôn ngữ Anh, Quản trị kinh doanh, Công nghệ thông tin **[H10.10.02.06]**. Tháng 12 năm 2022, Nhà trường đã được Trung tâm KĐCLGD – Đại học Vinh thực hiện thành công khảo sát chính thức phục vụ công tác đánh giá ngoài 04 CTĐT **[H10.10.01.23]**, **[H10.10.02.06]**. Đến tháng 8 năm 2023, 04 CTĐT của các ngành trên đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp CTĐT theo Bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT **[H10.10.02.07]**. Các CTĐT còn lại được Nhà trường triển khai công tác TĐG thông qua việc thành lập các Hội đồng và kế hoạch thực hiện hàng năm nhằm chuẩn bị cho việc ĐGN cấp CTĐT **[H10.10.01.07]**, **[H10.10.01.17]**.

Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài của Nhà trường được thực hiện bởi các cán bộ đã được đào tạo về công tác đảm bảo CLGD, cụ thể, Nhà trường hiện có 05 viên chức đã được cấp chứng chỉ kiểm định viên KĐCLGD **[H10.10.02.08]**. Trong số đó có 01 cán bộ lãnh đạo của Phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng giáo dục đã có thể kiểm định viên KĐCLGD từ năm 2018, đã tham gia nhiều Đoàn ĐGN của Trung tâm KĐCLGD – Đại học Đà Nẵng, đây cũng là một trong những yếu tố thuận lợi, góp phần giúp công tác TĐG và ĐGN CSGD và các CTĐT của Nhà trường được triển khai thực hiện có hiệu quả **[H10.10.02.09]**. Đồng thời, để bảo đảm sự nhất quán và đồng thuận trong quá trình thực hiện các mục tiêu chất lượng, tất cả thành viên Hội đồng tự đánh giá CSGD/CTĐT và các nhóm công tác chuyên trách đã được tập huấn về công tác bảo đảm và KĐCLGD được tổ chức tại Trường, tại các CSGD khác trong nước **[H10.10.01.13]**, **[H10.10.01.20]**, **[H10.10.02.10]**. Tuy nhiên, việc tổ chức tập huấn công tác TĐG và ĐGN theo các tiêu chuẩn quốc tế nói chung, tiêu chuẩn

của AUN-QA nói riêng còn chậm. Bên cạnh đó năm 2022 Nhà trường tập trung cho công tác ĐGN CTĐT và do tình hình thực tế của Trường nên công tác triển khai kế hoạch TĐG CSGD và ĐGN chu kỳ 2 vẫn còn chậm.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 10.3. Các phát hiện và kết quả của việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được rà soát

Công tác TĐG cấp Trường, cấp CTĐT luôn được Nhà trường chú trọng thực hiện, đây được xem là công cụ quản lý chất lượng hữu hiệu giúp Nhà trường xác định được những điểm mạnh, những điểm còn tồn tại trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của Trường, từ đó đề ra các biện pháp cải tiến chất lượng giúp Nhà trường phát triển bền vững và phù hợp hơn với xu thế, đáp ứng được yêu cầu của xã hội và các bên có liên quan [H10.10.03.01], [H10.10.03.02]. Báo cáo TĐG đã nêu lên các kết quả đạt được và đề xuất giải pháp cải tiến, nâng cao chất lượng các CTĐT đã ĐGN và các CTĐT TĐG.

Để xác định đúng những điểm mạnh, tồn tại của các lĩnh vực hoạt động, trong quá trình tự đánh giá Trường và CTĐT, luôn có ban lãnh đạo Nhà trường, CBQL các đơn vị, GV tham gia vào Hội đồng TĐG để phân tích, đánh giá thực trạng của Nhà trường so với các yêu cầu của các tiêu chuẩn, tiêu chí, từ đó xác định và thống nhất mức đạt và các biện pháp khắc phục tồn tại một cách khả thi [H10.10.01.16], [H10.10.03.03]. Quá trình tự đánh giá cũng giúp Nhà trường dần hoàn thiện hơn các quy trình quản lý và nâng cao chất lượng các hoạt động đánh giá của Nhà trường [H10.10.01.09], [H10.10.01.10].

Sau quá trình tự đánh giá CSGD/CTĐT, Nhà trường xác định kế hoạch hành động để khắc phục tồn tại phát hiện qua quá trình tự đánh giá, giám sát và báo cáo kết quả cải tiến chất lượng thông qua các cuộc họp giao ban định kỳ của Nhà trường [H10.10.03.04]. Định kỳ các đơn vị đều có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các công việc được giao theo Kế hoạch trong đó có kết quả cải tiến chất lượng các hoạt động sau tự đánh giá, đánh giá ngoài [H10.10.03.05]. Nhà trường cũng đồng thời thực hiện hoạt động rà soát, đánh giá công tác đảm bảo

chất lượng và xây dựng định hướng cho năm tiếp theo **[H10.10.03.06]**.

Sau khi hoàn thành Báo cáo TĐG, Nhà trường phối hợp với các tổ chức KĐCLGD trong nước triển khai công tác ĐGN cấp Trường và CTĐT **[H10.10.02.02]**, **[H10.10.02.06]**. Đối với công tác đánh giá ngoài CSGD và CTĐT, thông qua Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn chuyên gia, các điểm mạnh, tồn tại ở các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường được phân tích và xác định rõ ràng cùng với các khuyến nghị thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng **[H10.10.03.07]**. Kết quả ĐGN là cơ sở để Hội đồng BĐCLGD thuộc Trung tâm KĐCLGD - Đại học Đà Nẵng, Đại học Vinh xem xét công nhận Trường và các CTĐT của Trường đạt tiêu chuẩn chất lượng của Bộ GD&ĐT **[H10.10.02.03]**, **[H10.10.02.07]**, **[H10.10.03.08]**.

Xác định cải tiến chất lượng là khâu then chốt sau quá trình ĐGN, trên cơ sở các tồn tại đã phát hiện trong quá trình TĐG, ĐGN cùng với những khuyến nghị của Đoàn ĐGN sau kiểm định CSGD, Nhà trường đã ban hành các kế hoạch hướng đến khắc phục và cải tiến chất lượng, trong đó có xác định rõ ràng các nội dung thực hiện, thời gian, đơn vị thực hiện **[H10.10.03.09]**, **[H10.10.03.10]**. Để thực hiện tốt các khuyến nghị sau ĐGN cũng như công tác tự đánh giá, Nhà trường ban hành các Kế hoạch cập nhật, tổ chức đánh giá định kỳ CTĐT; các hướng dẫn xây dựng, rà soát CTĐT, điều chỉnh bổ sung và cập nhật dữ liệu TĐG CSGD, tổng hợp kết quả khuyến nghị **[H10.10.03.11]**. Cuối mỗi năm, các đơn vị có liên quan có trách nhiệm thực hiện các hoạt động cải tiến và báo cáo kết quả thực hiện cho Nhà trường thông qua Phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng giáo dục **[H10.10.03.12]**. Trên cơ sở đó, hằng năm Nhà trường lập bảng tổng hợp kết quả cải tiến chất lượng sau khi triển khai các kế hoạch hành động theo khuyến nghị của đoàn đánh giá ngoài, đồng thời xây dựng kế hoạch cải tiến cho năm tiếp theo thông qua các Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch cải tiến, tự đánh giá CTĐT và công tác bảo đảm CLGD **[H10.10.03.13]**, **[H10.10.03.14]**, **[H10.10.03.15]**.

Năm 2020, Nhà trường đã xây dựng Báo cáo giữa chu kỳ đánh giá Trường sau 2,5 năm được cấp Giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng CSGD của Bộ GD&ĐT, gửi cho Cục Quản lý chất lượng và Trung tâm KĐCLGD – Đại học Đà Nẵng (đơn vị cấp Giấy chứng nhận) [H10.10.03.16]. Nhà trường cơ bản khắc phục được các tồn tại cũng như cải tiến chất lượng các hoạt động theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN khảo sát năm 2017. Năm 2024, Trường đã thực hiện hoàn thành báo cáo TĐG CSGD giai đoạn 2018-2023 và nộp về Cục QLCL, Bộ GDĐT qua e-mail: phongkdclgd@moet.gov.vn và đã được Cục công nhận, đồng thời các thông tin báo cáo, danh mục minh chứng được cập nhật vào phần mềm quản lý hệ thống đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục đại học của Bộ theo quy định [H10.10.03.17]. Năm học 2024-2025, Nhà trường triển khai công tác TĐG CSGD nhằm tiếp tục rà soát, cập nhật, bổ sung các thông tin minh chứng hoàn chỉnh hơn để chuẩn bị cho việc đăng ký ĐGN chu kỳ 2 sắp tới [H10.10.03.18].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 10.4. Quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Trước khi triển khai công tác tự đánh giá, Hội đồng tự đánh giá tổ chức họp rà soát, thống nhất quy trình thực hiện công tác tự đánh giá thông qua Dự thảo Kế hoạch tự đánh giá CSGD và CTĐT [H10.10.04.01]. Hội đồng TĐG và các nhóm công tác chuyên trách sẽ thảo luận và đi đến thống nhất các nội dung về các bước thực hiện, nội dung, thời gian, nguồn nhân lực hỗ trợ trong quá trình triển khai tự đánh giá cũng như thống nhất bảng phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Hội đồng và các nhóm công tác chuyên trách [H10.10.04.02]. Thông qua nhiều đợt tổ chức, triển khai công tác TĐG cấp Trường và CTĐT, quy trình TĐG đã được Nhà trường lấy ý kiến rộng rãi của các đơn vị trong toàn Trường [H10.10.04.03]. Trên cơ sở đó, Nhà trường đã điều chỉnh, cải tiến quy trình TĐG CSGD, CTĐT theo hướng tinh gọn, hiệu quả,

từng bước tạo dựng được văn hóa chất lượng trong Nhà trường với sự tích cực tham gia của các bên liên quan, trong đó có đội ngũ giảng viên **[H10.10.01.09]**, **[H10.10.01.10]**. Cụ thể, quy trình tự đánh giá CSGD/CTĐT gồm 15 bước, chú trọng các bước phân tích nội hàm tiêu chí, dự kiến danh mục minh chứng, thu thập thông tin, minh chứng trước khi viết báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn **[H10.10.01.10]**.

Việc chuẩn bị cho đánh giá ngoài cấp Trường, cấp CTĐT cũng tuân theo nguyên tắc: trước khi triển khai thực hiện đánh giá ngoài, Ban Giám hiệu họp với các đơn vị trong Trường để thảo luận và đi đến thống nhất về quy trình, các bước thực hiện, nội dung, thời gian, nguồn lực, kinh phí, phân công nhiệm vụ cho các đơn vị và cá nhân có liên quan **[H10.10.04.04]**. Sau khi được công nhận đạt tiêu chất lượng CSGD năm 2018, Nhà trường xây dựng kế hoạch TĐG CSGD lần 2 vào năm 2019, trong đó đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm gồm Hội đồng TĐG, Ban thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách **[H10.10.04.05]**. Đến năm 2022, Nhà trường xây dựng kế hoạch, thành lập Hội đồng TĐG CSGD lần 3 và năm 2024 Nhà trường đã có điều chỉnh nhân sự cho các nhóm chuyên trách nhằm đảm bảo phù hợp với điều kiện công tác thực tế cũng như thuận tiện cho việc hoàn thiện báo cáo TĐG của Nhà trường **[H10.10.04.06]**. Năm học 2024-2025 Nhà trường tiếp tục chú trọng công tác TĐG CSGD thông qua ban hành kế hoạch và quyết định thành lập Hội đồng, các văn bản hướng dẫn nhằm cập nhật, bổ sung cơ sở dữ liệu phục vụ cho ĐGN CSGD chu kỳ 2 giai đoạn 2020-2025 sắp tới **[H10.10.04.07]**.

Trong quá trình triển khai TĐG CSGD lần 2, Hội đồng TĐG, Ban thư ký tiến hành họp nhiều lần để báo cáo tiến độ công việc, trao đổi giải đáp thắc mắc và chia sẻ kinh nghiệm giữa các nhóm chuyên trách, rà soát lại quy trình TĐG, Kế hoạch nhằm nắm bắt tiến độ thực hiện công việc **[H10.10.03.03]**, **[H10.10.03.04]**, **[H10.10.04.02]**. Thành viên Hội đồng TĐG được Nhà trường bố trí là cán bộ quản lý ở các đơn vị hoặc tham gia vào Tổ thẩm định đề đọc, nhận xét, góp ý hoàn thiện các Báo cáo TĐG **[H10.10.01.16]**, **[H10.10.04.06]**,

[H10.10.04.07].

Trong giai đoạn 2020 - 2025, Nhà trường liên tục triển khai TĐG các CTĐT thông qua các kế hoạch TĐG CTĐT [H10.10.01.07]. Nhà trường đã có những cải tiến sau mỗi lần TĐG, công tác hướng dẫn viết báo cáo TĐG thực hiện sau khi đã thu thập thông tin minh chứng [H10.10.01.09]. Bên cạnh đó, Nhà trường triển khai tạo lập tất cả hồ sơ minh chứng thành file mềm nhằm hỗ trợ các bên liên quan, đặc biệt là các chuyên gia ĐGN có thể dễ dàng tiếp cận. Với hệ thống thông tin, minh chứng của Nhà trường được tập hợp qua đợt ĐGN CTĐT đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc tìm kiếm, tra cứu, hỗ trợ cho công tác tự đánh giá CSGD [H10.10.04.08].

Sau hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài CSGD, CTĐT, Nhà trường tổ chức họp rà soát, trao đổi kinh nghiệm và tiếp tục hướng dẫn kỹ hơn về công tác TĐG CSGD, CTĐT trong toàn Trường [H10.10.04.09].

Tuy nhiên, hoạt động hợp tác, học tập kinh nghiệm trong công tác KĐCLGD với các CSGD có nhiều kinh nghiệm hơn trong công tác tổ chức đánh giá ngoài theo các tiêu chuẩn quốc tế của Nhà trường còn hạn chế.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**Đánh giá chung về tiêu chuẩn 10:*****1. Tóm tắt các điểm mạnh***

- Nhà trường có Chiến lược công tác ĐBCLGD của Trường giai đoạn 2019-2023 và tầm nhìn đến 2030, trong đó xác định rõ lộ trình cụ thể cho kế hoạch TĐG và chuẩn bị cho việc ĐGN cấp trường và các CTĐT giai đoạn 2022-2030.

- Các Kế hoạch tự đánh giá và Kế hoạch chuẩn bị cho ĐGN cấp Trường và cấp CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT được thiết lập tốt, góp phần thực hiện thành công công tác KĐCLGD của Nhà trường theo Kế hoạch. Công tác TĐG và ĐGN được Nhà trường triển khai thực hiện theo đúng quy định.

- Nhà trường có các hướng dẫn thực hiện TĐG và chuẩn bị cho việc ĐGN, có phổ biến cho các bên liên quan của Trường.

- Trường có đội ngũ chuyên trách được đào tạo bài bản, có kinh nghiệm trong công tác KĐCLGD trong nước. Các viên chức tham gia Hội đồng TĐG CSGD/CTĐT đã được tập huấn về công tác BĐCL, KĐCLGD.

- Nhà trường đã có kế hoạch cụ thể, định kỳ hàng năm phục vụ cho công tác ĐGN, trong đó đã xác định các công việc, thời gian thực hiện, đơn vị thực hiện v.v. để chuẩn bị cho ĐGN. Kết quả đã hoàn thành ĐGN CSGD lần 1 năm 2017 và 04 CTĐT năm 2022.

- Công tác rà soát, cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN được thực hiện nghiêm túc và đạt được nhiều kết quả tích cực. Trường thực hiện tốt việc báo cáo kết quả cải tiến chất lượng cho Bộ GD&ĐT và Trung tâm KĐCLGD theo định kỳ.

- Trường đã triển khai đo lường mức đạt từng chuẩn đầu ra cụ thể của CTĐT cho từng người học trước khi xét tốt nghiệp

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Công tác triển khai kế hoạch đánh giá ngoài chu kỳ 2 còn chậm.
- Việc khắc phục một số nội dung tồn tại sau TĐG CTĐT vẫn còn chậm.
- Hoạt động cải tiến sau ĐGN CTĐT vẫn còn chậm ở một số nội dung.
- Nhà trường chưa có nhiều hoạt động hợp tác, học tập kinh nghiệm trong công tác KĐCLGD với các CSGD có nhiều kinh nghiệm hơn trong công tác tổ chức đánh giá ngoài theo các tiêu chuẩn quốc tế.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Công tác triển khai kế hoạch đánh giá ngoài chu kỳ 2 còn chậm.	BGH, Phòng TT - ĐBCLGD, các Phòng chức năng	Năm 2025	
2	Khắc	Chú trọng xây dựng và	BGH, Phòng TT	Năm	

	phục tồn tại 2	ban hành Kế hoạch hành động khắc phục các điểm tồn tại cơ bản sau quá trình TĐG CTĐT.	- ĐBCLGD, các Khoa/viện, bộ môn	2025	
3	Khắc phục tồn tại 3	Tiếp tục cải tiến sau ĐGN các CTĐT ở một số nội dung.	BGH, Phòng TT-BĐCLGD, các Khoa/viện, bộ môn	Từ năm 2023	
4	Khắc phục tồn tại 4	Tổ chức các hoạt động giao lưu, hợp tác, học tập kinh nghiệm trong công tác KĐCLGD với các Trường có nhiều kinh nghiệm hơn trong công tác TĐG và tổ chức đánh giá ngoài theo các tiêu chuẩn quốc tế cấp CSGD, CTĐT.	BGH, Phòng TT-BĐCLGD	Từ năm 2025	
5	Phát huy điểm mạnh 1, 2,3	Tiếp tục chú trọng thực hiện công tác TĐG và ĐGN theo đúng quy định và đạt hiệu quả cao.	BGH, Phòng TTr-BĐCLGD	Hàng năm	
6	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục xây dựng đội ngũ chuyên trách có kinh nghiệm chuyên môn cao; nâng cao	BGH, Phòng TT-BĐCLGD	Hàng năm	

		năng lực về công tác ĐBCL, KĐCLGD cho các viên chức tham gia Hội đồng tự đánh giá CSGD/CTĐT			
7	Phát huy điểm mạnh 5	Tiếp tục xây dựng các kế hoạch hành động khả thi để khắc phục tồn tại được phát hiện qua quá trình tự đánh giá, ĐGN.	BGH, Phòng TT-ĐBCLGD	Từ năm 2024	
8	Phát huy điểm mạnh 6	Tiếp tục thực hiện tốt việc rà soát và cải tiến các quy trình tự đánh giá, chuẩn bị đánh giá ngoài, tổ chức họp rút kinh nghiệm, chia sẻ những thực hành tốt trong công tác ĐBCL, KĐCLGD giữa các đơn vị trong Trường giúp cho công tác TĐG và ĐGN được thực hiện theo đúng kế hoạch và hiệu quả.	BGH, Phòng TT-ĐBCLGD	Từ năm 2024	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 10</i>	<i>4,50</i>
Tiêu chí 10.1	5
Tiêu chí 10.2	4
Tiêu chí 10.3	5
Tiêu chí 10.4	4

Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong

Tiêu chí 11.1. Kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập

Thứ nhất, Trường ĐHQB đã có kế hoạch xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong CSGD (bao gồm thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan) nhằm hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng bên trong được Nhà trường xác lập bao gồm các nội dung: (1) *hệ thống thông tin quản lý* (hệ thống quy định, phần mềm quản lý các hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ,... đặc biệt là hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo, là sợi dây gắn kết giữa Phòng Đào tạo, Bộ môn, giáo vụ và sinh viên, phần mềm Quản lý văn bản giúp chuyển các văn bản quản lý của Nhà trường nhanh chóng đến các bên liên quan); (2) *cơ chế quản lý thông tin* (thông qua các cuộc họp giao ban hàng tháng tổng kết báo cáo các hoạt động thực hiện trong tháng và đề ra kế hoạch thực hiện cho tháng tiếp theo); (3) *hệ thống thông tin phản hồi* (quy định lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan giúp cho Nhà trường trong việc ra quyết định); (4) *hệ thống thông tin công chúng* (các thông tin của Nhà trường được đăng tải lên cổng thông tin SV, học viên, website Trường, website đơn vị) [H11.11.01.01]. Nhà trường đã xác định ĐBCLGD là hoạt động chiến lược và có vai trò quan trọng với cơ sở giáo dục đại học, nên từ năm 2016 Nhà trường đã có kế hoạch xây dựng hệ thống quản lý

thông tin ĐBCLGD bên trong nhằm hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, NCKH, PVCĐ và triển khai thực hiện theo lộ trình phù hợp với mục tiêu chiến lược phát triển của Trường giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030 và giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn đến năm 2035 [H11.11.01.02], [H11.11.01.03]. Các nội dung của kế hoạch quản lý thông tin liên quan đến hệ thống ĐBCLGD bên trong được cụ thể hóa trong các Phương hướng hoạt động hằng năm của Nhà trường [H11.11.01.04] và triển khai thực hiện đến viên chức, người lao động qua nội dung kết luận của các cuộc họp giao ban hằng tháng [H11.11.01.05], phổ biến rộng rãi đến người học thông qua kế hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu khóa [H11.11.01.06]. Hệ thống trang điện tử (<https://qbu.edu.vn/>) cung cấp đầy đủ thông tin về: cơ cấu tổ chức nhân sự, cơ sở vật chất, ... đặc biệt luôn cập nhật các thông tin về các hoạt động trong Trường, các mẫu văn bản, quy trình giải quyết công việc của từng đơn vị trên Website [H11.11.01.07], [H11.11.01.08]. Bên cạnh việc phát triển hệ thống thông tin nội bộ thì Nhà trường cũng đã triển khai nhập liệu và sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu về giáo dục đại học Hemis của Bộ Giáo dục và Đào tạo từ năm 2023.

Thứ hai, Trường đã có văn bản phân công trách nhiệm cho bộ phận đầu mối, các bộ phận phối hợp, hỗ trợ trong việc xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong CSGD. Trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Quy định chức năng, nhiệm vụ của các Phòng chức năng; theo đó Nhà trường phân công trách nhiệm cho bộ phận đầu mối, các bộ phận phối hợp, hỗ trợ trong việc thu thập, xử lý, báo cáo các thông tin ĐBCLGD bên trong: Phòng TC-HC, Phòng TT&ĐBCLGD, Phòng Đào tạo, Phòng Chính trị - Quản lý SV, Bộ phận Văn thư - Lưu trữ thuộc Phòng TC- HC thực hiện công tác quản lý, xử lý văn bản đi và đến, ban hành và giám sát việc thực hiện các thủ tục hành chính [H11.11.01.09], [H11.11.01.10], [H11.11.01.11], [H11.11.01.12], [H11.11.01.13]. Đồng thời, Nhà trường đã thành lập mạng lưới bộ phận chuyên trách ĐBCLGD ở mỗi đơn vị để công tác ĐBCLGD có tính hệ thống, chuyên nghiệp [H11.11.01.14]. Bên cạnh đó, để thu thập thông tin sự hài lòng của người

học, cựu người học, nhà sử dụng lao động về các hoạt động như: chất lượng giảng dạy của GV, CTĐT, CSVC, các hoạt động dịch vụ hỗ trợ, thông tin việc làm v.v... Nhà trường đã xây dựng các quy trình và phân công các đơn vị triển khai thực hiện khảo sát, xử lý phân tích dữ liệu và báo cáo kết quả cải tiến định kỳ [H11.11.01.15], [H11.11.01.16], [H11.11.01.17].

Thứ ba, Nhà trường đã có phương án ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong CSGD. Từ các kế hoạch và văn bản phân công trách nhiệm thực hiện cho các đơn vị, Nhà trường lên phương án cụ thể để triển khai xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong. Nhà trường đã đầu tư trang bị hệ thống máy chủ, mạng internet và wifi phủ sóng toàn trường; Trang bị tại tất cả các tòa nhà hành chính, giảng đường, ký túc xá được kết nối bằng sợi dây cáp quang thông qua các thiết bị Core Switch và Access Switch; Đường truyền internet: 03 đường truyền FTTH 100Mbps và 01 đường truyền Leaseline 10Mbps; Trang thông tin điện tử của Nhà trường hoạt động xuyên suốt, luôn cập nhật thông tin về hoạt động trong Nhà trường do Bộ phận CNTT chịu trách nhiệm quản lý vận hành [H11.11.01.18], [H11.11.01.19], [H11.11.01.20], [H11.11.01.21]. Nhà trường đã tiến hành mua sắm các phần mềm quản lý ở hầu hết các lĩnh vực như: phần mềm dạy học và thi ngoại ngữ E-Master, phần mềm thi ứng dụng CNTT, hệ thống hỗ trợ học tập E-learning, hệ thống website Trường, phần mềm quản lý Đào tạo, phần mềm hỗ trợ Quản lý Điều hành tác nghiệp-TDOffice, phần mềm quản lý tài sản, phần mềm quản lý thư viện hỗ trợ bạn đọc tại TTHL, phần mềm sử dụng tài nguyên số, hệ thống webmail, hệ thống thông tin SV, phần mềm kế toán, phần mềm tạp chí KHCN [H11.11.01.22], [H11.11.01.23]. Các phần mềm trong hệ thống ĐBCLGD được kết nối với nhau theo mô hình khoa học, chặt chẽ, đảm bảo hoạt động hiệu quả và an toàn; dữ liệu các phần mềm được lưu trữ tập trung tại máy chủ của Nhà trường [H11.11.01.24], [H11.11.01.25], [H11.11.01.26]. Trước khi đưa vào vận hành chính thức, Nhà trường đã tổ chức các buổi họp rà soát và tập huấn cho các viên chức tham gia sử dụng phần mềm

với đầy đủ các tài liệu hướng dẫn chi tiết các thao tác sử dụng [H11.11.01.27], [H11.11.01.28], [H11.11.01.29], [H11.11.01.30], [H11.11.01.31]. Để đảm bảo tiến độ triển khai xây dựng và vận hành các phần mềm, Nhà trường phối hợp với các công ty phần mềm xây dựng kế hoạch chi tiết theo từng giai đoạn; kết thúc mỗi giai đoạn có tổ chức báo cáo tiến độ [H11.11.01.32]. Các văn bản pháp quy và các văn bản quản lý được Nhà trường triển khai qua các kênh: Hệ thống văn bản hành chính; Hộp thư điện tử; công bố công khai trên website của Nhà trường và đơn vị, đặc biệt Nhà trường đã vận hành phần mềm quản lý văn bản điện tử đã góp phần nâng cao việc quản lý hệ thống thông tin toàn Trường [H11.11.01.33], [H11.11.01.34], [H11.11.01.35], [H11.11.01.36].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 11.2. Thông tin về đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định; đồng thời, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn

Thứ nhất, Nhà trường đã xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong trên nền tảng công nghệ thông tin để hỗ trợ công tác ra quyết định. Hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong được Nhà trường triển khai song song trên nền tảng số và văn bản giấy nhằm đảm bảo cho việc lưu trữ và truy xuất một cách nhanh chóng và thuận lợi; đảm bảo tính thống nhất, kịp thời, bảo mật và an toàn hệ thống trao đổi thông tin [H11.11.02.01], [H11.11.02.02], [H11.11.02.03], [H11.11.02.04]. Tất cả các tài liệu, hồ sơ của hệ thống quản lý chất lượng đều được quản lý bằng các danh mục và được định kỳ cập nhật tính hiệu lực, tình trạng hiện hành hoặc lỗi thời, có dấu hiệu nhận biết riêng như: tên tài liệu, mã số, nơi nhận, nơi lưu trữ, ngày ban hành, người có thẩm quyền xem xét và phê duyệt trước khi ban hành,... điều này góp phần đảm bảo tính thống nhất, kịp thời, đảm bảo tính chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan [H11.11.02.05], [H11.11.02.06]. Tổ văn thư thuộc Phòng TC-HC chịu trách nhiệm rà soát thể thức trình bày văn bản, đóng dấu, lưu trữ, tiến hành

phân phối đến các đơn vị; tất cả các đơn vị phải có sổ theo dõi văn bản đi, văn bản đến, đến nhằm đảm bảo tất cả các thông tin Nhà trường được chuyển đến các bộ phận liên quan [H11.11.02.07]. Từ năm 2011, Nhà trường bắt đầu triển khai giao dịch văn bản điện tử tất cả các hoạt động của Trường trên phần mềm Quản lý văn bản, tổ chức cuộc họp thống nhất và ban hành quy trình thực hiện các công việc trên hệ thống số; toàn bộ các khâu trong quy trình thực hiện quản lý thông tin trên Quản lý văn bản đảm bảo chặt chẽ, khoa học và hiệu quả hơn quản lý văn bản giấy [H11.11.02.08], [H11.11.02.09], [H11.11.02.10]. Đối với thông tin về các hoạt động của Nhà trường như hoạt động đào tạo, thư viện, khảo sát ý kiến.. dựa trên hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung, với đầy đủ các chức năng thống kê, báo cáo tổng hợp chi tiết của phần mềm giúp cho người sử dụng có được các thông tin hữu ích về những hoạt động này, từ đó hỗ trợ ra quyết định một cách hiệu quả [H11.11.02.11]. Trong năm học 2022-2023, Đề tài NCKH cấp cơ sở Giao diện phần mềm quản lý minh chứng số do TS. Hoàng Văn Thành chủ nhiệm đã xây dựng thành công hệ thống minh chứng số phục vụ quá trình tự đánh giá, đánh giá ngoài CTĐT được đội ngũ viên chức tham gia thực hiện báo cáo và các đoàn đánh giá ngoài đánh giá cao về tính bảo mật của dữ liệu và truy xuất tìm kiếm dễ dàng, nhanh chóng [H11.11.02.12].

Thứ hai, CSDL và hệ thống thông tin ĐBCL bên trong được phân tích chính xác, đầy đủ cho từng lĩnh vực hoạt động để nâng cao chất lượng. Các đơn vị chuyên trách của Nhà trường định kỳ sử dụng các phần mềm để phân tích, đánh giá, đối sánh đưa ra các nhận định chính xác, đầy đủ phục vụ cho từng lĩnh vực hoạt động, nâng cao chất lượng; thông qua các báo cáo và phân tích kết quả, tìm nguyên nhân để từ đó tham mưu cho lãnh đạo Nhà trường có các biện pháp ra các quyết định hợp lý, kịp thời [H11.11.02.13], [H11.11.02.14], [H11.11.02.15], [H11.11.02.16]. Hoạt động dạy và học được lấy ý kiến phản hồi của SV từ năm 2016 và được duy trì thực hiện ở mỗi học kỳ, quy mô thực hiện và kết quả đánh giá của SV tăng lên hằng năm. Đến thời điểm hiện nay, số lượng học phần được lấy kiến phản hồi là 100% cho cả năm học. Tỷ lệ SV rất

hài lòng về chất lượng giảng dạy tăng lên cho thấy các hoạt động cải tiến của Nhà trường đã đem lại hiệu quả [H11.11.02.18], [H11.11.02.19], [H11.11.02.20], [H11.11.02.21], [H11.11.02.22], [H11.11.02.23]. Sau khi phân tích, xử lý kết quả khảo sát được gửi về Khoa để sử dụng và cải tiến chất lượng hoạt động giảng dạy [H11.11.02.24]. Ngoài ra, thông tin về các điều kiện bảo đảm chất lượng của Nhà trường được thống kê, phân tích và công bố công khai trên website của Trường [H11.11.02.25], [H11.11.02.26].

Thứ ba, CSDL và hệ thống thông tin ĐBCL bên trong được lưu trữ có hệ thống, sẵn sàng trích xuất khi cần. Hệ thống các phần mềm thông tin ĐBCLGD bên trong của Nhà trường được thực hiện triển khai bởi các nhà cung cấp phần mềm, đảm bảo tích hợp, đồng bộ, thống nhất, sẵn có để kịp thời tham mưu, phục vụ cho việc ra các quyết định phù hợp nhằm nâng cao chất lượng [H11.11.02.27]. Cơ sở dữ liệu các modules của phần mềm được đặt tập trung tại máy chủ của Trường giúp đảm bảo các dữ liệu được lưu trữ mang tính hệ thống, sẵn sàng trích xuất khi cần [H11.11.02.28], [H11.11.02.29].

Thứ tư, Nhà trường có biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật cho hệ thống thông tin ĐBCL bên trong. Để truy cập và sử dụng các phần mềm của hệ thống ĐBCLGD viên chức cần có tài khoản được Nhà trường cung cấp; việc phân cấp quản lý, phân quyền và giao trách nhiệm, công tác quản lý trên các nền tảng trực tuyến, đảm bảo tính bảo mật, an toàn trong việc sử dụng được Nhà trường quy định rõ trong các văn bản [H11.11.02.30]. Hệ thống máy chủ của Nhà trường được thành lập các tổ kỹ thuật, sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị và có kế hoạch rà soát hiệu quả sử dụng máy móc thiết bị, đảm bảo bảo mật với đầy đủ các chức năng phục hồi, sao lưu dữ liệu khi gặp sự cố [H11.11.02.31]. Để đảm bảo tính an toàn và bảo mật thông tin, Nhà trường đã xây dựng thành công mô hình mạng nội bộ để quản lý và sử dụng tài nguyên CNTT hiệu quả nhất [H11.11.02.32], [H11.11.02.33], [H11.11.02.34], [H11.11.02.35]. Nhằm phục vụ tốt nhu cầu truy cập và kết nối Internet, đảm bảo kết nối cơ sở dữ liệu tập trung cũng như đảm bảo tốt khả năng đáp ứng việc dạy và học, Nhà trường đã

đầu tư trang bị tổng cộng 16 đường truyền internet tốc độ cao, các đường băng thông rộng dành riêng cho truy cập hệ thống các phần mềm quản lý đào tạo; Bằng kỹ thuật cân bằng tải tiên tiến giúp cân bằng hệ thống và tối ưu hóa băng thông, giảm tối đa rủi ro về sự cố đường truyền [H11.11.02.36].

Thứ năm, các chính sách, thủ tục bảo mật và an toàn đối với hệ thống các phần mềm quản lý các lĩnh vực, hướng dẫn đăng nhập và sử dụng hệ thống wifi internet của Nhà trường được công khai thông báo cho tất cả các GV, viên chức, NV và NH của Trường để được biết và thực hiện [H11.11.02.37], [H11.11.02.38], [H11.11.02.39], [H11.11.02.40], [H11.11.02.41].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 11.3. Thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin

Thứ nhất, Nhà trường định kỳ hằng năm rà soát, bổ sung, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong. Nhà trường thường xuyên thực hiện rà soát hệ thống quản lý và sử dụng thông tin theo quy định để kịp thời có những điều chỉnh phù hợp, hạn chế tối đa sai sót phát sinh, đảm bảo chất lượng, sự thống nhất thông tin [H11.11.03.01], Đối với các văn bản phát sinh từ các đơn vị chức năng trong Trường, các đơn vị chuyên môn chịu trách nhiệm về thông tin và sự phù hợp với các quy định của pháp luật về yếu tố nghiệp vụ, các văn bản này được lãnh đạo các đơn vị chức năng, kiểm soát về mặt nội dung và tính pháp lý; văn bản được rà soát về mặt thể thức, tính hợp pháp, hợp lý trước khi ban hành bởi Phòng TC-HC, việc thực hiện quy trình này đảm bảo văn bản phù hợp quy định về chuyên môn và thể thức [H11.11.03.02]. Thông qua các cuộc họp rà soát hoạt động các phần mềm giữa các đơn vị chức năng trong Trường, giữa Trường với các đơn vị cung cấp phần mềm: điều chỉnh các chức năng gây khó khăn trong quá trình sử dụng, bổ sung thêm các tính năng mới từ thực tiễn sử dụng các phần mềm [H11.11.03.03], [H11.11.03.04], [H11.11.03.05]. Để đảm bảo số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và

thông tin Nhà trường đã ban hành Quy định hệ thống CNTT trong đó quy định rõ quy định nhiệm vụ của từng thành viên tham gia hệ thống thông tin ĐBCLGD, đơn vị thực hiện rà soát, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin ĐBCL [H11.11.03.06].

Thứ hai, Nhà trường định kỳ hằng năm rà soát, bổ sung, điều chỉnh số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin. Để đảm bảo tính chính xác về dữ liệu kết quả thi, đánh giá kết quả học tập của người học, đầu mỗi học kỳ Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo phân công các đơn vị liên quan (Phòng Đào tạo, Phòng TT&ĐBCLGD, các Khoa) thực hiện và giám sát quy trình nhập liệu và kiểm tra điểm số cho các kỳ thi học phần, dữ liệu điểm của SV trước khi xét tốt nghiệp [H11.11.03.07], [H11.11.03.08], [H11.11.03.09]. Các dữ liệu về tuyển sinh: Tỷ lệ đăng ký xét tuyển, phương thức xét tuyển, số lượng thí sinh trúng tuyển và nhập học hằng năm được xác lập và đối sánh, bên cạnh đó Trường cũng họp rút kinh nghiệm, đánh giá hiệu quả công tác tuyển sinh, truyền thông tuyển sinh để đánh giá lại quá trình giúp nâng cao chất lượng tuyển sinh và nhập học [H11.11.03.10]. Hệ thống quản lý nhân sự, CSVC và việc vận hành các lĩnh vực chuyên môn của Nhà trường cũng được định kỳ rà soát và đánh giá theo quy định; Các quy định, quy trình về tuyển dụng, đánh giá và khen thưởng CBVC, quy định, quy trình về sử dụng tài nguyên của Nhà trường phục vụ hoạt động dạy học, NCKH và PVCĐ cũng được định kỳ rà soát [H11.11.03.11], [H11.11.03.12], [H11.11.03.13]. Các thông tin về kết quả học tập của NH được xác lập từng học kỳ, sau khi kết quả học tập của NH được nhập vào hệ thống quản lý trực tuyến sẽ được rà soát đối chiếu từ nhiều bên liên quan khác nhau bao gồm Phòng ĐTĐH, Phòng TT&ĐBCLGD, các khoa, GV và SV trước khi xét học vụ và công nhận chính thức đảm bảo tính chính xác và quyền lợi của NH [H11.11.03.14], [H11.11.03.15], [H11.11.03.16], Nhà trường cũng có quy chế về khiếu nại dành cho NH quy định việc phản ánh và xử lý sai sót kết quả học tập của NH, đảm bảo không phát sinh sai sót trong quản lý kết quả học tập của NH [H11.11.03.17].

Các thông tin của GV như khối lượng giờ giảng, khối lượng NCKH cũng được rà soát, công bố dự thảo, tiếp nhận và xử lý thông tin phản hồi từ CBVC trước khi công bố và ban hành chính thức đảm bảo các thông tin này là chính xác và đồng nhất [H11.11.03.18]. Phần mềm quản lý đào tạo là kho dữ liệu quan trọng lưu trữ toàn bộ thông tin của NH từ đầu vào, quá trình đến đầu ra nên đã được Nhà trường ký hợp đồng bảo trì, nâng cấp thường xuyên với CTCP Tập đoàn Công nghệ CMC [H11.11.03.19]. Bên cạnh đó, tất cả các dữ liệu trên máy chủ của Trường đều có cơ chế sao lưu dự phòng (backup) dữ liệu, đảm bảo không để mất thông tin dữ liệu và được kiểm soát [H11.11.03.20], [H11.11.03.21].

Thứ ba, trong quá trình rà soát, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin ĐBCL có lấy ý kiến và sử dụng phản hồi của các bên liên quan trong CSGD để bổ sung, điều chỉnh. Định kỳ, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến GV và NH về hệ thống CNTT của Trường (website Trường, website Khoa, phần mềm quản lý đào tạo, hạ tầng CNTT, hệ thống wifi, internet...) [H11.11.03.22]. Từ các kết quả báo cáo của các bên liên quan Nhà trường đã sử dụng các ý kiến phản hồi để rà soát, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin ĐBCLGD; Rõ rệt nhất là hệ thống internet wifi của Nhà trường đã được cải thiện đáng kể về chất lượng tốc độ truy cập, phạm vi phủ sóng toàn trường và phân luồng dữ liệu giảm thiểu tình trạng quá tải nếu có nhiều người cùng lúc truy cập [H11.11.03.23].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 11.4. Việc quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Thứ nhất, hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Nhà trường đã được cải tiến. Đối với hệ thống quản lý thông tin ĐBCLGD bên trong, Trường ĐHQB đã từng bước có những cải tiến điều chỉnh cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển bao gồm cải tiến các chính sách, công tác quản lý và kế hoạch phân bổ nguồn lực tập trung vào những trọng tâm phục vụ các hoạt động đào

tạo, NCKH và PVCĐ [H11.11.04.01], [H11.11.04.02]. Công tác cải tiến có thể thấy được qua việc Nhà trường thường xuyên nâng cấp, cập nhật phần mềm: Phần mềm Quản lý đào tạo từ chỗ chỉ quản lý học tập các lớp niên chế, đến nay đã chuyển sang quản lý theo học chế tín chỉ; từ chỗ phần mềm QLĐT chỉ quản lý các lớp đại học, cao đẳng chính quy, đã mở rộng ra các hệ đào tạo của Trường như trình độ đại học hệ VLVH... [H11.11.04.03], [H11.11.04.04], [H11.11.04.05]. Công cụ khảo sát ý kiến được thực hiện bằng Google form do Phòng TT&ĐBCLGD phụ trách vận hành, ngoài ra việc lấy ý kiến người học về chất lượng giảng dạy của GV có sự làm việc phối hợp chặt chẽ với Công ty CMC định kỳ rà soát, cập nhật các tính năng mới đáp ứng yêu cầu sử dụng thực tế [H11.11.04.06] . Website của Trường cũng được đầu tư nâng cấp lên công nghệ thông tin nhằm tạo ra công cụ tốt hơn, chủ động hơn cho các đơn vị trong việc cập nhật thông tin, thông báo, các quy định, quy trình quản lý mới [H11.11.04.07], [H11.11.04.08]. Cuối mỗi năm học, Nhà trường có báo cáo tổng kết về hệ thống ĐBCLGD bên trong để đánh giá kết quả đạt được đồng thời đưa ra các biện pháp cải tiến cho năm học tiếp theo [H11.11.04.09].

Thứ hai, các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường ĐHQB được cải tiến, được đánh giá có hiệu quả. Trong giai đoạn 2018-2023, Nhà trường đã rà soát điều chỉnh để cải tiến, ban hành mới rất nhiều chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Nhà trường, cụ thể: (1) công tác đào tạo; (2) công tác NCKH; (3) công tác quản lý tổ chức nhân sự; (4) công tác quản lý hành chính; (5) công tác khảo sát ý kiến [H11.11.04.10], [H11.11.04.11], [H11.11.04.12]. Nhà trường đã đưa vào vận hành giao dịch trên phần mềm QLVB giúp tiết kiệm rất nhiều thời gian trong quá trình triển khai các công việc, tìm kiếm văn bản cũng như trích xuất dữ liệu phục vụ xây dựng các báo cáo thống kê khi có yêu cầu [H11.11.04.13], [H11.11.04.14].

Thứ ba, các thông tin ĐBCL bên trong (bao gồm cả phân tích kết quả đánh giá) được Nhà trường sử dụng để hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Để hệ thống ĐBCLGD bên trong hoạt động hiệu quả, các đơn vị chức năng trong Trường định kỳ tổ chức các khảo sát ý kiến các bên liên quan, thực hiện phân tích xử lý số liệu, báo cáo kết quả cho các đơn vị chức năng để sử dụng vào công tác đào tạo, NCKH và PVCD có hiệu quả [H11.11.04.15].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 11:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường có kế hoạch xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong và phương án ứng dụng CNTT trong xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong CSGD.

- Các kết quả phân tích dữ liệu từ Hệ thống ĐBCLGD bên trong phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định.

- Nhà trường có các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật cho hệ thống thông tin ĐBCLGD bên trong.

- Nhà trường định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và cải tiến số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin. Nhà trường luôn tiếp thu ý kiến đóng góp để liên tục cải tiến hệ thống ĐBCL bên trong.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Việc lấy ý kiến các bên liên quan chưa đầy đủ về số lượng như kế hoạch đề ra.

- Việc phối hợp giữa các đơn vị đối với các khâu nhằm cung cấp thông tin ĐBCL bên trong chưa thực sự nhịp nhàng.

- Việc rà soát để cải tiến hệ thống thông tin ĐBCL bên trong chưa có tính hệ thống.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Tích cực thảo luận trao đổi giữa các đơn vị để nâng cao hiệu quả số lượng lấy ý kiến các bên liên quan	BGH, các đơn vị liên quan	Hàng năm	
2	Khắc phục tồn tại 2	Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các đơn vị trong việc cung cấp thông tin đảm bảo chất lượng bên trong	BGH, các đơn vị liên quan	Hàng năm	
3	Khắc phục tồn tại 3	Tăng cường khâu rà soát hệ thống thông tin ĐBCL bên trong một cách đồng bộ, hệ thống để có sự cải tiến thích hợp	BGH, các đơn vị liên quan	Hàng năm	
4	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện theo từng năm của hệ thống thông tin ĐBCLGD bên trong	Bộ phận CNTT	Hàng năm	
5	Phát huy điểm mạnh 2	Định kỳ phân tích, đánh giá các dữ liệu ở các lĩnh vực để hỗ trợ ra quyết định	Các đơn vị liên quan	Hàng năm	
6	Phát huy điểm	Nhà trường định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh	BGH, Các đơn vị liên	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	mạnh 3	số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin.	quan		
7	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục rà soát và đề xuất cải tiến hệ thống ĐBCLGD	BGH, các đơn vị liên quan	Hàng năm	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/ tiêu chí	Mức đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 11</i>	<i>5,00</i>
Tiêu chí 11.1	5
Tiêu chí 11.2	5
Tiêu chí 11.3	5
Tiêu chí 11.4	5

Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng

Tiêu chí 12.1. Xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của cơ sở giáo dục bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng

Với quan điểm chất lượng quyết định sự tồn tại và phát triển Nhà trường, trường ĐHQB cam kết rằng việc cải tiến, nâng cao chất lượng được thực hiện thường xuyên, liên tục, đồng bộ, công tác ĐBCL được cụ thể hoá trong tất cả các mặt hoạt động của Nhà trường thông qua việc thường xuyên rà soát theo các tiêu chuẩn, tiêu chí về ĐBCL. Để xác định phương hướng phát triển dài hạn, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực Nhà trường đã ban hành Chiến lược

phát triển Trường Đại học Quảng Bình giai đoạn 2021-2026 và tầm nhìn 2035, trong đó xác định công tác ĐBCL là nòng cốt trong phát triển Trường, ưu tiên các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H12.12.01.01]. Song song với chiến lược phát triển của Nhà trường đến năm 2035, Nhà trường cũng đã ban hành chiến lược ĐBCL trường ĐHQB giai đoạn 2019 – 2023 tầm nhìn 2030 với các mục tiêu cụ thể như phấn đấu đến năm 2025 ít nhất 30% chương trình đào tạo tại trường được kiểm định bởi các tổ chức trong nước và đến năm 2030 Nhà trường được kiểm định bởi tổ chức quốc tế có uy tín; Xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết 78 của Thủ tướng chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình “Phát triển hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm giai đoạn 2022 - 2030” thay cho chiến lược ĐBCL của Trường giai đoạn mới [H12.12.01.02].

Với mục đích giúp cho công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng trong Nhà trường vận hành đồng bộ, có khoa học, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, rà soát và thực hiện cải tiến Nhà trường xây dựng các quy định trong các lĩnh vực như sau:

Đối với hoạt động lấy ý kiến các bên liên quan, Nhà trường ban hành các quy định lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV; Lấy ý kiến phản hồi của SV trước khi tốt nghiệp về chất lượng đào tạo; lấy ý kiến phản hồi của SV đã hoàn thành CTĐT về chất lượng đào tạo; lấy ý kiến phản hồi của cựu SV về tình hình việc làm và CTĐT; Lấy ý kiến của Nhà SDLĐ về chất lượng SV tốt nghiệp và CTĐT; lấy ý kiến phản hồi của viên chức trong toàn trường về công tác quản lý, về đội ngũ KTV, NV, CSVC và chất lượng phục vụ của các bộ phận [H12.12.01.03].

Đối với các hoạt động đào tạo, Nhà trường đã ban hành đầy đủ các quy định liên quan đến đào tạo tất cả các hình thức và tất cả các loại hình [H12.12.01.04], [H12.12.01.05], [H12.12.01.06].

Về NCKH, Nhà trường đã ban hành quy định về quản lý khoa học tại Trường trong đó quy định nội dung của hoạt động khoa học và công nghệ tại Nhà trường như: (i) thực hiện các đề tài khoa học các cấp; (ii) thực hiện nghiên cứu theo yêu cầu của các bên liên quan; (iii) biên soạn, biên dịch, hiệu đính giáo trình, tài liệu; viết bài báo cho tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế, hội thảo;... (v) ứng dụng và chuyển giao kết quả NCKH [H12.12.01.07].

Để vận hành hệ thống chính sách, các quy định về các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Nhà trường, Nhà trường xác định việc chuẩn bị các nguồn lực là quan trọng, vì vậy hàng năm Nhà trường đã cử nhiều lượt giảng viên đi đào tạo trong nước và quốc tế cả ngắn hạn và dài hạn. Để tạo điều kiện cho giảng viên an tâm đi học nước ngoài Nhà trường thực hiện hỗ trợ một phần kinh phí trong quá trình học bằng cách chi trả 40% lương cho các GV học tiến sỹ ở nước ngoài, tổng số tiền Nhà trường thực hiện hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng từ năm 2018 đến nay là.... [H12.12.01.08].

Với quan điểm kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và kiểm định chương trình đào tạo tại Trường là cuộc khám bệnh tổng thể để xây dựng các nội dung cải tiến chất lượng đáp ứng sứ mệnh của Nhà trường, từ năm 2017 đến nay, Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá, kiểm định và được cấp giấy chứng nhận chất lượng cơ sở giáo dục đại học (tháng 11/2017) và giấy chứng nhận chất lượng 04 chương trình đào tạo (tháng 12/2022) [H12.12.01.09], [H12.12.01.10].

Sau khi kiểm định chất lượng và đánh giá ngoài, để việc nâng cao chất lượng toàn diện trong Trường được thực hiện thường xuyên, liên tục, khoa học và cụ thể, Nhà trường đã xây dựng các kế hoạch cải tiến chất lượng CSGD sau đánh giá ngoài, trong đó phân công rõ trách nhiệm của từng đơn vị trong việc thực hiện cải tiến các lĩnh vực với thời gian hoàn thành rất cụ thể [H12.12.01.11], kế hoạch thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài các chương trình đào tạo [H12.12.01.12]. Hàng tháng, Nhà trường đều tiến hành rà

soát việc thực hiện công tác cải tiến chất lượng của các đơn vị trong toàn trường thể hiện qua các cuộc họp giao ban [H12.12.01.13]. Hàng năm, việc rà soát và báo cáo kết quả thực hiện công tác cải tiến chất lượng của Nhà trường được bộ phận chuyên trách là Phòng TT-ĐBCLGD thực hiện, trên báo cáo chỉ ra những việc đã hoàn thành, chưa hoàn thành để có kế hoạch cải tiến cho năm tiếp theo [H12.12.01.14] và báo cáo kết quả công tác cải tiến chất lượng tại Trường cho các bên liên quan như Cục Quản lý chất lượng – Bộ GD&ĐT, cơ quan kiểm định chất lượng độc lập [H12.12.01.15], [H12.12.01.16].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 12.2. Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập

Đối sánh là một hoạt động quan trọng trong việc cải tiến chất lượng tại trường ĐHQB, việc đối sánh sẽ giúp Nhà trường thấy được vị trí của Nhà trường trong thị trường trong nước cũng như khu vực và quốc tế. Từ đó, Nhà trường sẽ có các kế hoạch cải tiến chất lượng, nâng cao vị thế này nhằm đáp ứng sứ mệnh, tầm nhìn của nhà trường. Trong xây dựng, ban hành, thẩm định CTĐT Nhà trường luôn bám sát các hướng dẫn, quy định của Bộ GD&ĐT [H12.12.02.01]. Khi rà soát hay mở mã ngành đào tạo Nhà trường đều thực hiện đối sánh với các chương trình đào tạo tương tự hoặc ngành gần của các trường đại học có uy tín trong nước và quốc tế [H12.12.02.02], [H12.12.02.03]. Nhà trường xác định việc đối sánh chương trình đào tạo với các chương trình đào tạo khác trong và ngoài nước để CTĐT Nhà trường xây dựng vừa đáp ứng được các quy định chung vừa đảm bảo đáp ứng thị trường lao động nên Nhà trường đã ban hành các kế hoạch tổ chức đánh giá định kỳ CTĐT, hướng dẫn xây dựng, rà soát, thẩm định, điều chỉnh CTĐT [H12.12.02.04].

Ngoài ra, các kết quả học tập và rèn luyện của người học được các bộ môn chủ động thực hiện đối sánh với các trường trong nước, trên cơ sở đó đề ra kế hoạch cải tiến kết quả học tập của người học ngày một tốt hơn [H12.12.02.05].

Trong những năm gần đây, Nhà trường đã có sự thay đổi hướng tiếp cận trong việc ký kết thỏa thuận hợp tác với các đối tác là chỉ ký kết các thỏa thuận với những đối tác trong nước và quốc tế khi và chỉ khi các mối quan hệ này đáp ứng ngày càng tốt hơn các sứ mệnh, tầm nhìn của nhà trường với các chủ đề khác nhau như: **Đẩy mạnh hợp tác giáo dục đại học trong bối cảnh bình thường mới [H12.12.02.06]**. Nhà trường cũng đã hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để thực hiện tầm nhìn trở thành trường đại học đổi mới sáng tạo trong những năm tới đây như: **Hợp tác với trường Đại học của Thái Lan [H12.12.02.07]**; **Hợp tác thực hiện các đề tài lớn nhằm phát huy, cải tiến nguồn lực của Nhà trường cả về chất lượng nguồn nhân lực và CSVC [H12.12.02.08]**. **Đề công tác này được đi vào nề nếp hơn, Nhà trường đã ban hành quy định quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế tại trường ĐHQB [H12.12.02.09]**.

Kiểm định sẽ thúc đẩy việc thực hiện đối sánh một cách mạnh mẽ hơn, trở thành một công cụ để cải tiến chất lượng liên tục. Theo đó, Nhà trường đã ban hành chiến lược công tác ĐBCL Trường ĐHQB giai đoạn 2019-2023 và tầm nhìn đến năm 2030, trong đó xác định đến năm 2025 tối thiểu 30% chương trình đào tạo được kiểm định bởi các tổ chức kiểm định trong nước, thực hiện kiểm định chất lượng CSGD lần 2, thực hiện TĐG CSGD, CTĐT hàng năm **[H12.12.01.02]**.

Với chức năng là đơn vị điều phối hoạt động ĐBCL tại Trường, hàng năm, Phòng TT-ĐBCLGD đã tiến hành các cuộc tập huấn cho các cán bộ lãnh đạo của trường, của đơn vị cũng như các thành viên tổ ĐBCL tại các đơn vị trong toàn trường để hướng dẫn các tài liệu liên quan đến các tiêu chuẩn kiểm định của khu vực và của Việt Nam; từ đó, các viên chức của Nhà trường nắm được các thông tin liên quan đến công tác này và đặc biệt là công tác so chuẩn, đối sánh các chỉ tiêu của các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng **[H12.12.02.10], [H12.12.02.11]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 12.3. Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động ĐBCL và khuyến khích đổi mới sáng tạo

Dựa trên các bộ tiêu chuẩn kiểm định cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo [H12.12.03.01], [H12.12.03.02] Nhà trường đã thực hiện đối sánh hàng năm đối với các chỉ số liên quan đến 03 hoạt động cốt lõi của cơ sở giáo dục, bao gồm: (i) đào tạo, (ii) NCKH, và (iii) phục vụ cộng đồng. Đối với hoạt động đào tạo, các chỉ số là: (i) số lượng tín chỉ, khối lượng kiến thức, hình thức đánh giá kết quả học tập của các học phần; (ii) tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình; (iii) tỷ lệ SV có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp; (iv) hoạt động NCKH của người học. Đối với hoạt động NCKH, các chỉ số bao gồm: (i) số lượng công bố khoa học; (ii) tài sản trí tuệ; (iii) ngân quỹ dùng cho NCKH. Các chỉ số đối sánh về hoạt động phục vụ cộng đồng bao gồm: (i) số lượng hoạt động PVCD; (ii) tác động xã hội; (iii) tác động hoạt động PVCD đối với viên chức và người học tại trường; (iv) sự hài lòng các bên liên quan về hoạt động PVCD [H12.12.02.02], [H12.12.03.03], [H12.12.03.04], [H12.12.03.05].

Căn cứ vào các chỉ số này, một số khoa thực hiện đối sánh tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, có việc làm sau 1 năm. Trong các buổi sinh hoạt chuyên môn động của đơn vị theo các nội dung công việc thực hiện trong năm và có sự so sánh giữa các năm với nhau để đưa ra các kế hoạch cải tiến chất lượng [H12.12.03.06], [H12.12.03.07], [H12.12.03.08]. Một số đơn vị thực hiện đối sánh các chỉ số liên quan đến CSVN, một số ngành thực hiện đối sánh chương trình đào tạo nhằm xây dựng các kế hoạch cải tiến sao cho việc đáp ứng thị trường lao động ngày một tốt hơn [H12.12.03.09], [H12.12.03.10]. Khi xây dựng đề án mở mã ngành đào tạo Nhà trường quan tâm đến việc so chuẩn, đối sánh với CTĐT của các trường đại học lớn trong nước có đào tạo cùng ngành hoặc ngành gần nhằm đưa CTĐT của Nhà trường xích gần hơn với xu thế, đáp ứng ngày một tốt hơn thị trường lao động [H12.12.03.11].

Trong những năm gần đây, Nhà trường đã tăng cường công tác đối ngoại, tăng cường tham quan, học tập, hội nghị, hội thảo với các đối tác trong và ngoài nước nhằm giúp bổ sung những giá trị và tiến bộ về các mặt hoạt động của Nhà trường để từ đó có những cải tiến chất lượng hoạt động giáo dục và đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Nhà trường [H12.12.03.12]. Trên cơ sở những cuộc tham quan các trường đại học khác tại Việt Nam và quốc tế, Nhà trường đã triển khai việc cải tiến chất lượng các mảng công việc liên quan như: điều chỉnh chức năng nhiệm vụ của các bộ phận, đơn vị [H12.12.03.13], xây dựng đề án vị trí việc làm [H12.12.03.14]; sắp xếp, bố trí lại đội ngũ trên tinh thần tinh gọn, hiệu quả [H12.12.03.15], [H12.12.03.16], [H12.12.03.17].

Trong giai đoạn 5 năm trở lại đây, dựa trên các bộ tiêu chuẩn cũng như hướng dẫn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo của Bộ GD&ĐT Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá và đánh giá ngoài CSGD và 04 CTĐT [H12.12.01.09], [H12.12.01.10]. Nhà trường đã xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển ngành, chuyên ngành tập trung vào những thế mạnh truyền thống, những ngành mới, xuyên ngành, liên ngành...tích hợp các ngành học [H12.12.03.18]. Định kỳ, nhà trường đã tiến hành rà soát điều chỉnh tất cả các chương trình đào tạo ở mọi trình độ cấp độ, hình thức đào tạo [H12.12.03.19]. Đối với các phương pháp giảng dạy, nhà trường đã triển khai các hội nghị, hội thảo về đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm tìm ra PPDH thích hợp nhất, Nhà trường cũng đã ban hành quy định thi kết thúc học phần trong đó quy định rõ về hình thức đánh giá học phần, trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan, tổ chức coi thi, tổ chức làm đề, đáp án đề thi, tổ chức chấm thi để có căn cứ theo dõi, rà soát và cải tiến các khâu hoặc điều chỉnh quy trình thực hiện [H12.12.03.20], [H12.12.03.21].

Trong những năm qua, việc so chuẩn, đối sánh đã giúp Nhà trường đánh giá đúng thực trạng chất lượng của Trường và của các CTĐT của Trường, làm căn cứ để xây dựng các giải pháp cải tiến trên tất cả các mặt hoạt

động nhằm không ngừng nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, khuyến khích đổi mới, sáng tạo trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường [H12.12.03.22].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 12.4. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát

Đối sánh là hoạt động đối chiếu và so sánh một cơ sở giáo dục hoặc một chương trình đào tạo với cơ sở giáo dục được lựa chọn dựa trên tiêu chí là bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng, với nội hàm như trên, các quy định cũng đã xác định rõ việc giám sát, đối sánh kết quả hoạt động cốt lõi của trường, bao gồm: (i) giám sát, đối sánh kết quả hoạt động đào tạo; (ii) giám sát, đối sánh kết quả hoạt động NCKH; và (iii) giám sát, đối sánh kết quả hoạt động phục vụ cộng đồng. Trong giai đoạn từ 2018 đến nay, hàng năm, căn cứ vào kết quả các hoạt động và đối sánh với các chỉ tiêu của các năm trước đó, Nhà trường đã tiến hành điều chỉnh các chỉ tiêu đồng thời rà soát, điều chỉnh các quy định, quy chế phù hợp với tình hình thực tế để hướng tới việc đạt được sứ mệnh và tầm nhìn của Nhà trường như: ban hành triết lý giáo dục [H12.12.04.01], điều chỉnh một số quy định của công tác ĐBCL [H12.12.04.02], điều chỉnh quy định về quản lý hoạt động khoa học công nghệ tại trường [H12.12.04.03], quy chế đào tạo [H12.12.04.04].

Trong giai đoạn từ 2018 đến nay, Nhà trường đã tiến hành đánh giá ngoài 04 CTĐT, tự đánh giá CSGD và thực hiện các khuyến nghị sau đánh giá ngoài CSGD năm 2017, tiến hành tự đánh giá 11 CTĐT theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá CTĐT của Bộ GD&ĐT [H12.12.04.05], [H12.12.04.06], [H12.12.04.07]. Trên cơ sở các khuyến nghị sau đánh giá ngoài, Nhà trường tiến hành rà soát quy trình thực hiện của các hoạt động để từ đó thực hiện cải tiến các hoạt động của Nhà trường có hiệu quả [H12.12.04.08], [H12.12.04.09].

Khi lựa chọn và xác định chuẩn để thực hiện đối sánh ngoài việc căn cứ các thông tin so chuẩn của Bộ về hướng dẫn đánh giá chất lượng CSGD, CTĐT Nhà trường còn tham khảo các trường đại học lớn trong nước và quốc tế để thiết kế phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường đồng thời tương đồng với các trường đại học lớn trong nước [H12.12.02.03], [H12.12.02.05]. Thông qua đó, Nhà trường xác định các mức cần đạt được trong các lĩnh vực để từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng một cách liên tục nhằm đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H12.12.04.10], [H12.12.04.11], [H12.12.04.12], [H12.12.04.13].

Căn cứ kết quả thực hiện, Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh nhiều nội dung, quy định trong các lĩnh vực hoạt động, đặc biệt là công tác ĐBCL của Nhà trường việc rà soát các quy định được đưa vào kế hoạch ĐBCL hằng năm [H12.12.04.14].

Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4/7

Tiêu chí 12.5. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được kết quả tốt nhất trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng

Trong những năm qua, việc sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh của Nhà trường được cải tiến liên tục và đạt được các kết quả tốt trên nhiều lĩnh vực: (i) Trong công tác lấy ý kiến các bên liên quan quá trình thực hiện đã giúp Nhà trường thấy được những điểm cần cải tiến trong quy trình thực hiện sau khi áp dụng quy định, sau đó Nhà trường đã ban hành lại các quy định cho phù hợp [H12.12.05.01]; Lấy ý kiến CBGV từ năm 2013 đến năm 2020 chỉ thực hiện theo kế hoạch hằng năm. Tuy nhiên đến năm 2021, Nhà trường đã ban hành quy định công tác lấy ý kiến CBGV, trong đó ghi rõ quy trình thực hiện, phân công nhiệm vụ cho các đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ [H12.12.05.02]. (ii) Trong công tác đào tạo [H12.12.05.03]. (iii) Trong NCKH [H12.12.05.04]. (iv) Trong công tác TĐG: Quá trình tự đánh giá cũng giúp Nhà trường dần hoàn thiện hơn

các quy trình quản lý và nâng cao chất lượng hoạt động TĐG của Nhà trường **[H12.12.05.05]** Sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CSGD năm 2018 việc TĐG CSGD được Nhà trường chú trọng nhiều hơn đặc biệt là việc xây dựng kế hoạch TĐG. Sau mỗi năm, việc xây dựng kế hoạch Nhà trường đều có sự điều chỉnh trong quy trình thực hiện nhằm đảm bảo phù hợp với điều kiện công tác thực tế và thuận tiện cho việc hoàn thiện báo cáo TĐG của Nhà trường **[H12.12.05.06]**. Quá trình triển khai TĐG CSGD, CTĐT Hội đồng TĐG tiến hành họp nhiều lần để báo cáo tiến độ công việc, trao đổi giải đáp thắc mắc và chia sẻ kinh nghiệm giữa các nhóm chuyên trách, rà soát, đối chiếu lại quy trình thực hiện và công tác TĐG đã có kết quả nhất định **[H12.12.01.09]**, **[H12.12.01.10]**.

Nhà trường thực hiện so sánh kết quả năm này với năm trước đồng thời chỉ ra các nội dung cần cải tiến, trên cơ sở đó, các đơn vị liên quan nghiên cứu và thực hiện cải tiến sao cho phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường, qua đó CSVC của Nhà trường qua nhiều đợt thực hiện cải tiến đã có CSVC đầy đủ, tốt, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng **[H12.12.03.09]**, **[H12.12.03.10]**, CSVC của Trường ngoài phục vụ các hoạt động trong Trường nay Trường ĐHQB còn là một lựa chọn tích cực trong việc sử dụng CSVC phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT trong tỉnh **[H12.12.05.07]**; về xây dựng mới chương trình đào tạo, việc đối sánh về mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra chương trình đào tạo của các chương trình đào tạo của Nhà trường với các chương trình đào tạo tương đương của các trường đại học trong và ngoài nước, đánh giá sự tương đồng, khác biệt giữa chương trình đào tạo của trường với chương trình đào tạo của trường khác **[H12.12.03.11]**. Bước vào giai đoạn mới với một tầm nhìn cũng như mục tiêu đã thay đổi theo hướng trở thành đại học đổi mới sáng tạo, để xác định và đánh giá chính xác công tác cải tiến chất lượng đạt được sứ mệnh, tầm nhìn từ năm 2018 đến nay, Nhà trường đã quan tâm việc rà soát, điều chỉnh các quy định trong nhiều lĩnh vực, quá trình thực hiện đã sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh chất lượng để

xây dựng quy định ngày một phù hợp hơn [H12.12.04.02], [H12.12.04.03], [H12.12.04.04].

Với việc ban hành quy định về hệ thống ĐBCL bên trong tại trường ĐHQB cùng với việc so chuẩn, đối sánh tại trường, nhận thức của cán bộ viên chức trong toàn trường về công tác ĐBCL cũng như công tác đối sánh, so chuẩn đã được nâng cao và trở thành một yếu tố mang tính quyết định trong thành công của công tác cải tiến chất lượng tại trường trong những năm trở lại đây. Trong lĩnh vực bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục, trong giai đoạn 2017–2022, Nhà trường đã tiến hành kiểm định chất lượng CSGD theo các Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD của Bộ GD&ĐT và đã được công nhận kết quả đạt chất lượng [H12.12.01.09], kiểm định chất lượng 04 CTĐT theo các Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD của Bộ GD&ĐT và đã được công nhận kết quả đạt chất lượng [H12.12.01.10].

Thực hiện so chuẩn, đối sánh với mặt bằng chung trong nước với những nhận định trong quá trình đánh giá ngoài, Nhà trường thực hiện nhiều thay đổi trong công tác quản lý CSVC, trang thiết bị phục vụ dạy học, NCKH và phục vụ cộng đồng của Nhà trường và đã tạo ra các kết quả tốt đẹp [H12.12.05.07], [H12.12.05.08].

Việc chia sẻ các kết quả đạt được trong quá trình thực hiện TĐG, đối sánh chất lượng giữa các đơn vị trong Trường đã giúp cho các bộ môn thực hiện thành công công tác TĐG và ĐGN 4 CTĐT, tiến tới ĐGN CSGD lần 2 dự kiến năm 2024 [H12.12.05.09].

Việc liên tục rà soát và đối sánh các kết quả công việc giữa các năm đã giúp cho Nhà trường có nhiều bước tiến về mọi mặt, trên tất cả các lĩnh vực hoạt động [H12.12.05.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 12:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường có bộ phận chuyên trách làm công tác ĐBCL, đội ngũ ĐBCL được đào tạo bài bản và đúng chuẩn làm công tác tham mưu cho Nhà trường trong công tác ĐBCL nên về cơ bản các kế hoạch nâng cao chất lượng sát với điều kiện thực tế của Nhà trường nhưng đồng thời cũng đáp ứng được các tiêu chuẩn theo quy định, vì vậy đã có nhiều kết quả tốt đẹp trong việc thực hiện cải tiến như: CSVC phục vụ dạy học, NCKH và phục vụ cộng đồng; các quy định được rà soát, điều chỉnh để công việc đạt kết quả ngày một tốt hơn; CSGD, nhiều CTĐT sẵn sàng đánh giá ngoài.

- Các CTĐT chủ động trong việc lựa chọn đối tác trong việc so chuẩn, đối sánh.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Việc đối sánh chưa khoa học, chưa có tính hệ thống. Chỉ tập trung đối sánh ở một vài nội dung và ở một số đơn vị, chưa thực hiện đối sánh tổng thể và toàn diện cả CSGD và cả CTĐT.

- Trong các quy định ĐBCL bên trong Nhà trường có chú trọng việc lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh để hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Tuy nhiên, Nhà trường chưa có quy định chung về quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh mà các quy định trong việc lựa chọn thông tin so chuẩn chỉ thể hiện trong các kế hoạch công việc cụ thể như: việc xây dựng đề án mở mã ngành đào tạo; tự đánh giá CTĐT (so chuẩn ở các nội dung tỷ lệ SV tốt nghiệp, thôi học..); CSVC của Nhà trường; việc xây dựng các quy định ĐBCL.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng kế hoạch tổng thể thực hiện đối sánh CSGD (lựa chọn đối tác, lựa chọn các tiêu chí đối sánh).	P.TT- ĐBCLGD	Tháng 3/2025- tháng 12/2025	
		Xây dựng kế hoạch tổng thể thực hiện đối sánh CTĐT (lựa chọn đối tác, lựa chọn các tiêu chí đối sánh).	Các Khoa	Tháng 3/2025- tháng 12/2025	
2	Khắc phục tồn tại 2	Xây dựng quy định chung về quy trình rà soát, điều chỉnh quy trình, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh chất lượng.	P.TT- ĐBCLGD		
3	Phát huy điểm mạnh 1	Phòng TT-ĐBCLGD tiếp tục phát huy chức năng, nhiệm vụ của Phòng, các đơn vị tiếp tục bám sát quy định chung và căn cứ tình hình thực tế của Trường để xây dựng các kế hoạch ĐBCL đảm bảo tính khả thi, hiệu quả.	Các đơn vị	Tháng 3/2025- tháng 12/2025	
4	Phát huy điểm mạnh 2	Các bộ môn tiếp tục chủ động trong việc lựa chọn đối tác trong việc so chuẩn, đối sánh.	Các bộ môn	Tháng 3/2025- tháng 12/2025	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 12</i>	<i>4,40</i>
Tiêu chí 12.1	5
Tiêu chí 12.2	4
Tiêu chí 12.3	5
Tiêu chí 12.4	4
Tiêu chí 12.5	4

Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học

Tiêu chí 13.1. Xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các chương trình đào tạo khác nhau của cơ sở giáo dục.

Trường ĐHQB đã xây dựng chiến lược phát triển Trường, trong đó đưa ra mục tiêu, kế hoạch tuyển sinh cho từng giai đoạn phát triển [H13.13.01.01]. Trường hiện đang tuyển sinh các trình độ cao đẳng sư phạm, đại học và sau đại học với các chương trình khác nhau như: (i) tuyển sinh bậc ĐH, CĐSP hệ chính quy; (ii) tuyển sinh đào tạo liên thông trình độ đại học từ trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học. Với mỗi chương trình khác nhau, Trường xây dựng các thông báo, kế hoạch tuyển sinh, chính sách và truyền thông khác nhau và thành lập Hội đồng tuyển sinh để thực hiện nhiệm vụ này.

Mỗi năm, Trường xây dựng đề án tuyển sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT, theo hướng tự chủ, đa dạng phương án xét tuyển, đồng thời công khai trên trang web của Trường và các phương tiện truyền thông [H13.13.01.02].

Trường công khai chính sách tuyển sinh như danh mục ngành; chỉ tiêu tuyển sinh và tổ hợp xét tuyển của từng ngành; phương thức xét tuyển và các chế độ về tuyển thẳng, điểm ưu tiên khu vực, điểm ưu tiên đối tượng theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT [H13.13.01.02].

Để chuẩn bị cho công tác tuyển sinh, hàng năm dựa trên quy chế tuyển

sinh của Bộ GD&ĐT và kết quả tuyển sinh **[H13.13.01.04]** của Trường trong các năm trước, Trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh riêng hàng năm theo nhiều hình thức khác nhau như trực tiếp, trực tuyến và gián tiếp **[H13.13.01.05]**. Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc hội đồng được thành lập, Hội đồng tuyển sinh sẽ ban hành kế hoạch tuyển sinh của Trường trên cơ sở căn cứ vào kế hoạch tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và đào tạo, công tác tuyển sinh của Trường thực hiện từ tháng 2 đến tháng 12 hàng năm, để triển khai công việc trong mỗi kỳ tuyển sinh **[H13.13.01.06]**. Bên cạnh đó, Trường cũng phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị trong Trường để phục vụ tốt cho công tác tuyển sinh **[H13.13.01.07]**.

Để thông tin được đến gần hơn với thí sinh cả nước, Trường ĐHQB chú trọng truyền thông trên tất cả các kênh thông tin. Công tác truyền thông tuyển sinh của Trường ĐHQB, làm đầu mối phối hợp các khoa từ năm 2020 và đến năm 2025 Tổ Truyền thông tuyển sinh được thành lập, chủ trì và phụ trách công tác này **[H13.13.01.08]**. Bộ phận này lập kế hoạch, tổ chức triển khai và giám sát công tác truyền thông trong tuyển sinh của Trường. Dựa vào kế hoạch chung của Trường, đơn vị này xây dựng và triển khai kế hoạch tổng thể và chi tiết cho công tác tư vấn tuyển sinh, bao gồm: thông tin tuyển sinh, tư vấn mùa thi và tuyên truyền trực tiếp **[H13.13.01.09]**. Hằng năm, đội ngũ cán bộ, chuyên viên của Trường ĐHQB sẽ đến các Trường THPT tư vấn tuyển sinh trực tiếp **[H13.13.01.10]**. Ngoài việc tuyên truyền trực tiếp, Trường còn tuyên truyền tư vấn tuyển sinh trên Website: tuyensinh.qbu.edu.vn mục tuyển sinh. Qua Website này, các bên liên quan có thể tìm hiểu và được tư vấn đầy đủ các thông tin về công tác tuyển sinh của Trường như: phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian, các ngành nghề muốn theo học, các tổ hợp môn xét tuyển và chỉ tiêu của từng ngành,...**[H13.13.01.11]**, **[H13.13.01.12]** **[H13.13.01.13]**. Ngoài ra, các thông tin tuyển sinh của Trường còn được công bố công khai trên các phương tiện truyền thông xã hội khác như: Báo giấy, báo điện tử, các hoạt động tiếp cận cộng đồng, các tài liệu quảng bá, mạng xã hội Zalo, Facebook,...**[H13.13.01.14]**,

[H13.13.01.15]. Tổng đài tư vấn trực tuyến để tư vấn, giải đáp cho học sinh những thông tin, quy chế tuyển sinh của Trường, đồng thời định hướng, hướng dẫn để thí sinh có thể lựa chọn được ngành học phù hợp với sở thích, năng lực của bản thân.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 13.2. Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi chương trình đào tạo.

Nhằm ĐBCL đầu vào của các thí sinh, hàng năm, căn cứ trên tiêu chí ĐBCL đầu vào của Bộ GD&ĐT và định hướng phát triển của Nhà trường **[H13.13.01.01]**, Trường sẽ xác định chỉ tiêu tuyển sinh, đối tượng tuyển sinh, tiêu chí lựa chọn cho từng bậc, loại hình, ngành mà Trường đang đào tạo **[H13.13.01.02]**.

Đối với bậc đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy, căn cứ Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT, Trường xác định rõ các đối tượng tuyển sinh, ngành tuyển sinh, các tiêu chí, chỉ tiêu tuyển sinh, tổ hợp môn xét tuyển, phương thức xét tuyển và các thông tin này cũng được công bố trên trang thông tin điện tử của Trường **[H13.13.01.11]**, **[H13.13.01.12]**. Trường ĐHQB sử dụng 03 phương thức tuyển sinh bao gồm: Xét tuyển theo điểm thi THPT Quốc gia; Xét tuyển theo kết quả học tập THPT và Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Các tiêu chí tuyển sinh cụ thể cho từng CTĐT thuộc các hệ, bậc đào tạo được Trường thể hiện rõ căn cứ vào các Quy chế tuyển sinh hằng năm của Bộ GD&ĐT **[H13.13.02.01]**.

Hằng năm, Trường luôn tiến hành họp, thảo luận để xây dựng các tiêu chí thi tuyển, xét tuyển dựa trên quy định của Bộ GD&ĐT và thực tế yêu cầu theo từng ngành học của Trường nhằm thu hút và tuyển chọn được những thí sinh chất lượng **[H13.13.02.02]**, **[H13.13.02.03]**. Tất cả các vấn đề việc chiến lược, hình thức, phương thức tuyển sinh, xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào và quy trình tuyển sinh được xác định phù hợp theo hội đồng tuyển sinh.

Đối với tuyển sinh hệ Liên thông trình độ đại học, căn cứ Quy định, Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT, Trường xác định rõ đối tượng tuyển sinh, các tiêu chí tuyển sinh, nội dung thi, xét tuyển và thông báo đến các học viên qua tất cả các kênh thông tin và trang thông tin điện tử của Trường **[H13.13.01.13], [H13.13.02.04]**.

Đồng thời để từng bước Trường ĐHQB hội nhập Quốc tế, trong đề án tuyển sinh Trường đã xây dựng các điều kiện xét tuyển và tổ hợp môn xét tuyển phù hợp với đặc thù của từng ngành đào tạo theo hướng hội nhập như: Hầu hết các ngành đào tạo của Trường bổ sung thêm tổ hợp môn xét tuyển có thành phần điểm là môn tiếng Anh để sinh viên giỏi tiếng Anh có thể lựa chọn. Các tiêu chí lựa chọn người học đều được Trường đăng tải trên trang thông tin điện tử tuyensinh.qbu.edu.vn, trong cẩm nang tờ rơi tuyển sinh **[H13.13.01.11]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 13.3. Có quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học.

Để đảm bảo công tác tuyển sinh và nhập học của Trường được chặt chẽ, minh bạch, công khai, công bằng đối với thí sinh xét tuyển và nhập học; căn cứ Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, Trường xây dựng các quy trình về công tác tuyển sinh và nhập học, đến xét tuyển hồ sơ nhập học, có đơn vị chuyên trách thực hiện công tác thanh tra giám sát nhằm đảm bảo các hoạt động được thực hiện một cách thống nhất trong toàn Trường. Hằng năm, Phòng Thanh tra - Pháp chế đều tham mưu cho Nhà trường triển khai công tác thanh tra, giám sát tuyển sinh theo quy định **[H13.13.03.01], [H13.13.03.02]**. Đồng thời trong quá trình triển khai công tác tuyển sinh và nhập học, Hội đồng tuyển sinh phân công nhiệm vụ cho các đơn vị liên quan thực hiện theo đúng quy trình **[H13.13.01.07]**.

Nhằm giúp CB-GV thực hiện công tác tuyển sinh theo đúng quy trình, Trường đều tổ chức tập huấn cho toàn thể CB-GV-NV về công tác tuyển sinh để mỗi đơn vị, cá nhân có thể nắm rõ và thực hiện theo đúng quy trình

[H13.13.03.03]. Cuối năm, Nhà trường báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh để đánh giá kết quả đạt được và những vấn đề tồn tại, phương hướng nhiệm vụ cho năm tuyển sinh tiếp theo **[H13.13.01.04], [H13.13.03.04].**

Công tác nhập học cho các thí sinh cũng được Trường quan tâm, ban hành quy trình, và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cá nhân, đơn vị, các đợt đón tiếp thí sinh đến Trường làm thủ tục nhập học đều được Trường tổ chức họp triển khai có kế hoạch cụ thể đến các đơn vị liên quan **[H13.13.03.05].**

Các thông tin về tuyển sinh, xét tuyển và nhập học đều được Trường thông báo công khai cho thí sinh và các đơn vị, cá nhân quan tâm, hướng dẫn thủ tục nhập học, hồ sơ nhập học, quyết định trúng tuyển,... **[H13.13.03.06].** Thí sinh trúng tuyển được thông báo kết quả trúng tuyển một cách công khai, thông báo nhập học và hướng dẫn thủ tục nhập học một cách cụ thể và công khai các thông tin về học phí lệ phí. Ngoài ra, nhằm tạo thuận tiện cho thí sinh trong việc tra cứu thông tin trúng tuyển, Sau khi thí sinh nộp các hồ sơ xác nhận nhập học Phòng Đào tạo tiến hành kiểm tra, đối chiếu, lập danh sách thí sinh đã làm thủ tục nhập học và trình Hiệu trưởng ban hành quyết định công nhận sinh viên, Phòng Đào tạo tiến hành nhập dữ liệu vào phần mềm quản lý đào tạo và QLSV, Trong thời gian sinh viên tham gia học thì Phòng Đào tạo tiến hành hậu kiểm hồ sơ và lưu trữ hồ sơ, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo theo đúng quy định. Trường đã xây dựng phần mềm tra cứu để hỗ trợ thí sinh trực tuyến qua công điện tử tuyensinh.qbu.edu.vn. Sau khi hết hạn nhập học, Nhà trường công nhận và công bố công khai danh sách sinh viên trúng tuyển nhập học. Thí sinh trúng tuyển nhập học thực hiện nộp hồ sơ đầy đủ theo quy định, được cán bộ thu hồ sơ kiểm tra sà soát đảm bảo chính xác thông tin, hồ sơ nhập học được lưu trữ tại phòng Đào tạo và phòng CTSV **[H13.13.03.07], [H13.13.03.08].**

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 13.4. Có các biện pháp giám sát việc tuyển sinh và nhập học.

Hằng năm, nhằm đảm bảo thực hiện việc tuyển sinh, nhập học theo đúng

quy trình và quy định, Nhà Trường giao đơn vị chuyên trách Phòng Thanh tra - Đảm bảo CLGD phụ trách tham mưu cho Nhà trường để thực hiện giám sát công tác tuyển sinh và nhập học.

Công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát tuyển sinh của Trường được thực hiện qua các Quy định, Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT [H13.13.02.01], các Quy định thanh tra, kiểm tra của Thanh tra Bộ GD&ĐT [H13.13.04.01] và Đề án tuyển sinh [H13.13.01.02] riêng của Trường.

Bộ phận thanh tra thực hiện chức năng, nhiệm vụ độc lập với Hội đồng tuyển sinh, triển khai thanh tra, giám sát công tác tuyển sinh theo đề án tuyển sinh của Trường [H13.13.03.01].

Công tác tuyển sinh các hệ liên thông trình độ đại học và các loại hình liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo khác cũng được tổ chức thanh tra, giám sát một cách nghiêm túc, đảm bảo quy định của Bộ GD&ĐT [H13.13.03.02].

Ngoài ra nhằm đánh giá công tác tuyển sinh, hàng năm mỗi đợt tư vấn, tuyển sinh và nhập học, Phòng Đào tạo đều có báo cáo tổng hợp công tác đã thực hiện trong năm, trong đó có đánh giá những điểm mạnh và điểm yếu còn tồn tại của hoạt động, thống kê và phân tích tỷ lệ nhập học, đối sánh tỷ lệ tuyển sinh và nhập học so với các năm trước [H13.13.01.05]. Từ báo cáo tổng hợp của Phòng Đào tạo, Trường sẽ tổ chức cuộc họp đánh giá và rút kinh nghiệm cho công tác tuyển sinh năm tiếp theo.

Việc đón tiếp thí sinh trúng tuyển nhập học được chuẩn bị khá chu đáo từ việc xây dựng kế hoạch tuyển sinh, thành lập ban đón tiếp và các đơn vị chức năng thực hiện đón tiếp thí sinh trúng tuyển nhập học theo quy định [H13.13.03.05]. Thí sinh trúng tuyển được thông báo kết quả trúng tuyển một cách công khai, thông báo nhập học và hướng dẫn thủ tục nhập học một cách cụ thể và công khai các thông tin.

Sau mỗi đợt tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh Trường tổ chức các cuộc họp báo cáo, tổng kết công tác tuyển sinh, định hướng công tác tuyển sinh cho năm

mới [H13.13.01.04], [H13.13.04.02].

Như vậy, công tác giám sát việc tuyển sinh và nhập học được thực hiện thường xuyên, nhất quán, đạt kết quả tốt.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 13.5. Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả.

Hàng năm, sau khi kết thúc các đợt tuyển sinh và nhập học, Hội đồng tuyển sinh Trường căn cứ vào kết quả tuyển sinh, nhập học [H13.13.01.04] để xây dựng, cải tiến chiến lược tuyển sinh, truyền thông với từng đối tượng người học phù hợp bằng nhiều chính sách tuyển sinh, cách thức tuyển sinh, truyền thông khác nhau nhằm đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin về phương thức tuyển sinh của Trường trên tất cả các kênh [H13.13.01.09]. Kết quả tuyển sinh còn là cơ sở để Trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh, điều chỉnh thông tin, các tiêu chí ĐBCL đầu vào của từng năm.

Từ năm 2018, Trường đã có những cải tiến trong phương thức tuyển sinh: tăng thêm số tổ hợp môn xét tuyển các ngành hầu hết là 04 tổ hợp môn xét tuyển, mở rộng địa bàn tư vấn tuyển sinh cho học sinh tại các Trường THPT trên địa bàn Quảng Trị, Hà Tĩnh, tham gia tư vấn tuyển sinh cùng các báo đài, truyền hình trực tiếp tại các điểm cầu, tăng cường quảng bá tuyển sinh trên website đặc biệt là website của các Khoa chuyên môn.

Ngoài ra, nhằm nắm bắt thông tin thí sinh vào Trường ĐHQB, Trường giao cho các khoa xây dựng kế hoạch tuyển mới để triển khai công tác tuyển sinh cho năm tiếp theo.

Việc tăng các tổ hợp môn đăng ký xét tuyển dựa vào Quy chế thi trung học phổ thông Quốc gia và Quy chế tuyển sinh hằng năm của Bộ GD&ĐT [H13.13.02.01] phù hợp với yêu cầu của ngành tuyển sinh của Trường. Chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm được Trường thực hiện dựa trên quy định của Bộ GD&ĐT về việc tính chỉ tiêu tuyển sinh dựa trên các điều kiện như cơ sở vật chất, đội

ngũ giảng viên cơ hữu, thư viện, phòng thí nghiệm và quy mô sinh viên hiện tại, ... được Bộ thẩm định và cấp chỉ tiêu tuyển sinh cho Trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 13:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Quy trình, kế hoạch và chính sách tuyển sinh được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ đúng với Quy chế tuyển sinh và các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

- Các hình thức triển khai công tác truyền thông, tổ chức tuyển sinh được Nhà trường thực hiện khá đa dạng nhằm thu hút số lượng tuyển sinh đầu vào.

- Nhà trường đã giao nhiệm vụ, chức năng cho các bộ phận chuyên trách công tác truyền thông nhằm nâng cao chất tuyển sinh. Hệ thống các quy trình, kế hoạch triển khai chặt chẽ, công khai minh bạch, đảm bảo sự chính xác trong quá trình truyền thông và tuyển sinh.

- Nhà trường đã xây dựng các tiêu chí tuyển sinh, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu tuyển sinh phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT, phù hợp với đặc thù của chương trình đào tạo và tình hình thực tế tuyển sinh của Nhà trường.

- Công tác tuyển sinh được thực hiện kế hoạch, triển khai chặt chẽ, công khai minh bạch, đảm bảo sự chính xác, công bằng trong việc lựa chọn người học.

- Công tác tuyển sinh của Nhà trường được thực hiện theo quy trình, đảm bảo quy định. Thực hiện đầy đủ quy trình giám sát công tác tuyển sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT về công tác thanh tra, giám sát.

- Nhà trường có bộ phận chuyên trách giám sát công tác tuyển sinh theo quy định, có quy trình giám sát việc nhập học. Việc thực hiện giám sát được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo chất lượng và hoạt động độc lập, công khai, minh bạch thông tin về công tác thanh tra, giám sát.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Chưa hình thành được bộ tiêu chí đánh giá tính hiệu quả của công tác

truyền thông.

- Việc thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh ngày càng giảm (do nhiều yếu tố khách quan, và khó khăn chung của các trường ĐH địa phương).

- Chất lượng tuyển sinh đầu vào chưa cao do số lượng thí sinh đăng ký tuyển sinh hạn chế nên Hội đồng tuyển sinh không có nhiều lựa chọn.

- Công tác giám sát mới được thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh, quy định về thanh tra, giám sát của Bộ GD&ĐT mà chưa được cụ thể hóa theo đặc thù của Nhà trường.

- Còn một số cán bộ tham gia bộ phận giám sát tuyển sinh chưa được tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thanh tra, giám sát nên trong quá trình thực hiện đôi lúc còn gặp một số khó khăn nhất định.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/Cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Bổ sung	Ban hành tiêu chuẩn và cách thức đánh giá hiệu quả của công tác truyền thông	Phòng TC-HC	Từ năm 2023	
2	Khắc phục	Đổi mới các phương pháp truyền thông	Tổ Truyền thông tuyển sinh	Từ 2022-2023	
3	Khắc phục	Mở thêm nhiều CTĐT có nhu cầu lớn	Phòng Đào tạo, các Khoa	2022-2025	
4	Khắc phục tồn tại	Bổ sung quy định cụ thể của Nhà trường về công tác giám sát tuyển sinh	Phòng Thanh tra- Pháp chế	2022 - 2025	
5	Khắc phục tồn tại	100% cán bộ chuyên trách giám sát chưa được đào tạo chuyên môn tham gia các khóa tập huấn	Phòng TC-HC	2022-2025	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 13</i>	<i>4,20</i>
Tiêu chí 13.1	5
Tiêu chí 13.2	4
Tiêu chí 13.3	4
Tiêu chí 13.4	4
Tiêu chí 13.5	4

Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học

Tiêu chí 14.1. Xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các CTĐT và các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan

Hiện tại, Trường Đại học Quảng Bình đang tổ chức đào tạo 18 ngành trình độ đại học và 1 ngành trình độ cao đẳng [H14.14.01.01], [H14.14.01.02]. Việc thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình đào tạo (CTĐT) được thực hiện một cách bài bản, tuân thủ các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H14.14.01.03], [H14.14.01.04].

Nhà trường đã ban hành đầy đủ các văn bản liên quan đến quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT trình độ đại học, cao đẳng [H14.14.01.05], [H14.14.01.07]; quy định về công nhận kết quả học tập, miễn trừ học phần trong liên thông [H14.14.01.08]; đồng thời có hướng dẫn cụ thể về hoạt động rà soát, cải tiến CTĐT theo chu kỳ 2 năm/lần [H14.14.01.09], [H14.14.01.10].

Để đảm bảo tính khách quan và đa chiều, Nhà trường thành lập các Ban chỉ đạo rà soát và cải tiến chương trình đào tạo với thành phần gồm đại diện giảng viên, nhà khoa học, doanh nghiệp, sinh viên, cựu sinh viên và đơn vị sử dụng lao động [H14.14.01.11], [H14.14.01.12]. Trách nhiệm của từng đơn vị được quy định rõ trong các kế hoạch hàng năm:

- Khoa/Viện: Chủ trì lập kế hoạch, tổ chức thực hiện rà soát và cải tiến CTĐT; giám sát và đôn đốc các bộ môn.

- Bộ môn: Trực tiếp rà soát, đề xuất cải tiến chương trình, học phần; lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên đang học, tổng hợp kết quả và kiến nghị điều chỉnh.

- Phòng Đào tạo và QLSV, Phòng Thanh tra - ĐBCLGD: Hỗ trợ kỹ thuật, tổng hợp số liệu, lưu trữ hồ sơ minh chứng [H14.14.01.13], [H14.14.01.14].

Ý kiến phản hồi từ sinh viên đang học được lấy định kỳ và có hệ thống, thông qua: Khảo sát cuối kỳ học phần, đặc biệt về nội dung, phương pháp giảng dạy, mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra; Hoạt động sinh hoạt công dân đầu khóa, đầu năm học, hội nghị dân chủ sinh viên; Các khảo sát chuyên biệt khi rà soát chương trình đào tạo định kỳ. Kết quả phản hồi từ sinh viên đang học được tổng hợp định kỳ bởi các khoa và bộ môn, báo cáo về Hội đồng KH&ĐT Trường để làm căn cứ xem xét điều chỉnh CTĐT. Việc này thể hiện rõ vai trò của người học trong quá trình phát triển chương trình đào tạo, đảm bảo sự phù hợp thực tế và năng lực tiếp nhận từ phía sinh viên [H14.14.01.16], [H14.14.01.22].

Bên cạnh đó, phản hồi từ cựu sinh viên và nhà tuyển dụng được Nhà trường thực hiện định kỳ qua các phiếu khảo sát trực tuyến, phỏng vấn chuyên sâu, hội thảo doanh nghiệp - nhà trường. Từ năm học 2022 - 2023, quy trình này đã được cải tiến thông qua: Chuẩn hóa mẫu phiếu; Ứng dụng công cụ khảo sát trực tuyến; Mở rộng đối tượng khảo sát; Bổ sung nội dung đánh giá cụ thể về mức độ đáp ứng của chuẩn đầu ra với yêu cầu công việc [H14.14.01.16], [H14.14.01.22].

Tất cả các CTĐT sau khi xây dựng, chỉnh sửa đều được thẩm định bởi Hội đồng chuyên môn, trình Hội đồng KH&ĐT Trường thông qua, sau đó được Hiệu trưởng ban hành chính thức [H14.14.01.15]. Việc xây dựng đề cương chi tiết học phần được giám sát bởi khoa chuyên môn, ưu tiên giao cho giảng viên

có kinh nghiệm, đồng thời định kỳ cập nhật để phù hợp với CTĐT và chuẩn đầu ra [H14.14.01.23].

Trong giai đoạn 2017 - 2024, Nhà trường đã mở thêm 6 ngành đào tạo đại học theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, trong đó quá trình xây dựng hồ sơ mở ngành cũng được tham vấn rộng rãi từ chuyên gia, đơn vị sử dụng lao động, sinh viên và giảng viên [H14.14.01.24], [H14.14.01.27].

Như vậy, hệ thống thiết kế, rà soát và cải tiến CTĐT của Trường đã được thiết lập một cách đầy đủ, có tính chu kỳ, có quy định rõ ràng, có sự tham gia thực chất của các bên liên quan bao gồm cả sinh viên đang học, và có minh chứng rõ ràng về hoạt động cải tiến liên tục.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 14.2. Có hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các môn học/học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan

Trường Đại học Quảng Bình đã xây dựng hệ thống quy trình rõ ràng và có tính định kỳ trong việc thiết lập, rà soát và điều chỉnh chuẩn đầu ra (CĐR) ở cả hai cấp độ: chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (CĐR CTĐT) và chuẩn đầu ra học phần (CĐR học phần). Hệ thống này đảm bảo sự thống nhất từ mục tiêu đào tạo đến nội dung học phần, và phản ánh đúng yêu cầu của thị trường lao động, người sử dụng lao động, cũng như nhu cầu phát triển cá nhân của người học [H14.14.02.01].

Nhà trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn và quy định về quy trình xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR cho từng CTĐT, bao gồm: quy trình xác lập mục tiêu đào tạo, xác định CĐR theo lĩnh vực, ngành, bậc đào tạo, xây dựng ma trận liên kết giữa CĐR - mục tiêu đào tạo - học phần. CĐR học phần được xây dựng phù hợp với CĐR chương trình, đảm bảo mối quan hệ ngang dọc, liên thông và tích lũy kiến thức - kỹ năng trong toàn bộ quá trình đào tạo. Mỗi CĐR được định lượng và diễn đạt rõ ràng theo các lĩnh vực năng lực (kiến thức, kỹ

năng chuyên môn, kỹ năng mềm, phẩm chất đạo đức), đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam [H14.14.02.02], [H14.14.02.03].

Quá trình xây dựng và điều chỉnh CĐR có sự tham gia của đại diện lãnh đạo nhà trường, các khoa, bộ môn, giảng viên, sinh viên đang học, cựu sinh viên và đơn vị sử dụng lao động. Đặc biệt, các hội nghị góp ý chuyên sâu về CĐR được tổ chức với sự tham gia của doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, đại diện các tổ chức xã hội – nghề nghiệp, đảm bảo CĐR có tính thực tiễn và sát với yêu cầu tuyển dụng [H14.14.02.13], [H14.14.02.14].

Việc rà soát và cập nhật CĐR được thực hiện định kỳ 2 năm/lần theo kế hoạch chung của Nhà trường. Ngoài ra, Nhà trường cho phép điều chỉnh cục bộ hằng năm đối với CĐR học phần để linh hoạt đáp ứng các thay đổi thực tế [H14.14.02.06]-[H14.14.02.08]. Việc điều chỉnh CĐR dựa trên kết quả khảo sát sinh viên năm cuối, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng và phản hồi từ các giảng viên trực tiếp giảng dạy [H14.14.02.01], [H14.14.02.09], [H14.14.02.12]. Từ năm học 2022-2023, quy trình rà soát CĐR đã được cải tiến với việc bổ sung các công cụ đánh giá trực tuyến, áp dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng dữ liệu khảo sát và tính khách quan trong phản hồi.

Khoa là đơn vị chủ trì tổ chức xây dựng, rà soát và cải tiến CĐR của các CTĐT mà đơn vị quản lý, có trách nhiệm lập kế hoạch và huy động các bộ môn phối hợp triển khai. Bộ môn chịu trách nhiệm xác lập CĐR cho từng học phần, xây dựng đề cương chi tiết có liên kết với CĐR chương trình và chuẩn đầu ra chung của trường. Phòng Đào tạo và QLSV và Phòng Thanh tra - ĐBCLGD xây dựng Kế hoạch tổng thể và hỗ trợ xây dựng công cụ, khảo sát, lưu trữ và phân tích dữ liệu phục vụ điều chỉnh CĐR.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 14.3. Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của chương trình đào tạo và các môn học/học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên chuẩn đầu ra.

Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo (CTĐT) và chuẩn đầu ra (CDR), Hội đồng Khoa học và Đào tạo các khoa cùng với các bộ môn tổ chức xây dựng bản mô tả học phần, bao gồm: mục tiêu, nội dung, tổng số tín chỉ, tín chỉ lý thuyết, tín chỉ thực hành, điều kiện tiên quyết (nếu có). Các thông tin này được thể hiện rõ ràng trong CTĐT nhằm giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan về nội dung, cấu trúc và định hướng của từng học phần [H14.14.02.02], [H14.14.02.03].

Đề cương chi tiết học phần được văn bản hóa đầy đủ, bao gồm: đặc điểm học phần (bắt buộc, tự chọn), số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), mục tiêu và CDR của học phần, nội dung giảng dạy, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, kế hoạch giảng dạy theo từng tuần, tài liệu giảng dạy - học tập, và các quy định liên quan đến học vụ [H14.14.03.01], [H14.14.03.02]. Đây là căn cứ để giảng viên tổ chức giảng dạy và sinh viên theo dõi, đánh giá tiến độ học tập của mình.

Hiện nay, Trường Đại học Quảng Bình tổ chức đào tạo theo ba học kỳ mỗi năm: học kỳ 1 và học kỳ 2 kéo dài tối thiểu 15 tuần học và 3 tuần thi; học kỳ hè gồm 5 tuần học và thi. Trước mỗi năm học, Nhà trường xây dựng và công bố kế hoạch giảng dạy cho từng ngành đào tạo, gửi đến các khoa/viện để triển khai phân công giảng viên phụ trách giảng dạy từng học phần. Đồng thời, kế hoạch giảng dạy được phổ biến đến sinh viên thông qua phần mềm quản lý đào tạo và giáo viên chủ nhiệm, giúp sinh viên chủ động xây dựng kế hoạch học tập cá nhân [H14.14.03.03], [H14.14.03.04].

Nhà trường công bố đề cương chi tiết cho từng học phần, trong đó thể hiện rõ các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà sinh viên cần đạt được sau khi học xong học phần, bao gồm cả CDR về năng lực ngoại ngữ và công nghệ thông tin [H14.14.02.01], [H14.14.03.05].

Mỗi giảng viên và sinh viên đều được cấp tài khoản cá nhân để truy cập phần mềm quản lý đào tạo, qua đó tra cứu thời khóa biểu, kết quả học tập, đăng

ký học phần, đăng ký học lại/cải thiện/học vượt,... Việc này đảm bảo tính minh bạch, chủ động và thuận tiện trong quá trình học tập, đồng thời giúp sinh viên nắm rõ CTĐT toàn khóa [H14.14.03.04].

Hằng năm, đặc biệt là đầu khóa học, Nhà trường tổ chức tuần sinh hoạt công dân cho sinh viên nhằm phổ biến các quy chế, quy định học tập, rèn luyện, hình thức kiểm tra, đánh giá, điều kiện xét tốt nghiệp, cũng như các nội dung liên quan đến đảm bảo chất lượng đào tạo [H14.14.03.06], [H14.14.03.08]. Thông qua đó, sinh viên được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo, khối lượng tín chỉ bắt buộc và tự chọn, danh mục học phần, kế hoạch đăng ký học tập từng học kỳ, quy định về khối lượng học tập tối thiểu và tối đa,...

Toàn bộ hệ thống hoạt động đào tạo được quản lý bằng phần mềm đào tạo tập trung, bao gồm các chức năng: quản lý CTĐT, đề cương học phần, kế hoạch giảng dạy, thời khóa biểu, điểm học phần, xét tốt nghiệp, cấp phát văn bằng chứng chỉ,... Hệ thống này góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, đồng bộ hóa và kết nối giữa các đơn vị trong toàn trường [H14.14.03.04].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 14.4. Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học được thực hiện

Trường Đại học Quảng Bình thực hiện việc thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học theo đúng các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT). Đồng thời, Nhà trường phát huy tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm chuyên môn của các khoa và tổ bộ môn chuyên môn trên cơ sở định hướng chung của Trường và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành [H14.14.01.05], [H14.14.01.06].

Quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình đào tạo (CTĐT) được thực hiện theo chu kỳ định kỳ 2 năm/lần. Hằng kỳ, Nhà trường ban hành kế hoạch và thông báo triển khai công tác rà soát, điều chỉnh CTĐT [H14.14.01.13], [H14.14.01.14]. Trên cơ sở đó, các khoa tổ chức họp các tổ bộ

môn để thảo luận, đánh giá CTĐT hiện hành, từ đó đề xuất điều chỉnh, cập nhật nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn [H14.14.01.23].

Việc đánh giá và cập nhật CTĐT được thực hiện dựa trên các nguồn thông tin từ nhiều bên liên quan như: giảng viên, nhà khoa học, đơn vị tuyển dụng, công ty và doanh nghiệp [H14.14.02.13], [H14.14.02.14]. Song song với đó, Nhà trường thực hiện khảo sát sinh viên năm cuối và sinh viên sau tốt nghiệp để thu thập phản hồi về CTĐT cũng như hiệu quả triển khai chương trình giảng dạy [H14.14.02.09], [H14.14.02.12].

Về mặt pháp lý và quy trình, năm 2015, Trường đã ban hành quy định về xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT trình độ đại học, cao đẳng, dựa trên Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ GD&ĐT [H14.14.01.03], [H14.14.01.06]. Đến năm 2021, quy định này được rà soát và cập nhật cho phù hợp với thực tiễn, đồng thời bổ sung, điều chỉnh theo các Thông tư mới: 17/2021/TT-BGDĐT, 08/2021/TT-BGDĐT và 02/2022/TT-BGDĐT [H14.14.01.05].

Bên cạnh việc thu thập phiếu khảo sát theo định kỳ, Nhà trường và các đơn vị chuyên môn còn tổ chức các hội thảo chuyên đề về nâng cao chất lượng đào tạo, với sự tham gia của giảng viên, nhà khoa học, đại diện doanh nghiệp, đơn vị tuyển dụng... để thu thập góp ý về nội dung và phương pháp tổ chức CTĐT [H14.14.01.10], [H14.14.04.01], [H14.14.04.02]. Những góp ý thu nhận từ hội thảo là căn cứ thực tiễn quan trọng để rà soát, cập nhật chương trình nhằm đảm bảo sự phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu đào tạo của Nhà trường.

Ngoài ra, Trường còn thực hiện hoạt động đối sánh CTĐT với các chương trình đào tạo cùng mã ngành hoặc ngành gần của các trường đại học trong nước và quốc tế. Việc đối sánh tập trung vào các nội dung như: số tín chỉ, cơ cấu học phần bắt buộc – tự chọn, khối kiến thức đại cương, khối kiến thức ngành, và học phần chuyên ngành [H14.14.02.04]. Dựa trên kết quả đối sánh, Nhà trường tiến hành điều chỉnh, cập nhật chương trình dạy học, đặc biệt chú trọng nội dung các

học phần tự chọn chuyên ngành để phù hợp với nhu cầu thực tiễn và xu hướng phát triển nghề nghiệp [H14.14.02.02], [H14.14.02.03].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 14.5. Quy trình thiết kế, đánh giá và chương trình dạy học được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan.

Trường Đại học Quảng Bình triển khai cải tiến chương trình dạy học một cách có hệ thống và định kỳ, dựa trên kết quả đánh giá, khảo sát và phản hồi từ nhiều nguồn khác nhau như: người học hiện tại, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng lao động và các tổ chức liên quan. Hoạt động này nhằm đảm bảo chương trình dạy học luôn cập nhật, thực tiễn và phù hợp với nhu cầu xã hội, xu hướng nghề nghiệp và định hướng phát triển năng lực toàn diện cho người học [H14.14.05.01], [H14.14.05.03].

Các chương trình dạy học (bao gồm nội dung học phần, phương pháp giảng dạy, hình thức kiểm tra – đánh giá) được điều chỉnh, cập nhật định kỳ theo chu kỳ 2 năm/lần, đồng thời cho phép điều chỉnh linh hoạt hàng năm nếu có yêu cầu thực tiễn. Cải tiến được thực hiện từ cấp độ học phần (cập nhật đề cương chi tiết, phương pháp giảng dạy mới, kỹ năng mềm, học phần tự chọn, chuyên sâu...) đến cấp độ chương trình tổng thể (cơ cấu tín chỉ, định hướng nghề nghiệp, học phần tích hợp, học phần doanh nghiệp...) [H14.14.05.04].

Phản hồi của sinh viên đang học được thu thập định kỳ mỗi học kỳ thông qua khảo sát đánh giá học phần, đánh giá giảng viên và chương trình đào tạo [H14.14.05.05], [H14.14.05.07]. Cựu sinh viên và nhà tuyển dụng được mời tham gia hội nghị góp ý, tọa đàm xây dựng và điều chỉnh chương trình, đặc biệt với các ngành mới mở hoặc giai đoạn cập nhật Dữ liệu khảo sát được tổng hợp, phân tích và sử dụng làm căn cứ trong quá trình rà soát chương trình bởi các hội đồng chuyên môn của khoa và bộ môn lớn [H14.14.05.08], [H14.14.05.09]. Chẳng hạn, Một số học phần được điều chỉnh theo phản hồi sinh viên về mức độ khó, nội dung chưa sát thực tiễn, như: đưa thêm bài tập tình huống, tăng thời

lượng thảo luận nhóm, tăng học phần thực hành. Một số ngành (như Ngôn ngữ Trung Quốc, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Sư phạm Lịch sử - Địa lý) được bổ sung học phần kỹ năng nghề nghiệp theo góp ý từ đơn vị sử dụng lao động địa phương và doanh nghiệp hợp tác [H14.14.05.10].

- Kết quả cải tiến được lưu trữ trong báo cáo tổng hợp của các đơn vị đào tạo và phản ánh trong kế hoạch giảng dạy hằng năm. Mỗi đề xuất điều chỉnh phải đi kèm minh chứng khảo sát hoặc ý kiến chuyên môn từ giảng viên, doanh nghiệp, sinh viên. Nhà trường ban hành quy định và hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng kết quả phản hồi để cải tiến chương trình, đồng thời có cơ chế giám sát việc thực thi qua các báo cáo tự đánh giá và thanh tra nội bộ [H14.14.05.11].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 14:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Trong những năm qua, Trường Đại học Quảng Bình đã thực hiện nghiêm túc quy trình xây dựng, đánh giá và rà soát chương trình đào tạo (CTĐT) theo quy định của Bộ GD&ĐT, đồng thời đảm bảo phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm chuyên môn của các khoa, bộ môn.

- Nội dung CTĐT được cập nhật định kỳ theo hướng tiếp cận nhu cầu xã hội, tăng cường kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm và thực hành thực tế thông qua các học phần thực tập nghề nghiệp, kiến tập và khóa luận tốt nghiệp. Các điều chỉnh đã góp phần nâng cao năng lực làm việc thực tế của sinh viên sau tốt nghiệp, được doanh nghiệp và nhà tuyển dụng đánh giá cao.

- Quy trình rà soát CTĐT có sự tham gia của nhiều bên liên quan: giảng viên, sinh viên đang học, cựu sinh viên, nhà khoa học, nhà tuyển dụng và doanh nghiệp. Trường cũng duy trì hoạt động khảo sát thường niên và tổ chức hội thảo góp ý chương trình đào tạo.

- Việc đối sánh CTĐT với các chương trình cùng ngành trong và ngoài nước được thực hiện định kỳ, từ đó có cơ sở để cập nhật số tín chỉ, nội dung học phần, cấu trúc chương trình phù hợp với yêu cầu hội nhập.

- Các đề cương học phần được cập nhật, điều chỉnh theo khung chương trình, đảm bảo liên kết chặt chẽ giữa mục tiêu học phần, nội dung và hình thức đánh giá, góp phần thực hiện hiệu quả chuẩn đầu ra (CĐR).

- Hồ sơ xây dựng, điều chỉnh CTĐT, đặc biệt với các ngành mới, được xây dựng công phu, bám sát các quy định pháp lý hiện hành và xu hướng phát triển ngành nghề.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Nhà trường chưa có các thỏa thuận hợp tác chính thức với các cơ sở đào tạo uy tín trong và ngoài nước để công nhận tín chỉ, trao đổi học thuật, liên thông đào tạo, khiến khả năng hội nhập khu vực và quốc tế của sinh viên còn hạn chế.

- Việc lấy ý kiến của cựu sinh viên và nhà tuyển dụng về chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo còn mang tính hình thức, thiếu chiều sâu; tỷ lệ phản hồi thấp và nội dung góp ý chưa thực sự hữu ích cho công tác điều chỉnh chương trình.

- Dữ liệu khảo sát ý kiến các bên liên quan về CTĐT một số đối tượng khảo sát chưa được khai thác hiệu quả, đặc biệt là ý kiến đánh giá từ doanh nghiệp trong quá trình thực tập và tuyển dụng còn chung chung, chưa tập trung góp ý cụ thể cho nội dung học phần hay định hướng đào tạo.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Phát huy các điểm	Phát huy việc thực hiện đúng quy trình	Khoa	Hàng	

	mạnh	trong công tác xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTĐT.		năm	
		Tiếp tục tăng cường tham khảo ý kiến các bên liên quan trong xây dựng CTĐT; tham khảo các CTĐT khu vực và thế giới, đối sánh và phân tích tương thích.	Bộ môn	Từ năm học 2025 - 2027	Nhằm nâng cao tính hội nhập CTĐT
2	Khắc phục tồn tại 1	Ký kết hợp tác đào tạo và công nhận tín chỉ với các cơ sở giáo dục có uy tín trong nước và quốc tế.	Phòng ĐT & QLSV phối hợp với phòng KHCN, ĐN và Học liệu	Từ năm học 2025 - 2026	Ưu tiên ngành có tính ứng dụng cao và có nhu cầu liên thông
3	Khắc phục tồn tại 2	Cải tiến quy trình, công cụ và thực hiện lấy ý kiến phản hồi của cựu người học và nhà tuyển dụng.	Phòng TT&ĐBC LGD, Các Khoa/Bộ môn	Từ năm học 2025 - 2026	Kết hợp khảo sát online, phỏng vấn, hội thảo chuyên đề
4	Khắc phục tồn tại 3	Cập nhật thêm dữ liệu khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT (đặc biệt trong quá trình thực tập và sau tuyển dụng).	Phòng TT&ĐBC LGD, Bộ môn	Từ năm học 2025-2026	Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp trong đánh giá

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 14</i>	<i>4,40</i>
Tiêu chí 14.1	5/7
Tiêu chí 14.2	5/7
Tiêu chí 14.3	4/7
Tiêu chí 14.4	4/7
Tiêu chí 14.5	4/7

Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập

Tiêu chí: 15.1. Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được chuẩn đầu ra.

Mỗi cơ sở giáo dục (CSGD) có 1 triết lý giáo dục, vừa đảm bảo tính hệ thống của nền giáo dục nước nhà, vừa mang bản sắc riêng của CSGD đó. Xác định được vai trò quan trọng của triết lý giáo dục trong việc định hướng mục tiêu giáo dục, nội dung và phương pháp dạy học, vai trò của giảng viên và người học trong hoạt động giáo dục, Trường ĐHQB đã công bố chính thức Triết lý giáo dục, công khai theo Quyết định số 1351/QĐ-ĐHQB ngày 10/8/2021 của Hiệu trưởng Nhà trường [H15.15.01.01] với nội dung:

“Toàn diện – Khai phóng – Sáng tạo – Thực nghiệp – Hội nhập”.

Ý nghĩa của Triết lý giáo dục được hiểu:

- *Toàn diện*: Nhà trường hướng tới đào tạo các thế hệ người học phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ cá nhân trong từng lĩnh vực, đào tạo đa ngành và đào tạo đa ngành và đào tạo con người toàn diện.

- *Khai phóng*: Nhà trường hướng tới trang bị cho người học nền tảng kiến thức, kỹ năng vững chắc, phát huy tối đa tiềm năng con người, hình thành tư duy mở, chủ động đón nhận và sáng tạo cái mới, cái tiến bộ.

- *Sáng tạo*: Nhà trường hướng tới giúp người học phát triển tư duy sáng tạo, có đủ trình độ, năng lực để tạo ra những giá trị sản phẩm trong nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp.

- *Thực nghiệp*: Nhà trường hướng tới gắn việc đào tạo với nhu cầu lao động thực tiễn, vận dụng tốt những kiến thức, kỹ năng cần thiết đã học để thực hành nghề, đáp ứng yêu cầu của chuyên môn và có khả năng phát triển nghề nghiệp.

- *Hội nhập*: Nhà trường hướng tới tăng cường kết nối với các cá nhân, tổ chức có liên quan, xây dựng các chuẩn mực, giá trị văn hóa, tiếp nhận sản phẩm khoa học tiên bộ trên thế giới để không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường.

Nội dung của triết lý phù hợp với mục tiêu, sứ mạng của cơ sở giáo dục và với xu thế phát triển chung.

Mọi thành viên trong Trường, người học, người dạy và nhà quản lý đều được phổ biến và quán triệt về Triết lý giáo dục của Trường; đồng thời, Triết lý giáo dục được đăng tải trên website Trường và ở nhiều vị trí có mật độ người đông, dễ quan sát trong Trường [H15.15.01.02], ở pano và video truyền thông tuyển sinh của Nhà trường.

Việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học của Nhà trường đảm bảo tính nhất quán, có mối liên hệ chặt chẽ với Triết lý giáo dục đã xác định, được thể chế hóa tại Chiến lược phát triển của Nhà trường [H15.15.01.03], Nghị quyết của Hội đồng trường Trường Đại học Quảng Bình về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Quảng Bình Số 1699/NQ-HĐTĐHQB ngày 22/10/2021 [H15.15.01.04], cũng như việc thành lập Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục của Nhà trường theo Quyết định số 264/QĐ-ĐHQB ngày 28/2/2025 của Hiệu trưởng Trường ĐHQB [H15.15.01.05].

Nhà trường đã ban hành mẫu đề cương chi tiết các học phần, trong đó yêu cầu mỗi học phần phải xác định rõ phương pháp giảng dạy, phương

pháp học tập cho từng nội dung của học phần cũng như mức độ đáp ứng của các nội dung đó đối với chuẩn đầu ra của học phần **[H15.15.01.06]**.

Để xác định hiệu quả của các hoạt động dạy và học của GV và SV so với mức độ đạt CDR hay không, Nhà trường tiến hành đánh giá kết quả học tập và thành tích đạt được của sinh viên qua các năm học ở các lần xét học vụ và xét tốt nghiệp trình độ đại học **[H15.15.01.07]**. Đồng thời, Trường tiến hành khảo sát ý kiến của sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên, kết quả khảo sát cho thấy đa số sinh viên hài lòng với phương pháp giảng dạy của giảng viên **[H15.15.01.08]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 15.2. Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ giáo viên, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm.

Trường ĐHQB đã xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực **[H15.15.01.01]** nhằm thu hút đội ngũ GV có trình độ cao, có năng lực chuyên môn tốt, có kinh nghiệm giảng dạy. Chiến lược này đã được cụ thể hóa thành Kế hoạch phát triển nhân lực để phát triển đội ngũ **[H15.15.02.01]** tại Quy chế về tuyển dụng, đào tạo và sử dụng GV của Trường ĐHQB **[H15.15.02.02]**. Trường đã tuyển dụng và gửi đi đào tạo nhiều GV có trình độ từ thạc sĩ trở lên **[H15.15.02.03]**. Số CB được cử đi học nâng cao trình độ và tỷ lệ CB, GV có trình độ TS trở lên ngày càng tăng **[H15.15.02.04]**.

Bên cạnh đó, Trường có chính sách khuyến khích, hỗ trợ GV đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn như trình độ TS được hỗ trợ 100 triệu, trình độ thạc sĩ được hỗ trợ 30 triệu **[H15.15.02.05]**. Ngoài việc cử cán bộ đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn trong và ngoài nước, Trường còn tổ chức các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ cho các CB, GV như: các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ, lớp bồi dưỡng GV chính, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm... **[H15.15.02.06]**, **[H15.15.02.07]**, **[H15.15.02.08]**, **[H15.15.02.09]**.

Bằng các chính sách thu hút, hỗ trợ đội ngũ giảng viên đi học tập nâng cao

trình độ, trình độ đội ngũ giảng viên của Trường đã được nâng cao nhanh chóng.

Trường ĐHQB đã hoàn thiện việc xây dựng “Đề án vị trí việc làm” [H15.15.02.10], đây là căn cứ đánh giá và sàng lọc các cán bộ, GV. Trường có hệ thống quản lý và hoạt động chuyên môn chặt chẽ từ cấp Khoa đến cấp Trường, được quy định trong "Quy chế tổ chức hoạt động Trường ĐHQB" [H15.15.02.11].

Trường đã xây dựng Quy định tuyển dụng, chuyển ngạch, hợp đồng làm việc đối với CB, viên chức của Trường [H15.15.02.12] để tuyển chọn những GV có chuyên môn giỏi, có khả năng hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu. Trường có thông báo tuyển dụng GV hàng năm [H15.15.02.13] và được niêm yết công khai trên Website của Trường. Trong quá trình thử việc, những GV thuộc diện này để được tuyển chọn chính thức phải trải qua thời gian thử thách, chịu sự giám sát chặt chẽ của các khoa chuyên môn. Trường chỉ chính thức tuyển dụng GV đó khi có ý kiến đánh giá năng lực từ khoa chuyên môn [H15.15.02.14]. Ngoài ra, Trường còn tạo điều kiện cho CB-GV chưa có nhà ở trong khu nhà ở của Trường với chi phí thuê nhà thấp hơn thị trường. Không chỉ thế, Trường cũng có chế độ này cho những GV người nước ngoài, nhằm thu hút được GV nước ngoài phục vụ cho khoa Ngoại ngữ và cung cấp nhà ở cho các GV này.

Trường có Kế hoạch phân công giảng dạy các học kỳ của mỗi năm học phù hợp với chuyên ngành được đào tạo và kinh nghiệm thực tế của GV. Kế hoạch phân công giảng dạy được Khoa, Tổ bộ môn họp bàn mỗi năm học nhằm điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị [H15.15.02.15]. Trường còn sử dụng phần mềm Quản lý đào tạo trợ giúp trong công tác việc xếp lịch học, lịch thi, thống kê giờ giảng, quản lý giảng đường,... [H15.15.02.16]. Quy định về trách nhiệm giảng dạy và kiểm tra kết quả giảng dạy được Trường quy định rõ qua Quy chế Đào tạo [H15.15.02.17] và được Trường thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ thông qua phần mềm kể trên. Bên cạnh đội ngũ giáo viên cơ

hữu, Trường còn thường xuyên cộng tác, mời giảng các chuyên gia, GS, TS từ các Trường cùng lĩnh vực chuyên môn căn cứ trên đề nghị của các Khoa và quy định thỉnh giảng [H15.15.02.18].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 15.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

Tất cả các CTĐT của Trường đều hướng đến khả năng học tập suốt đời cho SV, nhằm đáp ứng mong muốn tự nâng cao trình độ sau tốt nghiệp của người học. Các hoạt động học tập trong năm học với các hoạt động học tập đa dạng (dự án đào tạo, đào tạo thực hành, bài tập lớn, thực tập tại đơn vị, trường học, doanh nghiệp,...) được thể hiện ở Kế hoạch đào tạo theo từng năm học ban hành đầu mỗi năm học [H15.15.03.01]. Quá trình nghiên cứu, làm các bài tập, thực hành, thí nghiệm đóng vai trò quan trọng giúp SV tích lũy kinh nghiệm, tạo ra những kỹ năng tự học tập phù hợp như kỹ năng phân tích và tổng hợp tài liệu, học đi đôi với hành; kỹ năng phát hiện vấn đề, trình bày và giải quyết vấn đề, các kỹ năng và kiến thức cụ thể cần đạt được của từng môn học. Các hoạt động dạy và học được cụ thể trong thời khoá biểu đầu mỗi năm học được Nhà trường ban hành [H15.15.03.02]. Định hướng của Trường là GV cần tạo ra một môi trường dạy và học sao cho mỗi SV đều tham gia vào quá trình học tập một cách có ý thức theo đúng chương trình đào tạo được ban hành cụ thể trong các đề cương chi tiết các học phần [H15.15.03.03], song song với học tập lý thuyết, sinh viên được tham gia vào các học phần thực hành, thực tập nghề nghiệp, tham quan thực tế đa dạng [H15.15.03.04]. Ý kiến phản hồi của SV [H15.15.03.05] được gửi cho GV, Tổ trưởng các bộ môn, lãnh đạo các phòng ban liên quan để kịp thời điều chỉnh những hạn chế và cải thiện chất lượng giảng dạy.

Kỳ đầu tiên của năm nhất sinh viên được tham gia kiểm tra trình độ đầu vào về ngoại ngữ để phân lớp [H15.15.03.06]. SV tự trang bị các kiến thức về Ngoại ngữ theo CDR của Trường và các môn học về kỹ năng mềm, các phương

pháp tự học, tự nghiên cứu, để người học đáp ứng được yêu cầu học tập suốt đời. Hàng năm, Trường đều tổ chức, triển khai cho SV đăng ký đề tài NCKH, tổ chức các Hội nghị khoa học SV các cấp (Khoa, Trường), đây là một trong những hoạt động nhằm góp phần nâng cao kỹ năng tự học và tự nghiên cứu của SV [H15.15.03.07], [H15.15.03.08]. Ngoài ra, Trường cũng tạo điều kiện cho SV tham gia cuộc thi Hùng biện Tiếng Anh, cuộc thi SV khởi nghiệp ... [H15.15.03.09], [H15.15.03.10].

Trường cũng đã triển khai cho một số đơn vị chuyên môn thực hiện các dự án đào tạo, đào tạo thực hành và ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt chuẩn đầu ra của các môn học/học phần [H15.15.03.11], Trường có Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học và Đào tạo từ xa tổ chức thực hiện các chương trình, khóa học đào tạo, bồi dưỡng ngành nghề [H15.15.03.12], cũng như tăng cường đầu tư trang thiết bị, công nghệ nhằm phục vụ việc đổi mới phương pháp giảng dạy phù hợp với việc tự học của SV và CDR của CTĐT [H15.15.03.13].

Việc thiết kế các môn học nhằm đánh giá SV qua quá trình học tập (điểm quá trình có môn học lên đến 50%), đây là hình thức khuyến khích SV tự học, rèn luyện các kỹ năng mềm trong quá trình học tập như seminar học tập, thuyết trình nhóm, thảo luận và giải quyết các vấn đề, các tình huống [H15.15.03.01]. Thông qua hình thức này, đảm bảo tính trao đổi thông tin hai chiều từ GV đến SV và từ SV đến GV, tạo môi trường thuận lợi để SV tự học. SV còn được tham gia các cuộc thi về học thuật và kỹ năng như Cuộc thi Rung chuông vàng, thanh niên khởi nghiệp [H15.15.03.10] và tham gia các dự án khởi nghiệp [H15.15.03.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 15.4. Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng.

Trường thường xuyên thực hiện việc giám sát hoạt động dạy và học thông qua Phòng Thanh tra – Đảm bảo chất lượng giáo dục, Phòng Đào tạo và Quản

lý sinh viên và các Khoa, Viện chuyên môn (Ban chủ nhiệm khoa, viện và trưởng bộ môn) **[H15.15.04.01]**. Phòng Thanh tra – Đảm bảo chất lượng giáo dục chịu trách nhiệm giám sát về giờ giấc lên lớp của GV, lập kế hoạch tổ chức dự giờ thường xuyên và đột xuất, Phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên xếp, điều chỉnh thời khóa biểu và Khoa, Viện chuyên môn phối hợp giám sát các hoạt động giảng dạy của GV thuộc đơn vị mình **[H15.15.04.02]**. Trường thực hiện việc đánh giá GV hàng năm thông qua việc đánh giá ở cuối năm do Phòng TC-HC triển khai **[H15.15.04.03]** và đánh giá hoạt động giảng dạy trên lớp mỗi môn học do Phòng Thanh tra – Đảm bảo chất lượng giáo dục triển khai thực hiện qua khảo sát người học **[H15.15.04.04]**. Trường còn triển khai các hoạt động dự giờ giúp GV có thể hỗ trợ lẫn nhau trong công tác giảng dạy; GV có kinh nghiệm sẽ chia sẻ với các GV trẻ **[H15.15.04.05]**. Các hành vi lên lớp muộn, kết thúc giờ sớm sẽ bị ghi vào sổ theo dõi của Thanh tra và sẽ được sử dụng để đánh giá GV vào cuối kỳ, cuối năm **[H15.15.04.06]**. Trong một số Trường hợp (lấy theo tỷ lệ, theo thâm niên giảng dạy), Ban chủ nhiệm khoa, Tổ trưởng Bộ môn sẽ tiến hành dự giờ GV để đánh giá, góp ý về hoạt động giảng dạy của GV. Biên bản, phiếu đánh giá dự giờ sẽ được Khoa lưu trữ để làm căn cứ bình xét thi đua trong năm đó. Trong quá trình giảng dạy cũng như khi kết thúc học phần, các GV sẽ đánh giá mức độ tích lũy CDR của SV theo môn học. Kết quả này được dùng để giám sát chất lượng và cải tiến CTĐT **[H15.15.04.07]**. GV lên lớp đều có lịch trình giảng dạy và được Bộ môn, Khoa thông qua cũng như giám sát chặt chẽ trong quá trình diễn ra hoạt động dạy và học **[H15.15.04.08]**.

Một hoạt động song song khác cũng được Trường quan tâm và thường xuyên triển khai thực hiện, đó là hoạt động đánh giá chất lượng SV trong quá trình tham gia học tập **[H15.15.04.09]**. Trường tiến hành lấy ý kiến của cựu SV, SV cuối khóa, các DN để góp phần nâng cao chất lượng dạy và học **[H15.15.04.10]**, **[H15.15.04.11]**, **[H15.15.04.12]**. Bên cạnh đó, Trường triển khai các hình thức hỗ trợ, cải tiến việc dạy và học ở các Khoa **[H15.15.01.13]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 15.5. Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được chuẩn đầu ra, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời.

Triết lý giáo dục theo Quyết định số 1351/QĐ-ĐHQB ngày 10/8/2021 của Hiệu trưởng Nhà trường có nội dung: “*Toàn diện – Khai phóng – Sáng tạo – Thực nghiệp – Hội nhập*” [H15.15.05.01]. Nội dung của triết lý phù hợp với chuẩn đầu ra [H15.15.01.02], tiếp cận với xu hướng mới. Việc thiết kế các môn học trong đó đánh giá SV qua quá trình học tập (điểm quá trình có môn học lên đến 50%), đây là hình thức khuyến khích SV tự học, rèn luyện các kỹ năng mềm trong quá trình học tập như seminar học tập, thuyết trình nhóm, thảo luận và giải quyết các vấn đề, các tình huống [H15.15.05.02]. Nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra, đảm bảo dạy và học có chất lượng, Trường tổ chức họp lấy ý kiến các bên liên quan về triết lý giáo dục [H15.15.05.03]. Song song với đó, Trường tiến hành lấy ý kiến/khảo sát/tổng kết mức độ hài lòng của các bên liên quan (người học, người sử dụng lao động) về triết lý giáo dục [H15.15.05.04] và các hoạt động dạy học khác [H15.15.04.10], [H15.15.04.11]. Kết quả khảo sát ý kiến chính là cơ sở để Nhà trường cải tiến triết lý giáo dục đạt được chuẩn đầu ra, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 15:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Trong những năm qua Nhà trường đã có kế hoạch phát triển nguồn nhân lực bằng các chính sách thu hút, hỗ trợ do đó đội ngũ GV của Nhà trường đáp ứng về số lượng và chất lượng. Đặc biệt, số GV có học hàm, học vị cao và tăng nhanh trong những năm gần đây, đảm bảo đề thi công các CTĐT của Trường.

- Nhà trường đã không ngừng điều chỉnh, xây dựng CTĐT phù hợp với từng đối tượng người học, đổi mới phương pháp dạy học, trong đó đặc biệt chú trọng đến việc thiết kế chương trình, phương pháp dạy học nhằm phát triển năng

lực người học.

- Trường đã tăng cường tham khảo ý kiến các nhà tuyển dụng và cựu sinh viên, cũng như các tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong xây dựng CTĐT; tham khảo các CTĐT khu vực và thế giới, xây dựng các bản đối sánh, phân tích sự tương thích với các CTĐT của khu vực, nhằm tiến tới hội nhập khu vực.

- CTĐT được cải thiện theo hướng tăng tỉ trọng tiết thực hành trong các học phần để đạt được chuẩn đầu ra, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Chất lượng GV chưa đồng đều về kiến thức và kỹ năng; việc đánh giá kỹ năng giảng dạy của GV còn mang định tính.

- Chất lượng dạy và học chưa đồng đều ở các học phần. Việc khảo sát, lấy ý kiến từ các bên liên quan về chất lượng dạy và học đã triển khai nhưng chưa được thường xuyên.

- Một số CTĐT các học phần còn mang tính lý thuyết. Việc khảo sát ý kiến các bên liên quan để cải tiến CTĐT chưa hiệu quả, chưa được thực hiện thường xuyên.

3. Kế hoạch cải tiến

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Phát huy các điểm mạnh	Tăng cường điều chỉnh, xây dựng CTĐT phù hợp với từng đối tượng người học, đổi mới phương pháp dạy học, trong đó đặc biệt chú trọng đến việc thiết kế chương trình, phương pháp dạy học nhằm phát triển năng lực người học.	Khoa, Viện, Bộ môn	Hằng năm	

		Tiếp tục tăng cường tham khảo ý kiến các nhà tuyển dụng và cựu sinh viên, cũng như các tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong xây dựng CTĐT; tham khảo các CTĐT khu vực và thế giới, xây dựng các bản đối sánh, phân tích sự tương thích với các CTĐT của khu vực, nhằm tiến tới hội nhập khu vực	Khoa, Viện, Bộ môn	Hằng năm	
		Tăng cường cải thiện CTĐT theo hướng tăng tỉ trọng tiết thực hành trong các học phần để đạt được chuẩn đầu ra, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời	Khoa, Viện, Bộ môn	Hằng năm	
2	Khắc phục tồn tại 1	Nâng cao chất lượng GV về kiến thức và kỹ năng; đánh giá kỹ năng giảng dạy của GV một cách toàn diện	Trường ĐHQB	Từ năm học 2024- 2025	
3	Khắc phục tồn tại 2	Đồng đều chất lượng dạy và học ở các học phần. Thường xuyên triển khai khảo sát, lấy ý kiến từ các bên liên quan về chất lượng dạy và học	Phòng TT-ĐB CLGD, Khoa, Viện, Bộ môn	Từ năm học 2024- 2025	
4	Khắc phục tồn tại 3	Tăng cường cải thiện CTĐT theo hướng tăng tỉ trọng tiết thực hành trong các học phần để	Khoa, Viện, Bộ môn	Từ năm học 2024-	

		đạt được chuẩn đầu ra, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời		2025	
--	--	---	--	------	--

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 15</i>	<i>4,00</i>
Tiêu chí 15.1	4/7
Tiêu chí 15.2	4/7
Tiêu chí 15.3	4/7
Tiêu chí 15.4	4/7
Tiêu chí 15.5	4/7

Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học

Tiêu chí 16.1. Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập

Đánh giá Kết quả học tập của người học là một trong những hoạt động quan trọng trong hệ thống đào tạo. Hoạt động này cần sự chính xác, công bằng, khách quan và có tác dụng khuyến khích người học hướng đến mục tiêu học tập suốt đời. Vì vậy việc thực hiện các phương pháp, quy trình thi, kiểm tra, đánh giá luôn được Trường quan tâm và chỉ đạo thực hiện đúng các Quy chế, Quy định của Bộ GD&ĐT, của Trường. Việc đánh giá người học được thực hiện từ khâu tuyển sinh đầu vào, qua quá trình học tập cho đến đánh giá đầu ra của khóa học.

Trường luôn tuân thủ và chấp hành nghiêm Quy chế 43, Văn bản hợp nhất số 17. Căn cứ vào đây để Trường xây dựng Quy chế học vụ áp dụng trong Trường và công bố công khai cho các bên liên quan qua website trường Đại học

Quảng Bình <https://qbu.edu.vn/> [H16.16.01.01], [H16.16.01.02] . Từ đó thiết lập được hệ thống lập kế hoạch đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập thông qua Quy định thi, kiểm tra [H16.16.01.03].

Ngoài ra Trường còn xây dựng một số Quy trình thủ tục về nghiệp vụ như: Tổ chức thi cuối học kỳ với các biểu mẫu, hướng dẫn rõ ràng, giúp Trường quản lý chặt chẽ; hạn chế các rủi ro, sai sót; đảm bảo tính công bằng, khách quan trong thi, kiểm tra, đánh giá người học. Trong Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ hàng tháng của Đảng ủy Trường ĐH Quảng Bình luôn có kế hoạch về công tác khảo thí và ĐBCL [H16.16.01.04].

Giảng viên Trường thực hiện nhiều phương pháp khác nhau. Đánh giá người học thông qua học phần là nhiệm vụ của giảng viên từng học phần, họ là người chịu trách nhiệm về kết quả học tập của người học trước Bộ môn, Khoa/Viện và Nhà Trường. Điểm tổng hợp đánh giá học phần được tính từ điểm đánh giá bộ phận (điểm đánh giá quá trình) và điểm thi kết thúc học phần. Trong đề cương chi tiết học phần quy định rõ trọng số điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần [H16.16.01.05], [H16.16.01.06]. Việc lựa chọn các hình thức đánh giá học phần và trọng số của các điểm đánh giá do giảng viên đề xuất, thông qua Bộ môn, trưởng Khoa phê duyệt và được quy định trong đề cương chi tiết học phần và thông báo cho người học qua tài khoản học tập của sinh viên, giảng viên phổ biến cho người học ở buổi học đầu tiên. Giảng viên có thể sử dụng nhiều hình thức đánh giá quá trình như: giao bài tập, tiểu luận nhóm, thi viết, thi vấn đáp, thuyết trình, làm bài trắc nghiệm khách quan... hoặc kết hợp các hình thức nêu trên.

Việc tổ chức thi kết thúc học phần (thi cuối học kỳ) được Trường giao cho Các Khoa, bộ môn chịu trách nhiệm, đảm bảo việc thi cuối học kỳ trong Trường diễn ra rất nghiêm túc, chặt chẽ, tạo tính công bằng, khách quan cho người học [H16.16.01.07]. Đề thi, đáp án, chấm thi, công bố điểm thi... thực hiện theo biểu mẫu và Quy trình thủ tục đã ban hành.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 16.2. Các hoạt động đánh giá người học được thiết kế phù hợp với việc đạt được chuẩn đầu ra.

Các hoạt động đánh giá người học ở Trường được thiết kế phù hợp với việc đạt được CĐR. Trường thực hiện quy trình rõ ràng về việc đánh giá kết quả NH để đạt được CĐR và công bố công khai rộng rãi đến các BLQ. Trong Quy định thi, kiểm tra của Trường, việc xây dựng đề thi, chấm thi cũng thể hiện rõ. Các yêu cầu về kiến thức trong các đề thi kiểm tra đánh giá và trong các bảng ma trận đề thi phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Trường như bám sát đề cương chi tiết môn học, kiến thức cơ bản và nâng cao, các CĐR được nêu trong ĐCCT nhằm đáp ứng được CĐR của từng môn học, đảm bảo việc học tập các môn tiếp theo và tích hợp kiến thức của sinh viên đối với chuyên ngành. Điểm đạt tối thiểu để đáp ứng CĐR của môn học là điểm D [**H16.16.02.01**].

Trường ban hành Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT và CĐR. Tất cả các CTĐT của trường được xây dựng đều phải theo quy trình này [**H16.16.01.05**]. Mỗi CTĐT đều được xây dựng ma trận để thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR của chương trình. Căn cứ trên CĐR của CTĐT, các Khoa/Viện xây dựng CĐR của từng học phần. Và dựa trên CĐR của từng học phần, các đơn vị đào tạo xây dựng các hoạt động đánh giá phù hợp để đạt được CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ của người học.

Trường đề nghị các Khoa/Viện thực hiện nhiều phương pháp thi, kết quả đánh giá phù hợp để đạt được CĐR học phần tương ứng. Với các phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng mà giảng viên áp dụng (bài kiểm tra trên lớp, thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, bài tiểu luận, bài tập nhóm, bài báo cáo thực tập...) giúp SV rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho một kỹ sư/ cử nhân như: kỹ năng giao tiếp hiệu quả, suy nghĩ tích cực; kỹ năng phân tích tình huống xuất hiện trong công việc, kỹ năng tổng hợp, đối chiếu, so sánh phân tích công nghệ, đề xuất phương án và phát triển sáng tạo; kỹ năng làm việc nhóm, giải quyết vấn

đề phát sinh trong các tình huống công việc. Trên thực tế, ngay từ những giờ bài tập của năm đầu, SV được khuyến khích tham gia tích cực vào việc thảo luận theo nhóm. Các phương pháp kiểm tra đánh giá người học ở mỗi học phần đo lường được mức độ đạt CĐR được nêu cụ thể ở đề cương chi tiết học phần, ngân hàng câu hỏi đề thi. Từ đó có kết quả phân tích, nghiên cứu các loại hình, hình thức đánh giá đặc thù đối với mỗi loại học phần (lý thuyết, thực hành...) hoặc là đối với mỗi loại kỳ thi, đánh giá [H16.16.02.02], [H16.16.02.03], [H16.16.02.04].

Để đánh giá sinh viên tốt nghiệp có đạt được CĐR, các Khoa/Viện dựa trên nhóm 3 tiêu chí: (i) tiêu chí về kiến thức chuyên môn và các kỹ năng bổ trợ (năng lực tìm tòi, tiếp cận giải quyết vấn đề, giao tiếp, thuyết trình), (ii) trình độ ngoại ngữ đạt chuẩn, và (iii) trình độ tin học theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT [H16.16.02.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 16.3. Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra.

Hàng năm, Trường sẽ có các kế hoạch thực hiện rà soát, cải tiến chất lượng giáo dục trong đó bao gồm hoạt động rà soát, cải tiến các quy trình, quy định và các loại hình, phương pháp kiểm tra đánh giá người học để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được CĐR, từ đó các đơn vị liên quan, các khoa sẽ có kế hoạch thực hiện cụ thể. Việc thực hiện rà soát quy chế quy định, quy trình, phần mềm được thực hiện bởi phòng Đào tạo và Thanh tra – Đảm bảo chất lượng giáo dục; việc rà soát các loại hình/ phương pháp đánh giá người học được cải tiến chất lượng và các kế hoạch đảm bảo chất lượng hàng năm và thực hiện bởi giảng viên và tổ bộ môn của các khoa quản lý [H16.16.03.01], [H16.16.03.02].

Trước mỗi kỳ thi tất cả các đề thi, đáp án, đều được giảng viên biên soạn, bổ sung, chỉnh sửa sau đó trình trưởng bộ môn rà soát về nội dung, hình thức trước khi nộp về phòng Thanh tra – Đảm bảo chất lượng giáo dục, phòng Thanh tra – Đảm bảo chất lượng giáo dục sẽ nhập và soạn thành các đề thi theo giấy đề nghị của giảng viên. Các quy trình tổ chức thi học kỳ cùng với các biểu mẫu đính kèm cũng được rà soát trước mỗi học kỳ cho phù hợp với các quy chế quy định. **[H16.16.01.07], [H16.16.03.03].**

Công tác chấm thi được thực hiện theo đúng quy định đảm bảo công bằng, khách quan. Điểm thi, điểm quá trình được công bố công khai đúng thời hạn trên website của Trường **[H16.16.03.04], [H16.16.03.05].**

Khi phát hiện có bất cứ sự khác biệt nào giữa bảng ghi điểm đã công bố và điểm được nhập trên hệ thống quản lý học vụ, sinh viên có trách nhiệm thông báo tới giảng viên, khoa để được kiểm tra, giải đáp và điều chỉnh nếu có sai sót.

Mỗi năm hai lần, phòng Thanh tra Đảm bảo chất lượng giáo dục thực hiện tổ chức khảo sát thăm dò mức độ hài lòng của người học về phương pháp, hình thức đánh giá của các môn học/học phần lý thuyết, thực hành. Cùng với đó là thực hiện khảo sát đối với SV năm cuối về toàn khóa học trong đó có các nội dung về kiểm tra, đánh giá, công bố kết quả học tập. Kết quả khảo sát được tổng hợp và báo cáo BGH làm cơ sở để cải tiến về giảng dạy và đánh giá người học **[H16.16.03.06], [H16.16.03.07], [H16.16.03.08].** Từ kết quả khảo sát toàn khóa học, mức độ hài lòng về phương pháp kiểm tra đánh giá trung bình toàn trường mỗi năm đạt trên 80% và có xu hướng tăng trong giai đoạn 2020-2025, trong đó người học năm cuối các ngành được đánh giá cao nhất với tỉ lệ hài lòng trung bình trên 85%.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 16.4. Các loại hình và các phương pháp đánh giá người học được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra.

Từ những kết quả phân tích đánh giá về độ tin cậy và độ chính xác thi, đề thi thông qua phổ điểm sau mỗi đợt thi và ý kiến của người học về phương pháp đánh giá, Trường đã có những cải tiến các nội dung liên quan đến đánh giá người học như cải tiến quy chế, quy định, cải tiến ngân hàng đề thi, phương pháp thi, kiểm tra, đánh giá...

Trước mỗi kỳ thi căn cứ lịch thi kết thúc học phần giảng viên sẽ nộp/ bổ sung ngân hàng đề thi đến tất cả các khoa/viện. Các khoa, tổ bộ môn và giảng viên sẽ lên kế hoạch cập nhật về hình thức kiểm tra, đánh giá hoặc chỉnh sửa, bổ sung những nội dung chưa chính xác, cập nhật thông tin mới cho phù hợp [H16.16.04.01], [H16.16.04.02]. Vì vậy, bộ đề thi được rà soát và cải tiến hàng học kỳ, hàng năm.

Để nâng cao kỹ năng thiết kế, xây dựng các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học, phòng Thanh tra Đảm bảo chất lượng giáo dục cũng tiến hành các buổi tập huấn cho các giảng viên trong Trường. Các phương pháp kiểm tra đánh giá người học sau khi được xây dựng cũng được thông báo công khai cho người học trước khi bắt đầu học mỗi khóa học/ kỳ học/học phần [H16.16.03.01].

Bộ phận Thanh tra của phòng Thanh tra Đảm bảo chất lượng giáo dục chịu trách nhiệm chính trong việc tiếp nhận các khiếu nại tập thể về sự thiếu công bằng minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập, tiến hành thanh tra và báo cáo BGH để có phương án xử lý các sai phạm đảm bảo quyền lợi của người học [H16.16.03.02]. Cụ thể trong giai đoạn đánh giá không có khiếu nại, phản nản của người học về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập ở các khoa/viện.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 16:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Trường có hệ thống các quy định, quy trình, thủ tục, hướng dẫn từ việc lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học đến việc triển khai, giám sát để các bộ phận liên quan thực hiện tốt.
- Công tác đánh giá người học tại Trường được đảm bảo sự chính xác, công bằng, khách quan.
- Xây dựng và thực hiện tốt quy trình về việc đánh giá kết quả người học để đạt được CĐR từ CTĐT, ĐCCT đến ngân hàng câu hỏi đề thi, kết quả KTĐG.
- Thực hiện được nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá và chọn được phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với mỗi loại học phần để đạt được CĐR.
- Trường có hệ thống các quy trình, quy định từ lập kế hoạch đến việc triển khai, giám sát việc tổ chức thi, chấm thi, giám sát thi và chấm phúc khảo nghiêm túc, công khai minh bạch, đảm bảo sự chính xác, công bằng trong kiểm tra đánh giá người học. Kiểm tra đánh giá của người học được quản lý, lưu trữ và thông báo kịp thời, chính xác và an toàn.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Chưa xây dựng ngân hàng đề thi.
- Việc sử dụng kết quả phân tích, nghiên cứu các loại hình, hình thức đánh giá đặc thù đối với mỗi loại học phần (lý thuyết, thực hành...), hoặc là đối với mỗi loại kỳ thi, kỳ đánh giá cần được đẩy mạnh.
- Việc rà soát chất lượng đề thi, phân tích kết quả thi, kiểm tra đánh giá người học của các khoa/viện chưa có tính hệ thống, đồng bộ và chưa có quy trình được quy định cụ thể. Các giảng viên chưa được tập huấn nhiều về công

tác phân tích kết quả thi kiểm tra đánh giá, phân tích ngân hàng đề thi. Kênh phản hồi về các điểm quá trình chưa được xây dựng quy trình cụ thể.

- Giám sát việc đánh giá điểm quá trình của giảng viên chỉ mới dừng lại ở việc kiểm tra số cột điểm theo quy định ở đề cương chi tiết môn học với bảng điểm cá nhân của giảng viên, chưa kiểm tra chất lượng đánh giá, chất lượng này còn phụ thuộc vào từng giảng viên. Việc tập huấn cho giảng viên về các nội dung liên quan đến các loại hình và phương pháp đánh giá người học còn chưa nhiều, chưa đạt hiệu quả cao.

3. Kế hoạch cải tiến

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục hoàn thiện xây dựng và ban hành các Quy chế, Quy định, Quy trình thủ tục ... phù hợp với tình hình cụ thể	BGH Các ban soạn thảo Các đơn vị	Năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh 2	Nghiêm túc thực hiện công tác tổ chức thi, chấm thi, công bố điểm, phúc khảo.	BGH Các ban soạn thảo Các đơn vị	Năm học 2024-2025	
3	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục hoàn thiện xây dựng và ban hành các Quy chế, Quy định để các hoạt động đánh giá người học tại Trường được thiết kế phù hợp với việc đạt được CĐR.	BGH Các ban soạn thảo Các đơn vị	Năm học 2024-2025	
4	Phát huy	Tiếp tục sử dụng phương	BGH	Năm học	

	điểm mạnh 4	pháp KTĐG phù hợp tại Trường để đo lường và đạt được CĐR.	Các ban soạn thảo Các đơn vị	2024-2025	
5	Phát huy điểm mạnh 5	Tiếp tục cập nhật các quy trình thi, kiểm tra và đánh giá người học theo quy định mới	BGH Các ban soạn thảo Các đơn vị	Năm học 2024-2025	
6	Khắc phục tồn tại 1	Mỗi khoa/viện lập kế hoạch xây dựng ngân hàng đề thi, giảng viên thực hiện	BGH Lãnh đạo khoa/viện	Năm học 2024-2025	
7	Khắc phục tồn tại 2	Cần có kế hoạch tập huấn cho các đối tượng liên quan để có thể sử dụng các kết quả phân tích, nghiên cứu các loại hình, hình thức đánh giá từ đó áp dụng phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp để đạt được CĐR	BGH Lãnh đạo khoa/viện	Năm học 2024-2025	
8	Khắc phục tồn tại 3	Tập huấn cho tất cả giảng viên, các khoa/viện về đánh giá ngân hàng đề thi, đánh giá kết quả thi, kiểm tra đánh giá	Phòng TT- ĐBCLGD, các khoa/viện đơn vị liên quan	Năm học 2024-2025	
9	Khắc phục tồn tại 4	Lên kế hoạch tập huấn cho giảng viên về thiết kế các phương pháp, kiểm tra, đánh giá người học.	BGH Lãnh đạo khoa/viện	Năm học 2024-2025	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/ tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 16</i>	<i>4,75</i>
Tiêu chí 16.1	5
Tiêu chí 16.2	5
Tiêu chí 16.3	4
Tiêu chí 16.4	5

Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học

Tiêu chí 17.1. Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học

Nhà Trường tổ chức các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học dựa trên các văn bản quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và các bên liên quan [H17.17.01.01].

Với chủ trương lấy người học làm trung tâm trong tất cả các hoạt động đào tạo và phục vụ đào tạo, Nhà trường đã xác định rõ vị trí, vai trò của người học trong mô hình đào tạo theo học chế tín chỉ để xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học từng bước đáp ứng nhu cầu của người học đồng thời xây dựng, củng cố hệ thống giám một cách hiệu quả nhất. Trường đã xây dựng và ban hành hệ thống các văn bản, quy định, kế hoạch để triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học [H17.17.01.02]. Ngoài ra, Nhà trường đã xây dựng Sổ tay sinh viên để thuận lợi cho sinh viên trong tìm kiếm thông tin phục vụ học tập [H17.17.01.03].

Nhà trường đã có sự phân công, giao nhiệm vụ cụ thể cho các cá nhân, tập thể phụ trách hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học. Cụ thể: Trường đã phân công một Phó Hiệu trưởng trực tiếp chỉ đạo hoạt động công tác sinh viên trong toàn Trường [H17.17.01.04].

Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng Công tác sinh viên chủ trì các hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng, quản lý nội - ngoại trú, hỗ trợ đời sống cho sinh viên, thực hiện các chế độ chính sách, miễn giảm học phí, xét cấp học bổng, đề xuất khen thưởng cho sinh viên Trường. Nhiệm vụ hỗ trợ của từng chuyên viên trong Phòng được phân công cụ thể theo đầu công việc và công bố trên website để sinh viên dễ dàng tìm hiểu và yêu cầu hỗ trợ **[H17.17.01.05]**. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng giao nhiệm vụ cho các Phòng chức năng và các tổ chức Đoàn Thanh niên - Hội sinh viên xây dựng kế hoạch hỗ trợ sinh viên theo nhiệm vụ, lĩnh vực do đơn vị phụ trách **[H17.17.01.06]**.

Đối với cấp Khoa: Ban Chủ nhiệm khoa phân công một Phó Trưởng khoa phụ trách hoạt động sinh viên. Chỉ đạo Liên Chi đoàn và các Chi đoàn trong việc tạo ra môi trường, sân chơi cho sinh viên học tập và rèn luyện. Phân công giảng viên chủ nhiệm và cố vấn học tập theo dõi, hỗ trợ và tư vấn sinh viên trong suốt quá trình học tập **[H17.17.01.07]**. Ở cấp lớp, Ban cán sự lớp là lực lượng nòng cốt đảm nhiệm vai trò cầu nối giữa Nhà trường và SV, hỗ trợ Nhà trường tổ chức các hoạt động học tập, rèn luyện và các hoạt động sinh hoạt khác theo kế hoạch; thường xuyên liên lạc với GVCN/cố vấn học tập nhằm đảm bảo các vấn đề phát sinh trong quá trình học tập và rèn luyện tại trường được giải quyết kịp thời **[H17.17.01.08]**.

Tổ chức Đoàn Thanh niên - Hội sinh viên đóng vai trò nòng cốt trong việc giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên, tạo môi trường cho sinh viên sinh hoạt thông qua các Câu lạc bộ, đội nhóm (CLB) và các hoạt động phong trào. Số lượng các CLB được thành lập mới ngày càng nhiều, đáp ứng nhu cầu hoạt động của sinh viên **[H17.17.01.09]**.

Nhà trường chủ trương ứng dụng CNTT trong quản lý và điều hành hoạt động chung của Trường, bao gồm các hoạt động quản lý sinh viên. Trường đầu tư mua mới hệ thống quản lý Nhà trường thay thế cho các modules quản lý mà Trường đã tự viết trước đây nhằm liên thông dữ liệu và quản lý có hệ thống. Các phân hệ quản lý bao gồm phân hệ đào tạo, thư viện, tài chính, hệ thống đánh giá

người học, quản lý sinh viên, trang học tập và thông tin các nhân của người học nhằm tối ưu hóa hiệu quả tiếp cận thông tin, giúp sinh viên quản lý lịch học, lịch thi và xây dựng kế hoạch học tập hiệu quả [H17.17.01.10]. Để đảm bảo tính minh bạch và công bằng trong học tập và các hoạt động khác, Nhà trường thực hiện việc giám sát người học qua hệ thống các phần mềm trong đó mỗi phòng chức năng đều thông qua trang web riêng, vừa có chức năng chuyển tải thông tin vừa giám sát người học [H17.17.01.11]. Phần mềm quản lý đào tạo giúp Nhà trường quản lý được toàn bộ cơ sở dữ liệu về quá trình học tập, rèn luyện của SV [H17.17.01.10].

Nhà trường đã xây dựng và triển khai hệ thống các hoạt động phục vụ và hỗ trợ SV từ tư vấn đào tạo, hoạt động ngoại khóa, các dịch vụ hỗ trợ khác như chăm sóc y tế, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao [H17.17.01.12]. Ngoài ra, Nhà trường còn xây dựng một hệ thống giám sát người học chặt chẽ nhằm đánh giá ý thức trách nhiệm của SV trong quá trình học tập thông qua Quy chế đánh giá rèn luyện SV qua các năm học [H17.17.01.13].

Nhằm đáp ứng nhu cầu chỗ ở cho các SV ngoại tỉnh, Nhà trường ban hành Quy trình quản lý sinh viên nội trú nhằm quy trình hóa hoạt động quản lý khu nội trú, đồng thời có kế hoạch nâng cấp, sửa chữa định kỳ để đảm bảo chất lượng sinh hoạt của SV trong KTX [H17.17.01.14].

Nhà trường nghiêm túc thực hiện các quy định về học bổng khuyến khích học tập của Nhà nước, các chế độ chính sách dành cho SV có hoàn cảnh khó khăn, SV thuộc diện chính sách [H17.17.01.15].

Hàng năm, Nhà trường đều tiếp nhận Lưu học sinh đến học tập tại Trường, chủ yếu là Lưu học sinh Lào, Trung Quốc, Hàn quốc... Việc tiếp nhận này được thực hiện theo thỏa thuận đào tạo giữa Việt nam và các nước bạn. Trong suốt quá trình học tập và sinh hoạt của Lưu học sinh tại Việt Nam, Nhà trường hỗ trợ theo quy định Lưu học sinh về học tập, tài chính, chỗ ở và các hoạt động ngoại khóa khác [H17.17.01.16].

Ngoài ra, Nhà trường giao trách nhiệm cho bộ phận Thanh tra, pháp chế kiểm tra tiến độ dạy và học của giảng viên và người học, kiểm tra tiến độ chấm thi, công tác coi thi kết thúc học phần... nhằm đảm bảo quyền lợi cho người học và nâng cao tính chuyên nghiệp trong quản lý Nhà trường [H17.17.01.17].

Để công tác quản lý và hỗ trợ người học có hiệu quả, Nhà trường đã xây dựng và áp dụng bộ tiêu chí đánh giá viên chức và người lao động để đánh giá thi đua, khen thưởng, đồng thời tạo điều kiện cho CB-GV-NV hoàn thành nhiệm vụ và phát huy khả năng của mình. Bên cạnh đó, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến của người học về sự hài lòng trong công tác phục vụ của các bộ phận trực thuộc Nhà trường; trên 87% SV hài lòng với chất lượng phục vụ của các đơn vị chức năng [H17.17.01.18].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 17.2. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan

Hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được Nhà trường quan tâm, triển khai một cách có hệ thống theo quy trình.

Từ khi nhập học, Nhà trường đã giao cho Phòng Công tác sinh viên và phòng Đào tạo phối hợp đón tiếp, hỗ trợ sinh viên nhập học. Đoàn Thanh niên phối hợp cùng Kí túc xá bố trí cho sinh viên chỗ ở nội trú (khoảng 1500 chỗ ở) hoặc hỗ trợ, hướng dẫn cho sinh viên tìm phòng trọ [H17.17.02.01]. Cung cấp cho sinh viên tài khoản cá nhân và hướng dẫn sử dụng trang hỗ trợ học tập để sinh viên thuận tiện theo dõi lịch học [H17.17.02.02]. Nhà trường xây dựng lịch sinh hoạt chính trị đầu khóa nhằm giới thiệu cho sinh viên về Nhà trường, các địa chỉ sinh viên có thể liên hệ khi cần hỗ trợ; các quy định, quy chế của Trường và các đơn vị quản lý cấp trên; hướng dẫn sử dụng các phần mềm quản lý phục vụ học tập; phổ biến mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các chế độ chính sách liên quan đến người học [H17.17.02.03].

Nhà trường xây dựng website và các trang mạng xã hội nhằm tối ưu hóa hiệu quả cung cấp thông tin cho sinh viên. Cung cấp cho sinh viên 01 tài khoản hệ thống học tập và email cá nhân trong đó có đầy đủ bảng điểm, lịch học, lịch thi, cảnh báo học vụ, số tín chỉ tích lũy...; Xây dựng và ban hành Sổ tay hướng dẫn sinh viên như một cuốn cẩm nang gồm đầy đủ thông tin thiết yếu; Trường cũng đã phối hợp với nhà mạng Mobifone triển khai hệ thống tổng đài nhắn tin tự động cho sinh viên khi có thông báo gấp hoặc cảnh báo thiên tai, dịch bệnh[H17.17.02.04].

Đầu năm học, Nhà trường xây dựng kế hoạch chung cho toàn Trường và kế hoạch của từng đơn vị, trong đó có kế hoạch phục vụ, hỗ trợ người học được Hiệu trưởng phê duyệt và cấp kinh phí. Đồng thời, cử GVCN và CVHT phụ trách, hỗ trợ sinh viên, là đầu mối cung cấp thông tin, tư vấn đăng ký tín chỉ, xây dựng lộ trình học tập cho sinh viên trong từng học kỳ nhằm phù hợp với năng lực của sinh viên [H17.17.02.05]. Nhà trường luôn chú trọng hỗ trợ tối đa cho các Lưu học sinh để SV có thể thích nghi nhanh chóng với môi trường học tập, sinh hoạt tại Việt nam, đạt kết quả tốt trong học tập. Các Khoa đều dành sự quan tâm đặc biệt cho Lưu học sinh trong quá trình giảng dạy, phân công các SV Việt nam hỗ trợ dạy thêm tiếng Việt và giúp đỡ các LHS trong quá trình học tập và sinh hoạt [H17.17.02.06].

Hoạt động nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp của sinh viên cũng được quan tâm đầu tư. Phòng KH&HTQT chủ trì trong việc cung cấp thông tin, xây dựng kế hoạch và triển khai, đôn đốc để các khoa cử GV hướng dẫn, vận động và hỗ trợ sinh viên nghiên cứu, khởi nghiệp. Từ năm 2017-2021, số lượng đề tài NCKH của SV duy trì ở mức ổn định trên 100 đề tài/ năm. Sinh viên Nhà trường đã dành được nhiều giải cao trong các cuộc thi sinh viên NCKH và khởi nghiệp, khẳng định được uy tín của Nhà trường và năng lực của sinh viên trong hoạt động nghiên cứu, khởi nghiệp [H17.17.02.07].

Trung tâm học liệu và E-learning cũng chính là một nguồn hỗ trợ đắc lực trong công tác tra cứu tài liệu, tham khảo môn học, kiến thức chuyên ngành cho

sinh viên. Trung tâm học liệu và E-learning được cải tạo, nâng cấp khang trang hiện đại với nhiều khu chức năng phục vụ nhu cầu học tập và nghiên cứu của SV. Sinh viên được cung cấp nguồn học liệu đầy đủ thông qua hệ thống thư viện được đầu tư, nâng cấp hiện đại, các đầu sách, giáo trình mới được cập nhật, bổ sung hằng năm. Hệ thống tài liệu điện tử cũng được cập nhật liên tục để hỗ trợ sinh viên **[H17.17.02.08]**. Đồng thời, hằng năm Đoàn trường chỉ đạo các Liên Chi đoàn tổ chức các Diễn đàn trao đổi phương pháp học tập, chia sẻ tài liệu; Ngày hội sách; Gian hàng trao đổi sách, giáo trình... nhằm hỗ trợ tối đa cho sinh viên học tập, nghiên cứu **[H17.17.02.09]**.

Nhà trường đã dành sự quan tâm, đầu tư cho hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh viên. Bố trí 01 cán bộ y tế để chăm sóc sức khỏe cho sinh viên và đầu tư phòng y tế để theo dõi, xử lý ban đầu các trường hợp sinh viên có vấn đề về sức khỏe **[H17.17.02.10]**. Triển khai mua bảo hiểm và cấp phát thẻ BHYT cho sinh viên; Phối hợp khám sức khỏe cho sinh viên theo quy định. Tư vấn và triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn cho viên chức và người học trong các đợt dịch bệnh. Bên cạnh đó, SV còn được tư vấn tâm lý miễn phí khi có nhu cầu **[H17.17.02.11]**. Hỗ trợ Đoàn thanh niên tổ chức Ngày hội sinh viên khỏe và các giải thể dục thể thao nhằm nâng cao sức khỏe và tăng cường thói quen tập thể dục cho sinh viên Nhà trường **[H17.17.02.12]**.

Đời sống SV cũng được Nhà trường quan tâm, đầu tư đúng mực để các em yên tâm học tập. Nhà trường có Ký túc xá ngay cạnh khuôn viên Trường. Ban quản lý KTX luôn rà soát và thông báo các đối tượng SV được xem xét vào ở KTX, tất cả các SV trong KTX đều phải nắm vững nội quy, quy định KTX. Bên cạnh đó, Lưu học sinh luôn được bảo đảm để có phòng ở trong KTX của trường. Hiện nay, Nhà trường đã dành toàn bộ một khu nhà ở KTX cho Lưu học sinh. Lưu học sinh cũng được cung cấp một số vật dụng cơ bản khi nhận phòng tại KTX. Căng tin trường phục vụ đa dạng nhu cầu của SV với mức giá phù hợp, khả năng phục vụ tối đa 200 sinh viên. Nhà trường cũng đầu tư xây mới các khu tự học, phòng học nhóm... đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của SV

[H17.17.02.13]. Bên cạnh đó, Lưu học sinh luôn được bảo đảm để có phòng ở trong KTX của trường. Hiện nay, Nhà trường đã dành toàn bộ một khu nhà ở KTX cho Lưu học sinh. Lưu học sinh cũng được cung cấp một số vật dụng cơ bản khi nhận phòng tại KTX. Cổng tin trường phục vụ đa dạng nhu cầu của SV với mức giá phù hợp, khả năng phục vụ tối đa 200 sinh viên [H17.17.02.14].

Trường đã có nhiều chính sách để khen thưởng cho sinh viên có thành tích cao trong các lĩnh vực học tập, NCKH và các hoạt động cộng đồng [H17.17.02.15]. Đặc biệt, để khuyến khích sinh viên giỏi và hỗ trợ các bạn sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, hằng năm Nhà trường đã chi hơn 2 tỷ đồng học bổng ngoài ngân sách cho và 8% học bổng khuyến khích học tập từ nguồn kinh phí của Nhà trường [H17.17.02.16]. Để động viên, khích lệ SV đạt thành tích cao trong học tập, hoạt động, phong trào đồng thời hỗ trợ SV gặp hoàn cảnh khó khăn về tài chính, năm học 2021-2022, Nhà trường xây dựng Quỹ học bổng “Truyền cảm hứng UED” [H17.17.02.17]. Ngoài ra, tất cả các sinh viên thuộc diện chế độ chính sách đều được Trường đảm bảo các chế độ theo quy định của Nhà nước [H17.17.02.18].

Hoạt động phong trào của Đoàn Thanh niên - Hội sinh viên cũng là điểm nhấn trong sự phát triển của Nhà trường. Phong trào đoàn hội đã thu hút hầu hết sinh viên tham gia với các chương trình tình nguyện, các cuộc thi học thuật, thể dục thể thao, chương trình hành hương về nguồn... [H17.17.02.19]. Đặc biệt, sự phát triển mạnh mẽ của các CLB sinh viên đã tạo môi trường phù hợp cho sinh viên tham gia học tập, trải nghiệm [H17.17.02.20]. Đoàn Thanh niên cũng đã cùng với các đơn vị chức năng như Trung tâm HTSV&QHĐN tổ chức nhiều chương trình dạy học ngoại ngữ miễn phí, phát triển CLB tiếng Anh nhằm tạo môi trường cho sinh viên học tập, đảm bảo đầu ra ngoại ngữ cho sinh viên [H17.17.02.21], phối hợp với Hội Cựu chiến binh tổ chức các buổi sinh hoạt chính trị với các chủ đề về biển đảo, giáo dục pháp luật cho sinh viên Nhà trường [H17.17.02.22], tổ chức các chương trình tập huấn kỹ năng cho sinh viên [H17.17.02.23].

Cơ sở vật chất của Nhà trường được nâng cấp thường xuyên nhằm hướng đến sự chuyên nghiệp trong phục vụ sinh viên từ giảng đường, phòng máy tính, phòng thực hành thí nghiệm, phòng nước, căn tin, nhà xe... đều được nâng cấp thường xuyên và có quy trình vận hành phù hợp [H17.17.02.24].

Hàng năm, Nhà trường phối hợp cùng với các doanh nghiệp lồng ghép tổ chức chương trình tư vấn, hướng nghiệp và giới thiệu việc làm cho sinh viên thông qua sinh hoạt chính trị cuối khóa; trang bị cho sinh viên các kỹ năng cần thiết khi đi xin việc [H17.17.02.23]. Công tác này được coi là một phần quan trọng trong định hướng đào tạo cho SV. Nhà trường tổ chức nhiều buổi tọa đàm với các diễn giả đang làm việc trong lĩnh vực liên quan để định hướng nghề nghiệp cho SV trong tương lai.

Ngoài ra, Nhà trường cũng chủ động trao đổi người học với các trường đại học quốc tế để SV làm quen với môi trường công việc, tích lũy kiến thức và kỹ năng trước khi ra trường [H17.17.02.06].

Hoạt động đánh giá sinh viên được tiến hành công khai, đúng quy trình và hoàn toàn minh bạch. Nhà trường căn cứ theo Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện người học của Đại học Đà Nẵng để triển khai, đánh giá hạnh kiểm của sinh viên [H17.17.02.25]. Quy chế kèm các biểu mẫu và quy trình được đăng tải trên website ctsv.ued.udn.vn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên nghiên cứu và thực hiện [H17.17.02.26].

Nhà trường xây dựng hệ thống giám sát người học lấy CNTT làm trọng tâm với phần mềm qlht.ued.udn.vn cập nhật đầy đủ các thông tin lí lịch sinh viên, thời khóa biểu, lịch thi, số tín chỉ tích lũy, cảnh báo học vụ, nợ học phí... Đối với hình thức học trực tuyến, Nhà trường sử dụng phần mềm MS Team và lưu trữ lại toàn bộ dữ liệu dạy học nhằm phục vụ công tác kiểm tra đánh giá quá trình dạy và học của GV cũng như SV [H17.17.02.27].

Hàng năm, Nhà trường và các Khoa tổ chức gặp gỡ SV tiêu biểu, trao giấy khen của Hiệu trưởng đề động viên, khen ngợi các SV đã có thành tích cao trong học tập [H17.17.02.15]. Đồng thời, Nhà trường cũng tổ chức diễn đàn đối

thoại giữa SV với lãnh đạo Trường, đây là cơ hội để SV bày tỏ tâm tư nguyện vọng, đề bạt ý kiến đến lãnh đạo Nhà trường [H17.17.02.28].

Để đánh giá các hoạt động phục vụ hỗ trợ sinh viên, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến sinh viên thông qua khảo sát khóa học; thông qua các phiếu khảo sát về mức độ hài lòng với các chất lượng phục vụ các phòng ban, thông qua đó có sự điều chỉnh cho phù hợp [H17.17.02.29].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 17.3. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được rà soát

Hoạt động rà soát, đánh giá lại kết quả đã triển khai trong công tác phục vụ và hỗ trợ người học là việc làm không thể thiếu trong quá trình vận hành và phát triển của Nhà trường. Hoạt động rà soát các văn bản pháp quy, chế độ chính sách, quy trình thực hiện và các biểu mẫu liên quan luôn được rà soát và cập nhật. Nội dung, thông tin và các văn bản luôn được cập nhật mới trên website của Phòng CTSV [H17.17.03.01].

Để giám sát các hoạt động phục vụ và hỗ trợ SV có hiệu quả, hàng tháng các hoạt động này đều được báo cáo đến lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý và báo cáo đến phòng TCHC. Thông qua các cuộc họp giao ban của BGH, họp giao ban công tác quý của các lãnh đạo, các cuộc họp phòng, các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học, hệ thống giám sát người học cũng được rà soát chặt chẽ [H17.17.03.02].

Nhà trường thường xuyên rà soát, điều chỉnh phần mềm quản lý hệ thống nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng. Kiểm kê, đánh giá hiệu quả và tình trạng sử dụng CSVC nhằm đảm bảo hiệu quả phục vụ cho người học [H17.17.03.03].

Hàng năm, Nhà trường thu thập ý kiến của sinh viên thông qua các buổi đối thoại với sinh viên hoặc kênh kiến nghị từ khoa để có sự điều chỉnh phù hợp trong cơ chế vận hành [H17.17.02.28]. Cuối mỗi tháng và mỗi năm, các cá nhân và tập thể phải đánh giá lại kết quả thực hiện kế hoạch để báo cáo với lãnh đạo đơn vị, phục vụ công tác đánh giá xếp loại viên chức và tập thể [H17.17.03.04].

Nhà trường triển khai hoạt động rà soát, lấy ý kiến sinh viên thường xuyên để tham khảo, đánh giá năng lực và thái độ phục vụ người học của đội ngũ chuyên viên và cán bộ hỗ trợ **[H17.17.02.29]**. Các cá nhân, tập thể bị sinh viên phản ánh phải có văn bản giải trình với Hiệu trưởng và sinh viên trong buổi đối thoại **[H17.17.02.28]**.

Hoạt động sinh hoạt chính trị đầu năm, đầu khóa cũng được rà soát thường xuyên, cập nhật các chủ đề phù hợp với tình hình thực tế của sinh viên trường cũng như bối cảnh xã hội, nâng cao hiệu quả của hoạt động sinh hoạt chính trị **[H17.17.01.13]**. Các chương trình rèn luyện kỹ năng sinh viên, ngày hội sinh viên khỏe, tình nguyện hè. cũng được rà soát, thay đổi thường xuyên **[H17.17.01.06]**.

Phòng CTSV cùng với Hội SV cũng rà soát hoạt động của các CLB, Đội, Nhóm của SV để nắm bắt tình hình hoạt động ngoại khóa của SV, cũng như xu hướng, nhu cầu thực tế của SV với các hoạt động ngoại khóa **[H17.17.02.20]**. Theo định kỳ hoặc theo sự kiện, Phòng CTSV, Đoàn TN, Hội SV sẽ tiến hành tổng kết và báo cáo kết quả hoạt động, nêu những khó khăn, vấn đề cần khắc phục **[H17.17.03.05]**.

Bên cạnh việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, Nhà trường đã rà soát và có chủ trương bổ sung các ngoại ngữ: Trung Quốc, Nhật Bản, ..trong chuẩn đầu ra nhằm giúp sinh viên có thể chọn ngoại ngữ phù hợp để học tập **[H17.17.03.06]**.

Công tác GVCN và CVHT luôn được Nhà trường quan tâm, tổ chức hội nghị giao ban thường niên để trao đổi về các vướng mắc từ đó định hướng triển khai hoặc điều chỉnh các quy định cho phù hợp với tình hình thực tế nhằm nâng cao hiệu quả công tác CVHT và GVCN **[H17.17.03.07]**. Các Hội đồng xét học vụ và tốt nghiệp cho người học cũng đóng vai trò quan trọng trong việc rà soát, đánh giá tình hình học tập của sinh viên. Những SV thuộc diện cảnh báo học tập được thông báo và cũng với các khoa, cố vấn học tập hỗ trợ SV **[H17.17.03.08]**.

Vào cuối mỗi năm học, Nhà trường đều thực hiện báo cáo định kỳ với Bộ GD&ĐT về số lượng Lưu học sinh thực tế đang theo học, các khó khăn, vấn đề phát sinh đặc biệt trong năm. Ngoài ra, Lãnh đạo Phòng CTSV thường xuyên tiếp xúc trực tiếp với các Lưu học sinh để nắm thông tin và xử lý kịp thời nếu các sự việc xảy ra **[H17.17.03.09]**.

Trường rà soát các quy định hỗ trợ sinh viên, khen thưởng sinh viên và phục vụ cộng đồng nhằm xây dựng quy định khen thưởng phù hợp, thúc đẩy được đam mê và năng lực của sinh viên **[H17.17.02.16], [H17.17.02.17]**.

Trong quá trình rà soát hàng năm, căn cứ theo nhu cầu hoạt động và phát triển, Nhà trường cũng đã nhiều lần cử cán bộ, chuyên viên đi đào tạo nước ngoài, hoặc tham gia các chuyến tập huấn tại nước ngoài để nâng cao kiến thức chuyên môn từ đó có nhiều cải tiến trong lĩnh vực chuyên môn của mình **[H17.17.03.10]**.

Hàng năm, các đơn vị phục vụ sinh viên nói riêng cũng như các Phòng/Trung tâm/Tổ/Khoa nói chung đều tự rà soát, đối chiếu với kế hoạch đã đề ra, báo cáo tình hình hoạt động của đơn vị và đưa ra những đề nghị cải tiến. Khoa cũng tiến hành họp định kỳ hàng năm đánh giá tình hình sinh viên, rút kinh nghiệm trong công tác tư vấn tuyển sinh **[H17.17.01.12]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 17.4. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Hoạt động cải tiến dựa trên cơ sở rà soát các điểm tồn tại, hạn chế trong công tác phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học được Nhà trường chú trọng và xem như trách nhiệm của tất cả các cá nhân và tập thể của Nhà trường. Từ đó đề xuất các hướng giải quyết, cải tiến đáp ứng được sự hài lòng của các bên liên quan.

Trong những năm qua, Nhà trường đã tiến hành cải tiến các văn bản về quy định đánh giá CVHT, GVCN; quy định khen thưởng sinh viên trong NCKH và khởi

nghiệp; chính sách học bổng của sinh viên nhằm hướng đến hỗ trợ, tạo động lực cho sinh viên phấn đấu [H17.17.02.07], [H17.17.02.16], [H17.17.02.19]. Sự cải tiến, đổi mới đã mang lại hiệu quả tích cực trong công tác CVHT, số lượng sinh viên quan tâm tham gia NCKH, khởi nghiệp có xu hướng tăng. Thái độ học tập của sinh viên ngày càng tốt nhằm đáp ứng quy định của học bổng theo hướng cạnh tranh cao. Năm 2021, Trường thành lập Quỹ Truyền cảm hứng UED với mức góp quỹ ban đầu dự tính khoảng 2,4 tỷ đồng nhằm lan tỏa các giá trị tốt đẹp của tri thức đến các bạn học sinh viên, tiếp sức cho các bạn học sinh có ước mơ hoài bão có cơ hội được học tập tại Trường Đại học Sư phạm - ĐHQGHN. Nhà trường có các chỉ số cải thiện về chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ ngoài. Các chính sách và đề án tuyển sinh hàng năm của Nhà trường luôn được cải tiến cho phù hợp để có thể tuyển đúng và đủ chỉ tiêu đề ra [H17.17.04.01].

Nhằm tận dụng nhiều hơn ứng dụng CNTT, Nhà trường cung cấp miễn phí tài khoản QLHT, tài khoản email office 365, tài khoản truy cập Internet trong khuôn viên Nhà trường, tài khoản các trang học trực tuyến của Trường cho toàn bộ SV [H17.17.04.02].SV có thể tiếp cận GV dễ dàng hơn thông qua hoạt động học trực tuyến, email và thậm chí là mạng xã hội.

Trường đã rà soát, điều chỉnh bộ ISO cho phù hợp với tình hình thực tế nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp. Từng bộ phận trong Trường cũng thường xuyên thay đổi, cập nhật các biểu mẫu phù hợp với yêu cầu mới và thuận tiện trong điều hành tác nghiệp [H17.17.04.03].Hệ thống tiêu chí đánh giá CBVC cũng được cập nhật hằng năm nhằm tăng cường tính chính xác trong đánh giá CBVC thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ người học. Nhà trường tiến hành lập danh sách sinh viên chậm tốt nghiệp và chậm tiến độ học tập giao nhiệm vụ cho các khoa và GVCN, CVHT tư vấn lộ trình phù hợp với từng sinh viên đồng thời xây dựng bộ tiêu chí đánh giá giảng viên chủ nhiệm và cố vấn học tập[H17.17.03.07].

Trong hoạt động đào tạo, Nhà trường thường xuyên rà soát, điều chỉnh chương trình, thay đổi mô hình thực tập để tạo điều kiện SV được sớm tiếp cận

với môi trường nghề nghiệp tương lai [H17.17.04.04]. Mở rộng hợp tác quốc tế, ban hành chính sách trao đổi sinh viên quốc tế, đưa sinh viên đi nước ngoài để học ngoại ngữ [H17.17.04.05], khuyến khích các khoa phối hợp với doanh nghiệp trong đào tạo, hỗ trợ sinh viên thực tập nghề nghiệp [H17.17.03.06].

Nhà trường thường xuyên cải tiến, điều chỉnh phần mềm quản trị hệ thống nhằm tối ưu hóa hiệu quả quản lý và sử dụng. Cải tiến các hoạt động hỗ trợ sinh viên, ban hành quy định khuyến khích thực hiện sáng kiến kinh nghiệm nhằm nâng cao hiệu quả làm việc và phục vụ người học. Kết quả cho thấy có sự thay đổi đáng kể về số lượng và chất lượng sáng kiến kinh nghiệm của Nhà trường [H17.17.02.29].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 17:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường có hệ thống giám sát, hỗ trợ người học chặt chẽ, tích hợp công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và tối ưu hóa tiện ích cho người học.

- Nhà trường có kế hoạch hỗ trợ và phân công và công khai nhiệm vụ từng cá nhân, bộ phận trong hỗ trợ, giám sát sinh viên và có hệ thống theo dõi, đánh giá kết quả hỗ trợ, giám sát, phục vụ sinh viên.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Nhà trường chưa xây dựng được bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả của từng hoạt động hỗ trợ sinh viên.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng được bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả của từng hoạt động hỗ trợ sinh viên.	P. CTSV	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh 1	Xây dựng các modules về quản lý hoạt động các hoạt động hỗ trợ sinh viên	Phối hợp tổ CNTT, P. CTSV, Đoàn TN, P. CTSV	Hàng năm	
3	Phát huy điểm mạnh 1	Tổ chức 01 khóa tập huấn/ năm để nâng cao năng lực cho cán bộ phục vụ SV	Phòng TCHC	Hàng năm	

4. Mức đánh giá

	Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá	Ti
êu	Tiêu chuẩn 17	4,0	
	Tiêu chí 17.1	4	
	Tiêu chí 17.2	4	
	Tiêu chí 17.3	4	
	Tiêu chí 17.4	4	

chuẩn 18. Quản lý nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 18.1. Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu

Trường Đại học Quảng Bình luôn coi trọng sự phát triển của hoạt động KH&CN. Điều này thể hiện rõ trong việc công bố sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi và Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường [H18.18.03.01], [H18.18.03.02]. Đồng thời, thể hiện định hướng là trung tâm nghiên cứu của tỉnh Quảng Bình trong Chiến lược Phát triển Trường Đại học Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 [H18.18.03.03].

Để hoạt động này được triển khai và thực hiện đạt hiệu quả, Nhà trường đã hình thành hệ thống chỉ đạo, điều hành, đồng thời thực hiện giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu một cách chặt chẽ, khoa học thông qua Ban BGH, Phòng KHCN-ĐN&HL và các đơn vị **[H18.18.01.04], [H18.18.01.05]**.

Hiệu trưởng phân công nhiệm vụ cho Phó hiệu trưởng trực tiếp chỉ đạo hoạt động KH&CN của Nhà trường tại Quyết định phân công công tác của Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng, đồng thời, giao nhiệm vụ phụ trách hoạt động KH&CN trong toàn Trường về chuyên môn cho phòng Phòng KHCN-ĐN&HL và về tài chính cho phòng Kế hoạch, Tài chính và Quản lý đầu tư. Ngoài ra, ở mỗi Khoa phân công 01 giảng viên phụ trách công tác nghiên cứu khoa học tại đơn vị gọi là trợ lý khoa học Khoa **[H18.18.01.04], [H18.18.01.05]**.

Phòng KHCN-ĐN&HL của Trường có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong công tác NCKH của GV, CBNV và SV; thực hiện các nghiệp vụ về KHCN trong Trường **[H18.18.01.05]**.

Trường đã thành lập Hội đồng khoa học và đào tạo gồm các giảng viên có uy tín trong trường và các nhà khoa học ngoài trường họp định kỳ hằng năm nhằm đưa ra các định hướng và chính sách cho hoạt động đào tạo và khoa học công nghệ thông qua Kết luận Hội nghị **[H18.18.01.06], [H18.18.01.07]**.

Hội đồng trường cũng định kỳ tiến hành giám sát hoạt động KH&CN của Nhà trường thông qua Nghị quyết các kì họp **[H18.18.01.08]**.

Nhà Trường đã thành lập Tạp chí Khoa học và công nghệ Đại học Quảng Bình và bổ nhiệm Tổng biên tập và phó tổng biên tập theo đúng quy trình và quy định của luật Báo chí **[H18.18.01.09], [H18.18.01.10]**. Tạp chí hoạt động theo nội dung Giấy phép được Bộ Thông tin truyền thông cấp, các quy định của

Nhà nước về Báo chí và quy chế tổ chức và hoạt động của Tạp chí KH&CN được Hiệu trưởng ký ban hành **[H18.18.01.11]**, **[H18.18.01.12]**.

Hoạt động KH&CN của Nhà trường luôn tuân thủ theo các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các Bộ, ngành liên quan và Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Bình **[H18.18.01.13]**.

Để cụ thể hóa công tác quản lý, quy định các chính sách, cơ chế giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, Nhà trường đã ban hành một số văn bản quy định, hướng dẫn công tác quản lý, quy trình xây dựng và đề xuất các hoạt động nghiên cứu, quy định về khối lượng NCKH đối với viên chức và người học và định mức giờ chuẩn cho các hoạt động KH&CN của Nhà trường như: Quy chế quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ của Trường Đại học Quảng Bình **[H18.18.01.14]**; Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học đối với sinh viên Trường Đại học Quảng Bình **[H18.18.01.15]**; Quy định tham dự hội nghị, hội thảo khoa học tổ chức ngoài trường **[H18.18.01.16]**; Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường Đại học Quảng Bình **[H18.18.01.17]**; Quy định khen thưởng trong hoạt động KH&CN đối với CBGV trường ĐH Quảng Bình **[H18.18.01.18]**; Quyết định ban hành Quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ tại Trường ĐHQB **[H18.18.01.19]**.

Bên cạnh các văn bản quy định, hướng dẫn GV và SV thực hiện NCKH, Nhà trường ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ trong đó quy định rõ về tài chính cho hoạt động NCKH trong quá trình thực hiện **[H18.18.01.20]**. Đồng thời, ban hành quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong hoạt động khoa học công nghệ tại Trường Đại học Quảng Bình để giảng viên, sinh viên hiểu rõ những nghĩa vụ và trách nhiệm trong quá trình nghiên cứu **[H18.18.01.21]**.

Để triển khai các hoạt động KH&CN, hàng năm, Nhà trường triển khai quy trình chỉ đạo, điều hành cụ thể như sau:

Phòng KHCN-ĐN&HL gửi công văn về việc xây dựng kế hoạch hoạt động KH&CN đến các đơn vị nhằm định hướng các đơn vị đưa ra kế hoạch về các hoạt động KH&CN trong năm học mới nhằm triển khai có mục tiêu, phát triển đúng định hướng và cũng đảm bảo tính linh hoạt [H18.18.01.22]. Sau khi Phòng KHCN-ĐN&HL tập hợp các đề xuất, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập các Hội đồng xác định danh mục đề tài các cấp [H18.18.01.23]. Tiếp đó, Phòng gửi thông báo về việc tuyển chọn đề tài các cấp đến các đơn vị để cán bộ giảng viên có kế hoạch chuẩn bị tốt cho nội dung đề tài của mình [H18.18.01.24]. Từ danh mục, Nhà trường tiến hành tuyển chọn thuyết minh thông qua hội đồng tuyển chọn để phê duyệt các đề tài được thực hiện [H18.18.01.25]. Sau khi ký hợp đồng, các chủ nhiệm đề tài triển khai thực hiện theo đúng tiến độ và dự toán kinh phí đề ra trong thuyết minh [H18.18.01.26]. Căn cứ hợp đồng, Phòng KHCN-ĐN&HL giám sát tiến độ phối hợp với phòng Kế hoạch, tài chính và Quản lý đầu tư để thanh toán các đợt kinh phí cho chủ nhiệm đề tài [H18.18.01.27], [H18.18.01.28]. Đến hạn, các đề tài được đánh giá chất lượng bởi các Hội đồng nghiệm thu do Hiệu trưởng ký duyệt [H18.18.01.29]. Cuối cùng, khi nhận đủ các sản phẩm theo đúng biên bản nghiệm thu, Hiệu trưởng sẽ ký quyết định công nhận kết quả đề tài [H18.18.01.30]. Từ năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình cấp kinh phí hằng năm cho việc thực hiện đề tài khoa học và công nghệ của Nhà trường nhằm đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học góp phần tăng các sản phẩm ứng dụng cho đơn vị và tỉnh nhà [H18.18.01.31].

Hoạt động NCKH sinh viên được thực hiện theo đúng quy định và quy trình cụ thể dưới sự kiểm tra giám sát trực tiếp của Phòng KHCN-ĐN&HL:

Đầu năm, Phòng KHCN-ĐN&HL gửi công văn đề xuất danh mục đề tài đến các đơn vị [H18.18.01.32]. Sau khi tập hợp các đề xuất, Phòng tham mưu Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng xác định danh mục đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên [H18.18.01.33]. Nhà trường ban hành Quyết định phê

duyet danh mục đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên hằng năm [H18.18.01.34]. Phòng căn cứ vào quyết định phê duyệt đề thông báo cho các sinh viên nộp đề cương chi tiết của các đề tài để thực hiện [H18.18.01.35]. Tháng 02 hàng năm, Nhà trường thông báo kế hoạch cụ thể nhằm kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài của sinh viên [H18.18.01.36]. Đến hạn, Nhà trường thông báo cho các khoa thực hiện nghiệm thu đề tài và tổ chức Hội nghị nghiên cứu khoa học sinh viên tại mỗi khoa nhằm xét các đề tài tiêu biểu gửi lên trường tham gia tại Hội nghị nghiên cứu khoa học sinh viên toàn trường [H18.18.01.37], [H18.18.01.38], [H18.18.01.39]. Tại hội nghị, Nhà trường thành lập hội đồng xét giải thưởng cho các đề tài tham gia [H18.18.01.40]. Sau đó, Hiệu trưởng ban hành Quyết định khen thưởng các đề tài đạt giải và cấp giấy chứng nhận cho tất cả sinh viên tham gia [H18.18.01.41], [H18.18.01.42]. Một số đề tài có tính ứng dụng, Nhà trường xét đề gửi đi tham gia hội nghị nghiên cứu khoa học sinh viên toàn quốc [H18.18.01.43].

Đối với Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Quảng Bình, mỗi năm Tổng biên tập trình Hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch và Dự toán kinh phí để hoạt động theo đúng nội dung giấy phép [H18.18.01.44]. Các bài báo khoa học đăng trên Tạp chí KH&CN được đánh giá qua 02 phản biện độc lập cho mỗi bài báo và được rà soát bởi Ban biên tập và thư ký, trị sự Tạp chí theo quy chế hoạt động của Tạp chí [H18.18.01.45], [H18.18.01.12]. Các số Tạp chí sau khi nộp lưu chiểu, được đăng tải trên hệ thống website [H18.18.01.46]. Từ năm 2023, Tạp chí đã xây dựng kế hoạch chuyển đổi số báo chí từ năm 2025 và định hướng đến năm 2030 theo chiến lược chuyển đổi số báo chí của tỉnh và chuyển đổi số quốc gia nhằm xây dựng tạp chí theo hướng nhân văn, chuyên nghiệp và hiện đại [H18.18.01.47].

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình, Phòng KHCN-ĐN&HL thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN định kỳ, kiểm tra công tác KH&CN tại các đơn vị, hoạt động KH&CN trong trường và

báo cáo kịp thời lên Ban Giám hiệu. Mặt khác, căn cứ vào các quy định đánh giá chất lượng, Phòng tổng hợp giờ NCKH của CBVC, đánh giá mức độ đạt được so với định mức giờ NCKH và gửi kết quả tổng hợp/đánh giá cho Phòng Tổ chức-Hành chính nhằm đánh giá xếp loại CBVC cuối năm trong hội nghị viên chức toàn trường [H18.18.01.48], [H18.18.01.49].

Hoạt động thi đua khen thưởng của các đơn vị và CBVC đều gắn với hoạt động NCKH; tiêu chí KHCN chiếm tỉ trọng lớn và quyết định đối với mức độ hoàn thành nhiệm vụ của GV [H18.18.01.50].

Nhìn chung, Nhà trường đã thiết lập được hệ thống chỉ đạo hoàn thiện từ trên xuống dưới; công tác điều hành, quản lý KH&CN được đẩy mạnh và tăng cường đem lại những kết quả tốt trong hoạt động KH&CN trong những năm qua. Bên cạnh đó, công tác giám sát, rà soát các hoạt động NCKH được chú trọng góp phần vào thành tích chung của hoạt động KH&CN.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 18.2. Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát triển khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục

Nghiên cứu khoa học, phát triển và đổi mới là những nhiệm vụ cốt lõi được xác định trong sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐH Quảng Bình [H18.18.01.01]. Trong tầm nhìn phát triển của Trường đến năm 2030, “Trường Đại học Quảng Bình đi tiên phong trong việc nghiên cứu triển khai chuyển đổi số nhằm giữ vững và phát huy vị thế của một trung tâm nghiên cứu hàng đầu của tỉnh trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, kinh tế - văn hoá - xã hội dựa trên những nền tảng của công nghệ mới” trở thành trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học của tỉnh nhà [H18.18.01.03].

Sự chủ động khai thác nguồn thu cho hoạt động KH&CN có thể kể đến đầu tiên là việc tham gia đấu thầu và trúng thầu để thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia. Đây là các nhiệm vụ được đặt hàng bởi nhiều cơ quan,

ban, ngành, tổ chức trong nước. Kết quả của các nhiệm vụ đã giải quyết được nhiều bài toán thực tế và nâng cao năng lực nghiên cứu của Nhà trường. Từ năm 2017 đến nay, Trường Đại học Quảng Bình chủ trì thực hiện 01 đề tài cấp Nhà nước với tên *“Nghiên cứu, bảo tồn đa dạng sinh học gắn với sinh kế bền vững ở khu Dự trữ thiên nhiên Động Châu - Khe Nước Trong, tỉnh Quảng Bình.”* [H18.18.02.01]. Ngoài ra, Trường còn chủ trì 01 đề tài thuộc Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ quốc gia (Nafosted) là *“Một số ứng dụng của phương pháp biến phân cho phương trình vi phân và phương trình đạo hàm riêng elliptic không tuyến tính”* [H18.18.02.02].

Kế hoạch và mục tiêu hoạt động hằng năm của Nhà trường luôn có các chỉ tiêu về hoạt động NCKH với các Sở, Ban, ngành và các doanh nghiệp. Nhà trường giao cho Phòng KH&HTQT làm đầu mối tìm kiếm các thông báo, kế hoạch [H18.18.02.03]. Hằng năm, khi nhận được thông báo đăng ký đề tài từ các Sở, ban ngành, phòng KH&HTQT gửi thông báo kèm hồ sơ đăng ký thực hiện các đề tài đến các đơn vị, đồng thời là đầu mối để tiếp nhận các đăng ký và tham mưu cho Hiệu trưởng Hội đồng lựa chọn các đề tài từ CBVC [H18.18.02.04]. Tiếp đó Phòng KHCN-ĐN&HL gửi công văn đề xuất đến các đơn vị liên quan [H18.18.02.05]. Giai đoạn 2017 - 2022, số lượng đề tài /nhiệm vụ cấp tỉnh duy trì ở mức 3 đến 4 đề tài/năm. Tổng số đề tài/ nhiệm vụ cấp tỉnh mới được giao triển khai bắt đầu từ năm 2017 đến nay là 15 đề tài.

Nổi bật nhất trong các đề tài có hướng ứng dụng thực tiễn tiêu biểu như sau: Đề tài NCKH “Nghiên cứu, biên soạn Từ điển địa danh tỉnh Quảng Bình” đã nghiệm thu và được đánh giá cao [H18.18.02.06]; “Nghiên cứu, đánh giá khả năng khởi nghiệp thành công của các doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình” [H18.18.02.07]; Nghiên cứu sự tác động của việc Việt Nam gia nhập cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) đến lao động và việc làm tỉnh Quảng Bình trong giai đoạn hiện nay [H18.18.02.08]; Nghiên cứu xây dựng mô hình quản lý tài nguyên số mở ở Trường Đại học Quảng Bình [H18.18.02.09]; Xây

dựng mô hình nông nghiệp sinh thái trồng cây bơ xen canh cây mạch môn, góp phần phát triển kinh tế xã hội và xây dựng nông thôn mới trên vùng đất gò đồi tỉnh Quảng Bình [H18.18.02.10]; Xây dựng mô hình liên kết sản xuất cây gai xanh AP1 góp phần phát triển kinh tế xã hội và xây dựng nông thôn mới tại Quảng Bình [H18.18.02.11]; Phát triển du lịch sinh thái gắn sinh kế bền vững trên địa bàn phá Hạc Hải thuộc hai huyện Quảng Ninh, Lệ Thủy tỉnh Quảng Bình [H18.18.02.12];

Nghiên cứu xây dựng hệ thống đào tạo trực tuyến ở Trường Đại học Quảng Bình của tác giả Trần Văn Cường [H18.18.02.13]; Đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp đặt tên đường phù hợp với quy hoạch phát triển đô thị trên địa bàn thành phố Đồng Hới [H18.18.02.14].

Nhà trường đã kí kết hợp tác với một số đơn vị ngoài trường và chuyển giao thành công quyền sử dụng kết quả NCKH và phát triển công nghệ với công ty TNHH Cát Ngọc. Những hoạt động này không chỉ mang lại nguồn thu nhất định cho Nhà trường, mà còn tạo điều kiện để cán bộ, giảng viên tập trung nghiên cứu [H18.18.02.15].

Để triển khai chiến lược phát triển nguồn thu từ hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ, Nhà trường đã thành lập 09 nhóm nghiên cứu từ năm 2015 đến nay [H18.18.02.16]. Các nhóm nghiên cứu hoạt động thường xuyên và tích cực trong việc thực hiện các đề tài KH&CN các cấp [H18.18.02.17]. Nhà trường có chính sách thu hút cán bộ, giảng viên, người học tham gia các hoạt động nghiên cứu thông qua việc ban hành hệ thống văn bản về hoạt động NCKH bao gồm: Quy chế làm việc của giảng viên trong đó có các chế độ ưu tiên đối với GV giữ chức vụ quản lý; Quy định khen thưởng hoạt động trong hoạt động KHCN [H18.18.01.17], [H18.18.01.18]. Nhà trường đã dành nguồn lực, đặc biệt là nguồn kinh phí cho hoạt động NCKH của Trường, trong đó, đối với CBGV, NV được thể hiện qua Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H18.18.01.08].

Bên cạnh, các dự án nghiên cứu với các đối tác trong nước, Nhà trường cũng đẩy mạnh hợp tác với các đối tác nước ngoài để huy động các nguồn lực, đặc biệt là về tài chính để triển khai các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ. Năm 2019, Trường Đại học Quảng Bình phối hợp với Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM tổ chức Hội nghị quốc tế ICSSE 2019 tại Trường thu hút nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước [H18.18.02.18]. Hơn nữa, Nhà trường trúng thầu đã và đang triển khai thực hiện 03 dự án với các đối tác nước ngoài là Dự án Hamorny, Dự án Acees kì 1 và kì 2 và Chương trình Acees summit năm 2022 với nhiều hoạt động ý nghĩa. Nhờ các dự án này trình độ về ngoại ngữ và nghiên cứu của cán bộ, giảng viên được nâng cao rõ rệt [H18.18.02.19], [H18.18.02.20], [H18.18.02.21].

Bảng 18.2.1. Nguồn kinh phí cho NCKH từ bên ngoài Trường

Đơn vị tính: Triệu đồng

Năm	Từ các đề tài cấp Quốc gia, Bộ	Từ các đề tài/nhiệm vụ cấp tỉnh	Từ các dự án nước ngoài
2018 - 2019	563	648	500
2019 - 2020	0	1.488	
2020 - 2021	0	488	2.020,459
2021 - 2022	0	829	588
2022 - 2023	5.700	2.288	1.762
2023 - 2024	0	1.864	0
2024 – 2025	400	1.655	0
Tổng	6.663	9.260	4.870.459

Bảng 18.2.2. Cơ sở vật chất được nâng cấp từ các đề tài, dự án

Đơn vị tính: Triệu đồng

Năm	Tổng tiền
2020 - 2021	
2021 - 2022	15
2022 - 2023	791
2023 - 2024	0
2024 - 2025	0

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 18.3. Các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu

Hàng năm, các chỉ số chính được Nhà trường xác định để đánh giá về số lượng và chất lượng nghiên cứu các hoạt động KH&CN bao gồm: số lượng về đề tài cấp bộ, cấp tỉnh; đề tài cấp cơ sở, đề tài cấp khoa; số lượng các bài báo ISI và Scopus; số lượng đề tài khoa học sinh viên, số hội nghị, hội thảo, số lượng các kì xuất bản Tạp chí Khoa học & Công nghệ trong năm, các hội thi Sáng tạo kỹ thuật cấp tỉnh... Tất cả được cụ thể hóa thông qua kế hoạch phương hướng, nhiệm vụ năm học hằng năm của Phòng Khoa học công nghệ và Đối ngoại **[H18.18.03.01]**.

Ngoài ra, các chỉ số đó được giám sát bởi Hội nghị viên chức hằng năm và Hội đồng Khoa học & Đào tạo của Nhà trường thông qua báo cáo tổng kết và phương hướng nhiệm vụ năm học mới của Nhà trường và Kết luận tại các cuộc họp của Hội đồng Khoa học & Đào tạo **[H18.18.03.02], [H18.18.03.03]**.

Nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ giai đoạn 2018 - 2020 với các chỉ số cụ thể cần phải thực hiện **[H18.18.03.04]**. Đồng thời, ban hành chiến lược phát triển khoa học công nghệ giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn năm 2030 cho hoạt động khoa học công nghệ nhằm đưa ra một số chỉ tiêu phấn đấu **[H18.18.03.05]**. Ngoài ra, trong chiến lược phát triển của Trường Đại

học Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025 tầm nhìn đến năm 2035 ban hành vào năm 2021, Nhà trường đã đưa ra các chỉ số về hoạt động KHCN nhằm tăng số lượng các bài báo trong nước và các công bố quốc tế **[H18.18.01.03]**.

Căn cứ vào các chỉ số thực hiện các hoạt động KH&CN đặt ra, hàng năm phòng Quản lý Khoa học công nghệ và Đối ngoại tổng kết đánh giá kết quả NCKH của toàn trường thông qua báo cáo cụ thể trong Hội nghị nghiên cứu khoa học sinh viên, Báo cáo tổng kết của Tạp chí khoa học và Báo cáo tổng kết năm học của Phòng KHCN và ĐN **[H18.18.03.06]**, **[H18.18.03.07]**, **H18.18.03.01]**.

Chỉ số thực hiện hoạt động KH&CN của mỗi giảng viên sẽ được thể hiện qua việc đăng ký danh hiệu lao động đầu năm học và thành tích cá nhân đạt được thông qua phê duyệt kết quả xếp loại viên chức **[H18.18.03.08]**. Mỗi danh hiệu có quy định cụ thể về các chỉ tiêu cần đạt được như chỉ tiêu về thực hiện giờ giảng, chỉ tiêu về hoàn thành yêu cầu các hoạt động nghiên cứu khoa học thông qua Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động và quy định thi đua khen thưởng của Trường Đại học Quảng Bình **[H18.18.01.33]**.

Nhà trường còn đánh giá hoạt động KH&CN của cán bộ giảng viên theo các quy định về chế độ làm việc, quy chế về hoạt động KHCN của Nhà trường và theo Quyết định phê duyệt Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm hằng năm của Hội đồng Giáo sư Nhà nước **[H18.18.01.18]**, **[H18.18.01.14]** **[H18.18.03.09]**.

Việc đo đếm khối lượng hoạt động KH&CN của giảng viên được thể hiện thông qua việc kê khai giờ NCKH của mỗi cán bộ, giảng viên có xác nhận của trưởng đơn vị **[H18.18.03.10]**. Phòng KHCN-ĐN&HL có trách nhiệm kiểm tra, giám sát và xác nhận khối lượng hoạt động KHCN cho từng giảng viên, từng đơn vị bằng Quyết định phê duyệt kết quả NCKH **[H18.18.01.32]**.

Thành tích công việc nói chung và thành tích NCKH của mỗi giảng viên sẽ được thể hiện ở kết quả bình bầu thi đua danh hiệu cao hàng năm [H18.18.03.11]. Ngoài ra, tùy theo tình hình thực tế của nhà trường, Hiệu trưởng sẽ ra quyết định khen thưởng đối với các cán bộ, giảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nghiên cứu khoa học [H18.18.03.12].

Trong quá trình thực hiện, để phù hợp với thực tiễn tại các Hội nghị tổng kết năm học, Hội nghị viên chức và người lao động trên cơ sở ý kiến phản hồi của các giảng viên và của các đơn vị, đối tác trong và ngoài Trường, các chỉ tiêu về KH&CN được rà soát, điều chỉnh thông qua để triển khai cho năm tiếp theo [H18.18.03.13].

Các chỉ số thực hiện hoạt động KH&CN toàn Trường được thể hiện như sau:

Bảng 18.3.1. Các chỉ số đề tài các cấp được thực hiện giai đoạn 2020-2025

Đề tài các cấp	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024	2024- 2025
Đề tài/nhiệm vụ cấp Bộ, Nhà nước	0	0	0	1	0	1
Đề tài/nhiệm vụ cấp Tỉnh	3	2	4	3	3	2
Đề tài cấp cơ sở	16	27	12	22	15	18
Đề tài khoa học sinh viên	18	19	18	22	24	27

Bảng 18.3.2. Chỉ số các công bố khoa học của Trường giai đoạn 2020-2025

	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024
Tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục ISI	10	11	9	8	4
Tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục SCOPUS	14	10	4	3	1
Các tạp chí khoa học trong nước	132	111	122	97	141
Kỷ yếu hội nghị, hội thảo quốc tế	37	12	19	8	14
Kỷ yếu hội nghị, hội thảo trong nước	31	48	51	47	45
Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo	11	11	10	10	6
Tạp chí KH&CN trường	39	55	56	81	60
Các giải pháp Tham gia hội thi sáng tạo kỹ thuật cấp tỉnh		9 (2 khuyến khích)	3 giải (01 giải nhất, 01 giải ba, 01 khuyến khích)		

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chuẩn 18.4. Công tác quản lý nghiên cứu được cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát triển khoa học

Để cải tiến nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát triển khoa học, Phòng Khoa học công nghệ và Đối ngoại phối kết hợp với các đơn vị, các viên chức và người học triển khai đồng bộ nhiều biện pháp, cụ thể như sau:

Nhà trường thường xuyên tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan để hoàn thiện các quy định, chính sách liên quan tới hoạt động KH&CN. Nhà trường đã tiến hành lấy ý kiến của các đối tượng là viên chức thông qua cơ chế Hội nghị viên chức và người lao động được tổ chức hàng năm, trong đó có công tác quản lý hoạt động KHCN [H18.18.04.01].

Ngoài ra, trước khi ban hành các quy định, các quy chế liên quan đến hoạt động KHCN, Nhà trường đều gửi công văn đến các đơn vị thông báo đến từng cán bộ, giảng viên để lấy ý kiến góp ý nhằm hoàn thiện văn bản trước khi sử dụng [H18.18.04.02].

Trường đã ban hành quy định chế độ làm việc năm 2015 và điều chỉnh thay thế quy chế mới vào năm 2021, sau khi tiếp thu phản hồi của các đơn vị và người thực hiện. Việc ban hành và áp dụng các quy định mới đã góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả việc thực hiện đề tài các cấp nói riêng và việc thực hiện NCKH của mỗi giảng viên nói chung [H18.18.04.03].

Quy chế chi tiêu nội bộ với các nội dung về KH&CN được thay đổi, hoàn thiện vào năm 2022 nhằm góp phần cải tiến và đốc thúc công tác quản lý nghiên cứu trong tình hình mới [H18.18.04.04].

Các kế hoạch hoạt động KH&CN hàng năm được xây dựng, điều chỉnh theo hướng nâng cao số lượng và chất lượng nghiên cứu [H18.18.03.01].

Trên cơ sở các ý kiến góp ý, Nhà trường đã thực hiện nhiều chính sách cải tiến đáng kể cho hoạt động nghiên cứu của cán bộ, viên chức cụ thể: ban hành quy chế Hoạt động KH&CN; triển khai các nhóm nghiên cứu để gia tăng số

lượng công bố quốc tế [H18.18.01.14], [H18.18.02.16]. Nhà trường thường tổ chức kiểm tra tình hình hoạt động các nhóm nghiên cứu nhằm đánh giá hoạt động của từng nhóm để đưa ra các giải pháp phù hợp cho quá trình nghiên cứu [H18.18.02.17].

Với đối tượng là người học, Nhà trường có kế hoạch tổ chức Hội nghị SV NCKH hàng năm để tổng kết, đánh giá hoạt động NCKH của người học [H18.18.04.05]. Tại Hội nghị, Phòng KHCN-ĐN&HL báo cáo tình hình NCKH của sinh viên trong năm học và Hội sinh viên phát động phong trào NCKH trong năm học tiếp theo [H18.18.03.07]. Phòng KHCN-ĐN&HL tham mưu cải tiến công tác quản lý thông qua việc điều chỉnh thay thế Quy định nghiên cứu khoa học sinh viên nhằm nâng cao chất lượng NCKH cho người học [H18.18.04.06].

Thông qua việc tổng hợp ý kiến của các đơn vị, cá nhân ở trong và ngoài Trường về việc công bố các sản phẩm của hoạt động KH&CN, Nhà trường đã thực hiện nhiều cải tiến trong công tác quản lý Tạp chí Khoa học và công nghệ. Cụ thể, thay đổi quy định hoạt động của Tạp chí phù hợp với tình hình mới kèm theo thể lệ và định dạng cả tiếng Việt và tiếng Anh [H18.18.04.07]. Gửi thông báo viết bài đến nhiều trường đại học trong cả nước nhằm tăng nâng cao số lượng và chất lượng bài viết [H18.18.04.08]. Ngoài ra, Tạp chí đã được Cục Báo chí cho phép bổ sung ngôn ngữ Anh và tăng trang, tăng kỳ xuất bản nhằm đáp ứng nhu cầu bài viết của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu sinh ở nước ngoài và khoa Ngoại ngữ [H18.18.04.09]. Đặc biệt, Tạp chí Khoa học và Công nghệ đã cải tiến, nâng cấp quy trình xuất bản hoàn toàn trên hệ thống phần mềm quản lý với tên miền <http://www.tckh.qbu.edu.vn> nhằm đảm bảo tính khách quan, hiệu quả. Đồng thời, giúp nhà nghiên cứu và độc giả tiếp cận được những nghiên cứu mới từ các sản phẩm của Tạp chí một cách nhanh nhất [H18.18.04.10].

Những kết quả sau khi cải tiến quản lý trong công tác nghiên cứu được thể hiện trong Quyết định phê duyệt kết quả kê khai giờ NCKH của giảng viên Trường Đại học Quảng Bình [H18.18.03.16].

Trường đã đưa ra biện pháp nhằm tăng số lượng các công bố khoa học của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu bằng cách đã ban hành Quyết định khen thưởng KHCN nhờ đó đã thúc đẩy CBVC của Trường tích cực công bố khoa học [H18.18.03.12].

+ Nhà trường đã từng bước tin học hóa hệ thống quản lý KH&CN, xây dựng cơ sở dữ liệu về KH&CN trên trang Web của Phòng Khoa học công nghệ và Đối ngoại và của Trường để từ đó các viên chức và người học cập nhật đầy đủ các thông tin về hoạt động nghiên cứu một cách thuận tiện và hiệu quả <https://qbu.edu.vn/khcn-dn/> [H18.18.04.11].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường đã xây dựng được các văn bản quản lý liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ, phù hợp với tình hình thực tế của trường, tạo cơ sở pháp lý ổn định và thống nhất cho việc triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học

- Đã tham gia thực hiện một số đề tài cấp tỉnh và cấp quốc gia.

- Hằng năm luôn có báo cáo tổng kết về các hoạt động nghiên cứu khoa học giảng viên, sinh viên, Tạp chí Khoa học và Công nghệ và phương hướng kế hoạch cho năm học tiếp nhằm tổng kết các kết quả đạt được, đồng thời đưa ra các hạn chế, ưu điểm để có các phương hướng phát huy cho các năm tiếp theo.

- Luôn lấy ý kiến góp ý cán bộ, giảng viên khi ban hành văn bản liên quan đến hoạt động KH&CN nhằm cải tiến phù hợp với thực tế.

- Luôn xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu trên website của trường, của đơn vị nhằm thông tin đầy đủ và nhanh nhất đến viên chức và người học. Ngoài ra,

Tạp chí Khoa học và Công nghệ đã triển khai sử dụng hoàn toàn trên hệ thống phần mềm quản lý.

2. Tóm tắt điểm tồn tại

- Chưa có các biên bản cụ thể về các chỉ tiêu đạt được của NCKH để rà soát và có điều chỉnh phù hợp
- Chưa có nhiều đề tài ứng dụng và các kí kết hợp tác chuyển giao công nghệ còn ít so với tiềm năng.
- Các nhóm nghiên cứu chưa phát huy hết khả năng vốn có, chưa có nhiều công bố quốc tế tương xứng với tiềm năng vốn có.
- Chưa có phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát gốc về đánh giá phản hồi các bên liên quan đối với công tác NCKH, công tác quản lý nghiên cứu.
- Do tình hình Nhà trường khó khăn nên các năm gần đây chưa thực hiện khen thưởng cho các cán bộ, giảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.
- Kinh phí hỗ trợ nên số lượng các công bố quốc tế tính còn thấp và chưa thường xuyên.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Báo cáo tình hình của các nhóm nghiên cứu chưa thường xuyên, kết quả làm việc của các nhóm nghiên cứu chưa cao	Phòng KHCN-ĐN&HL và các Khoa liên quan	12.2025	

2	Khắc phục tồn tại	Biên bản cụ thể về chỉ tiêu đạt được của của từng đơn vị và của toàn trường	Phòng KHCN-ĐN&HL, phòng TC-HC và các đơn vị liên quan	10.2025	
	Khắc phục tồn tại	Chưa có phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát gốc về đánh giá phản hồi các bên liên quan đối với công tác NCKH, công tác quản lý nghiên cứu	Phòng Đảm bảo chất lượng giáo dục và Phòng KHCN-ĐN&HL	2025	
	Khắc phục tồn tại	Cần có các chính sách khen thưởng đối với cán bộ, giảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ NCKH để khuyến khích nâng cao vị thế xếp hạng của trường thường niên	Phòng KHTC&QLĐT và Ban Giám hiệu	2025	
3	Phát huy điểm mạnh	- Quy trình và văn bản quản lý ban hành và thay đổi phù hợp với thực tế - Luôn có báo cáo tổng kết và kế hoạch phương hướng hằng năm - Luôn lấy ý kiến các đơn vị liên quan trước khi thay đổi các quy định, quy chế nhằm cải tiến quá trình quản lý NCKH - Tiếp tục khuyến khích các công bố quốc tế cả về số lượng và		2025	

		chất lượng			
--	--	------------	--	--	--

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn /tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 18</i>	<i>4,25</i>
Tiêu chí 18.1	5
Tiêu chí 18.2	4
Tiêu chí 18.3	4
Tiêu chí 18.4	4

Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ

Tiêu chí 19.1. Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu

Quản lý tài sản trí tuệ của Nhà trường được thiết lập trên cơ sở các quy định của nhà nước về Luật sở hữu trí tuệ nhằm mục tiêu bảo vệ các thành quả sáng tạo trí tuệ, bảo đảm rằng tài sản trí tuệ của CBVC và SV của Nhà trường không bị xâm phạm, không bị sử dụng, khai thác trái phép cũng như bảo đảm rằng họ không xâm phạm đến quyền sở hữu trí tuệ của các chủ thể khác [H19.19.01.01]. Phòng Khoa học công nghệ - Đối ngoại và Học liệu (KH-CN-ĐN&HL) là đơn vị chuyên trách có trách nhiệm tham mưu, giúp BGH rà soát, khai thác và quản trị sở hữu trí tuệ, quản lý và hỗ trợ bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu của GV, CBVC và SV [H19.19.01.02].

Nhà trường phân công 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách theo dõi, đôn đốc các hoạt động chung của Phòng KH-CN-ĐN&HL [H19.19.01.03]. Đồng thời phân công rõ trách nhiệm cho cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm có chuyên môn để đảm bảo hoàn thành các hoạt động liên quan đến SHTT

[H19.19.01.04]. Trong quá trình thực hiện, Nhà trường đã ban hành một số quy định nhằm quản lý hoạt động SHTT; Quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong hoạt động khoa học công nghệ tại Trường Đại học Quảng Bình; Quy chế sửa đổi bổ sung về Hoạt động Khoa học và công nghệ; Quy chế quản lý Hoạt động Khoa học và công nghệ của Trường Đại học Quảng Bình; Quyết định ban hành Quy trình thẩm định giáo trình lưu hành nội bộ của Trường Đại học Quảng Bình **[H19.19.01.05].**

Để phù hợp với tình hình thực tế, nhà trường đã triển khai lấy ý kiến các đơn vị để sửa đổi bổ sung các Quy định về Hoạt động Khoa học và công nghệ, về liên chính học thuật trong hoạt động KH&CN của Trường ĐHQB **[H19.19.01.06].**

Năm 2019, Nhà trường đã tham gia dự án TISC qua đó trở thành một trong những thành viên của mạng lưới các Trung tâm Hỗ trợ công nghệ và đổi mới sáng tạo **[H19.19.01.7].**

Để hỗ trợ tốt nhất cho việc khai thác thương mại các tài sản trí tuệ, Nhà trường đã xây dựng và ban hành các chính sách tài chính nhằm giúp cho các chủ sở hữu thực hiện thuận lợi như: Quy chế Chi tiêu nội bộ **[H19.19.01.08]**, Chính sách khuyến khích giảng viên, cán bộ, chuyên viên tham gia viết bài đăng trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước cũng như trên tạp chí khoa học của Trường **[H19.19.01.09]**. Nhà trường cũng ban hành quy định về quy trình công bố, theo dõi và lưu trữ các hoạt động NCKH của đội ngũ cán bộ và GV **[H19.19.01.10]**, trong đó Phòng KHCN-ĐN&HL chủ trì quản lý, tổ chức thực hiện về chuyên môn.

Các công trình nghiên cứu được triển khai tuân thủ đầy đủ các quy định và quy trình theo quy định hiện hành **[H19.19.01.10]**. Sau khi được nghiệm thu, Hiệu trưởng ban hành quyết định công nhận kết quả và thực hiện việc chuyển giao quyền sử dụng kết quả nghiên cứu theo quy định. Ngoài ra, nhà trường có nhiều công trình đăng tải trên Tạp chí thuộc nhiều lĩnh vực: Khoa học giáo dục, khoa học tự nhiên, kỹ thuật – công nghệ, nông nghiệp, khoa học xã hội và nhân

văn. Tất cả bài báo đều được xử lý qua phần mềm trực tuyến, kiểm tra trùng lặp và thực hiện phản biện kín hai chiều bởi các nhà khoa học có trình độ chuyên môn phù hợp, đảm bảo quy trình phản biện minh bạch, khách quan và khoa học. Tạp chí xuất bản định kỳ 4 số/năm theo Giấy phép hoạt động và đang được vận hành theo đúng quy định của Quy chế hoạt động của Tạp chí Khoa học công nghệ Đại học Quảng Bình và các quy định khác của Nhà trường về sở hữu trí tuệ [H19.19.01.11]. Các đề tài NCKH và giáo trình lưu hành nội bộ được nghiệm thu và đã có quyết định công nhận sẽ được lưu tại Trung tâm học liệu Trường Đại học Quảng Bình để làm tài liệu phục vụ học tập, giảng dạy và nghiên cứu.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 19.2. Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai

Nhà trường luôn quan tâm bảo vệ các thành quả sáng tạo của cán bộ, giảng viên, đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ được tôn trọng và không bị xâm phạm, đồng thời cũng đề cao trách nhiệm trong việc sử dụng tài sản trí tuệ hợp pháp, không vi phạm quyền của các tổ chức, cá nhân khác [H19.19.01.03]. Phòng KHCN-ĐN&HL là đơn vị được phân công quản lý và hỗ trợ các thủ tục bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu của CBGV Nhà trường, đồng thời có trách nhiệm tham mưu, giúp Hiệu trưởng rà soát, khai thác và quản trị tài sản trí tuệ của Nhà trường, xây dựng kế hoạch công tác về KHCN [H19.19.02.01], tham gia thực hiện các hoạt động về sở hữu trí tuệ; hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ của Trường. Phòng KHCN-ĐN&HL phối hợp với các Phòng chức năng, khoa, viện, trung tâm phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ cho các nhà khoa học, GV và SV của Nhà trường quy định về quyền sở hữu trí tuệ như: Đăng ký bản quyền, quyền sở hữu công nghiệp, công nhận sản phẩm KHCN, khiếu nại hoặc khởi kiện về hành vi xâm phạm quyền SHTT của cán bộ Nhà trường thông qua website, các thông báo, quy định... [H19.19.02.02], [H19.19.02.03], [H19.19.02.04].

Nhằm quản lý tốt và bảo hộ các bản quyền, sáng chế, các phát minh, dữ liệu nghiên cứu, hồ sơ và kết quả nghiên cứu, Phòng KHCN-ĐN&HL tiến hành rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ nhằm sử dụng có hiệu quả tài sản trí tuệ [H19.19.02.08]. Tuy nhiên trong giai đoạn tự đánh giá, Nhà trường không ghi nhận có phát sinh, sáng chế nào được đăng ký bảo hộ SHTT.

Nhà trường yêu cầu và giao trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH các cấp, Hội đồng thẩm định và nghiệm thu giáo trình, phản biện bài báo, chấm luận văn... thực hiện nghiêm túc các quy định về sở hữu trí tuệ, đối với các tác giả thực hiện đề tài và phải có cam kết về sở hữu trí tuệ đối với đề tài do mình thực hiện [H19.19.02.05], [H19.19.02.06], [H19.19.02.07]. Đến nay, Nhà trường chưa có trường hợp nào vi phạm về sở hữu trí tuệ.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 19.3. Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện

Sau khi ban hành Quy định quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ Trường Đại học Quảng Bình, Trường đã triển khai công tác quản lý tài sản trí tuệ và báo cáo kết quả hằng năm thực hiện công tác quản lý sở hữu trí tuệ và các nội dung liên quan với Cục SHTT để đánh giá lại về hiệu quả triển khai Quy định quản lý hoạt động Sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Quảng Bình; đồng thời đưa ra một số định hướng, cải tiến nhằm giúp cho các nội dung quy định được sát với thực tế của Nhà trường để xây dựng kế hoạch liên quan đến sở hữu trí tuệ, tài sản trí tuệ... [H19.19.03.01], [H19.19.03.02]. Tuy nhiên, việc không có các giải pháp có khả năng đăng ký bảo hộ quyền SHTT khiến Nhà trường không triển khai được công tác rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 19.4. Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ CSGD, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng

Trường chưa xây dựng kế hoạch cải tiến những điểm còn hạn chế về công tác quản lý sở hữu trí tuệ do chưa thực hiện được công tác rà soát. Trường phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Bình, Cục Sở hữu trí tuệ tổ chức tập huấn phổ biến các quy định về SHTT đến CB, GV, SV biết. Nhờ đó và kiến thức của CB của Nhà trường về sở hữu trí tuệ được nâng lên rõ rệt [H19.19.02.02], [H19.19.02.03], [H19.19.02.04]. Bên cạnh đó, nhằm động viên, khuyến khích CB, GV, SV đăng kí quyền SHTT, trong văn bản quy định quản lý hoạt động SHTT do Nhà trường đã ban hành quy định rõ về quyền lợi của Nhà trường và các tác giả là CB, GV, SV của Trường đối với các tài sản trí tuệ [H19.19.02.01].

Nhà trường đã tiến hành khảo sát về thực trạng hoạt động nghiên cứu triển khai và thương mại hóa tài sản trí tuệ theo yêu cầu của Cục Sở hữu trí tuệ nhằm khảo sát những thông tin kết quả nghiên cứu triển khai và bảo hữu trí tuệ; các hoạt động hỗ trợ thương mại hóa tài sản trí tuệ; các nguồn lực hỗ trợ thương mại hóa tài sản trí tuệ tại Trường [H19.19.04.01].

Trong giai đoạn 2020 - 2025 Nhà trường chưa có bằng phát minh sáng chế và không có sản phẩm được thương mại. Trường đã thực hiện cập nhật các quy định về sở hữu trí tuệ lên website của Phòng KHCN-ĐN&HL để CB, GV, SV có thể theo dõi và thực hiện [H19.19.01.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 19:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Có đơn vị, nhân sự quản lý và hỗ trợ bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu.
- Quy định rõ về việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, về các sáng chế, bản quyền và các kết quả nghiên cứu cũng như việc định giá các đối tượng sở hữu trí tuệ phù hợp với yêu cầu của quốc gia và quốc tế.

- Có chính sách hỗ trợ trong giai đoạn chuẩn bị và hỗ trợ khai thác thương mại hóa các đề tài nghiên cứu.

- Có quy định về việc khai thác tài sản trí tuệ, quy trình công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả nghiên cứu.

- Không ghi nhận xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

- Hệ thống đăng ký, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai.

- Triển khai được hoạt động phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ cho cán bộ, GV các quy định về quyền SHTT.

- Có các quy định về rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ.

- Nhận thức của CB, GV và SV về SHTT được nâng cao.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Trong chu kỳ tự đánh giá chưa thực hiện được công tác cải tiến quy định về Quản lý hoạt động SHTT tại Trường Đại học Quảng Bình.

- Chưa ghi nhận các giải pháp được cấp quyền SHTT.

- Chưa triển khai rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ trong chu kỳ đánh giá.

- Chưa triển khai cải tiến công tác quản lý tài sản trí tuệ trong chu kỳ đánh giá.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục các tồn tại 1	Rà soát, chỉnh sửa và hoàn thiện quy định quản lý hoạt động SHTT phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành và thực tiễn hoạt động của Trường.	Phòng KHCN-ĐN&HL	Năm 2025	
2	Khắc phục	Triển khai hoạt động	Phòng	2025-	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
2	các tồn tại 2	tuyên truyền, tập huấn về đăng ký quyền SHTT; hỗ trợ hồ sơ pháp lý và kinh phí cho các sản phẩm, giải pháp có khả năng đăng ký bảo hộ; Tiến hành các hoạt động hỗ trợ các đơn vị, cá nhân có giải pháp tiềm năng đăng ký quyền SHTT	KHCN- ĐN&HL	2028	
3	Khắc phục tồn tại 3	Tổ chức kiểm tra, đánh giá thực trạng công tác quản lý tài sản trí tuệ tại các đơn vị; lập danh mục các tài sản trí tuệ đang có và xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý	Phòng KHCN- ĐN&HL	2025- 2028	
4	Khắc phục tồn tại 4.	Xây dựng quy trình cải tiến công tác quản lý tài sản trí tuệ; phân công rõ trách nhiệm cho các bộ phận liên quan và thiết lập cơ chế phối hợp giữa các đơn vị	Phòng KHCN- ĐN&HL	2025- 2028	
5	Phát huy điểm mạnh	-Tăng cường năng lực và vai trò của đơn vị	Phòng KHCN-	2025- 2028	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		phụ trách; bố trí nguồn lực, tập huấn chuyên sâu cho nhân sự quản lý SHTT; - Tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu, tích hợp vào hệ thống số hóa chung của Trường để tiện theo dõi và khai thác - Tăng cường tổ chức hội thảo, tập huấn định kỳ theo chuyên đề chuyên sâu; xây dựng cẩm nang SHTT nội bộ	ĐN&HL		

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 19</i>	<i>4,00</i>
Tiêu chí 19.1	4
Tiêu chí 19.2	4
Tiêu chí 19.3	4
Tiêu chí 19.4	4

**Tiêu
chuẩn
20.
Hợp**

tác và đối tác nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 20.1. Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ cốt lõi của Trường Đại học Quảng Bình (ĐHQB), được xác định rõ trong sứ mạng và tầm nhìn của

Nhà trường. Cụ thể, sứ mạng của ĐHQB nhấn mạnh việc thực hiện nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ nhằm phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Bình và cả nước. Dựa trên sứ mạng và tầm nhìn đã đề ra, Trường ĐHQB đã xây dựng Chiến lược phát triển giai đoạn 2021–2025, tầm nhìn đến năm 2035 [H20.20.01.01].

Trong định hướng phát triển dài hạn, Nhà trường đặt mục tiêu trở thành Trường Đại học đa ngành, đa lĩnh vực, có vị thế cao trong hệ thống giáo dục Việt Nam và khu vực vào năm 2035, do vậy Nhà trường ban hành kế hoạch hành động hằng năm để hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược [H20.20.01.02].

Trong chiến lược phát triển khoa học công nghệ tại Trường ĐHQB, thiết lập và mở rộng các mối quan hệ hợp tác trong nghiên cứu khoa học được xem điều kiện cần thiết để nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động nghiên cứu. Nhà trường ban hành Chiến lược phát triển khoa học công nghệ tại Trường ĐHQB giai đoạn 2021 - 2025 tầm nhìn đến năm 2030 nhằm định hướng phát triển hợp tác quốc tế trong nghiên cứu và khoa học công nghệ [H20.20.01.03].

Phòng KHCN-ĐN&HL cũng xây dựng Phương hướng và kế hoạch năm học trong đó nhấn mạnh phát triển hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học là một hoạt động quan trọng [H20.20.01.04].

Để triển khai hiệu quả các chiến lược này, Trường ĐHQB thực hiện tổng kết hoạt động đối ngoại định kỳ 6 tháng và xây dựng kế hoạch đối ngoại cho 6 tháng tiếp theo, gửi UBND tỉnh và Văn phòng UBND tỉnh để báo cáo và phối hợp theo dõi. Hàng năm, Nhà trường cũng ban hành phương hướng và kế hoạch hành động hợp tác quốc tế theo từng năm học nhằm cụ thể hóa các mục tiêu đề ra [H20.20.01.05].

Nhà trường đã xác định chỉ tiêu cho hoạt động hợp tác (trong đó có hợp tác NCKH) được thể hiện ở Bảng 20.1.

Bảng 20.1. Chỉ số mục tiêu hợp tác (trong đó có NCKH)

TT	Tên chỉ số mục tiêu	2020	2025	2030
----	---------------------	------	------	------

1	Số trường đại học/doanh nghiệp trong và ngoài nước ký kết hợp tác/năm	10	10	15
2	Số giảng viên quốc tế làm việc tại Trường/năm	3	3	5
3	Số lượng dự án, đề tài quốc tế Nhà trường tham gia viết và nộp hồ sơ đề xuất	5	5	7

Triển khai thực hiện chiến lược phát triển trong lĩnh vực khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế

Các mục tiêu và giải pháp chiến lược của Trường ĐHQB trong lĩnh vực khoa học công nghệ được cụ thể hóa thông qua các kế hoạch hành động theo từng năm học. Căn cứ kế hoạch này, Phòng KHCN-ĐN&HL có trách nhiệm xây dựng báo cáo tổng kết hằng năm, đồng thời đề xuất phương hướng nhiệm vụ cho năm học tiếp theo **[H20.20.01.06]**. Đây là cơ sở để Nhà trường thực hiện báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động HTQT và NCKH và xây dựng kế hoạch nhiệm vụ HTQT và KHCN phù hợp với từng đơn vị trong năm tới **[H20.20.01.07]**.

Hợp tác quốc tế (HTQT) là một trong những lĩnh vực được Trường ĐHQB đặc biệt quan tâm. Nhà trường giao Phòng KHCN-ĐN&HL tham mưu và tổ chức triển khai hoạt động này. Để triển khai các hoạt động KHCN hiệu quả, Trường ĐHQB đã ban hành các quy định quản lý, phân công chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn rõ ràng cho các phòng ban, đơn vị trực thuộc. Trong đó, Phòng KHCN-ĐN&HL được giao trách nhiệm quản lý toàn diện các hoạt động khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế của Nhà trường **[H20.20.01.08]**. Bên cạnh đó, Phòng KHCN-ĐN&HL ban hành công văn xây dựng kế hoạch hoạt

động KH&CN được ban hành và gửi các đơn vị nhằm đảm bảo hoạt động KHCN được kiểm tra, giám sát và thực hiện một cách hiệu quả, đúng quy định **[H20.20.01.09]**.

Để quản lý và đẩy mạnh HTQT, Trường đã áp dụng nhiều quy định chuyên biệt, bao gồm: Quy định về tham dự hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước; Quy định về người nước ngoài học tập tại Trường; Quy định về quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế tại Trường ĐHQB; Quy chế chi tiêu nội bộ **[H20.20.01.10]**.

Thông qua việc xây dựng các mạng lưới hợp tác trong và ngoài nước, ĐHQB đã thiết lập mối quan hệ với nhiều trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức quốc tế và phi chính phủ trên thế giới thông qua các bản ghi nhớ hợp tác và biên bản làm việc **[H20.20.01.11]**.

Hằng năm, Nhà trường thực hiện các thủ tục đón đoàn vào làm việc theo quy định. Nhà trường có công văn xin phép đoàn vào, lập kế hoạch đón tiếp và làm việc với nhiều đoàn khách quốc tế từ nhiều quốc gia nhằm tìm kiếm cơ hội hợp tác trong lĩnh vực NCKH, trao đổi giảng viên (GV) và sinh viên (SV) và tổng hợp nội dung làm việc của các đoàn công tác để theo dõi và báo cáo Văn phòng UBND tỉnh và UBND tỉnh **[H20.20.01.12]**. Đồng thời, giảng viên và sinh viên của ĐHQB cũng được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia vào các mạng lưới khoa học quốc tế, các hội thảo, chương trình nghiên cứu và xuất bản học thuật **[H20.20.01.13]**.

Để tăng cường quan hệ quốc tế, Nhà trường đã chủ động cử các đoàn cán bộ lãnh đạo và giảng viên ra nước ngoài làm việc, tham gia hội nghị, hội thảo và thảo luận cơ hội hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và đồng chủ trì các dự án quốc tế **[H20.20.01.14]**.

Kết quả từ các hoạt động hợp tác này mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho Nhà trường, đặc biệt là cơ hội nhận được học bổng thạc sĩ, nghiên cứu sinh từ các đối tác quốc tế, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giảng dạy và nghiên cứu **[H20.20.01.15]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 20.2. Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu

Trường Đại học Quảng Bình tuân thủ theo quy định KHCN của Bộ và đã xây dựng và ban hành các quy định, chính sách cụ thể nhằm thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) và hợp tác nghiên cứu trong nước và quốc tế, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường [H20.20.02.01]. Các kế hoạch hợp tác được lồng ghép trong Chiến lược phát triển khoa học công nghệ, kế hoạch hoạt động KHCN hằng năm và được triển khai thông qua việc thành lập các nhóm nghiên cứu – giảng dạy [H20.20.02.02]; phân công giảng viên thực hiện các đề tài/dự án, cũng như tham gia giảng dạy các chương trình hợp tác quốc tế [H20.20.02.03]. Các hoạt động được triển khai góp phần hoàn thành các chỉ tiêu về số lượng đề tài, công bố khoa học, cũng như các chỉ tiêu về hợp tác quốc tế.

Các đề tài, dự án hợp tác được xét duyệt kỹ lưỡng và quản lý tiến độ thực hiện trước khi có quyết định nghiệm thu để đảm bảo tính phù hợp về chuyên môn, năng lực thực hiện và định hướng phát triển khoa học công nghệ của Trường [H20.20.02.04].

Đối với các đề tài dự án, Nhà trường ưu tiên lựa chọn đối tác là các trường đại học, viện nghiên cứu và tổ chức quốc tế có thế mạnh trong đào tạo, nghiên cứu, để hợp tác phù hợp với định hướng phát triển bền vững, gắn với nhu cầu địa phương và quốc tế. Từ 2020 đến nay, Nhà trường được phép thực hiện một số đề tài có nguồn kinh phí hỗ trợ từ nước ngoài và đã thực hiện thành công góp phần xây dựng hoạt động hợp tác trong nghiên cứu và đào tạo phát triển bền vững [H20.20.02.05].

Nhà trường đã triển khai hợp tác nghiên cứu dưới nhiều hình thức như: đồng chủ trì đề tài/dự án; giảng dạy chương trình liên kết; tổ chức hội thảo quốc tế; trao đổi giảng viên và sinh viên; Ký kết hợp tác với doanh nghiệp và tổ chức quốc tế [H20.20.02.06].

Nhà trường ký kết thông qua hợp đồng tham gia thực hiện các chương trình hợp tác, và các đề tài quốc tế nhằm thúc đẩy và phát triển hoạt động NCKH trong hợp tác quốc tế [H20.20.02.07]. Nhà trường lập kế hoạch tổ chức các hoạt động của dự án và quyết định thành lập các ban chỉ đạo chương trình nhằm đảm bảo tiến độ thực hiện hiệu quả. Cụ thể các dự án do đối tác quốc tế tài trợ như Dự án “Quốc tế hóa và trao đổi trực tuyến” do Trường Đại học Zaragoza (Tây Ban Nha) tài trợ [H20.20.02.08]; Chương trình Tiếng Anh Access do Đại sứ quán Hoa Kỳ tài trợ [H20.20.02.09]; Trại hè Access Summit 2022 có sự tham gia của ba nước Đông Nam Á [H20.20.02.10].

Nhà trường đã bố trí ngân sách đầu tư cho các hoạt động hợp tác quốc tế, bao gồm cử cán bộ, giảng viên ra nước ngoài tìm kiếm cơ hội hợp tác; tổ chức các hội thảo; đầu tư trang thiết bị phục vụ dự án hợp tác [H20.20.02.11]. Phòng Dự án quốc tế và không gian Friends Tea House được thiết lập với trang thiết bị hiện đại, là minh chứng cụ thể cho cam kết đầu tư bài bản của Trường vào các hoạt động này [H20.20.02.12].

Các hoạt động hợp tác nghiên cứu của Nhà trường đã mang lại những kết quả rõ rệt. Số lượng đề tài cấp tỉnh được nghiệm thu thành công ngày càng tăng, nhiều kết quả nghiên cứu được ứng dụng vào thực tiễn địa phương [H20.20.02.13]. Đồng thời, số lượng và chất lượng các công bố khoa học quốc tế tăng lên đáng kể, đặc biệt là các bài báo thuộc hệ thống ISI/Scopus [H20.20.02.14]. Một số dự án quốc tế đã được ký kết, được UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt và triển khai hiệu quả [H20.20.02.15].

Trường đã tổ chức và đồng tổ chức nhiều hội thảo khoa học với các đối tác trong và ngoài nước [H20.20.02.16]. Các hội thảo này không chỉ tạo cơ hội công bố kết quả nghiên cứu mà còn là diễn đàn kết nối chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước, góp phần quảng bá thương hiệu học thuật của Trường và thúc đẩy hợp tác lâu dài [H20.20.02.17], [H20.20.02.18].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 20.3. Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện

Trường ĐHQB đã thiết lập một hệ thống rõ ràng nhằm theo dõi và đánh giá hiệu quả của các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu. Cụ thể, đối với các đoàn công tác nước ngoài đến làm việc tại Trường, Nhà trường thực hiện các thủ tục xin phép cơ quan quản lý và lập báo cáo sau khi kết thúc chương trình làm việc. Tương tự, khi cử các đoàn ra nước ngoài, Trường đều có công văn xin phép và thực hiện báo cáo sau chuyến đi [H20.20.03.01], [H20.20.03.02].

Ở cấp Trường, hệ thống rà soát hiệu quả hợp tác được tổ chức bài bản với sự tham gia của Ban Giám hiệu, Hội đồng Khoa học và Đào tạo các khoa và phòng ban [H20.20.03.03]. Các quy định liên quan như Quy định về quản lý hoạt động KH-CN [H20.20.03.04] và Quy định về hợp tác quốc tế [H20.20.03.05] đều quy định rõ cơ chế rà soát hiệu quả của các hoạt động hợp tác nghiên cứu.

Hằng năm, Phòng KHCN-ĐN&HL ban hành thông báo kê khai giờ NCKH và tổ chức rà soát hiệu quả hợp tác nghiên cứu khoa học của toàn Trường, dựa trên tổng hợp báo cáo từ các khoa, đơn vị trực thuộc. Phòng. Các đơn vị trong Trường thực hiện đánh giá nội bộ và gửi kèm báo cáo kết quả, sản phẩm minh chứng để Phòng tổng hợp và trình Ban Giám hiệu phê duyệt [H20.20.03.06]

Bên cạnh đó, Nhà trường triển khai khảo sát ý kiến của các bên liên quan về các hoạt động hợp tác KH-CN. Kết quả khảo sát và báo cáo rà soát là cơ sở để điều chỉnh chính sách, kế hoạch và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hợp tác trong năm học tiếp theo hoặc các giai đoạn tiếp theo [H20.20.03.07].

Phòng KHCN-ĐN&HL còn đảm nhận vai trò tổ chức triển khai, giám sát tiến độ và nghiệm thu các đề tài KH-CN để kiểm tra tình hình thực hiện đề tài [H20.20.03.08], đồng thời đánh giá các hoạt động hợp tác với các viện, khoa, tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước.

Các hoạt động hợp tác quốc tế không chỉ nhằm quảng bá hình ảnh của Nhà trường mà còn góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu và vị thế học thuật của Trường trên phạm vi khu vực và quốc tế. Vì vậy, Nhà trường luôn bám sát các hoạt động và thực hiện các loại báo cáo đối ngoại và hợp tác quốc tế gửi đến các cơ quan cấp trên như Văn phòng UBND tỉnh, UBND tỉnh, Cục hợp tác quốc tế và Bộ Giáo dục và đào tạo [H20.20.03.09]. Ngoài ra, Trường còn tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của các đơn vị tuyển dụng đối với chất lượng sinh viên tốt nghiệp và báo cáo về tổng hợp kết quả khảo sát cựu sinh viên về chương trình đào tạo năm 2024 [H20.20.03.10].

Hiệu quả và nguồn lực từ các hoạt động hợp tác được rà soát định kỳ, thể hiện rõ trong kế hoạch hoạt động của Trường và các đơn vị liên quan như Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên, Phòng Quản trị và các khoa chuyên môn. Các đơn vị này có trách nhiệm tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học theo các kế hoạch làm việc do phòng KHCN-ĐN&HL ban hành [H20.20.03.11].

Từ các báo cáo tháng, quý và đề xuất của các đơn vị, Ban Giám hiệu chỉ đạo các biện pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng hợp tác. Ban Giám hiệu cũng thường xuyên tổ chức họp giao ban để theo dõi tiến độ, hiệu quả thực hiện hợp tác và chỉ đạo các đơn vị tăng cường hoạt động này [H20.20.03.12].

Ngoài ra, hằng năm, Nhà trường tiến hành rà soát các kế hoạch dài hạn về hoạt động KH-CN và hợp tác quốc tế để có những điều chỉnh phù hợp với bối cảnh trong nước và quốc tế thông qua báo cáo tổng kết [H20.20.03.13]. Đồng thời, Trường cũng ban hành các thông báo về các chương trình học bổng nước ngoài nhằm khuyến khích giảng viên, sinh viên tích cực tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng; chương trình hợp tác quốc tế, hội thảo khoa học, dự án nghiên cứu và công bố quốc tế [H20.20.03.14].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 20.4 – Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu

Nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác nghiên cứu và đáp ứng các mục tiêu chiến lược trong khoa học công nghệ và quốc tế hóa giáo dục, Trường Đại học Quảng Bình đã chủ động rà soát toàn diện các quan hệ đối tác hiện có. Trên cơ sở kết quả rà soát, Nhà trường phân công Phòng Khoa học Công nghệ, Đối ngoại và Hợp tác liên kết (KHCN-ĐN&HL) làm đầu mối phối hợp với các đơn vị chức năng và khoa chuyên môn đề xuất các giải pháp cải thiện và phát triển quan hệ hợp tác trong nghiên cứu khoa học (NCKH) và hợp tác quốc tế **[H20.20.04.01]**.

Các giải pháp cải thiện được cụ thể hóa trong các báo cáo định kỳ và được phổ biến tại các cuộc họp giao ban hằng tháng với lãnh đạo các đơn vị, đảm bảo việc triển khai thống nhất trong toàn Trường **[H20.20.04.02]**. Phòng KHCN-ĐN&HL giữ vai trò điều phối thực hiện, đồng thời tiến hành sàng lọc, lựa chọn lại các đối tác chiến lược nhằm nâng cao hiệu quả và giá trị thực tiễn từ các hoạt động hợp tác nghiên cứu.

Từ năm 2020 đến nay, Nhà trường tiếp tục tuyển sinh đào tạo khoá Dự bị tiếng Việt cho LHS Lào từ khoá DBTVK14 đến DBTVK18, đảm bảo số lượng tuyển sinh hàng năm tương đối ổn định. Số lượng sinh viên sau khi hoàn thành khoá DBTV tiếp tục đăng ký học các chuyên ngành đào tạo đại học cũng được duy trì với số lượng tương đối ổn định trong các năm **[H20.20.04.03]**.

Nhà Trường đã không ngừng mở rộng hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước thông qua việc đồng tổ chức các hội thảo khoa học mang tầm quốc gia và quốc tế, cụ thể:

- Năm 2022: Phối hợp với Văn phòng tiếng Anh khu vực RELO (Đại sứ quán Hoa Kỳ) tổ chức Trại hè Access Summit 2022 dành cho giáo viên và học sinh chương trình Access từ Lào, Campuchia và Việt Nam **[H20.20.04.04]**.

- Năm 2024: Cử đoàn công tác tham gia đồng tổ chức Hội thảo quốc tế “Education for Sustainable Development” tại Trường Đại học Udon Thani Rajabhat, Thái Lan **[H20.20.04.05]**.

- Năm 2025: Phối hợp với Công ty Cổ phần Nhân lực Nikko tổ chức hội thảo quốc tế “Định hướng du học sau đại học tại Hàn Quốc” cho sinh viên năm cuối của Trường [H20.20.04.06].

Ngoài hoạt động hội thảo, Trường cũng là đơn vị chủ trì nhiều đề tài KH&CN cấp tỉnh đã được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng thực tiễn. Trong quá trình nghiệm thu, Trường thường xuyên mời chuyên gia từ các sở, ban, ngành và các trường phổ thông tham gia hội đồng đánh giá nhằm tăng cường tính thực tiễn và khách quan cho các đề tài [H20.20.04.07]. Các công trình tiêu biểu được gửi tham dự Giải thưởng KH&CN tỉnh Quảng Bình hằng năm [H20.20.04.08].

Hướng đến mục tiêu hội nhập và phát triển bền vững, Trường tích cực tạo điều kiện cho giảng viên và sinh viên tham gia các mạng lưới học thuật, dự án và chương trình nghiên cứu quốc tế. Nhờ đó, Trường đã thiết lập được mạng lưới hợp tác rộng khắp với các trường đại học, viện nghiên cứu và tổ chức phi chính phủ quốc tế thông qua các bản ghi nhớ hợp tác chính thức (MoU, MoA) [H20.20.04.09].

Hằng năm, Trường chủ động xây dựng kế hoạch tiếp đón các đoàn khách quốc tế đến làm việc, trao đổi học thuật và tìm kiếm cơ hội hợp tác trong nghiên cứu, đào tạo và trao đổi nhân sự. Song song, Trường cũng cử các đoàn ra nước ngoài để mở rộng hợp tác, đồng chủ trì dự án và khảo sát tiềm năng liên kết học thuật [H20.20.04.10].

Kết quả từ các hoạt động hợp tác trên đã mang lại những lợi ích thiết thực như: tăng số lượng học bổng sau đại học cho giảng viên và sinh viên [H20.20.04.11], mở rộng cơ hội việc làm thông qua các chương trình thực tập và tuyển dụng từ doanh nghiệp trong và ngoài nước [H20.20.04.12].

Tổng thể, các hoạt động cải thiện và phát triển quan hệ hợp tác nghiên cứu tại Trường ĐHQB đã đạt được các mục tiêu đề ra, thể hiện qua:

- Việc lựa chọn và xây dựng lại các đối tác chiến lược sau rà soát;
- Sự gia tăng về số lượng và chất lượng các đối tác trong nước và quốc tế;

- Hiệu quả hợp tác gắn với việc nâng cao năng lực nghiên cứu, đào tạo và hội nhập;

- Tăng cường nguồn lực nhân lực và tài lực cho nhà trường thông qua các hoạt động liên kết bền vững.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 20

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường đã có các chính sách liên kết, hợp tác với các trường đại học trên thế giới và đã ký kết và thực hiện nhiều biên bản ghi nhớ hợp tác (MOU) với các đối tác ở các khu vực khác nhau. Cụ thể khu vực châu Á kết nối hợp tác với Lào, Thái Lan, Campuchia, Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, và Ấn Độ; khu vực Châu Âu kết nối và hợp tác với một số nước như Ba Lan, Tây Ban Nha, Litva, Bun ga ri; khu vực Châu Mỹ các nước như Hoa Kỳ, Canada.

- Nhà trường đã phối hợp được với các đối tác nước ngoài tổ chức được các hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Hoạt động rà soát, đánh giá hiệu quả từ các hoạt động hợp tác quốc tế chưa mang tính toàn diện, đi vào chiều sâu.

- Số lượng các hợp tác quốc tế mang lại nguồn thu và CSVC cho Trường còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng quy trình ISO cụ thể để rà soát, đánh	Phòng KHCN-	Hàng năm	

		giá hiệu quả từ các hoạt động hợp tác quốc tế.	ĐN&HL		
2	Khắc phục tồn tại 2	Xây dựng cơ chế khuyến khích cho CBVC khi tìm kiếm được các chương trình/ dự án quốc tế.	Phòng KHTC, Phòng KHCN-ĐN&HL	Hàng năm	
3	Phát huy điểm mạnh 1	Tổ chức thực hiện hiệu quả các MOU/MOA đã được ký kết.	Phòng KHCN-ĐN&HL	Hàng năm	
4	Phát huy điểm mạnh 2	Tăng cường phối hợp với các đối tác nước ngoài tổ chức các sự kiện khoa học quốc tế.	Phòng KHCN-ĐN&HL	Hàng năm	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 20	4,75
Tiêu chí 20.1	5
Tiêu chí 20.2	4
Tiêu chí 20.3	5
Tiêu chí 20.4	5

Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 21.1. Xây dựng được kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của CSGD

Trường Đại học Quảng Bình ban hành chính sách phục vụ cộng đồng dành cho cả 2 đối tượng là cán bộ viên chức, người lao động và sinh viên. Nghị quyết số 1699/NQ-HĐTĐHQB ngày 22/10/2021 ban hành Quy chế tổ chức hoạt

động của Trường ĐHQB [H21.21.01.01]. Theo đó, các hoạt động phục vụ cộng đồng gồm 2 hình thức là các hoạt động mang tính thiện nguyện và các hoạt động mang tính chuyên môn. Sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường xác định rõ "đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao", "thực hiện nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ", "phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Bình và cả nước". Xuất phát từ tầm nhìn và sứ mạng; công tác kết nối phục vụ cộng đồng được Trường xác định các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, bao gồm: 1/ Đào tạo trình độ cử nhân, thạc sỹ, tiến sỹ các ngành, chuyên ngành đào tạo được phê duyệt; đào tạo các trình độ khác; tổ chức các hình thức đào tạo, bồi dưỡng khác. 2/ Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ khoa học công nghệ; 3/ Hợp tác, liên kết trong và ngoài nước liên quan đến giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; 4/ Thực hiện các chức năng khác bao gồm: xây dựng và phát triển đội ngũ, kết cấu hạ tầng phục vụ đào tạo và nghiên cứu; phục vụ cộng đồng; quản lý viên chức và người lao động; tài chính, tài sản theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, Nhà trường đã ban hành Quyết định Số 239/QĐ-ĐHQB ngày 08/2/2022 nhằm công bố rộng rãi "*Sứ mạng, Tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Trường ĐHQB*" [H21.21.01.02].

Chương VIII Nghị quyết số 1699/NQ-HĐTĐHQB đã xác định rõ ràng nội dung kết nối và phục vụ cộng đồng bao gồm: mục tiêu, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động, nội dung và công tác quản lý kết nối và phục vụ cộng đồng.

Nhà trường cụ thể hóa các mục tiêu chiến lược về phục vụ cộng đồng bằng Quyết định Số 1294/QĐ-ĐHQB ngày 30/7/2021 về việc ban hành Kế hoạch, chiến lược phát triển Trường ĐHQB giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2035 [H21.21.01.03]. Theo chức năng, nhiệm vụ đã được quy định [H21.21.01.04], Phòng Đào tạo phối hợp với các khoa chuyên môn xây dựng các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn đáp ứng nhu cầu xã hội và xây dựng kế hoạch tuyển sinh, bồi dưỡng nâng cao năng lực của giáo viên và các đối tượng có nhu cầu [H21.21.01.05], Công đoàn [H21.21.01.06], Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên phối hợp với các công đoàn bộ phận, liên chi xây dựng kết

hoạch, tổ chức các hoạt động chuyên môn và thiện nguyện để thúc đẩy sự phát triển bền vững của cộng đồng[H21.21.01.07]. Ngoài ra, Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên xây dựng Kế hoạch Chiến dịch Sinh viên tình nguyện hè[H21.21.01.08].

Hội Sinh viên xây dựng và triển khai Kế hoạch tổ chức chương trình Tình nguyện mùa đông và Xuân tình nguyện [H21.21.01.09] hỗ trợ hội viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (mồ côi cả cha lẫn mẹ, sinh viên mắc bệnh hiểm nghèo), con thương bệnh binh và sinh viên là đồng bào dân tộc thiểu số. Bên cạnh đó, Hội Sinh viên đã thực hiện Kế hoạch về việc hỗ trợ hội viên bị thiệt hại do mưa lũ [H21.21.01.10] cấp phát thuốc tiết trùng nước Aquatabs cho hơn 300 hội viên và người nhà.

Nhằm thực hiện tốt chức năng phục vụ sinh viên và cộng đồng, Nhà trường đã ban hành các Quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp[H21.21.01.11], Trung tâm Học liệu[H21.21.01.12], Nội quy sử dụng Nhà thi đấu đa năng[H21.21.01.13], Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học [H21.21.01.14].

Đối với hoạt động hiến máu tình nguyện, Nhà trường đã triển khai các Kế hoạch Hiến máu tình nguyện [H21.21.01.15] đã huy động hơn 3500 đơn vị máu cho cộng đồng và các đơn vị liên quan.

Đối với lĩnh vực hợp tác quốc tế, Nhà trường đã ban hành Quy định quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế tại Trường Đại học Quảng Bình [H21.21.01.16].

Nhằm đa dạng hóa các loại hình đào tạo, Nhà trường đã xây dựng các kế hoạch, quyết định để phục vụ tốt hơn của cộng đồng như Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ tại Trường ĐHQB[H21.21.01.17], tổ chức đào tạo bổ sung kiến thức cho học sinh dân tộc thiểu số và các huyện nghèo theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP [H21.21.01.18], lưu học sinh học tập tại Trường ĐHQB [H21.21.01.19].

Hàng quý, các đơn vị báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động và

thông qua kế hoạch triển khai cho quý tiếp theo [H21.21.01.20].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 21.2. Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện

Trên cơ sở các kế hoạch hoạt động hàng năm được Nhà trường phê duyệt và Kế hoạch triển khai hàng quý; hàng năm các đơn vị triển khai các hoạt động phục vụ cộng đồng theo đúng quy định [H21.21.01.03].

Trong 05 năm qua, Nhà trường đã cơ bản thực hiện được hiệu quả các hoạt động phục vụ cộng đồng:

1/ Về nhóm hoạt động tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ giáo viên phổ thông và các đối tượng có nhu cầu.

Trong 05 năm qua, Trường đã triển khai Kế hoạch số 09/KH-ĐHQB ngày 4/1/2021 Tổ chức khóa bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các địa phương và đáp ứng nhu cầu nâng cao trình độ của người học [H21.21.02.01]. Ngoài ra Nhà trường đang triển khai thực hiện các chương trình bồi dưỡng ngắn hạn, trong đó trọng tâm là bồi dưỡng giáo viên theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp [H21.21.02.02]. Xây dựng chương trình bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên các cấp đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

2/ về nhóm hoạt động thực hiện các đề tài khoa học mang tính thực tiễn để hỗ trợ cộng đồng, chuyển giao các kết quả KHCN cho các địa phương

Trường thực hiện nhiều đề tài KHCN cấp tỉnh, đã được nghiệm thu và ứng dụng vào thực tế.

Dự án giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn (Thực hiện: 4/2018 – 12/2020) góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục về phòng tránh tai nạn bom mìn [H21.21.02.03].

Dự án “Quốc tế hóa và trao đổi trực tuyến: Không biên giới giữa Châu Âu và các nước Châu Á” (Harmony Erasmus+) (2021-2024) [H21.21.02.04]. Quyết định phê duyệt khoản viện trợ Dự án Quốc tế hóa và trao đổi trực tuyến: không

biên giới giữa các nước thuộc châu Âu và châu Á do trường ĐH Zaragora (Tây Ban Nha) tài trợ [H21.21.02.05].

Ngoài ra, Đoàn thanh niên, Hội Sinh viên đã thực hiện các chương trình tình nguyện hè [H21.21.01.08], Chương trình Chủ nhật xanh và ngày Thứ 7 tình nguyện [H21.21.02.06] phục vụ cho cộng đồng địa phương,

4/ về Công tác thiện nguyện, hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ các địa phương khó khăn, tìm kiếm nguồn học bổng hỗ trợ sinh viên khó khăn.

Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên đã triển khai nhiều hoạt động tình nguyện, thiện nguyện như: Chương trình tiếp sức mùa thi, tiếp sức đến trường; Chiến dịch tình nguyện hè [H21.21.01.08], Chung tay xây dựng nông thôn mới; Hiến máu nhân đạo [H21.21.01.15] cùng các hoạt động Xuân tình nguyện Tết chia sẻ - Tết yêu thương [H21.21.01.07], Phong trào tình nguyện giúp đồng bào vùng sâu vùng xa, thăm tặng quà các trung tâm bảo trợ xã hội và chăm nom phụng dưỡng các gia đình chính sách, mẹ Việt Nam anh hùng. Hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững; Công đoàn, Đoàn thanh niên đã phối hợp với các đơn vị trong và ngoài trường triển khai một số chương trình như: Cuộc thi “Tìm hiểu Luật phòng, chống ma túy”, Phong trào “Sinh viên khởi nghiệp” [H21.21.02.08]. Trong bối cảnh COVID, Hội Sinh viên Nhà trường đã tổ chức Chương trình xây dựng Video phòng chống dịch bệnh COVID 19 để giúp cộng đồng phòng ngừa dịch bệnh COVID 19. Ngoài ra, hằng năm; CBVC cũng ủng hộ các quỹ Vì người nghèo; Quỹ vaccine phòng COVID-19. Quyết định về việc trợ cấp xã hội và phần thưởng khuyến khích học tập cho sinh viên các năm học [H21.21.02.09] cũng như các học bổng nhằm động viên khích lệ sinh viên [H21.21.02.10].

Có thể thấy, hoạt động kết nối và PVCD của Nhà trường được tổ chức đa dạng, phong phú ở nhiều lĩnh vực, loại hình khác nhau qua từng hoạt động cụ thể đã mang lại hiệu quả, giá trị thực tiễn, được thể hiện sinh động qua các báo cáo tổng kết, đánh giá hàng năm của các đơn vị, đoàn thể và Nhà trường [H21.21.02.11]. Nhà trường đã duyệt chi nguồn kinh phí và kêu gọi các nguồn

tài trợ từ các doanh nghiệp, tổ chức cho hoạt động xã hội [H21.21.02.12]. Ngoài ra, thông qua việc triển khai các dịch vụ PVCD, Nhà trường đã thu được nguồn kinh phí nhất định từ các hoạt động dịch vụ [H21.21.02.13].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 21.3. Triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng

Đối với hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, Nhà trường đã ban hành Quyết định số 1704/QĐ-ĐHQB ngày 22/10/2021 Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường ĐHQB trong đó có điều khoản đo lường, giám sát, đánh giá và khen thưởng kịp thời hoạt động kết nối và PVCD [H21.21.03.01]. Bên cạnh đó Quyết định số 498/QĐ – ĐHQB ngày 14/5/2020 ban hành Quy chế thi đua khen thưởng Trường Đại học Quảng Bình đã xây dựng hệ thống định lượng, đo lường hoạt động thi đua, khen thưởng cho các cá nhân và tập thể [H21.21.03.02]. Quyết định số 1704/QĐ-ĐHQB ngày 22/10/2021 ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường ĐHQB [H21.21.03.01].

Đối với các hoạt động phục vụ cộng đồng hàng quý và hàng năm, hàng năm tùy theo lĩnh vực, các đơn vị mà trường tổ chức báo cáo tổng kết các hoạt động kết nối và PVCD đã triển khai thông qua. Báo cáo tổng kết công tác của các đơn vị, tổ chức đoàn thể từ năm 2018 đến nay của Đoàn Thanh niên - Hội sinh viên [H21.21.02.11].

Hội Sinh viên trường đã ban hành Quyết định Số 29-QĐ/HSV ngày 25/8/2020 ban hành Quy định về tiêu chuẩn xét chọn danh hiệu “Sinh viên 5 tốt” và “Tập thể sinh viên 5 tốt” cấp Trường giai đoạn 2020 - 2023 (sửa đổi, bổ sung) [H21.21.03.03] để đo lường kết quả hoạt động tình nguyện của sinh viên và Hội Sinh viên. Quy định tiêu chuẩn và mức xét học bổng khuyến khích học tập [H21.21.02.09].

Trong các hoạt động PVCD được tổ chức cũng được giám sát, đánh giá qua các tiêu chí và phương pháp phù hợp với mỗi loại hình.

Đối với hoạt động lấy ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động về chất

lượng sinh viên tốt nghiệp và chương trình đào tạo

Để đánh giá các hoạt động phục vụ hỗ trợ sinh viên, Nhà trường xây dựng hệ thống đo lường thông qua tổ chức lấy ý kiến sinh viên thông qua khảo sát khóa học thông qua các phiếu khảo sát về mức độ hài lòng với các chất lượng phục vụ các phòng ban để có sự điều chỉnh cho phù hợp **[H21.21.03.04]**, Đồng thời trong quá trình bồi dưỡng trường đã triển khai Kế hoạch lấy ý kiến phản hồi từ nhà sử dụng lao động về chất lượng sinh viên tốt nghiệp và chương trình đào tạo của Trường ĐHQB **[H21.21.03.05]**.

Phòng Chính trị - Quản lý Sinh viên đã tham mưu xây dựng quy định về hệ thống đo lường, giám sát hoạt động kết nối và PVCD thông qua Quyết định số 815/QĐ-ĐHQB ngày 02/5/2018 ban hành Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của SV hệ chính quy Trường ĐHQB **[H21.21.03.06]**.

Nhà trường đo lường thông qua số lượng các đề tài NCKH hợp tác với các địa phương; số lượng các sản phẩm khoa học công nghệ được chuyển giao cho các địa phương; số lượng các hội nghị, hội thảo khoa học các cấp được tổ chức; số lượng giảng viên tham gia các hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước thông qua Báo cáo tổng kết hàng năm của Phòng Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế **[H21.21.03.07]**.

Đối với Công tác thiện nguyện, hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ các địa phương khó khăn, tìm kiếm nguồn học bổng hỗ trợ sinh viên khó khăn.

Nhà trường đo lường, giám sát thông qua số lượng các hoạt động tình nguyện, thiện nguyện; số lượng các chương trình hướng đến phát triển bền vững; số lượng hoạt động PVCD mà sinh viên tham gia. Các hoạt động tình nguyện, thiện nguyện được thể hiện ở báo cáo tổng kết của các tổ chức Đoàn Thanh niên- Hội Sinh viên **[H21.21.02.11]**. Các hoạt động tình nguyện, thiện nguyện do Đoàn TN, Hội Sinh viên triển khai sẽ được giám sát bởi Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên. Các chương trình do cán bộ viên chức thực hiện được giao cho Công đoàn phụ trách chính phối hợp với Phòng Tổ chức - Hành chính

để quản lý giám sát thông qua các Báo cáo tổng kết và triển khai phương hướng các năm học [H21.21.03.08].

Các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, các chính sách, qui định liên quan được công bố công khai trên website của nhà trường, phần mềm quản lý văn bản và các phương tiện truyền thông khác, Cổng thông tin điện tử www.qbu.edu.vn là kênh thông tin chính của nhà trường chuyển tải toàn bộ thông tin, chủ trương của nhà trường về các hoạt động liên quan [H21.21.03.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 21.4. Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Nhà trường phát triển đa dạng hình thức PVCĐ: Hoạt động tình nguyện, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, hoạt động từ thiện, hoạt động học qua PVCĐ, NCKH, tổ chức hội thảo, nói chuyện chuyên đề...Nhà trường đều có kế hoạch cung cấp dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng, giao nhiệm vụ thực hiện và cải tiến các hoạt động này ở từng đơn vị:

Đoàn thanh niên chịu trách nhiệm phát triển các kế hoạch tình nguyện như Chiến dịch sinh viên tình nguyện hè [H21.21.01.08], Chương trình Tình nguyện mùa Đông [H21.21.01.09], “Hiến máu tình nguyện” [H21.21.01.15], Báo cáo Tháng Thanh niên [H21.21.04.01]. Báo cáo tổng kết chiến dịch tình nguyện hè từ năm 2018 đến 2023 [H21.21.04.02].

Hội Sinh viên chịu trách nhiệm tổ chức các hoạt động “Tiếp sức mùa thi” [H21.21.04.03], “Xuân chia sẻ - Tết yêu thương” [H21.21.02.07], và các hoạt động ngoại khóa khác; Báo cáo tổng kết công tác Hội & Phong trào Sinh viên từ năm 2018 đến 2023 [H21.21.04.04].

Công đoàn phát triển kế hoạch từ thiện như vận động ủng hộ khắc phục thiên tai, dịch bệnh, ủng hộ Quỹ vì người nghèo. Phòng Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế triển khai nhiều dự án, đề tài khoa học có giá trị thực tiễn kết nối PVCĐ. Phòng Chính trị - Quản lý Sinh viên phối hợp với Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên tổ chức các hoạt động trang bị kỹ năng mềm, khởi nghiệp cho sinh

viên **[H21.21.04.05]**. Các báo cáo số tổng hợp kết quả khảo sát của nhà sử dụng lao động về chất lượng sinh viên tốt nghiệp và chương trình đào tạo từ năm năm 2018 đến năm 2023 **[H21.21.03.05]**.

2/ Về nhóm hoạt động thực hiện các đề tài khoa học mang tính thực tiễn để hỗ trợ cộng đồng, chuyển giao các kết quả KHCN cho các địa phương

Nhà trường đã ban hành nhiều chính sách khuyến khích các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, và đổi mới sáng tạo. Đề hoạt động NCKH của nhà trường ngày càng gắn với nhu cầu xã hội, Nhà trường đã hợp tác nghiên cứu với các sở ban ngành trong tỉnh và thành lập nhiều nhóm nghiên cứu để nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học. Nhà trường luôn hỗ trợ tích cực cho GV trong các hồ sơ đề xuất, đấu thầu, thực hiện đề tài KHCN các cấp, đặc biệt là các đề tài KHCN địa phương **[H21.21.04.06]**.

3. Về Công tác thiện nguyện, hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ các địa phương khó khăn, tìm kiếm nguồn học bổng hỗ trợ sinh viên khó khăn.

Đảng ủy đã chỉ đạo Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên hướng tới các hoạt động phục vụ mục tiêu phát triển bền vững thông qua các chương trình năm học được xây dựng từ đầu năm học **[H21.21.01.07]**. Để các hoạt động phục vụ cho sự phát triển cộng đồng ngày càng thực chất mang lại hiệu quả thiết thực, Đoàn Thanh niên phối hợp với Hội Sinh viên thành lập 20 đội nhóm với quy chế tổ chức hoạt động cụ thể giúp cho các hoạt động PVCD được chuyên môn hóa hơn đáp ứng tốt nhu cầu của xã hội thể hiện trong báo cáo năm **[H21.21.02.11]**. Hoạt động PVCD đã được Nhà trường đưa vào thành một tiêu chuẩn đánh giá điểm rèn luyện và tiến đến là một chuẩn đầu ra bắt buộc. Điều này đã tác động rất lớn vào số lượng và chất lượng các hoạt động kết nối và PVCD nói chung, đặc biệt là các hoạt động tình nguyện, thiện nguyện ngày càng đi vào thực chất đáp ứng thiết thực đến nhu cầu của các bên liên quan **[H21.21.03.06]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 21:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Các hoạt động kết nối và PVCD của Nhà trường được triển khai đa dạng và phong phú góp phần phục vụ cho sự phát triển của cộng đồng ở khu vực tỉnh Quảng Bình.

- Các hoạt động PVCD của Nhà trường gắn chặt với thế mạnh của Nhà trường nên mang hiệu quả cao và phạm vi tác động.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Các hoạt động tình nguyện, thiện nguyện tập trung chủ yếu ở các huyện,thị trong tỉnh Quảng Bình.

- Các chương trình hướng đến mục tiêu phát triển bền vững còn tự phát chưa có chiến lược tổng thể.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng kế hoạch tiếp cận những vùng sâu vùng xa trong trên khu vực miền núi tỉnh Quảng Bình	Công đoàn, Đoàn TN, Hội Sinh viên, Hội Chữ Thập đỏ	Từ 2024	
2	Khắc phục tồn tại 2	Xây dựng kế hoạch tổng thể cho các hoạt động hướng đến mục tiêu phát triển bền vững và phân công cho các đơn vị trong Trường triển khai các hoạt động theo thế mạnh của đơn vị.	Công đoàn /Đoàn TN phối hợp với các Khoa	Từ 2024	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
3	Phát huy điểm mạnh 1	Phân bổ các hoạt động kết nối và PVCĐ cho các Khoa dựa theo thế mạnh của từng Khoa nhằm phát huy tính đa ngành đa lĩnh vực của Trường	Các đơn vị	Từ 2024	
4	Phát huy điểm mạnh 2	Tăng cường các hoạt động chuyển giao công nghệ để hỗ trợ cộng đồng.	Phòng QLKH & HTQT	Từ 2024	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 21</i>	<i>4,00</i>
Tiêu chí 21.1	4
Tiêu chí 21.2	4
Tiêu chí 21.3	4
Tiêu chí 21.4	4

Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo

Tiêu chí 22.1. Tỷ lệ NH đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT, các môn học/học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trường Đại học Quảng Bình tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ. Khóa học là thời gian thiết kế để SV hoàn thành một CTĐT cụ thể. Nhà trường dựa vào các Quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo để xây dựng các Quy định, Quy chế đào tạo áp dụng tại Trường. Các điều kiện tốt nghiệp, xử lý học

vụ và quy trình đào tạo, thời gian thiết kế cho từng trình độ đào tạo và thời gian đào tạo tối đa cho các trình độ đào tạo được quy định rõ trong các quy chế đào tạo của Nhà trường [H22.22.01.01]. Thời gian thực hiện các CTĐT của Trường, các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ được quy định rõ trong CTĐT và được thông báo cho SV vào đầu mỗi khóa học, qua đó đánh giá được NH từ chất lượng đầu vào, chất lượng quá trình đào tạo đến chất lượng tốt nghiệp đầu ra [H22.22.01.02].

Vào đầu năm học, ngoài công bố CTĐT toàn khóa, Nhà trường công bố Kế hoạch đào tạo năm học, thời khoá biểu, kế hoạch thực tập tốt nghiệp và thời gian xét tốt nghiệp để người học nắm được và thực hiện và thông báo công khai để sinh viên chủ động thời gian, xây dựng kế hoạch học tập cá nhân [H22.22.01.03], [H22.22.01.04], [H22.22.01.05].

Nhà trường có phần mềm quản lý đào tạo do đó các chỉ số liên quan đến NH như: thông tin cá nhân, các kết quả học tập, rèn luyện, kết quả xử lý học vụ, kết quả tốt nghiệp... luôn được lưu trữ, theo dõi, và đối sánh để cải tiến [H22.22.01.06]. Từng học kỳ, Nhà trường tiến hành tổng hợp kết quả học tập để công bố cho sinh viên [H22.22.01.07]. Nhà trường thông qua cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm theo dõi kết quả học tập theo kỳ và năm học của NH để nắm bắt được tình hình học tập của lớp mà mình quản lý và làm điểm rèn luyện, phối hợp phòng Chính trị và công tác sinh viên công bố điểm rèn luyện cho từng sinh viên [H22.22.01.08].

Việc xét cảnh báo học tập và buộc thôi học cho NH các khóa đang học trong trường được thực hiện từng kỳ sau khi có kết quả học tập và rèn luyện. Tỷ lệ người học bị cảnh báo học tập, bị buộc thôi học, được học tiếp được tổng hợp báo cáo trước các Hội đồng một cách đầy đủ, rõ ràng [H22.22.01.09]. Hàng năm, Trường tổ chức nhiều đợt xét tốt nghiệp cho SV. Trước mỗi đợt xét tốt nghiệp, Phòng Đào tạo tổng hợp danh sách gửi các đơn vị liên quan và báo cáo về tỷ lệ SV tốt nghiệp trình cho Hội đồng xét tốt nghiệp của Trường [H22.22.01.10]. Thành viên của các Hội đồng xét tốt nghiệp, thôi học bao gồm:

Ban Giám hiệu, Trưởng các đơn vị liên quan trong trường [H22.22.01.11]. Quy trình xét tốt nghiệp và xét cảnh báo học tập, thôi học và học tiếp bao gồm nhiều công đoạn có sự tham gia giám sát của nhiều bộ phận trong Trường. Sau khi thao tác trên phần mềm quản lý, Phòng Đào tạo chuyển danh sách phản hồi cho các đơn vị, các khoa quản lý sinh viên, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên trước khi tập hợp danh sách trình Hội đồng xét. Hội đồng tiến hành rà soát danh sách thuộc diện xử lý học vụ và tốt nghiệp rồi ban hành các Quyết định [H22.22.01.12], [H22.22.01.13]. Bên cạnh đó, danh sách sinh viên chưa đạt điều kiện tốt nghiệp cũng được thông kê đầy đủ trước các đợt xét [H22.22.01.14]. Như vậy có thể thấy tỷ lệ người học đạt yêu cầu, tỷ lệ thôi học của các CTĐT được giám sát một cách thường xuyên, chặt chẽ. Hàng năm, dựa trên kết quả tốt nghiệp và kết quả xử lý học vụ được tổng hợp sau kết luận của Hội đồng xét, Nhà trường xác định, đánh giá và đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học [H22.22.01.15], [H22.22.01.16]. Tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học được tính bằng cách lấy số lượng sinh viên tốt nghiệp, thôi học chia cho số lượng sinh viên tuyển sinh nhập học.

Bảng 22.1.1. Bảng đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp của các khóa đào tạo đại học hệ chính quy trên toàn trường

	KHÓA ĐÀO TẠO					
	2016-2020	2017-2021	2018-2022	2019-2023	2020-2024	2021-2025*
SLSV TN	417	314	178	155	172	233
Tỷ lệ TN so với đầu vào (%)	77.37	75.66	72.06	68.89	71.67	73.5

Bảng 22.1.2. Bảng đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp của các CTĐT ĐH hệ chính quy

Chuyên ngành	Tỷ lệ tốt nghiệp của các khóa đào tạo (%)					
	2016-2020	2017-2021	2018-2022	2019-2023	2020-2024	2021-2025*
Giáo dục Mầm non	81.45	77.78	75.76	66.67	91.18	76
Giáo dục Tiểu học	80.67	77.32	84.31	80.85	77.92	89.2
Giáo dục Chính trị	-	62.50	-	-	-	-

Giáo dục thể chất	62.50	50.00	-	-	-	52.6
Sư phạm Ngữ văn	69.23	53.85	-	80	-	60
Sư phạm Toán học	80.00	66.67	-	-	-	85.7
Sư phạm Hóa học	81.25	-	-	-	40	-
Sư phạm Vật lý	76.00	-	-	-	-	-
Địa lý học	-	-	30.77	33.33	-	-
Công nghệ thông tin	65.00	90.00	84	68.42	62.07	50
Luật	75.71	75.68	80.77	63.16	-	-
Kế toán	-	80.00	66	72.34	76.32	80
Quản trị kinh doanh	85.71	72.73	61.54	58.82	66.67	33.3
Ngôn ngữ Anh	62.50	81.82	62.07	53.33	55	33.3
Ngôn ngữ Trung Quốc	-	-	-	-	-	90
Quản lý TN và MT	71.43	-	75	100	20	-
Kỹ thuật điện	-	-	66.67	100	-	-
Kỹ thuật phần mềm	-	-	-	100	-	-
Quản trị dịch vụ du lịch - LH	-	-	-	50	75	-

Bảng 22.1.3. Bảng đối sánh tỷ lệ thôi học của các khóa đào tạo đại học hệ chính quy trên toàn trường

	KHÓA ĐÀO TẠO					
	2016-2020	2017-2021	2018-2022	2019-2023	2020-2024	2021-2025
SLSV thôi học	119	91	64	61	48	69
Tỷ lệ sv thôi học/đầu vào (%)	22.08	21.93	25.91	27.11	20.25	21.77

Bảng 22.1.4. Bảng đối sánh tỷ lệ thôi học của các CTĐT đại học hệ chính quy

Chuyên ngành	Tỷ lệ thôi học của các khóa đào tạo (%)					
	2016-2020	2017-2021	2018-2022	2019-2023	2020-2024	2021-2025
Giáo dục Mầm non	18.55	21.21	21.21	33.33	2.9	23.9
Giáo dục Tiểu học	18.49	18.75	11.76	14.89	18.18	9.9
Giáo dục Chính trị	-	50.00	-	-	-	-

Giáo dục thể chất	37.50	25.00	-	-	-	31.5
Sư phạm Ngữ văn	28.21	38.46	-	20	-	28
Sư phạm Toán học	20.00	27.78	-	-	-	14.2
Sư phạm Hóa học	18.75	-	-	-	-	-
Sư phạm Vật lý	24.00	-	-	-	-	-
Địa lý học	-	-	69.23	33.33	-	-
Công nghệ thông tin	35.00	10.00	16	15.79	20.69	40
Luật	24.29	22.97	15.38	31.58	-	-
Kế toán	-	16.00	34	23.40	18.42	13.3
Quản trị kinh doanh	14.29	27.27	30.77	41.18	23.81	66.6
Ngôn ngữ Anh	33.33	20.59	37.93	46.67	35	50
Ngôn ngữ Trung Quốc						10
Quản lý TN và MT	28.57	-	25	0	60	-
Kỹ thuật điện	-	-	33.33	0	-	-
Quản trị dịch vụ du lịch và Lh	-	-	-	50	25	-

Qua số liệu đối sánh Bảng 22.1.1, 22.1.2, 22.1.3, 22.1.4 cho thấy tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có tỉ lệ khá cao (từ 70% /tổng số sinh viên nhập học) nhưng có biến động tăng giảm nhẹ và tỉ lệ thuận với sinh viên thôi học. Tỉ lệ sinh thôi học dao động ở mức 20% và chủ yếu sẽ rơi vào năm đầu tiên do sinh viên có xu hướng chuyển ngành đào tạo, nhận được học bổng du học, do sức khỏe không đảm bảo, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Qua bảng chi tiết đối sánh tỉ lệ thôi học các CTĐT cho thấy các ngành có tỉ lệ thôi học cao là những ngành có khả năng tìm việc làm thấp cũng như có số lượng sinh viên đầu vào ít dẫn đến tỉ lệ thôi học cao so với nhập học như Giáo dục Chính trị, Quản lý tài nguyên và MT... Tuy nhiên, Nhà trường cũng đã có những chính sách khuyến khích học tập nên tỉ lệ sinh viên thôi học có xu hướng giảm và tỉ lệ tốt nghiệp tăng từ khóa tuyển sinh năm 2020.

Bảng 22.1.5. Tỉ lệ SV học lại, thi lại giai đoạn 2020-2025.

	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025

Tỉ lệ SV học lại, thi lại	14%	16.6%	12.3%	6.63%	4.9%	1.16%
---------------------------	-----	-------	-------	-------	------	-------

Bên cạnh đó, hàng năm nhà trường thống kê danh sách sinh viên học lại, thi lại và so sánh qua các năm để có phương án hỗ trợ sinh viên nhằm giảm tình trạng nợ môn ở sinh viên. Tỉ lệ SV học lại, thi lại của các CTĐT qua từng năm có giảm đáng kể [H22.22.01.17]. Thông qua đội ngũ cố vấn học tập đôn đốc người học rà soát lại các học phần chưa học để tránh học sót môn, tư vấn định hướng cách thức học tập của người học. Bên cạnh đó Nhà trường giao cho các Khoa, cố vấn học tập gặp trực tiếp người học thuộc diện bị cảnh báo học tập để nhắc nhở và tư vấn về tiến độ học tập, lộ trình đăng ký môn học...., qua đó giúp giảm tỉ lệ học lại, thi lại của SV.

Số liệu sinh viên tốt nghiệp đúng hạn cũng được xác lập bằng cách lấy số lượng sinh viên có thời gian tốt nghiệp cuối học kỳ 8 (4 năm theo thiết kế chương trình đào tạo) chia cho tổng sinh viên tốt nghiệp toàn khóa.

Bảng 22.1.6. Bảng đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn của các khóa đào tạo đại học hệ chính quy trên toàn trường

	KHÓA ĐÀO TẠO					
	2016-2020	2017-2021	2018-2022	2019-2023	2020-2024	2021-2025*
Số lượng sv tốt nghiệp đúng hạn	294	276	150	138	168	233
Tỷ lệ sv tốt nghiệp đúng hạn so với tổng SV tốt nghiệp (%)	70.50	87.90	84.27	89.3	97.67	93.95

Bảng 22.1.7. Bảng đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn của các CTĐT đại học hệ chính quy

Chuyên ngành	Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn					
	2016-2020	2017-2021	2018-2022	2019-2023	2020-2024	2021-2025
Giáo dục Mầm non	85.15	93.51	80	100	100	100
Giáo dục Tiểu học	78.13	85.33	90.70	97.37	98.33	99

Giáo dục Chính trị	-	100.00	-	-	-	-
Giáo dục thể chất	80.00	100.00	-	-	-	76.9
Sư phạm Ngữ văn	66.67	85.71	-	-	-	83.3
Sư phạm Lịch sử	-	-	-	-	-	-
Sư phạm Toán học	70.00	83.33	-	-	-	100
Sư phạm Hóa học	84.62	-	-	-	100	-
Sư phạm Vật lý	84.21	-	-	-	-	-
Địa lý học	-	-	100		-	-
Công nghệ thông tin	23.08	94.44	95.24	84.62	94.44	83.3
Luật	66.04	78.57	80.95	91.67	-	-
Kế toán	-	85.00	81.82	82.35	96.55	92.3
Quản trị kinh doanh	33.33	87.50	75	90	100	100
Ngôn ngữ Anh	0.00	96.30	72.22	68.75	90.91	60
Ngôn ngữ Trung Quốc	-	-	-	-	-	100
Quản lý TN và MT	30.00	-	66.67	100	100	-
Kỹ thuật điện	-	-	100	100	-	-
Kỹ thuật phần mềm	-	-	-	100	-	-
Quản trị DVĐL - LH	-	-	-	100	100	-

Số liệu ở Bảng 22.1.6, 22.1.7 cho thấy tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn chiếm tỉ lệ rất cao so với số sinh viên toàn khóa tốt nghiệp, có nhiều ngành đạt 100% sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, số còn lại chủ yếu dao động từ 70 đến 98%. Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn tăng dần qua các năm trong giai đoạn 2020-2025 so với giai đoạn các năm trước. Nguyên nhân cho xu hướng này là do từ khóa tuyển sinh 2016, Nhà trường đưa ra những yêu cầu cao hơn về chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Ứng dụng công nghệ thông tin cũng như phương thức đánh giá chuẩn đầu ra. Nhận thấy tình hình trên, Nhà trường cũng đã đưa ra những chính sách giúp tỉ lệ này cũng cải thiện tăng dần từ khóa tuyển sinh 2017 (tốt nghiệp năm 2021).

Các giải pháp khắc phục được đưa ra một cách đồng bộ, có hệ thống để

tăng tỷ lệ tốt nghiệp, tốt nghiệp đúng hạn của NH và giảm tỉ lệ sinh viên bị buộc thôi học. Nhà trường chú trọng xây dựng củng cố vai trò của hệ thống giáo viên chủ nhiệm, văn thư và giáo vụ khoa [H22.22.01.18]. Đây là đội ngũ trực tiếp nắm bắt tính hình, hỗ trợ, nhắc nhở và giám sát sinh viên, giúp sinh viên trong quá trình học tập.

Trong từng đợt xét học vụ, Nhà trường công bố danh sách sinh viên bị cảnh báo học tập lần 1, yêu cầu các khoa, giáo viên chủ nhiệm, các phòng liên quan rà soát nguyên nhân sinh viên rơi vào diện cảnh báo, lên phương án hỗ trợ sinh viên kịp thời [H22.22.01.19]. Trường luôn có các hoạt động tăng cường hỗ trợ SV, có các hoạt động diễn đàn gặp gỡ để lắng nghe, trao đổi với sinh viên, đưa ra nhiều hình thức khen thưởng SV đạt thành tích tốt trong học tập.

Đối với SV bỏ học, tùy nguyên nhân Trường có các biện pháp cải tiến như: Hỗ trợ vay vốn, xét học bổng vượt khó, cùng SV tư vấn sắp xếp lịch học hợp lý [H22.22.01.20]. Để giảm tỷ lệ SV chuyển ngành, chuyển trường trong năm đầu tiên, Trường và các khoa ngày càng chú trọng việc tư vấn tuyển sinh, cung cấp thông tin rất cụ thể về triển vọng nghề nghiệp ngay từ đầu các đợt tuyển sinh. Thông tin này được công bố rộng rãi trên website, thông qua hệ thống tư vấn truyền thông tuyển sinh của Trường và trên các fanpage của các Khoa [H22.22.01.21]. Đối với việc thôi học do kết quả học tập kém, Trường quy định SV không được đăng ký quá 14 tín chỉ/kì. GVCN tư vấn SV chọn tín chỉ phù hợp với năng lực của SV, nhờ vậy nhiều SV cảnh báo thôi học đã trở lại bình thường. Ngoài 2 học kỳ chính. Nhà trường tổ chức một học kỳ phụ vào kỳ hè để giúp sinh viên còn nợ môn có điều kiện tích lũy chương trình và tốt nghiệp đúng tiến độ và không rơi vào diện bị buộc thôi học trong những học kỳ tiếp theo do kết quả học tập kém [H22.22.01.22].

Kết quả tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học được Nhà trường cung cấp đến các Bộ môn nhằm kịp thời điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp [H22.22.01.23]. Thông qua hoạt động tự đánh giá CTĐT, kết quả của việc đối sánh được thống kê, phân tích để đánh giá và dự đoán xu thế tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học của

NH ở các CTĐT cho năm tiếp theo.

Sau khi đánh giá ngoài, cùng với các khuyến nghị của Đoàn đánh giá, các khoa quản lý CTĐT đều xây dựng kế hoạch kèm theo các biện pháp cải tiến CTĐT nhằm cải thiện tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học cho giai đoạn 5 năm tiếp theo [H22.22.01.24].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 22.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Quy chế đào tạo cũng quy định điều kiện để được xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp cho SV. Sinh viên có thể đăng ký được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học [H22.22.01.01]. Trường đã xây dựng, thiết kế CTĐT và phân bố các học phần một cách hợp lý đảm bảo khối lượng kiến thức và thời gian tốt nghiệp trung bình cho SV trong quá trình đào tạo. Thời gian của một khoá học phụ thuộc vào trình độ đào tạo. Đối với các CTĐT đại học hệ chính quy cấp bằng cử nhân có thời gian thiết kế là 4 năm và bằng kỹ sư có thời gian thiết kế là 4.5- 5 năm, trình độ đại học là 3 năm. Các hệ đào tạo liên thông, văn bằng 2 thường từ 1,5 đến 2 năm. Thời gian của một khoá học được quy định trong CTĐT. Thời gian thực hiện các CTĐT của Trường được quy định và thông báo cho SV vào đầu mỗi khóa học [H22.22.01.02].

Đầu năm học, Nhà trường công bố kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu trên website để sinh viên nắm rõ [H22.22.01.03]. Đầu khóa học, SV sẽ được phổ biến về thời gian đào tạo quy chế đào tạo, chương trình học tập, lịch trình học tập, các chuẩn đầu ra về tin học, ngoại ngữ trong buổi sinh hoạt đầu khóa [H22.22.02.01]. Các thông tin này cũng được công khai trên website của Trường [H22.22.02.02]. Kế hoạch xét tốt nghiệp hàng năm cũng được công bố đến sinh viên nhằm giúp SV có thể sắp xếp thời gian để bố trí lịch học cá nhân cụ thể từng học kỳ, chủ động lên kế hoạch học tập nhằm tốt nghiệp đúng hoặc sớm tiến độ [H22.22.01.05]. Bên cạnh đó, các thông tin về KQHT từng học kỳ,

kết quả điểm số tích lũy qua các năm học cũng được cung cấp cho SV qua phần mềm quản lý đào tạo dành cho SV [H22.22.01.06]. Hàng năm, Phòng Đào tạo sẽ thống kê số lượng SV tốt nghiệp và thời gian trung bình sinh viên tốt nghiệp theo khóa học, ngành học, thời gian tốt nghiệp nhằm theo dõi tiến độ tốt nghiệp của SV [H22.22.02.03]. Dữ liệu tốt nghiệp qua các đợt làm cơ sở tính thời gian trung bình tốt nghiệp của sinh viên được lưu trữ qua các Quyết định công nhận tốt nghiệp và qua phần mềm QLĐT của nhà trường giúp theo dõi cập nhật và báo cáo số liệu lúc cần thiết [H22.22.01.06], [H22.22.01.12]. Qua đó, Trường có thể xem xét lại thời lượng thiết kế CTĐT có phù hợp với thực tế không.

Trường đã thực hiện đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của tất cả các CTĐT tương ứng, giữa các CTĐT trong giai đoạn 2020 - 2025.

Bảng 22.2.1. Bảng đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của các khóa đào tạo đại học hệ chính quy

	KHÓA ĐÀO TẠO					
	2016-2020	2017-2021	2018-2022	2019-2023	2020-2024	2021-2025*
Toàn trường	4.20	4.11	4.12	4.06	4.01	4.03

Qua bảng số liệu 22.2.1 cho thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình có giảm so với các năm trước. Nguyên nhân chính là do từ năm 2016, Trường có những yêu cầu cao hơn về kỹ năng Ngoại ngữ và Công nghệ thông tin mà sinh viên tại Trường chủ yếu là sinh viên các vùng nông thôn nên trình độ Ngoại ngữ đầu vào còn thấp và chuẩn đầu ra bậc 3/6 trở thành thách thức lớn. Tuy nhiên, bắt đầu từ năm 2023 thời gian trung bình sinh viên tốt nghiệp đã được rút ngắn lại nhờ những chính sách và kế hoạch kịp thời hỗ trợ sinh viên của Nhà trường.

Nhằm hỗ trợ NH có thể tốt nghiệp đúng thời hạn, những SV có nguy cơ tốt nghiệp không đúng tiến độ, sau khi có các kết quả thi của mỗi học kỳ, Phòng Đào tạo phối hợp cùng các đơn vị liên quan tiến hành xét học vụ, và gửi kết quả đến những SV bị cảnh báo học tập lần 1 [H22.22.01.19]. Những SV không tốt

nghiệp đúng tiến độ đa số do SV chưa tích lũy đủ số học phần và khối lượng của CTĐT theo quy định; chưa đạt chuẩn đầu ra về Ngoại ngữ và Công nghệ thông tin hoặc do điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt dưới 2,00. Các thông báo đôn đốc việc nhập điểm, rà soát điều kiện tốt nghiệp được thực hiện thường xuyên đảm bảo tiến độ tốt nghiệp cho sinh viên [H22.22.02.04]. Nhà trường mở các lớp tiến độ riêng theo nhu cầu sinh viên để tạo điều kiện cho sinh viên được tích lũy các học phần chưa đạt [H22.22.02.05]. Ngoài 2 học kỳ chính, Trường tổ chức học kỳ phụ trong hè, tạo điều kiện cho những SV này trả nợ học phần và xét tốt nghiệp sớm nhất có thể nếu SV đủ điều kiện xét tốt nghiệp và đang trong thời gian đào tạo cho phép hoặc tạo điều kiện cho sinh viên học vượt và rút ngắn thời gian tốt nghiệp so với kế hoạch đào tạo [H22.22.01.22]. Bên cạnh đó, các Khoa, phòng Đào tạo phối hợp với trung tâm Tin học - Ngoại ngữ tổ chức các lớp học tăng cường kiến thức, các đợt test chuẩn đầu ra cho sinh viên liên tục, kịp thời [H22.22.02.06].

Sau mỗi chu kỳ, các khoa, Bộ môn quản lý CTĐT đều xây dựng kế hoạch kèm theo các biện pháp cải tiến; Báo cáo định kỳ tiến độ cải tiến hàng năm nhằm cải thiện thời gian tốt nghiệp trung bình của NH cho giai đoạn 5 năm tiếp theo [H22.22.01.24].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 22.3. Khả năng có việc làm của người học tốt nghiệp của tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Dựa vào Quy định của bộ Giáo dục và đào tạo về chuẩn CTĐT, Nhà trường xây dựng các CTĐT trong đó quy định rõ yêu cầu về chuẩn đầu ra kiến thức, kỹ năng và thái độ để làm cơ sở đào tạo, đánh giá sau đào tạo, sự phù hợp giữa việc làm của người tốt nghiệp với ngành nghề được đào tạo. Các CTĐT mô tả, đề cập đến vị trí việc làm mà người tốt nghiệp chương trình có thể đảm nhiệm [H22.22.03.01],[H22.22.01.02]. Ngoài ra, Nhà trường cũng xây dựng Quy định riêng về chuẩn đầu ra kỹ năng Công nghệ thông tin và Ngoại ngữ áp dụng cho NH tại Trường để sinh viên nắm rõ và tích lũy kịp thời trước khi xét tốt nghiệp

và đảm bảo kỹ năng cần thiết phục vụ công việc sau tốt nghiệp **[H22.22.03.02]**. Bên cạnh việc tập trung vào chất lượng đào tạo cũng như nhằm trang bị kiến thức vững chắc cho SV, Trường rất quan tâm đến khả năng có việc làm và thu nhập của SV sau khi tốt nghiệp. Trường đã thiết lập các đầu mối phụ trách liên hệ giữa SV, cựu SV và doanh nghiệp để tìm kiếm việc làm cho SV là phòng Chính trị và Công tác sinh viên, hội cựu SV, các Khoa. Các đơn vị này là cầu nối nhằm tăng cường sự phối hợp giữa Trường với các đơn vị sử dụng lao động hỗ trợ việc làm, thực tập cho SV.

Nhà trường xây dựng các quy định về lấy ý kiến phản hồi về tình hình việc làm của sinh viên và chất lượng của sinh viên sau khi tốt nghiệp **[H22.22.03.03]**, **[H22.22.03.04]**. Phòng Chính trị và CTSV phối hợp với các Khoa triển khai Kế hoạch khảo sát để tìm hiểu tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp sau 1 năm và phản hồi của nhà sử dụng lao động về chất lượng của sinh viên tốt nghiệp **[H22.22.03.05]**, **[H22.22.03.06]**. Đây là một trong những kênh thông tin để Trường nhận được những phản hồi của NH, người sử dụng lao động về sự đáp ứng của CTĐT đối với nhu cầu lao động thực tế. Các thông tin cần khảo sát được Nhà trường nghiên cứu và đổi mới qua các năm nhằm giúp nắm được những thông tin cần thiết và quan trọng nhất về tình hình sinh viên sau khi tốt nghiệp **[H22.22.03.07]**.

Kết quả khảo sát sẽ được gửi về các đơn vị. Phòng Chính trị và CTSV chịu trách nhiệm tổng hợp gửi báo cáo cho BGH về kết quả khảo sát tình hình việc làm SVTN **[H22.22.03.08]**. Kết quả này giúp Trường kịp thời có những kế hoạch phù hợp để tăng cường khả năng có việc làm của SV. Tình hình việc làm của SV sẽ được phân tích, đánh giá, so sánh đối chiếu qua từng năm để đánh giá mức độ phù hợp của hoạt động đào tạo của Trường đối với nhu cầu của người lao động, để từ đó có các đề xuất, điều chỉnh phù hợp **[H22.22.03.09]**, **[H22.22.03.10]**.

Tỷ lệ sinh viên có việc làm được tính bằng cách lấy số liệu sv có việc làm chia cho số sinh viên tham gia khảo sát. Số liệu sinh viên tốt nghiệp đúng chuyên ngành được tính bằng tỉ lệ sinh viên có việc đúng chuyên ngành với sinh viên phản hồi có việc làm.

Bảng 22.3.1. Tỷ lệ có việc làm của người học

Tình hình việc làm	CÁC KHÓA				
	2015- 2019	2016- 2020	2017- 2021	2018- 2022	2019- 2023
Có việc làm	219/296 (73.99%)	174/213 (81.7%)	143/197 (72.6%)	117/138 (84.8%)	108/125 (86.4%)
Chưa có việc làm	77/296 (26.01%)	39/213 (18.3%)	54/197 (27.4%)	21/138 (15.2%)	17/125 (13.5%)
Việc làm đúng, liên quan chuyên ngành đào tạo	162/219 (73.97%)	140/174 (80.5%)	121/143 (84.6%)	-	92/108 (85.2%)

Bảng 22.3.2. Tỷ lệ có việc làm của NH giữa các CTĐT của Nhà trường

Chuyên ngành	Tỷ lệ SV tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp 1 năm				
	2015- 2019	2016- 2020	2017- 2021	2018- 2022	2019- 2023
Giáo dục Mầm non	74/88	62/74	45/61	13/27	4/6
Giáo dục Tiểu học	26/30	46/52	28/38	27/29	28/29
Giáo dục Chính trị	2/3	-	5/5	-	-
Giáo dục thể chất	-	3/4	2/2	-	-
Sư phạm Ngữ văn	6/7	4/6	5/7	-	4/4
Sư phạm Lịch sử	1/1	-	-	-	-
Sư phạm Toán học	0	7/12	10/11	-	-
Sư phạm Hóa học	1/1	1/8	-	-	-

Sư phạm Vật lý	22/33	3/8	-	-	-
Sư phạm Sinh học	4/9	-	-	-	-
Địa lý học	5/9	-	-	1/2	-
Công nghệ thông tin	3/3	2/3	14/16	16/18	11/13
Luật	38/58	26/30	17/31	21/21	7/8
Kế toán	-	-	1/3	23/23	20/23
Quản trị kinh doanh	7/7	10/10	8/8	6/6	6/9
Ngôn ngữ Anh	20/24	5/6	9/12	9/9	13/16
Phát triển nông thôn	1/3	-	-	-	-
Quản lý TN và MT	9/19	5/7	-	1/3	5/6
Lâm nghiệp	-	-	-	-	-
Nuôi trồng Thủy sản	-	-	-	-	-
Kỹ thuật điện	0	-	-	-	1/1
Kỹ thuật phần mềm	-	-	-	-	3/3
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	-	-	-	-	6/7

Bảng 22.3.3. Mức độ phù hợp với chuyên ngành đào tạo

Chuyên ngành	Mức độ phù hợp của công việc với chuyên ngành đào tạo				
	2015-2019	2016-2020	2017-2021	2018-2022	2019-2023
Giáo dục Mầm non	65/74	55/62	40/45	-	4/6
Giáo dục Tiểu học	23/26	40/46	26/28	-	28/29
Giáo dục Chính trị	2/2	-	4/5	-	-
Giáo dục thể chất	-	3/3	0/2	-	-
Sư phạm Ngữ văn	5/6	3/4	3/5	-	4/4
Sư phạm Lịch sử	1/1	-	-	-	-
Sư phạm Toán học	0	7/7	6/10	-	-
Sư phạm Hóa học	1/1	0/1	-	-	-
Sư phạm Vật lý	11/22	3/3	-	-	-

Sư phạm Sinh học	4/4	-	-	-	-
Địa lý học	1/5	-	-	-	-
Công nghệ thông tin	3/3	2/2	12/14	-	10/13
Luật	19/38	13/26	9/17	-	3/8
Kế toán	-	-	0/1	-	15/23
Quản trị kinh doanh	7/7	9/10	8/8	-	5/9
Ngôn ngữ Anh	17/20	4/5	8/9	-	10/16
Phát triển nông thôn	0/1	-	-	-	-
Quản lý TN và MT	3/9	1/5	-	-	4/6
Lâm nghiệp	-	-	-	-	-
Nuôi trồng Thủy sản	-	-	-	-	-
Kỹ thuật điện	0	-	-	-	1/1
Kỹ thuật phần mềm	-	-	-	-	30/3
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	-	-	-	-	5/7

Kết quả khảo sát bảng 22.3.1, 22.3.2, 22.3.3 cho thấy tỉ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp 1 năm có xu hướng tăng dần và việc làm đúng chuyên ngành cũng chiếm tỉ lệ khá cao từ 70 đến 94% chủ yếu các ngành Sư phạm và các ngành thuộc khối Kinh tế, Ngoại ngữ.

Để tăng cường cơ hội việc làm cho sinh viên, Nhà trường đã tích cực rà soát, cải tiến công tác tìm kiếm việc làm cho SV, với nhiều hình thức hỗ trợ giúp SV tìm việc làm sau khi tốt nghiệp. Nhà trường xây dựng và triển khai các Kế hoạch tổ chức ngày hội tư vấn việc làm và khởi nghiệp cho người học [H22.22.03.11]. Các bộ phận liên quan đã kết nối với cựu sinh viên, các doanh nghiệp, ký kết các biên bản hợp tác, thỏa thuận để hỗ trợ SV trong thực tập tốt nghiệp và tìm kiếm việc làm [H22.22.03.12]. Các thông tin liên quan đến tuyển dụng, việc làm được các khoa, Trường thông báo rộng rãi đến các sinh viên qua trang web, fanpage của các khoa, Trường [H22.22.03.13]. Ngoài ra, Nhà trường

cũng yêu cầu các Bộ môn tăng cường rà soát CTĐT, cải tiến chất lượng, nâng cao năng lực, kỹ năng của sinh viên sau khi tốt nghiệp [H22.22.01.23]. Qua đó, Trường giúp SV tìm được việc làm nhanh hơn và tỷ lệ tìm được việc làm của SV ngày càng tăng cao.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 22.4. Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trường đã xác lập và duy trì hoạt động khảo sát ý kiến các BLQ. Nhà trường xây dựng các quy định về lấy ý kiến phản hồi của sinh viên trước tốt nghiệp, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng, khảo sát viên chức và lao động hợp đồng về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên, cơ sở vật chất và chất lượng phục vụ của các đơn vị thuộc Trường Đại học Quảng Bình [H22.22.04.01], [H22.22.04.02], [H22.22.03.03], [H22.22.03.04]. Hàng năm, Trường lên kế hoạch và tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ phục vụ công tác nâng cao chất lượng toàn diện trong Trường, trong đó có khảo sát ý kiến của sinh vừa mới tốt nghiệp, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng về chất lượng CSV của Trường, nội dung chương trình đào tạo và chất lượng của sinh viên sau khi tốt nghiệp; khảo sát viên chức và lao động hợp đồng về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên, cơ sở vật chất và chất lượng phục vụ của các đơn vị thuộc Trường Đại học Quảng Bình [H22.22.03.06], [H22.22.04.03], [H22.22.04.04], [H22.22.04.05].

Các nội dung cần tìm hiểu, khảo sát được các bộ phận liên quan và lãnh đạo nhà trường quan tâm, cân nhắc để xây dựng Phiếu lấy ý kiến phản hồi nhằm qua việc khảo sát tìm hiểu rõ ràng và sâu sát về chất lượng của sinh viên sau khi tốt nghiệp và sự hài lòng của các bên liên đối với chất lượng đào tạo của Nhà trường [H22.22.04.06], [H22.22.04.07], [H22.22.04.08].

Kết quả của các loại khảo sát đó, sau khi được phòng Thanh tra và ĐBCLGD xử lý bằng phần mềm chuyên dụng báo cáo tổng hợp và gửi đến lãnh

đạo và các đơn vị liên quan trong Trường [H22.22.04.09], [H22.22.04.10], [H22.22.04.11], [H22.22.04.12]. Kết quả khảo sát sự hài lòng cũng được phân tích, đối sánh qua các năm để làm cơ sở đánh giá chương trình, chất lượng đào tạo tại Trường.

Qua mỗi đợt khảo sát, Trường lại có hướng cải tiến về chất lượng phục vụ, cơ sở vật chất, tăng chất lượng NH tốt nghiệp, đáp ứng sự hài lòng của các bên liên quan như: tăng cường các lớp kỹ năng mềm cho NH, Lập Kế hoạch về việc cập nhật và tổ chức đánh giá định kỳ CTĐT [H22.22.04.13] [H22.22.04.14]; Các đơn vị sau khi có số liệu, cũng tiến hành phân tích dữ liệu và làm báo cáo việc sử dụng kết quả khảo sát cho việc cải tiến như thế nào tại đơn vị, và của từng CTĐT để nâng cao chất lượng của đơn vị, của CTĐT; cải tiến CTĐT và CDR đáp ứng nhu cầu xã hội và đòi hỏi từ các đơn vị tuyển dụng [H22.22.04.15], [H22.22.01.23]. Nhà trường tập trung vào cải tiến chất lượng các CTĐT đang được thực hiện theo các hướng như sau:

- Điều chỉnh CTĐT theo hướng tăng cường thời gian thực tế, tạo điều kiện cho NH tiếp xúc với môi trường doanh nghiệp trong suốt quá trình đào tạo;

- Các Viện, Khoa, Bộ môn lên kế hoạch thường xuyên cập nhật kiến thức cho giảng viên, tạo điều kiện cho giảng viên tự đào tạo, tự rèn luyện bản thân phù hợp với sự biến đổi của môi trường xung quanh.

- Các đơn vị chức năng liên quan lập kế hoạch cải tiến quy trình và chất lượng phục vụ NH.

Bên cạnh đó, với các khuyến nghị của Đoàn đánh giá, các đơn vị liên quan cùng Phòng Thanh tra đảm bảo chất lượng triển khai xây dựng kế hoạch kèm theo các biện pháp cải tiến quy trình và nội dung lấy ý kiến đánh giá của các bên liên quan nhằm thu thập những thông tin cần thiết để làm cơ sở cải thiện mức độ hài lòng của các bên liên quan cho giai đoạn 5 năm tiếp theo [H22.22.01.24].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 22:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường triển khai hoạt động đào tạo theo đúng kế hoạch; có hệ thống giám sát chặt chẽ tình hình học tập của NH trong quá trình học tập.

- Nhà trường xây dựng hệ thống các quy định cụ thể về đào tạo, đánh giá NH từ đầu vào, quá trình học đến khi tốt nghiệp đảm bảo minh bạch, công bằng và công khai với NH trong quá trình học tập.

- Cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của Nhà trường được quản lý tốt nhờ ứng dụng phần mềm quản lý tổng thể hoạt động đào tạo nhờ đó hoạt động quản lý đào tạo đảm bảo chất lượng, nề nếp và liên tục được cải tiến.

- Đa số SV có thời gian tốt nghiệp trung bình gần với thời gian trong CTĐT được thiết kế thể hiện chất lượng đào tạo các ngành của Nhà trường có hiệu quả và được kiểm soát chặt chẽ.

- Kế hoạch xét tốt nghiệp hằng năm linh hoạt, tạo điều kiện cho sinh viên rút ngắn thời gian tốt nghiệp

- Tỷ lệ NH tốt nghiệp có việc làm và cơ hội thăng tiến nghề nghiệp sau khi ra trường cao nhờ khối kiến thức, kỹ năng đáp ứng nhu cầu xã hội.

- Nhà trường có đơn vị chuyên môn quản lý và triển khai hệ thống lấy ý kiến phản hồi của các BLQ; thiết lập nhiều kênh thông tin lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ. Ý kiến phản hồi của các bên liên quan được tổng hợp, phân tích, đánh giá để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo, cải tiến CTĐT; tăng cường trải nghiệm thực tiễn cho NH và các hoạt động hỗ trợ học tập và việc làm cho NH.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Tỷ lệ sinh viên thôi học còn khá cao và tính chủ động của sinh viên trong việc đăng ký học và trả nợ các học phần chưa cao.

- Hệ thống hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho sinh viên chưa phong phú.

- Tỷ lệ sinh viên tham gia khảo sát chưa cao.

- Việc đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp, tỷ lệ sinh viên có việc làm của các CTĐT so với các CTĐT trong nước và quốc tế chưa được thực hiện đồng đều và hiệu quả.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	Phát huy các điểm mạnh	- Cập nhật điều chỉnh các quy định, quy trình phù hợp với tình hình phát triển của Trường. - Cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo theo từng chu kỳ đánh giá kịp thời - Xây dựng, cải tiến quá trình lấy ý kiến phản hồi phù hợp với thực tiễn và nhu cầu của xã hội - Cải tiến chương trình phù hợp với nhu cầu xã hội	Tất cả các đơn vị trong Nhà trường; Các khoa, các Bộ môn; Phòng TT-ĐBCLGD	Từ năm học 2025 - 2026	
	Khắc phục tồn tại 1	- Xây dựng đội ngũ cố vấn học tập thực hiện công tác tư vấn, hỗ trợ SV có học lực yếu trong quá trình học tập ngay từ năm thứ nhất. - GVCN, cố vấn học tập cần nâng cao trách nhiệm vụ và sát sao hơn tình trạng học tập và các điều kiện tốt nghiệp mà SV đã tích lũy được hay còn thiếu	Các Khoa; Phòng ĐT và CTSV	Từ năm học 2025 - 2026	

	Khắc phục tồn tại 2	Cải tiến hệ thống hỗ trợ tìm kiếm việc làm phong phú hơn	Các Khoa; Phòng ĐT và CTSV	Từ năm học 2025 - 2026	
	Khắc phục tồn tại 3	Tổ chức nhiều kênh, nhiều hình thức lấy ý kiến hơn và tăng cường sự phối hợp giữa đơn vị phụ trách lấy ý kiến, hội cựu sinh viên và các khoa quản lý sinh viên	Các khoa; Phòng ĐT và CTSV; Phòng TT-ĐBCLGD	Từ năm học 2025 - 2026	
	Khắc phục tồn tại 4	- Việc đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp, tỷ lệ sinh viên có việc làm của các CTĐT so với các CTĐT trong nước và quốc tế chưa được thực hiện đồng đều và hiệu quả.	Các Bộ môn; Phòng ĐT và CTSV; Phòng TT-ĐBCLGD	Hàng năm, từ năm học 2025-2026	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 22</i>	<i>5,00</i>
Tiêu chí 1.1	5
Tiêu chí 1.2	5
Tiêu chí 1.3	5
Tiêu chí 1.4	5

Tiêu

chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 23.1. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giáo viên và quản lý bộ phận được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) được xem là nhiệm vụ then chốt của Trường Đại học Quảng Bình. Vì thế, loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên được Nhà trường xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến. Cụ thể như sau:

- Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên được xác lập:

Thực hiện sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi, Nhà trường đã ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Quảng Bình và Chiến lược phát triển hoạt động KH&CN [H23.23.01.01], [H23.23.01.02], [H23.23.01.03]. Để cụ thể hóa, Nhà trường ban hành kế hoạch phát triển khoa học công nghệ từng giai đoạn và thông báo các loại hình KH&CN rộng rãi, công khai tới giảng viên thông qua công văn gửi các đơn vị đăng ký hoạt động KH&CN hằng năm [H23.23.01.04], [H23.23.01.05]. Kế hoạch phát triển hoạt động KH&CN của mỗi đơn vị đã được xây dựng từ đầu năm học nhằm đưa ra các chỉ tiêu đối với từng loại hình KH&CN được xác định [H23.23.01.06].

Trường đã ban hành Quy chế về hoạt động KH&CN năm 2011, điều chỉnh, sửa đổi vào năm 2014 và ban hành mới phù hợp với thực tiễn vào năm 2023. Các sản phẩm KH&CN được tính cho đề tài KHCN cấp trường (bài báo khoa học, bằng phát minh,...) phải có tác giả là chủ nhiệm đề tài hoặc thành viên tham gia đề tài và có địa chỉ là Trường Đại học Quảng Bình mới được tính. Trong mỗi đề tài đều quy định rất rõ về mục đích, đối tượng thực hiện, tiến độ thực hiện, yêu cầu sản phẩm, kinh phí và thời gian thực hiện. Tùy theo nội dung và sản phẩm của đề tài mà Hội đồng xét duyệt yêu cầu tối thiểu phải có ít nhất 01 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI (đối với nhóm khoa học tự nhiên) và 01 bài đăng trên tạp chí thuộc danh mục Scopus hay Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Quảng Bình. Đối tượng được xét duyệt là cán bộ giảng viên giảng dạy của Trường, có ưu tiên đối với các nhóm nghiên cứu [H23.23.01.07].

Trường đã ban hành Quy chế làm việc năm 2015 và điều chỉnh thay thế quy chế mới vào năm 2021, sau khi tiếp thu phản hồi của các đơn vị và người thực hiện. Quy chế quy định rõ khối lượng giờ thực hiện KH&CN các chức danh giảng viên, theo đó giảng viên có định mức là Giảng viên tập sự 300 giờ, giảng viên 600 giờ, giảng viên chính và tiến sĩ là 690 giờ, giảng viên cao cấp, Phó giáo sư là 810 giờ. Quy chế này cũng quy định rõ tiêu chí và công thức quy đổi ra số điểm và số giờ thực hiện KH&CN từ các sản phẩm KH&CN và các minh chứng cần có. Văn bản này đã quy định mức chuẩn thời gian làm việc và định mức chuẩn khối lượng công việc của giảng viên. Quy chế đã nêu rõ yêu cầu về hai hoạt động chính là giảng dạy và KH&CN của giảng viên **[H23.23.01.08]**.

Công tác theo dõi, giám sát hoạt động KH&CN của giảng viên đã được Nhà Trường thực hiện ở cả hai cấp độ: cấp trường và cấp khoa.

Các đơn vị được phân cấp trong hoạt động KH&CN có bộ phận theo dõi, giám sát việc thực hiện hoạt động KH&CN của giảng viên thông qua Phó hiệu trưởng trực tiếp chỉ đạo hoạt động KH&CN của Nhà trường **[H23.23.01.09]**.

Ở cấp Trường, Phòng KHCN-ĐN&HL là đơn vị đầu mối theo dõi, giám sát, kiểm tra hoạt động KH&CN của giảng viên. Phòng KHCN-ĐN&HL có chức năng tham mưu, giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, tổng hợp, phát triển, nâng cao hiệu quả công tác KH&CN của Trường, về tài chính cho phòng Kế hoạch, Tài chính và Quản lý đầu tư tham mưu. Ở cấp khoa, do Trưởng khoa và trợ lý khoa học khoa phụ trách. Điều này được quy định cụ thể trong quy định chức năng nhiệm vụ các đơn vị thuộc Trường **[H23.23.01.10]**.

Việc đăng ký KH&CN của giảng viên được xét chọn công khai, với tiêu chí rõ ràng. Các giảng viên đều được tư vấn để hoàn thiện đề xuất và thuyết minh thông qua các Hội đồng phê duyệt danh mục, Hội đồng xét chọn thuyết minh đề tài/nhiệm vụ KH&CN **[H23.23.01.11]**, **[H23.23.01.12]**.

Phòng KHCN-ĐN&HL có trách nhiệm làm đầu mối triển khai các hoạt động KH&CN, trong đó có hoạt động tổ chức kiểm tra tiến độ thực hiện, tổ chức hội đồng để đánh giá, nghiệm thu [H23.23.01.13], [H23.23.01.14]. Sau khi nghiệm thu và nhận đủ các sản phẩm theo đúng biên bản nghiệm thu, Hiệu trưởng sẽ kí quyết định công nhận kết quả đề tài theo quy định hiện hành [H23.23.01.15].

Cuối mỗi năm học, GV kê khai các hoạt động KHCN đã thực hiện, kèm theo minh chứng và gửi về Phòng KHCN-ĐN&HL xác nhận và tính giờ quy đổi; Phòng KHCN-ĐN&HL có trách nhiệm kiểm tra, giám sát và xác nhận khối lượng hoạt động KHCN cho từng giảng viên, từng đơn vị bằng Quyết định phê duyệt kết quả KH&CN [H23.23.01.16]. Đồng thời, đề xuất khen thưởng, biểu dương các tập thể và cá nhân có thành tích KH&CN theo quy định [H23.23.01.17].

Nhà trường xây dựng, quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu về loại hình và khối lượng nghiên cứu của từng GV lên website của Trường ở mục Lý lịch khoa học [H23.23.01.18].

Kết thúc mỗi năm học, Phòng KHCN-ĐN&HL đối sánh kết quả về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu của Nhà trường đạt được so với chỉ tiêu đã xác định trong kế hoạch năm học, từ đó đưa ra các biện pháp cải tiến hoạt động KH&CN của giảng viên trong năm tiếp theo và được thể hiện trong báo cáo tổng kết và phương hướng năm học [H23.23.01.19].

Thông qua hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu của đội ngũ giảng viên, Nhà Trường đã tiến hành đối sánh, thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động KH&CN của giảng viên, cụ thể:

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan được xác lập thông qua Hội nghị viên chức và người lao động của Nhà Trường hàng năm.

Nhà Trường tổng hợp các ý kiến phản hồi liên quan đến chất lượng hoạt động KH&CN của giảng viên thông qua các biên bản họp các Ban chỉnh sửa Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế làm việc. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi còn được thực hiện thông qua các báo cáo hoạt động KH&CN hàng năm của Nhà trường gửi cho cơ quan quản lý các cấp [H23.23.01.20].

Thông qua mức quy đổi từ các hoạt động KH&CN được quy định cụ thể trong Quy chế làm việc cho mỗi cán bộ giảng viên. Nhà trường sử dụng đây là một trong những căn cứ chính để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng cuối mỗi năm học [H23.23.01.21], [H23.23.01.22].

Do đó, số lượng, chất lượng các đề tài/nhiệm vụ KH&CN tăng lên nhanh. Số lượng các đề tài/nhiệm vụ cấp quốc gia, Quỹ Nafosted, cấp Bộ/Tỉnh cấp cơ sở đều tăng mạnh trong giai đoạn 2020-2025 Các đề tài được đánh giá cao và tập trung nghiên cứu những vấn đề liên quan tới phát triển kinh tế xã hội và phát triển hoạt động đào tạo nên có tính ứng dụng [H23.23.01.23].

Bảng 23.1. Các chỉ số đề tài các cấp được thực hiện giai đoạn 2020-2025

Đề tài các cấp	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024	2024 - 2025
Đề tài/nhiệm vụ cấp Bộ, Nhà nước	0	0	0	1	0	1
Đề tài/nhiệm vụ cấp Tỉnh	3	2	4	3	3	2
Đề tài cấp cơ sở	16	27	12	22	15	18
Đề tài khoa học sinh viên	18	19	18	21	24	27

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 23.2. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

- Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập:

Thông qua Chiến lược phát triển hoạt động KH&CN và các kế hoạch đầu năm học, Nhà Trường xác định rõ hoạt động KH&CN của người học là quan trọng thông qua việc gửi thông báo đăng ký đề tài KH&CN sinh viên về các đơn vị ngay đầu mỗi năm học **[H23.23.02.01]**.

Nhà trường bổ sung, điều chỉnh Quy định hoạt động KH&CN của SV Trường Đại học Quảng Bình năm 2018 và ban hành mới vào năm 2021. Thông qua quy định, xác định Quy trình thực hiện, các loại hình nghiên cứu mà người học có thể tham gia cũng như trách nhiệm và nghĩa vụ của người học, giảng viên hướng dẫn được nêu rõ. Các khoa phân công giảng viên tham gia nghiên cứu cùng các nhóm sinh viên ngay từ bước lựa chọn đề tài nghiên cứu đến khâu triển khai hoạt động nghiên cứu đạt hiệu quả. Kết quả KH&CN của sinh viên được coi là một trong những tiêu chí xét điểm rèn luyện và cộng điểm học tập khi đạt các giải thưởng nghiên cứu **[H23.23.02.02]**. **[H23.23.02.03]**.

- Hệ thống theo dõi, giám sát loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu, các hoạt động KH&CN của người học của Trường gồm 02 cấp: cấp trường và cấp khoa.

Ban Giám hiệu phân công một Phó Hiệu trưởng phụ trách về hoạt động KH&CN trong đó có hoạt động KH&CN của người học **[H23.23.02.04]**. Phòng KHCN-ĐN&HL có nhiệm vụ tổ chức, quản lý, hướng dẫn, kiểm tra và phối hợp chặt chẽ với các đơn vị để theo dõi, giám sát loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu, các hoạt động KH&CN của người học. Các đề tài cấp Trường do Phòng KHCN-ĐN&HL thực hiện; cấp Khoa do Trường khoa, Viện trưởng và trợ lý khoa học phụ trách **[H23.23.02.05]**.

Hoạt động KH&CN sinh viên được thực hiện nghiên túc, đúng quy trình. Sau khi tập hợp các đề xuất, Phòng KHCN-ĐN&HL tham mưu Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng xác định danh mục đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên **[H23.23.02.06]**. Phòng căn cứ vào quyết định phê duyệt để thông báo cho các sinh viên nộp đề cương chi tiết của các đề tài để thực hiện

[H23.23.02.07], [H23.23.02.08]. Phòng KHCN-ĐN&HL theo dõi, giám sát quá trình thực hiện của các đề tài. Đến hạn, Nhà trường thông báo cho các khoa thực hiện nghiệm thu đề tài và tổ chức nghiệm thu tại mỗi khoa nhằm xét các đề tài tiêu biểu gửi lên trường tham gia tại Hội nghị nghiên cứu khoa học sinh viên cấp trường [H23.23.02.09], [H23.23.02.10], [H23.23.02.11]. Tại hội nghị, Nhà trường thành lập hội đồng xét giải thưởng cho các đề tài tham gia [H23.23.02.12]. Sau đó, Hiệu trưởng ban hành Quyết định khen thưởng các đề tài đạt giải và cấp giấy chứng nhận cho tất cả sinh viên tham gia [H23.23.02.13], [H23.23.02.14]. Một số đề tài có tính ứng dụng, Nhà trường xét đề gửi đi tham gia hội nghị nghiên cứu khoa học sinh viên toàn quốc [H23.23.02.15].

- Thông qua hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu của người học, Nhà Trường đã tiến hành đối sánh, thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động KH&CN của người học, cụ thể:

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan được xác lập thông qua Hội nghị viên chức và người lao động hàng năm và các báo cáo tại hội nghị sinh viên KH&CN hàng năm [H23.23.02.16], [H23.23.02.17].

Nhà trường đã áp dụng nhiều biện pháp cụ thể như hỗ trợ kinh phí cho sinh viên thực hiện đề tài; khen thưởng các đề tài đạt giải, kêu gọi các doanh nghiệp hỗ trợ kinh phí tặng thưởng cho các đề tài tham gia giải thưởng. Vì vậy, số lượng và chất lượng nghiên cứu của SV ngày càng được nâng cao [H23.23.02.18].

Bảng 23.2. Tổng hợp đề tài KH&CN sinh viên từ năm 2020-2025

Năm học	Giải thưởng cấp Bộ	Giải thưởng Eureka	Đề tài cấp Trường	Đề tài tham gia xét thưởng Hội nghị	Đề tài cấp khoa

				NCKH cấp trường	
2019-2020	1		18	13	39
2020-2021	0		19	10	22
2021-2022	0		17	11	25
2022-2023	1		21	15	20
2023 - 2024	2		24	20	7
2024 - 2025			27	20	17

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 23.3. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Nhận thức được tầm quan trọng của công bố khoa học, Nhà trường luôn chú trọng đến các công trình nghiên cứu của CBGV. Trong Quy định quản lý hoạt động KH&CN và Quy chế làm việc, Nhà Trường đã xác lập các loại hình công bố khoa học bao gồm: Bài báo đăng tải trên các tạp chí khoa học trong nước, bài báo đăng tải trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/SCOPUS và bài báo đăng tải trên các tạp chí quốc tế khác, Báo cáo khoa học đăng trong các kỷ yếu hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế, Giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo... **[H23.23.03. 01]**. Đặc biệt, tại các hội nghị tổng kết và triển khai nhiệm vụ năm học, hoạt động công bố khoa học luôn được Nhà trường đưa vào nội dung đánh giá và chỉ đạo, thể hiện sự quan tâm thường xuyên, liên tục nhằm tạo động lực cho đội ngũ cán bộ giảng viên tích cực tham gia nghiên cứu, công bố và hội nhập học thuật quốc tế **[H23.23.03.02]**.

Các quy định cụ thể về các loại hình và số lượng các công bố khoa học cho từng năm được thể hiện trong kế hoạch hoạt động KH&CN hàng năm **[H23.23.03.03]**.

Số lượng các công bố khoa học mà đội ngũ GV phải thực hiện đã được quy định rõ Quy định chế độ làm việc của giảng viên, cụ thể: mỗi GV phải hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học được giao trong năm, thực hiện đủ định mức giờ chuẩn KH&CN tùy theo chức danh (GV, PGS, GV chính, GS, GV cao cấp) **[H23.23.03.03]**.

Xác định Tạp chí Khoa học và Công nghệ là công cụ, phương tiện trong đào tạo, KH&CN, chuyển giao công nghệ, công thông tin quan trọng của một cơ sở giáo dục đại học. Do vậy, Nhà trường đã tiến hành các thủ tục và được Bộ Thông tin và truyền thông cấp giấy phép xuất bản năm 2012, Giấy phép bổ sung sửa đổi năm 2014 và cấp mới năm 2022 nhằm đáp ứng nhu cầu đăng bài và bổ sung bài báo bằng tiếng Anh cho khoa Ngoại ngữ và các nghiên cứu sinh đang học tập ở nước ngoài **[H23.23.03.04]**. Bài báo gửi đến Tạp chí ngày càng tăng về số lượng và chất lượng, số bài ngoài trường chiếm tỉ lệ khá cao có số lên đến 40% tổng số bài đăng. Quy trình bình duyệt bài báo và các số xuất bản được thực hiện trên hệ thống website nhằm đảm bảo khách quan và đảm bảo chất lượng **[H23.23.03.05]**.

Hệ thống theo dõi, giám sát về các loại hình và số lượng các công bố khoa học của đội ngũ GV của Nhà trường do Phòng KH&CN-ĐN&HL thực hiện. Phòng KH&CN-ĐN&HL phối hợp với lãnh đạo các Khoa, Viện đơn vị xác nhận khối lượng hoạt động KH&CN cho từng giảng viên từng đơn vị thông qua Quyết định phê duyệt kết quả kê khai giờ KH&CN của giảng viên Trường Đại học Quảng Bình **[H23.23.03.06]**.

Trường đã đưa ra biện pháp nhằm tăng số lượng các công bố khoa học của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu bằng cách điều chỉnh các quy định quy chế, nhất là đã chỉnh sửa, bổ sung và ban hành mới Quy chế thi đua, khen thưởng, nhờ đó đã thúc đẩy CBVC của Trường tích cực công bố khoa học **[H23.23.03.07]**. Nhà trường dành nguồn lực, đặc biệt là nguồn kinh phí cho hoạt động KH&CN của Trường, trong đó có việc khen thưởng CBVC có bài đăng

Tạp chí khoa học quốc tế uy tín thuộc danh mục ISI/SCOPUS theo Quy định khen thưởng hoạt động KH&CN [H23.23.03.08].

Trong giai đoạn 2018-2023, số lượng các công bố khoa học của CBVC của Nhà trường được cải tiến qua từng năm.

Bảng 23.3. Các công bố khoa học của Trường giai đoạn 2020-2025

	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	202- 2023	202- 2024
Tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục ISI	10	11	9	8	4
Tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục SCOPUS	14	10	4	3	1
Các tạp chí khoa học trong nước	132	111	122	97	141
Kỷ yếu hội nghị, hội thảo quốc tế	37	12	19	8	14
Kỷ yếu hội nghị, hội thảo trong nước	31	48	51	47	45
Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo	11	11	10	10	6
Tạp chí KH&CN ĐH Quảng Bình	39	55	56	80	60
Các giải pháp Tham gia hội thi sáng tạo kỹ thuật cấp tỉnh		9 (2 khuyến khích)	3 giải (01 giải nhất, 01 giải ba, 01 khuyến khích)		

Hằng năm, Nhà trường tổ chức gặp mặt Tổng biên tập, Phó tổng biên tập, ban biên tập, thư ký, trị sự và cộng tác viên của Tạp chí nhân ngày Báo chí Cách Mạng Việt Nam để tổng kết, trao đổi, đánh giá kết quả đạt được và có phương hướng kế hoạch cho năm học tiếp theo thông qua báo cáo tổng kết của Tạp chí [H23.23.03.09]. Nhằm đưa ra các giải pháp nâng cao số lượng và chất lượng các bài báo. Hiện tại, Tạp chí Khoa học Công nghệ Đại học Quảng Bình đang xin cấp chỉ số DOI cho các bài báo và chuẩn bị hồ sơ cần thiết để xin ngành Công

nghệ thông tin thuộc Danh sách Tạp chí được tính điểm công trình khoa học quy đổi của các Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước [H23.23.03.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 23.4. Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Nhà trường đã ban hành Quy định về sở hữu trí tuệ năm 2016, điều chỉnh sửa đổi năm 2023. Nhà trường còn ban hành Quy định quản lý hoạt động KHCN và Quy định biên soạn, lựa chọn, thẩm định và sử dụng giáo trình; Quy định Hoạt động nghiên cứu khoa học của SV nhằm quy định về các loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ của giảng viên và SV [H23.23.04.01]. [H23.23.04.02], [H23.23.04.03].

Nhà trường có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ cấp trường là Phòng KHCN-ĐN&HL. Phòng KHCN-ĐN&HL là đơn vị quản lý các TSTT của Nhà trường và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ cụ thể: Tham mưu cho BGH các phương án quản lý các TSTT hiệu quả. Hằng năm, Phòng KHCN-ĐN&HL thống kê các đề tài KH&CN của GV và SV được nghiệm thu và thường xuyên cập nhật dữ liệu, rà soát các đề tài KH&CN theo từng năm [H23.23.04.04].

Công tác quản lý các tài sản trí tuệ, cũng như việc giám sát đảm bảo tuân thủ các quy định về sở hữu trí tuệ được Nhà Trường giao cho Phòng KHCN-ĐN&HL làm đầu mối. Nhà Trường xác định việc nâng cao hiểu biết về quyền SHTT cho viên chức và người học để không xảy ra vi phạm quyền SHTT là một trong những hoạt động được ưu tiên bằng cách mời các chuyên gia chuyên sâu về tập huấn cho cán bộ giảng viên và sinh viên trong trường [H23.23.04.05]. Nhà trường đã ban hành quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong hoạt động khoa học công nghệ tại Trường Đại học Quảng Bình nhằm chỉ rõ các hành vi nghiêm cấm và xử lý khi vi phạm [H23.23.04.06]. Đối với các bài viết đăng trên tạp chí của Trường, Nhà Trường cũng có quy định cụ thể về trích dẫn nguồn

tài liệu, kiểm tra đạo văn để nâng cao trách nhiệm và nghĩa vụ của tác giả [H23.23.04.07].

Trong thực tiễn triển khai các công tác về quản lý tài sản trí tuệ, Nhà Trường đã thực hiện việc bảo hộ bản quyền và kết quả nghiên cứu theo quy định. Hàng năm, Nhà Trường ra quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài, nhiệm vụ KH&CN của CBGV và SV khi hoàn thành nhiệm vụ KH&CN và được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu về hoạt động KH&CN của Trường. Việc tăng cường phổ biến, công khai các kết quả KH&CN tại website, lưu Thư viện theo quy định lưu trữ của Nhà nước và của trường góp phần đảm bảo quyền SHTT đối với các kết quả KH&CN của Nhà Trường [H23.23.04.08], [H23.23.04.09].

Bảng 23.4.1. Các chỉ số đề tài các cấp được thực hiện giai đoạn 2020-2025

Đề tài các cấp	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023 - 2024	2024 - 2025
Đề tài/nhiệm vụ cấp Bộ, Nhà nước	0	0	0	1	0	1
Đề tài/nhiệm vụ cấp Tỉnh	3	2	4	3	3	2
Đề tài cấp cơ sở	16	27	12	22	15	18
Đề tài khoa học sinh viên	18	19	18	21	24	27

Bảng 23.4.2. Số lượng các công bố khoa học của Trường giai đoạn 2020-2025

	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023 - 2024
Tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục ISI	10	11	9	8	4
Tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục SCOPUS	14	10	4	3	1
Các tạp chí khoa học trong nước	132	111	122	97	141
Kỷ yếu hội nghị, hội thảo quốc tế	37	12	19	8	14
Kỷ yếu hội nghị, hội thảo	31	48	51	47	45

trong nước					
Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo	11	11	10	10	6
Tạp chí KH&CN ĐH Quảng Bình	39	55	56	80	60
Các giải pháp Tham gia hội thi sáng tạo kỹ thuật cấp tỉnh		9 (2 khuyến khích)	3 giải (01 giải nhất, 01 giải ba, 01 khuyến khích)		

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 23.5. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Chi cho hoạt động KH&CN được thực hiện theo đúng quy định. Đối với các đề tài/nhiệm vụ cấp tỉnh trở lên (nguồn kinh phí được cấp từ ngân sách Nhà nước), việc thực hiện chi căn cứ theo Quy định của Nhà nước. Các đề tài/nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở cũng như các hoạt động KH&CN khác từ ngân sách của Nhà Trường được chi theo các định mức trong Quy chế quản lý hoạt động KHCN, Quy chế chi tiêu nội bộ, Định mức chi và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án, sáng kiến cải tiến khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước tại Trường Đại học Quảng Bình [H23.23.05.01], [H23.23.05.02], [H23.23.05.03]. Căn cứ kế hoạch các đơn vị, nội dung thực hiện của các thuyết minh, Ban Giám hiệu, Phòng KHC-ĐN&HL phối hợp với Phòng KH-TC và QLĐT phê duyệt kinh phí chi cho từng đề tài, từng hoạt động KH&CN phù hợp với Dự toán kinh phí hoạt động hằng năm của Tạp chí KH&CN và theo nội dung Hợp đồng mỗi đề tài [H23.23.05.04], [H23.23.05.05].

Nhà trường đã chú trọng tăng kinh phí cho hoạt động NKCH qua từng năm cũng như áp dụng nhiều hình thức khen thưởng, hỗ trợ kinh phí đối với các loại hình của GV, CB nghiên cứu thực hiện [H23.23.05.06].

Nhà trường có đơn vị theo dõi, giám sát việc phân bổ tài chính cho từng loại hoạt động nghiên cứu đó là Phòng Kế hoạch, Tài chính và QLĐT

[H23.23.05.06]. Các kết quả thanh tra, kiểm toán hàng năm cũng cho thấy việc chi cho KH&CN đảm bảo theo đúng dự toán, theo đúng quy định của Nhà nước và của Nhà Trường. Việc thực hiện ngân sách hàng năm được giám sát thông qua báo cáo tài chính của Nhà Trường công khai tại Hội nghị cán bộ viên chức hàng năm **[H23.23.05.07].**

Bảng 23.5.1. Thống kê số lượng và kinh phí thực hiện các đề tài cấp Nhà nước, cấp bộ và đề tài cấp tỉnh giai đoạn 2018-2025

Đơn vị tính: VNĐ

Năm	Từ các đề tài cấp Quốc gia, Bộ	Từ các đề tài/nhiệm vụ cấp tỉnh	Từ các dự án nước ngoài
2018 - 2019	563.000.000	648.000.000	500.000.000
2019 - 2020		1.488.000.000	0
2020 - 2021		488.000.000	2.020.459.000
2021 - 2022		829.000.000	588.000.00
2022 - 2023	5.700.000.000	2.288.000.000	1.762.000.000
2023 - 2024	0	1.864.000.000	0
2024 - 2025	400	1.655.000.000	0
Tổng	6.263	9.260.000.000	4.870.459.000

Bảng 23.5.2. Bảng Thống kê số lượng và kinh phí đề tài KH&CN cấp Trường thực hiện giai đoạn 2018 – 2025

Đơn vị tính: VNĐ

Năm	Đề tài của CBGV		Đề tài của SV	
	Số lượng	Kinh phí hỗ trợ	Số lượng	Kinh phí hỗ trợ
2017-2018	19	373.000.000	21	42.000.000
2018-2019	15	317.000.000	20	30.000.000
2019-2020	16	213.990.000	18	27.000.000
2020-2021	27	429.000.000	19	38.500.000
2021-2022	12	240.000.000	17	25.500.000

2022-2023	22	500.000.000	21	31.500.000
2023 - 2024	15	500.000.000	24	36.000.000
2024 - 2025	18	500.000.000	27	40.500.000
Tổng	144	3.072.990.000	167	271.000.000

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 23.6. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo, bao gồm việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp, v.v. được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Thực hiện chiến lược phát triển KH&CN, trong các cuộc họp định kì của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Nhà trường đề ra KH&CN theo hướng ứng dụng, ưu tiên triển khai các công trình, dự án, đề tài nghiên cứu của GV theo đặt hàng của các tổ chức, doanh nghiệp; kết quả KH&CN được công bố trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế [H23.23.06.01]. Nhà trường đã kí kết hợp tác với một số đơn vị ngoài trường và chuyển giao thành công quyền sử dụng kết quả KH&CN và phát triển công nghệ với công ty TNHH Cát Ngọc. Những hoạt động này không chỉ mang lại mang lại nguồn thu nhất định cho Nhà trường, mà còn tạo điều kiện để cán bộ, giảng viên tập trung nghiên cứu [H23.23.06.02].

Trường có quy định cụ thể về kết quả nghiên cứu và sáng tạo bao gồm thương mại hóa và chuyển giao tri thức cho động đồng, doanh nghiệp. Một số đề tài cấp tỉnh được chuyển giao cho các cơ quan quản lý Nhà nước như “Xây dựng mô hình mạch môn xen canh cây ăn quả, góp phần phát triển kinh tế xã hội và xây dựng nông thôn mới trên vùng đất gò đồi tỉnh Quảng Bình” [H23.23.06.03].

Nhà trường đã giao nhiệm vụ cho Phòng KH&CN-ĐN&HL tổ chức, quản lí các hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ, dịch vụ khoa học công nghệ của Trường và là đơn vị hỗ trợ các đơn vị, cá nhân trong Trường trong việc khởi nghiệp, thử nghiệm nghiên cứu và sáng tạo cho CBGV và SV [H23.23.06.04].

Nhà trường thu nhập thông tin về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo thông qua nhận xét của các ủy viên phản biện các hội đồng xét duyệt đề cương, hội đồng xét duyệt thuyết minh, hội đồng nghiệm thu đề tài [H23.23.06.05], [H23.23.06.06], [H23.23.06.07].

Trường thực hiện các hoạt động KHCN theo Quy định quản lý hoạt động KHCN của trường và quy chế làm việc. Trong đó quy định cụ thể về kết quả nghiên cứu và công thức để quy đổi giờ thực hiện KH&CN từ các kết quả nghiên cứu [H23.23.06.08], [H23.23.06.09].

Đối với Đề tài cấp trường, tùy theo kinh phí của đề tài mà sản phẩm được Hội đồng xét duyệt thuyết minh yêu cầu cụ thể là có ít nhất bài báo đăng trên tạp chí khoa học công nghệ của Trường hay là tạp chí nằm trong danh mục phòng hàm GS, PGS thông qua các nội dung trong Hợp đồng mỗi đề tài. [H23.23.06.10].

Đối với hoạt động khởi nghiệp, Phòng KHCN-ĐN&HL phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Bình tổ chức tập huấn khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo cho cán bộ giảng viên và sinh viên nhằm cung cấp các thông tin cần thiết và tạo cơ hội cho cán bộ, giảng viên tham gia các cuộc thi khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo các cấp. Nhà trường thành lập các hội đồng tư vấn ý tưởng cho các giải pháp tham gia. Vì thế, Trong cuộc thi cấp tỉnh, kết quả đã có nhiều giải cao [H23.23.06.11], [H23.23.06.12], [H23.23.06.13].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 23:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường giám sát, theo dõi, kiểm tra hoạt động KH&CN của CBGV.
- Hằng năm luôn có báo cáo đánh giá tổng kết quá trình KH&CN của giảng viên, sinh viên và Tạp chí KH&CN để tổng kết, trao đổi, đánh giá kết quả đạt được và có phương hướng kế hoạch cho năm học tiếp theo.

- Nhà trường đã ban hành các quy định để quản lý hoạt động KH&CN và phổ biến đến từng CBGV quan hệ thống văn bản.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Nhà trường cần tăng cường thực hiện hoạt động đối sánh về số lượng và chất lượng kết quả nghiên cứu với các trường trong và ngoài nước.

- Các đơn vị trong trường chưa phối hợp để tiến hành lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu của đội ngũ GV, kết quả nghiên cứu.

- Hoàn thiện các chính sách để tăng cường nguồn thu từ các đối tác bên ngoài Trường trong hoạt động KH&CN.

- Hoạt động khen thưởng trong KH&CN chưa liên tục và thường niên, chi hỗ trợ GV tham gia hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế còn thấp.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh 1	Phát huy vai trò giám sát, theo dõi, kiểm tra hoạt động KH&CN của CBGV.	Phòng KHCN-ĐN&HL và các đơn vị liên quan	Thường xuyên	
2	Phát huy điểm mạnh 2	Báo cáo đánh giá tổng kết quá trình KH&CN cho từng hoạt động	Phòng KHCN-ĐN&HL và các đơn vị liên quan	Thường xuyên	
3	Phát huy	Tăng cường tuyên truyền các quy định về KH&CN	Phòng KHCN-ĐN&HL và các	Thường xuyên	

	điểm mạnh 3	đến với CBGV và SV	đơn vị liên quan		
4	Khắc phục tồn tại 1	Nhà trường cần tăng cường thực hiện hoạt động đối sánh về số lượng và chất lượng kết quả nghiên cứu với các trường trong và ngoài nước	Phòng KHCN- ĐN&HLcác đơn vị liên quan	Năm học 2025- 2026	
5	Khắc phục tồn tại 2	Phiếu khảo sát, báo cáo khảo sát đánh giá của các bên liên quan, của người nghiên cứu và chất lượng nghiên cứu	Phòng ĐBCL,Phòng KHCN- ĐN&HLcác đơn vị liên quan	Năm học 2025- 2026	
6	Khắc phục tồn tại 3	Hoàn thiện các chính sách để tăng cường nguồn thu từ các đối tác bên ngoài Trường trong hoạt động KH&CN.	Phòng KHTC, QLĐT	Năm học 2025- 2026	
7	Khắc phục tồn tại 4	Hoạt động khen thưởng trong KH&CN chưa liên tục và thường niên, chi hỗ trợ GV tham gia hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế còn thấp.	Phòng KHTC, QLĐT	Năm học 2025- 2026	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn /tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 23</i>	<i>4,00</i>
Tiêu chí 23.1	4
Tiêu chí 23.2	4
Tiêu chí 23.3	4
Tiêu chí 23.4	4
Tiêu chí 23.5	4
Tiêu chí 23.6	4

Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 24.1. Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đổi mới để cải tiến.

Nhà trường đã tổ chức các hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội, tập thể CBGV và SV. Trường Đại học Quảng Bình tham gia với nhiều loại hình và lôi cuốn được ngày càng nhiều người tham gia. Có nhiều loại hình kết nối và PVCD được đưa vào kế hoạch hoạt động của Nhà trường.

Hội đồng Trường ra Nghị quyết về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Quảng Bình, trong đó có một chương (Chương VIII) gồm năm điều nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động, nội dung hoạt động và quản lý các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng. Năm học 2024-2025 Nhà trường đã ban hành Quy định về hoạt động phục vụ cộng đồng của sinh viên nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động phục vụ cộng đồng của sinh viên trong quá trình học tập và rèn luyện tại Trường. **[H24.24.01.01]**.

Trong Kế hoạch, chiến lược phát triển của Nhà trường giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn đến 2035 đã nói rõ “Sứ mạng”, “Tâm nhìn”, “Giá trị cốt lõi và văn hóa” và “Triết lý giáo dục” của Nhà trường là mục tiêu đã và đang được khẳng

định trong tất cả các hoạt động của trường. Cả hệ thống chính trị của nhà trường luôn coi trách nhiệm xã hội của trường không chỉ là giá trị tạo nên thương hiệu của trường mà còn là trách nhiệm của toàn thể thành viên nhà trường [H24.24.01.02]. Từ đó Trường ban hành các văn bản pháp quy nhằm hướng dẫn, hỗ trợ, thực hiện và kiểm soát các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng [H24.24.01.03], [H24.24.01.04]. Các kế hoạch hoạt động kết nối và PVCD được triển khai thực hiện bởi các đơn vị chức năng với các loại hình đa dạng và phong phú, đào tạo sinh viên đáp ứng nhu cầu xã hội...; [H24.24.01.05], [H24.24.01.06], [H24.24.01.07].

Đối với CB-GV-NV đó là các hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ; biên soạn giáo trình, tài liệu, sách tham khảo, và tham gia các hoạt động khác của các tổ chức chính quyền, đoàn thể các cấp; tham gia công tác tư vấn hướng nghiệp; tư vấn TS hằng năm; giao lưu - hợp tác đào tạo trong & ngoài nước; giao lưu - hợp tác với các doanh nghiệp; tham gia; hiến máu nhân đạo; xuân Tình nguyện, áo ấm mùa đông; ngày vì người nghèo; các công tác xã hội khác; ... [H24.24.01.08], [H24.24.01.09], [H24.24.01.10], [H24.24.01.11].

Đối với SV: các hoạt động PVCD là những hoạt động tình nguyện có ý nghĩa như: Nhà tình nghĩa, Hiến máu nhân đạo, Xuân Tình Nguyện, Tiếp sức mùa thi, các công tác xã hội khác, các đề tài NCKH các cấp của SV được thực hiện, tham gia hoạt động giao lưu, các chương trình gặp gỡ, giao lưu, hợp tác với thanh niên, quốc tế trong và ngoài nước để quảng bá hình ảnh Việt Nam nói chung và QBU nói riêng... [H24.24.01.12], [H24.24.01.12], [H24.24.01.14], [H24.24.01.15].

Các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được giám sát thường xuyên. Sau mỗi hoạt động, Nhà trường tổ chức đánh giá rút kinh nghiệm, đề ra hướng cải tiến nhằm tìm kiếm thêm và làm phong phú hơn các loại hình PVCD, ngày càng thu hút được nhiều người tham gia hơn [H24.24.01.16].

Việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội được thực

hiện theo quy trình khảo sát các bên liên quan thông qua bộ phiếu điều tra để thu thập thông tin từ cộng đồng về các hoạt động có đóng góp cho xã hội cũng như về chất lượng sinh viên tốt nghiệp và chương trình đào tạo của Nhà trường. [H24.24.01.17]. Sau khi có kết quả lấy ý kiến khảo sát của các bên liên quan đối với các hoạt động Nhà trường tổ chức họp, phân tích, đánh giá khách quan, từ đó rà soát lại các nội dung thực hiện, để kiểm tra, đánh giá hiệu quả hoạt động, đồng thời đối sánh kết quả thực hiện với các mục tiêu/ chỉ tiêu đề ra trong kế hoạch, chiến lược của Nhà trường và đối sánh theo từng giai đoạn để phân tích, đánh giá tính hiệu quả và xu hướng phát triển của các loại hình & khối lượng tham gia vào các hoạt động cộng đồng, lập sổ theo dõi việc thực hiện NCKH, chỉ tiêu nào chưa đạt phải phân tích nguyên nhân, giải trình và có biện pháp cải tiến [H24.24.01.18]. Đồng thời ghi nhận những kết quả hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng của đơn vị thực hiện cũng như thông báo kết quả hoạt động cho các đối tác cộng đồng được biết [H24.24.01.19].

Từ những kết quả phản hồi nêu trên, Trường đã đề xuất những cải tiến nhằm làm phong phú loại hình và nâng cao chất lượng các hoạt động PVCD để đáp ứng nhu cầu của các đối tác cộng đồng. [H24.24.01.20].

Kết quả loại hình kết nối và PVCD ngày càng phong phú thu hút được nhiều đối tượng tham gia và số lượng CB-GV-NV và SV tham gia ngày càng tăng [H24.24.01.21]. Tuy nhiên cơ sở dữ liệu đánh giá về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội thiết lập chưa đầy đủ; việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCD chưa thường xuyên.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 24.2. Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Hoạt động kết nối và PVCD của Trường Đại học Quảng Bình là những hoạt động được thiết lập nhằm tạo sự gắn kết giữa Nhà trường với địa phương,

doanh nghiệp; cơ quan Nhà nước và với các tổ chức xã hội. Kết nối và PVCD mang lại lợi ích cho Nhà trường, đồng thời qua đó Nhà trường thực hiện vai trò, trách nhiệm của mình với cộng đồng xã hội nhằm góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cộng đồng.

Các hoạt động kết nối và PVCD mà Nhà trường thực hiện trong những năm qua đã mang lại tác động rất lớn đối với xã hội và cộng đồng. Hàng năm, các đơn vị trong Trường rà soát từng hoạt động trong kế hoạch năm học, từ đó đánh giá tác động xã hội và lợi ích mà hoạt động này đem đến cho Nhà trường, đánh giá mức độ đáp ứng mục tiêu chiến lược của Nhà trường là “ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, thực hiện nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Bình và cả nước” [H24.24.02.01], [H24.24.02.02]. Kết quả của hoạt động kết nối và PVCD tác động đến xã hội được thể hiện ở các nội dung chính sau:

a. Tác động xã hội từ kết quả hoạt động Đào tạo- bồi dưỡng, KHCN và Đối ngoại. Các hoạt động ĐT-BD và NCKH, của Nhà trường tập trung ở các lĩnh vực Trường có thế mạnh và uy tín như: Công nghệ thông tin, Kinh tế, Nhóm ngành Nông-Lâm-Ngư, Sư phạm.

Lĩnh vực NCKH có nhiều đề tài, dự án được giảng viên và sinh viên thực hiện có kết quả cao, trong đó có nhiều đề tài được ứng dụng vào thực tiễn, dự án được triển khai nhằm PVCD [H24.24.02.03], [H24.24.02.04]. Bên cạnh đó Trường cũng có mối liên hệ mật thiết với nhiều trường ĐH uy tín ở nước ngoài như Đại học Masan Hàn Quốc, Udon Thani Rajabhat University Thái Lan, Gdynia Maritime University, Poland; Pedagogical University of Cacow, Poland và The Polish-Japanese Academy of Information Technology, Poland Ba Lan, Auckland University of Technology, New Zealand... [H24.24.02.05]. Hợp tác đào tạo và giao lưu trao đổi học thuật: Các bản ghi nhớ (MOU)... được ký kết giữa Nhà trường với các đối tác đã được triển khai thực hiện, bước đầu mang lại lợi ích cho Nhà trường với nhiều hoạt động trên nhiều lĩnh vực như hợp tác đào tạo, trao đổi GV và SV trao đổi học thuật, tham quan khảo sát, giao lưu học

tập... [H24.24.02.06]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã tiếp tục tiếp nhận Lưu học sinh Lào...đến học tập tự túc và theo diện hợp tác giữa hai chính phủ [H24.24.02.07].

b. Tác động xã hội từ kết quả hoạt động Công Đoàn. Các hoạt động của Công đoàn Trường tuy chưa phải là nhiều nhưng cũng là những nguồn động viên rất kịp thời đối với bà con đồng bào ở các địa phương gặp khó khăn do thiên tai lũ lụt [H24.24.02.08].

c. Tác động xã hội từ kết quả hoạt động tình nguyện Đoàn thanh niên và Hội SV. Nhằm góp phần phục vụ và phát triển cộng đồng, các hoạt động tình nguyện đã được đẩy mạnh trong thời gian qua. Chiến dịch sinh viên Tình nguyện Hè hằng năm được ĐTN-HSV Trường ban hành hướng dẫn kế hoạch thực hiện đúng tiến độ, đổi mới hình thức tổ chức, hoạt động địa điểm mới mang lại nhiều ý nghĩa cho tình nguyện viên. Hàng năm, Đoàn trường vận động SV tình nguyện tham gia chiến dịch "Mùa hè xanh", tham gia các hoạt động tình nguyện tại các địa bàn lân cận khu vực Nhà trường như: Tuyên truyền và hỗ trợ cho người dân phòng chống dịch sốt xuất huyết, phòng chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn, hưởng ứng phong trào hiến máu nhân đạo thông qua câu lạc bộ “Trái tim Hồng” [H24.24.02.09], [H24.24.02.10], [H24.24.02.11].

Ngoài ra, Hàng năm Nhà trường còn có một số hoạt động khác như phối hợp với các trường THPT và các địa phương đề tư vấn TS, kết nối doanh nghiệp hỗ trợ sinh viên như: tư vấn giới thiệu việc làm cho sinh viên năm cuối, “Tết nghèo cho sinh viên”... [H24.24.02.12],[H24.24.02.13]. Các hoạt động của Hội CTĐ, Hội Khuyến học....Các mối quan hệ hợp tác với các trường ĐH trong và ngoài nước, với các DN ngày càng được mở rộng về số lượng lẫn chất lượng. Có thể thấy, hoạt động kết nối và PVCD thông qua hoạt động đào tạo và NCKH đều được Nhà trường thực hiện báo cáo hằng năm và so sánh, đối sánh theo quy định, trong đó có triển khai hệ thống giám sát quá trình thực hiện và thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan qua các kênh [H24.24.02.14], [H24.24.02.15].

Việc giám sát tác động xã hội và kết quả các hoạt động này cũng được thực hiện chặt chẽ. Thông qua cơ chế tự giám sát, các bộ phận thực hiện phải cập nhật tình hình tới cán bộ phụ trách hoạt động để báo cáo tiếp lên các cấp trên thông qua cuộc họp giao ban hàng tháng [H24.24.02.16].

Các ý kiến phản hồi của các bên liên quan đều hài lòng về kết quả các hoạt động PVCD của Nhà trường thông qua báo cáo tổng hợp của đơn vị chức năng. Từ đó Nhà trường tổ chức cải tiến nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động kết nối và PVCD [H24.24.02.17].

Đó là cơ sở để Nhà trường thực hiện đối sánh và cải tiến nhằm nâng cao chất lượng, đặc biệt với mảng PVCD và đóng góp cho xã hội. Tuy nhiên, Nhà trường chưa xây dựng chi tiết các tiêu chí cho hoạt động kết nối và PVCD; hằng năm việc thực hiện đối sánh các hoạt động kết nối PVCD chưa đầy đủ và chưa thực hiện đối sánh với các cơ sở giáo dục khác.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 24.3. Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Các hoạt động kết nối và PVCD của Trường ĐHQB đa dạng và phong phú mang lại lợi ích và hiệu quả thiết thực không chỉ cho tập thể CBVC&NLĐ của Nhà trường mà còn trang bị thêm nhiều giá trị sống cho các em SV, nâng cao tinh thần phục vụ vì cộng đồng. Chương trình Tình nguyện hằng năm góp phần xóa mù và bồi dưỡng kiến thức cho các em học sinh và người dân vùng sâu, vùng xa [H24.24.03.01], [H24.24.03.02], [H24.24.03.03]. Sự tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với tập thể CB, GV, NV của Trường là rất lớn. Là một phần trọng yếu trong chiến lược phát triển của Nhà trường, nhiều hoạt động kết nối và PVCD đã được thực hiện nhằm tối đa hóa lợi ích từ việc thiết lập và duy trì sự gắn kết giữa Nhà trường với cộng đồng địa phương, doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước và các tổ chức xã hội, đã dần thay đổi nhận thức, thái độ, thúc

đẩy tinh thần hoạt động của CB-GV-NV, SV của Nhà trường. [H24.24.03.04], [H24.24.03.05], [H24.24.03.06], [H24.24.03.07].

CB-GV-NV Nhà trường cũng thường xuyên tham gia các chương trình Tình nguyện của ĐTN-HSV, Công Đoàn Trường phát động (Ủng hộ SV vui Tết xa nhà, Ủng hộ chiến dịch Mùa hè xanh, Quỹ Khuyến Học, Hiến Máu nhân đạo, Ủng hộ đồng bào thiên tai, trẻ em mồ côi,...) [H24.24.03.08], [H24.24.03.09]. Nhận thức của CB-GV-NV ngày càng được nâng cao thông qua sự vận dụng các mô hình học tập PVCĐ một cách sáng tạo, góp phần nâng cao hiệu quả công tác đào tạo trên cơ sở phát triển & mở rộng kết nối cộng đồng và các hoạt động dịch vụ cộng đồng. Sự thành công từ việc gắn kết các hoạt động của Nhà trường với doanh nghiệp vừa mang lại sự tương tác lớn giữa Nhà trường - Doanh nghiệp - SV tiến tới thực hiện mục tiêu “cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao ...” (SV ra trường có việc làm, được hỗ trợ một phần kinh phí trong học tập, Doanh nghiệp tuyển dụng được nguồn nhân sự cần thiết, Nhà trường thực hiện được sứ mạng của mình) [H24.24.03.10]. Mặt khác, phong trào NCKH trong CB-GV-NV đã mang lại nhiều đóng góp tích cực đối với các mảng công tác trong Nhà trường [H24.24.03.11].

Đối với SV, kết quả đánh giá hoạt động kết nối và PVCĐ ngoài việc làm tiêu chí xét điểm rèn luyện, xét sinh viên 5 tốt,... dần dần đã giúp thay đổi kỹ năng, nhận thức, thái độ, thúc đẩy tinh thần hoạt động của SV. Những chương trình tình nguyện (Ngày chủ nhật xanh, Hiến máu nhân đạo, Xuân Tình Nguyện, ...) do Đoàn thanh niên và Hội SV phát động đều được SV hưởng ứng và chủ động đăng ký tham gia với tinh thần tự nguyện [H24.24.03.12], [H24.24.03.13].

Báo cáo cho thấy, số lượng SV tham gia từ 2 lần trở lên chiếm tỷ lệ cao hơn so với số lượng SV tham gia 1 lần, qua đó cho thấy đa phần những SV đã tham gia đều có “tinh cảm tích cực” nên sẵn sàng quay lại để tiếp tục cống hiến, góp phần nâng cao tổng số lượng SV tham gia tăng đều qua các năm học [H24.24.03.13], [H24.24.00314].

Đặc biệt, từ năm học 2017 – 2018 đến nay, số SV được tuyên dương là “SV 5 Tốt” và “Sao tháng giêng” có số lượng tương đối nhiều. Số lượng SV hoàn thành tiêu chí Tình nguyện cũng chiếm tỷ lệ cao, cho thấy khi đăng ký SV5T cũng tạo cho sinh viên đề cao ý thức trách nhiệm trong việc tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng. Mặt khác, những SV đạt thành tích SV5T đều có thể tìm được việc làm phù hợp với chuyên ngành và có mức lương tốt, ổn định, phù hợp năng lực. Điều này cho thấy phong trào SV5T đã góp phần không nhỏ trong việc phát triển sự nghiệp của SV, cụ thể: Từ Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021-2022 có 236 SV đạt danh hiệu SV5T và 108 SV đạt danh hiệu Sao tháng giêng [H24.24.00313], [H24.24.03.15].

Như vậy, tác động xã hội của công tác PVCD của Nhà trường không chỉ vì mục đích PR để kêu gọi mọi người tham gia mà còn để chính thầy trò QBU có thể hiểu được mỗi bước đi của Trường mình có giá trị như thế nào. Tác động của hoạt động kết nối và PVCD còn là cơ hội để mỗi CB-GV-NV và SV, mỗi đối tượng hưởng lợi trong chuỗi giá trị được chia sẻ và được thấu cảm, để rồi chính họ sẽ là những đại sứ truyền thông tích cực cho Nhà trường.

Tóm lại, tiêu chí này cho thấy, các hoạt động kết nối và PVCD của Trường ĐHQB đa dạng và phong phú mang lại lợi ích và hiệu quả thiết thực nhằm tối đa hóa lợi ích từ việc thiết lập và duy trì sự gắn kết giữa Nhà trường với cộng đồng địa phương, doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước và các tổ chức xã hội, đã dần thay đổi nhận thức, thái độ, thúc đẩy tinh thần hoạt động của CB-GV-NV, SV của Nhà trường; tác động của hoạt động kết nối và PVCD là cơ hội để mỗi CB-GV-NV và SV, mỗi đối tượng hưởng lợi trong chuỗi giá trị được chia sẻ và được thấu cảm, để rồi chính họ sẽ là những đại sứ truyền thông tích cực cho Nhà trường. Bên cạnh đó Nhà trường chưa đánh giá đầy đủ những tác động của các chương trình PVCD đối với sinh viên và CB, GV, NV; chưa có kết quả đối sánh hằng năm về tác động của các chương trình PVCD đối với SV, CB, GV, NV.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 24.4. Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đổi mới để cải tiến

Với mong muốn tìm hiểu thông tin, nắm bắt được mức độ đáp ứng của Nhà trường đối với xã hội trong các hoạt động gắn kết cộng đồng, cung cấp các dịch vụ PVCD. Mọi công tác triển khai của Nhà trường đều có sự phối hợp của các bên liên quan nhằm xây dựng nên những kế hoạch, các chương trình thiết thực PVCD. Nhà trường xây dựng kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan đối với từng loại hoạt động [H24.24.04.01]. Hoạt động PVCD của các tổ chức Công đoàn và Đoàn TN, Hội SV, Hội chữ thập đỏ đều được rà soát, điều chỉnh và đổi mới hằng năm nhằm đáp ứng cao sự hài lòng của các bên liên quan trong công tác phục vụ và đóng góp cho xã hội. Chẳng hạn chiến dịch tình nguyện “Mùa hè xanh” của Đoàn trường, CLB “Trái tim hồng” của Hội chữ thập đỏ luôn thu hút đông đảo SV tham gia [H24.24.04.02].

Hình thức khảo sát đa dạng nhằm giúp thu được nhiều ý kiến góp ý nhất như: Phỏng vấn, phát phiếu, thông qua các cuộc họp, các buổi gặp mặt, ... Các kết quả khảo sát đều được các đơn vị liên quan xử lý, giải trình hướng xử lý để cải tiến nhằm đạt kết quả tốt hơn [H24.24.04.03].

Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD. Giám sát cách góp ý của các bên liên quan trong từng chương trình hành động hoặc sau khi có kết quả hoạt động, phân tích mức độ hài lòng qua góp ý của các bên liên quan, theo dõi từng hoạt động, cải tiến kịp thời nhằm đem lại hiệu quả cao nhất, đáp ứng sự hài lòng của các đối tượng này.

Đối với SV: Nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến SV hàng năm để có những cải tiến thiết thực nhằm đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ SV về kiến thức PVCD. Kết quả cho thấy mức độ hài lòng của SV về hoạt động hỗ trợ Nhà trường ngày càng tăng [H24.24.04.04].

Đối với cựu SV: Nhà trường xây dựng mạng lưới liên kết với cựu SV để thu thập ý kiến đánh giá của cựu SV về chất lượng đào tạo, qua đó đề xuất các

giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo để cạnh tranh tốt hơn trong việc cung cấp nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu thị trường. **[H24.24.04.05]**.

Đối với doanh nghiệp: Nhà trường chủ động xây dựng các kênh thông tin liên lạc với đa dạng các loại hình doanh nghiệp, phân công nhiệm vụ cho Trung tâm Hợp tác doanh nghiệp là đầu mối **[H24.24.04.006]**. khảo sát ý kiến doanh nghiệp nhằm đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với các hoạt động của sinh viên nhà trường, lấy đó làm cơ sở để điều chỉnh hướng đào tạo phù hợp với yêu cầu của nhà tuyển dụng **[H24.24.04.07]**.

Đối với cán bộ giảng viên nhân viên nhà trường: Các ý kiến góp ý về các hoạt động đều được các đơn vị liên quan ghi nhận và triển khai thực hiện theo đúng nội dung đã ghi nhận trong biên bản, một số ý kiến nêu ra trong cuộc họp đều có ý kiến phản hồi tích cực từ Lãnh đạo Trường và các đơn vị chức năng liên quan. Hàng tháng, nhà trường sẽ họp giao ban để kiểm tra tiến độ, kết quả thực hiện các hoạt động, đồng thời lấy ý kiến đóng góp vào việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ **[H24.24.04.08]**.

Đối với Lãnh đạo Nhà trường (HĐT, BGH...): Các ý kiến góp ý về các hoạt động đều được các đơn vị liên quan ghi nhận và triển khai thực hiện theo đúng nội dung đã ghi nhận trong biên bản, một số ý kiến nêu ra trong cuộc họp đều có phản hồi tích cực từ Lãnh đạo Trường và các đơn vị chức năng liên quan **[H24.24.04.09]**. Hằng tháng, Nhà trường tổ chức họp giao ban cán bộ chủ chốt (Họp giữa BGH với Lãnh đạo các Phòng/Ban, Khoa/Viện) để lấy ý kiến đóng góp vào việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ đã thực hiện và triển khai kế hoạch công tác tháng tới **[H24.24.04.10]**.

Ngoài ra nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, Nhà trường còn thực hiện việc thu thập những phản hồi, đánh giá của người sử dụng lao động về chất lượng sinh viên tốt nghiệp và sự đáp ứng của CTĐT với ngành nghề thực tế. Kết quả giám sát và đối sánh qua các năm học Nhà trường luôn nhận được phản hồi tích cực từ phía doanh nghiệp, cựu SV **[H24.24.04.03]**, **[H24.24.04.11]**.

Ngoài các nội dung kể trên, các hoạt động gắn kết với cộng đồng địa phương, với các ban ngành, đoàn thể, chính quyền các cấp đều nhận được phản hồi tích cực từ giới truyền thông, doanh nghiệp, chính quyền địa phương các cấp [H24.24.04.03] [H24.24.04.12].

Để cải thiện và nâng cao về hoạt động kết nối và PVCD, Nhà trường luôn quan tâm đến ý kiến phản hồi của các bên liên quan để tìm hiểu thông tin, nắm bắt được mức độ đáp ứng của Nhà trường đối với xã hội trong các hoạt động gắn kết và phục vụ cộng đồng. Các đơn vị liên quan đã phối hợp triển khai khảo sát ý kiến của người dân và chính quyền địa phương về các hoạt động này. Kết quả cho thấy, mức độ hài lòng cũng như uy tín và thương hiệu QBU của chính quyền địa phương, của người dân đối với Trường đại học Quảng Bình ngày càng tăng [H24.24.04.13]. Căn cứ báo cáo kết quả khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan về các hoạt động phục vụ cộng đồng [H24.24.04.03] [H24.24.04.09] [H24.24.04.12] [H24.24.04.14]. Nhà trường thực hiện đối sánh về sự hài lòng của các hoạt động phục vụ cộng đồng đối với người học, cán bộ giảng viên để cải tiến [H24.24.04.15]. Tuy nhiên, việc khảo sát ý kiến phản hồi cũng như đối sánh về mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với các hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội chưa được Nhà trường thực hiện thường xuyên và có hệ thống, một số thành phần tham gia khảo sát còn ít.

Như vậy, mọi hoạt động kết nối và PVCD của Nhà trường đều có sự phối hợp của các bên liên quan nhằm xây dựng nên những kế hoạch cụ thể, được giám sát và cải tiến; kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan cho thấy, mức độ hài lòng cũng như uy tín và thương hiệu QBU của xã hội, của chính quyền, của người dân đối với QBU ngày càng tăng. Tuy nhiên việc thực hiện đối sánh về sự hài lòng của các bên liên quan, xây dựng kế hoạch cải tiến về hoạt động kết nối và PVCD đóng góp cho xã hội chưa rõ ràng và quan tâm thực hiện.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 24

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Trường đại học Quảng Bình có nhiều loại hình và số lượng hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, độ phủ của hoạt động này cũng được trải rộng khắp cho nhiều đối tượng.

- Trường đại học Quảng Bình đã thể hiện trách nhiệm với xã hội không chỉ ở những hoạt động chuyên môn... mà còn triển khai bằng những hoạt động bên ngoài, có huy động sự đóng góp từ các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp.

- CBNV và SV có nhiều hoạt động phục vụ lại cộng đồng từ tác động của Nhà trường về các hoạt động này thông qua các câu lạc bộ...

- Các hoạt động của thầy và trò QBU bên ngoài Trường đã phần nào có tác động không nhỏ đến cộng đồng, đến xã hội và đến chính với đội ngũ CB-GV-NV và SV của Nhà trường, đem lại nhiều kết quả nhằm góp phần nâng cao thương hiệu và vị thế của Nhà trường, tạo niềm tin cho xã hội, ...

- Mọi hoạt động kết nối và PVCD của Nhà trường đều có sự phối hợp của các bên liên quan nhằm xây dựng nên những kế hoạch cụ thể, được giám sát và cải tiến. Kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan cho thấy, mức độ hài lòng cũng như uy tín và thương hiệu QBU của xã hội, của chính quyền, của người dân đối với Nhà trường ngày càng tăng.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Nhà trường chưa có văn bản giao trách nhiệm cho đơn vị cụ thể thực hiện các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng.

- Chưa có báo cáo đánh giá đầy đủ, toàn diện những tác động của các hoạt động PVCD đối với CB, GV, NV, SV và những tổ chức, các nhân được hưởng lợi từ những hoạt động kết nối và PVCD của Nhà trường.

- Việc thực hiện đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội chưa được thực hiện.

- Nhà trường chưa thực hiện đối sánh các hoạt động kết nối và PVCD với các cơ sở giáo dục khác.

- Việc xây dựng kế hoạch cải tiến các hoạt động kết nối và PVCD đóng góp cho xã hội chưa được thực hiện cụ thể.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh 1	Duy trì việc xây dựng Kế hoạch thực hiện các hoạt động kết nối và PVCD, với nhiều loại hình và số lượng để phục vụ được nhiều đối tượng	P.CT&QLSV; Công đoàn, Đoàn TN, Hội SV, Hội CTĐ, Hội KH.	Thực hiện thường xuyên từ năm học 2022-2023	
2	Phát huy điểm mạnh 2	Xây dựng các hoạt động kết nối và PVCD với nhiều hình thức mới, gắn với ứng dụng công nghệ hiện đại để thu hút được nhiều đối tượng tham gia.	P.CT&QLSV; Công đoàn, Đoàn TN, Hội SV, Hội CTĐ, Hội KH.	Thực hiện thường xuyên từ năm học 2022-2023	
3	Phát huy điểm mạnh 3	Chủ động kết nối và phối hợp với các Tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp... để huy động các nguồn lực phục vụ các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng	BGH, P. KHCH&ĐN, P.CT&QLSV; Công đoàn, Đoàn TN, Hội SV, Hội CTĐ, Hội KH.	Thực hiện thường xuyên từ năm học 2022-2023	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
4	Khắc phục tồn tại 1	Nhà trường cần có văn bản giao trách nhiệm cho các đơn vị cụ thể thực hiện các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng	HĐT, BGH, P.TC-HC	Thực hiện ngay từ năm học 2022-2023	
5	Khắc phục tồn tại 2	Có báo cáo đánh giá đầy đủ, cụ thể về số liệu toàn diện những tác động của các hoạt động kết nối và PVCD đối với CB, GV, NV, SV và những tổ chức, các nhân được hưởng lợi từ những hoạt động kết nối và PVCD của Nhà trường	P. TT-PC P. KHCN&ĐN, P.CT&QLSV; Công đoàn, Đoàn TN, Hội SV, Hội CTĐ, Hội KH...	Thực hiện ngay và thường xuyên từ năm học 2022-2023	
6	Khắc phục tồn tại 3	Nhà trường cần xây dựng các chỉ số, chỉ báo cụ thể về từng hoạt động kết nối và PVCD, từ đó đánh giá đầy đủ, toàn diện kết quả các hoạt động	P. TT-PC	Thực hiện ngay từ năm học 2022-2023	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		đó, để có giải pháp cải tiến nhằm đáp ứng sự hài lòng của các bên liên quan			
7	Khắc phục tồn tại 4	Quy định so chuẩn đối sánh kết quả hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng	P. TT-PC	Thực hiện ngay từ năm học 2022-2023	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 24	4,00
Tiêu chí 24.1	4
Tiêu chí 24.2	4
Tiêu chí 24.3	4
Tiêu chí 24.4	4

Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường

Tiêu chí 25.1. Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Các kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được Nhà trường xác lập [H25.25.01.01], [H25.25.01.02] và các báo cáo kết quả và phương hướng hoạt động tại Hội nghị tổng kết năm học, Hội nghị viên chức và người lao động (VC&NLĐ) hàng năm và trong kế hoạch tài chính – ngân sách cho năm học [H25.25.01.03]. Cụ thể:

Trong giai đoạn 2017-2021, với mục tiêu đo lường kết quả tài chính của các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ, Nhà trường đã thực hiện xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chỉ số tài chính của các hoạt động này.

** Về việc xác lập các chỉ số tài chính:*

Hàng năm, trên cơ sở Chiến lược phát triển và Kế hoạch hoạt động của Nhà trường, BGH đã chỉ đạo xây dựng kế hoạch tài chính – ngân sách, báo cáo dự kiến thu, chi tài chính và dự toán ngân sách của Nhà trường, trong đó xác định rõ các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ như: học phí các loại hình đào tạo, lệ phí tuyển sinh, mức chi tiền giảng, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp, KHTC-NS hàng năm của Nhà trường được báo cáo BGH xem xét, thông qua [H25.25.01.01], [H25.25.01.04]; báo cáo dự kiến thu, chi tài chính và dự toán ngân sách được lấy ý kiến và thông qua tại Hội nghị VC&NLĐ của Nhà trường [H25.25.01.05].

Mức học phí các loại hình đào tạo của Nhà trường được xác định trên cơ sở khung học phí được HĐND tỉnh ban hành, trong đó chi phí tái tạo nguồn lực phục vụ công tác đào tạo, phần còn lại tích lũy được dung vào sửa chữa cơ sở vật chất, tuân thủ các quy định của Nhà trường [H25.25.01.03]. Bên cạnh đó, căn cứ tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, trên cơ sở tham khảo mức học phí của các trường đại học địa phương, Nhà trường sẽ có những sự cân nhắc, điều chỉnh để đảm bảo vừa phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội, vừa tuân thủ các quy định của pháp luật. Mức học phí các loại hình đào tạo của Nhà trường hàng năm đều được báo cáo BGH xem xét, phê duyệt [H25.25.01.06].

Cùng với các kế hoạch, dự toán tài chính – ngân sách hàng năm của Nhà trường, các đơn vị cũng sẽ xây dựng kế hoạch hoạt động và dự toán ngân sách hàng năm trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và báo cáo Hiệu trưởng phê duyệt. [H25.25.01.07].

Thực hiện quy định cơ chế tự chủ tài chính của ĐVSNCL theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ (trước ngày 15/8/2021 theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ) Nhà trường luôn

đảm bảo các hoạt động tài chính được triển khai minh bạch, công khai, tuân thủ các quy định của pháp luật. Nhà trường luôn tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân thực hiện giám sát đối với công tác tài chính như:

- Định kỳ báo cáo về kết quả tài chính và việc quyết toán kinh phí đối với các nguồn thu hợp pháp của Nhà trường **[H25.25.01.08]**.

- Báo cáo công khai tài chính về thu, chi và việc sử dụng các quỹ của Nhà trường tại Hội nghị VC&NLĐ hàng năm **[H25.25.01.09]**.

- Thành lập Ban Tự kiểm tra tài chính gồm đại diện của Công đoàn, Ban Thanh tra nhân dân, thực hiện công tác kiểm tra đối với các báo cáo tài chính hàng năm của Nhà trường **[H25.25.01.10]**.

- Đối với công tác kiểm toán, Nhà trường đã làm việc với Kiểm toán nhà nước để thực hiện việc kiểm toán giai đoạn 2017-2019. Bên cạnh đó, Nhà trường thuê ngoài kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán một số hoạt động của Nhà trường nhằm đảm bảo tính minh bạch **[H25.25.01.11]**. Về cơ bản, báo cáo kiểm toán đã cho thấy hoạt động của Nhà trường được đánh giá đảm bảo chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách hiện hành **[H25.25.01.12]**.

- Hàng năm, Nhà trường lập dự toán ngân sách và báo cáo Sở Tài chính thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Ngân sách và các quy định của pháp luật có liên quan **[H25.25.01.03]**.

- Đối với kế hoạch ngân sách hàng năm của các đơn vị, Phòng Kế hoạch, Tài chính và Quản lý đầu tư là đơn vị đầu mối theo dõi, đôn đốc và tổng kết công tác triển khai thực hiện, báo cáo Hiệu trưởng để kịp thời đưa ra những chỉ đạo, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tiễn **[H25.25.01.13]**.

- Công tác giám sát việc phát triển các nguồn lực tài chính phục vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ đã được triển khai qua phần mềm kế toán, phần mềm quản lý văn bản... của Trường để theo dõi kết quả hoạt động tài chính trong năm, từ đó nâng cao hiệu quả công tác quản lý KHTC và hoàn thành các nhiệm vụ được giao **[H25.25.01.14]**.

• Về việc đối sánh để cải tiến:

Công tác đối sánh được Nhà trường thường xuyên thực hiện nhằm đánh giá về kết quả triển khai các hoạt động, đồng thời đưa ra các kết quả và chỉ tiêu phù hợp cho giai đoạn tiếp theo. Việc đối sánh về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ được thể hiện qua Báo cáo tổng kết năm học [H25.25.01.15].

Việc cải tiến kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ của Nhà trường được thực hiện hàng năm, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế. Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn ra phức tạp suốt 2 năm qua, Nhà trường đã điều chỉnh mức chi, tìm nguồn thu hợp pháp khác nhằm đảm bảo an toàn tài chính đồng thời thực hiện cải tiến kết quả và các chỉ số tài chính các hoạt động [H25.25.01.16].

Bảng 25.1.1. Chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo giai đoạn 2019-2023

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	2019	2020	2021	2022	2023
1	Tổng nguồn thu	50.934	46.77 7	41.210	28.76 2	30.534
2	Thu học phí đào tạo CQ, không CQ	8.332	7.256	7.121	7.977	8.094
3	Thu từ chương trình LKĐT, từ viện/trung tâm và thu khác	2.602	1.363	6.776	2.382	3.623
	Tổng cộng	61.868	55.39 6	55.107	39.12 1	42.251

Bảng 25.1.2. Chỉ số tài chính của hoạt động NCKH và phục vụ cộng đồng giai đoạn 2019-2023

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	2019	2020	2021	2022	2023
1	Thu				1.12 8	2.315
1.1	Từ NSNN cấp	1.941	1.873	1.890	866	2.292

TT	Nội dung	2019	2020	2021	2022	2023
1.2	Từ nguồn đặt hàng, tài trợ, viện trợ	306	282	89	262	23
1.3	Từ quỹ NCKH của Nhà trường					
2	Chi	1.492	2.444	2.111	441	1.682
2.1	Từ NSNN cấp	1.343	2.277	2.010	403	1.629
2.2	Từ nguồn đặt hàng, tài trợ, viện trợ	149	167	101	38	53
2.3	Từ quỹ NCKH của Nhà trường					
	Tổng cộng					

Bên cạnh việc cải tiến các chỉ số hoạt động, Nhà trường cũng đã linh hoạt điều chỉnh lại một số chỉ tiêu cho phù hợp với tình hình thực tế, đặc biệt là trong những thời điểm dịch bệnh Covid-19 có những diễn phức tạp như: chỉ tiêu tuyển sinh một số loại hình đào tạo, chỉ tiêu SV quốc tế trao đổi và học tập ngắn hạn,... [H25.25.01.17].

Từ thông tin phản hồi của các bên liên quan, để cải thiện kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD, Trường đã điều chỉnh thực hiện tổ chức đối thoại với SV để lắng nghe SV phản ánh về giảng dạy, điều kiện học tập, sinh hoạt...; Tổ chức các buổi giao lưu với các doanh nghiệp về hướng nghiệp cho SV, về việc làm...; Tổ chức khảo sát về việc làm của SV sau khi tốt nghiệp ra trường [H25.25.01.18].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 25.2. Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Giai đoạn 2017-2021, kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD của Nhà trường đã được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến, cụ thể như sau:

**** Về việc xác lập kết quả và các chỉ số thị trường:***

Trong thời gian vừa qua, với mục tiêu khẳng định, nâng cao vị thế và năng lực cạnh tranh, Nhà trường đã xây dựng các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD được thể hiện trong Chiến lược phát triển và Kế

hoạch hoạt động hàng năm:

- Trong Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2035, Nhà trường đã xác định các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo gồm:

Tăng cường mối liên kết giữa Nhà trường và doanh nghiệp, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh trong công tác tuyển sinh, đào tạo và tuyển dụng sau đào tạo **[H25.25.02.01]**.

Xây dựng chương trình đào tạo linh hoạt, thích ứng cao; đồng thời, bảo đảm chất lượng trong đào tạo và hội nhập quốc tế. Mục tiêu đến năm 2026, có từ khoảng 02 chương trình đào tạo tiên tiến, chất lượng cao; đến năm 2030, có khoảng 03 - 05 chương trình liên kết đào tạo quốc tế.

Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực lao động chất lượng cao và đa dạng của xã hội, đáp ứng nhu cầu việc làm trong thời đại công nghiệp 4.0.

Phát triển các mã ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, phân đầu đến năm 2025 mở được 01 mã ngành và đến 2030 là 03 mã ngành.

Phân đầu trong giai đoạn 2021 - 2025: tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp hằng năm là 95% - 97%, tỷ lệ sinh viên học lại hằng năm ở mức dưới 5%, tỷ lệ sinh viên bỏ học hằng năm ở mức dưới 3%; tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi ra trường hằng năm đạt từ 75% đến 85% **[H25.25.02.02]**.

Cơ cấu lại ngành nghề đào tạo: Khảo sát, phân tích nhu cầu nhân lực lao động tỉnh Quảng Bình và các vùng lân cận. Đến năm 2025: Hoàn thiện cơ cấu ngành nghề phù hợp với Quy hoạch tỉnh Quảng Bình và đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Mở thêm các mã ngành đào tạo: Sư phạm Khoa học Tự nhiên, Sư phạm Khoa học xã hội; Sư phạm Khoa học Công nghệ; Sư phạm Tiếng Anh và Sư phạm Tin học.

Đẩy mạnh truyền thông tuyển sinh, nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh: Ứng dụng công nghệ 4.0 trong công tác tuyển sinh, đặc biệt là truyền thông tuyển sinh: năm học 2022 - 2023 tuyển sinh đạt 600 - 800 chỉ tiêu/năm; giai đoạn 2023 - 2025 tuyển sinh đạt 1000 - 1200 chỉ tiêu/năm.

Giai đoạn 2021-2025, triển khai kiểm định chất lượng của 35% tổng số các CTĐT (08 CTĐT, trong đó có 04 CTĐT sư phạm) của Trường Đại học Quảng Bình chu kỳ thứ nhất và cải tiến chất lượng các CTĐT theo các bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trong nước. Đồng thời, thực hiện tự đánh giá, cải tiến chất lượng 02 CTĐT theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA. Giai đoạn 2026-2035, triển khai kiểm định chất lượng của 80% tổng số các CTĐT (18 CTĐT, trong đó có 06 CTĐT sư phạm) của Trường Đại học Quảng Bình chu kỳ thứ nhất và thứ hai theo bộ tiêu chuẩn trong nước. Thực hiện tự đánh giá và cải tiến chất lượng toàn bộ các CTĐT theo cả bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trong nước và tiêu chuẩn AUN-QA. Kiểm định chất lượng ít nhất 02 CTĐT theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA.

Nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực trong thời đại 4.0: Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa người học. Đầu tư trang thiết bị hiện đại cho các phòng học chức năng. Tranh thủ nguồn nhân lực và cơ sở vật chất của các doanh nghiệp, cơ sở thực hành, thực tập.

Phát triển chương trình đào tạo linh hoạt, thích ứng; bảo đảm chất lượng trong đào tạo và hội nhập quốc tế: Tăng cường hơn nữa tính liên thông giữa các chương trình; Phát triển các chương trình liên ngành, liên trường trong liên kết đào tạo; Phát triển chương trình đào tạo đại học tiên tiến. Đến năm 2025: mở 01 mã ngành đào tạo trình độ thạc sĩ; có khoảng 02 chương trình đào tạo tiên tiến, chất lượng cao. Hoàn thiện hồ sơ và các điều kiện đảm bảo mở Trường mầm non và phổ thông trực thuộc Trường Đại học Quảng Bình [H25.25.02.03].

Các chỉ số đối với hoạt động NCKH (Số lượng công bố quốc tế, Số lượng công bố trong nước/Tổng số giảng viên, Số đề tài/nhiệm vụ/dự án NCKH cấp Nhà nước/Bộ/Tỉnh hàng năm): Mục tiêu đến năm 2025, toàn trường phấn đấu có 3 đề tài khoa học cấp nhà nước, 12 đề tài khoa học cấp tỉnh, 120 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế, trên 800 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học cấp ngành, trong nước.

Đối với hoạt động phục vụ công đồng, các chỉ số gồm: (1) Số thỏa thuận

hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp, địa phương, cơ sở giáo dục, (2) Số lượng hợp đồng tư vấn, nhiệm vụ KHCN chuyển giao tri thức cho cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp, địa phương, (3) Số dự án/doanh nghiệp được hỗ trợ ươm tạo [H25.25.02.04].

Quá trình xây dựng chiến lược cũng như việc xây dựng các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ đã được Nhà trường nghiên cứu và thực hiện lấy ý kiến của viên chức, người lao động trong trường và các bên liên quan (người học, các hiệp hội, tổ chức, doanh nghiệp, cựu người học,...) đảm bảo phù hợp với bối cảnh và định hướng phát triển của Nhà trường [H25.25.02.05].

- Trên cơ sở Chiến lược phát triển Trường, hàng năm, BGH chỉ đạo xây dựng Kế hoạch hoạt động của Nhà trường, trong đó đã làm rõ và bổ sung các chỉ tiêu thị trường cụ thể của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ như: số CTĐT kiểm định trong nước hàng năm; số bài trên tạp chí SSCI, SCIE, Scopus, ESCI; số bài viết hội thảo quốc tế; số đề tài, nhiệm vụ, dự án NCKH do doanh nghiệp đặt hàng; số doanh nghiệp được tư vấn, hỗ trợ, đào tạo. Kế hoạch hoạt động hàng năm của Nhà trường được trình Hội đồng trường xem xét, thông qua [H25.25.02.06] và được báo cáo công khai tại Hội nghị VC&NLĐ [H25.25.02.07] tuân thủ đúng các quy định, đảm bảo tính dân chủ về sự tham gia của VC, NLĐ vào công tác quản lý, điều hành chung của Nhà trường.

** Về việc giám sát kết quả và các chỉ số thị trường:*

Trong quá trình triển khai thực hiện, Nhà trường thường xuyên theo dõi, đôn đốc đảm bảo kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ được thực hiện hoàn thành các mục tiêu đề ra. Phòng TC-HC được giao nhiệm vụ là đầu mối trong công tác theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai các hoạt động, kịp thời báo cáo BGH về tiến độ, kết quả, những khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, từ đó BGH sẽ đưa ra những chỉ đạo, điều chỉnh cho phù hợp [H25.25.02.08].

Bên cạnh công tác tự giám sát, Nhà trường cũng luôn tạo điều kiện để các

tổ chức, cá nhân có thể giám sát về kết quả cũng như các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD:

- Định kỳ báo cáo Hội đồng trường về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD [H25.25.02.06].

- Thực hiện báo cáo các cơ quan có thẩm quyền thông qua các văn bản báo cáo tình hình hoạt động của quý, năm và các báo cáo khác khi có yêu cầu [H25.25.02.09], 7 [H25.25.02.10].

- Thực hiện lấy ý kiến góp ý và báo cáo công khai tại Hội nghị VC&NLĐ hàng năm [H25.25.02.11].

** Về việc đối sánh để cải tiến:*

Nhằm khẳng định là một trong những trường đại học có công tác đối sánh để cải tiến các hoạt động, trong đó có các kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD được Nhà trường quan tâm và triển khai thường xuyên, liên tục. Việc đối sánh về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD được thể hiện trong Chiến lược phát triển Trường và các báo cáo tổng kết hàng năm [H25.25.02.01], [H25.25.02.10].

Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD của Nhà trường được phân tích, đánh giá và cải tiến hàng năm (phần phương hướng và nhiệm vụ) trên cơ sở định hướng phát triển của Nhà trường và tình hình kinh tế - xã hội [H25.25.02.10]. Trong quá trình cải tiến, Nhà trường cũng tham khảo kết quả và các chỉ tiêu của một số trường đại học. Bên cạnh việc cải tiến các chỉ số hoạt động, Nhà trường cũng đã linh hoạt điều chỉnh lại một số chỉ tiêu cho phù hợp với tình hình thực tế, đặc biệt là trong những thời điểm dịch bệnh Covid-19 có những diễn phức tạp như: chỉ tiêu tuyển sinh, số lượng đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp tỉnh, số lượng bài báo quốc tế [H25.25.02.12].

Các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD của Nhà trường giai đoạn 2017-2021 cụ thể như sau:

Bảng 25.2.1. Các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo giai đoạn

2017-2021

STT	Chỉ tiêu	2017	2018	2019	2020	2021
1	Số CTĐT đăng ký kiểm định trong nước	-	-	-	4	4
2	Số sinh viên tốt nghiệp	1.202	1.179	1.189	611	574

Bảng 25.2.2. Các chỉ số thị trường của hoạt động NCKH và phục vụ cộng đồng giai đoạn 2017-2021

STT	Chỉ tiêu	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1	Bài báo quốc tế ISI/SCOPUS	10	23	24	21
2	Bài báo quốc tế/chương sách quốc tế khác	6	6	6	0
3	Bài viết đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế	18	25	37	12
4	Số đề tài KH &CN cấp quốc gia	-	-	-	-
5	Số đề tài/chương trình KH&CN cấp Bộ	1	-	-	-
6	Số đề tài KH&CN cấp Tỉnh/Thành phố	1	4	3	2

Cùng với việc phân tích, đánh giá và cải tiến kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ, các CTĐT của Nhà trường cũng được rà soát, điều chỉnh hàng năm dựa trên những phân tích, đánh giá nhu cầu của thị trường và lấy ý kiến các bên liên quan (người học người sử dụng lao động,...) [H25.25.02.12]. Công tác đối sánh nội bộ giữa các CTĐT của Nhà trường, đối sánh giữa các CTĐT của Nhà trường với các CTĐT của các trường đại học trong nước và quốc tế được thực hiện nhằm liên tục cập nhật những tiến bộ, nâng cao chất lượng các CTĐT [H25.25.02.13].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 25

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Đã thiết lập được các chỉ số tài chính, chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ và PVCĐ. Các mục tiêu, chỉ tiêu đưa ra hợp lý, đảm bảo vừa thể hiện được sự phát triển của Nhà trường, vừa phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

- Công tác giám sát kết quả và các chỉ số tài chính, thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Nhà trường đã có sự phân công thực hiện công tác giám sát nội bộ, đồng thời đảm bảo sự giám sát của các bên liên quan.

- Công tác đối sánh để cải tiến được thực hiện bài bản, đảm bảo đáp ứng tốt những nhu cầu của thị trường và yêu cầu của các bên liên quan.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Tỷ trọng các chỉ số tài chính của các hoạt động còn chưa cân đối, phần lớn kết quả và chỉ số tài chính đến từ hoạt động đào tạo.

- Hoạt động PVCĐ đã được Nhà trường quan tâm triển khai từ lâu, tuy nhiên các chỉ số thị trường của hoạt động này thì mới được đưa vào các văn bản chính thức trong những năm gần đây, do đó cần có thêm thời gian để cân đối, điều chỉnh cho phù hợp.

3. Kế hoạch cải tiến

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Phát huy những điểm mạnh	Tiếp tục thiết lập kết quả và các chỉ số tài chính, thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ hàng năm trên cơ sở phân tích, đánh giá, cải tiến kết quả	Ban Giám hiệu Các phòng: KHTC&QLĐT	Hàng năm	

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		thực hiện của năm trước			
2		Tiếp tục đẩy mạnh công tác giám sát nội bộ về kết quả và các chỉ số tài chính, thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ; đảm bảo sự giám sát của các bên liên quan.	Ban Giám hiệu; Các phòng: KHTC&QLĐT; Tổ chức-Hành chính.	Hàng năm	
3		Thường xuyên thực hiện công tác đối sánh về kết quả và các chỉ số tài chính, thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ cả trong nội bộ và với các trường đại học trong cùng khối ngành nhằm đưa ra những cải tiến/điều chỉnh phù hợp.	Ban Giám hiệu; Các phòng: KHTC&QLĐT; Tổ chức-Hành chính; Quản trị; TT&ĐBCLGD; KHCN-ĐN&Học liệu; ĐT&QLSV	Hàng năm	
4	Khắc phục tồn tại	Cân đối lại các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ, trong đó đặc biệt chú trọng nâng cao các chỉ số tài chính của hoạt động NCKH.	Ban Giám hiệu; Các phòng: KHTC&QLĐT; KHCN-ĐN&Học liệu; ĐT&QLSV	Từ năm 2023	
5		Thường xuyên thực hiện rà soát, bổ sung, điều chỉnh các chỉ số thị trường về hoạt động PVCĐ đảm bảo vừa thể	Ban Giám hiệu; Các phòng: KHTC&QLĐT; Tổ chức - Hành chính; KHCN-ĐN&Học	Từ năm 2023	

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		hiện được sự phát triển, vừa phù hợp với bối cảnh thực tiễn của Nhà trường	liệu; ĐT&QLSV		

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 25</i>	<i>5,00</i>
Tiêu chí 25.1	5
Tiêu chí 25.2	5

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
I	Lĩnh vực 1. ĐBCL về chiến lược		
I.1	Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa	4,60	
1.	1.1	5	
2.	1.2	5	
3.	1.3	5	
4.	1.4	4	
5.	1.5	4	
I.2	Tiêu chuẩn 2. Quản trị	5,00	
6.	2.1	5	
7.	2.2	5	
8.	2.3	5	
9.	2.4	5	
I.3	Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý	4,50	
10.	3.1	4	
11.	3.2	5	
12.	3.3	5	
13.	3.4	4	
I.4	Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược	4,50	
14.	4.1	5	
15.	4.2	5	
16.	4.3	4	
17.	4.4	4	
I.5	Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng	4,50	
18.	5.1	5	
19.	5.2	5	
20.	5.3	4	
21.	5.4	4	
I.6	Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực	4,28	
22.	6.1	4	



Handwritten signature

23.	6.2	4	
24.	6.3	5	
25.	6.4	4	
26.	6.5	5	
27.	6.6	4	
28.	6.7	4	
I.7	Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất	5,40	
29.	7.1	5	
30.	7.2	6	
31.	7.3	6	
32.	7.4	5	
33.	7.5	5	
I.8	Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại	5,00	
34.	8.1	5	
35.	8.2	5	
36.	8.3	5	
37.	8.4	5	
II	Lĩnh vực 2. ĐBCL về hệ thống		
II.9	Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong	4,83	
38.	9.1	5	
39.	9.2	5	
40.	9.3	5	
41.	9.4	5	
42.	9.5	5	
43.	9.6	4	
II.10	Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài	4,50	
44.	10.1	5	
45.	10.2	4	
46.	10.3	5	
47.	10.4	4	
II.11	Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong	5,00	

N
 RUC
 AIF
 NG
 ★

2008

48.	11.1	5	
49.	11.2	5	
50.	11.3	5	
51.	11.4	5	
II.12	Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng	4,40	
52.	12.1	5	
53.	12.2	4	
54.	12.3	5	
55.	12.4	4	
56.	12.5	4	
III	Lĩnh vực 3. ĐBCL về thực hiện các chức năng		
III.13	Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học	4,20	
57.	13.1	5	
58.	13.2	4	
59.	13.3	4	
60.	13.4	4	
61.	13.5	4	
III.14	Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học	4,40	
62.	14.1	5	
63.	14.2	5	
64.	14.3	4	
65.	14.4	4	
66.	14.5	4	
III.15	Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập	4,00	
67.	15.1	4	
68.	15.2	4	
69.	15.3	4	
70.	15.4	4	
71.	15.5	4	
III.16	Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học	4,75	
72.	16.1	5	
73.	16.2	5	
74.	16.3	4	
75.	16.4	5	

Trần Văn

III.17	Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học	4,00	
76.	17.1	4	
77.	17.2	4	
78.	17.3	4	
79.	17.4	4	
III.18	Tiêu chuẩn 18. Quản lý nghiên cứu khoa học	4,25	
80.	18.1	5	
81.	18.2	4	
82.	18.3	4	
83.	18.4	4	
III.19	Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ	4,0	
84.	19.1	4	
85.	19.2	4	
86.	19.3	4	
87.	19.4	4	
III.20	Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học	4,75	
88.	20.1	5	
89.	20.2	4	
90.	20.3	5	
91.	20.4	5	
III.21	Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng	4,00	
92.	21.1	4	
93.	21.2	4	
94.	21.3	4	
95.	21.4	4	
IV	Lĩnh vực 4. Kết quả hành động		
IV.22	Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo	5,00	
96.	22.1	5	
97.	22.2	5	
98.	22.3	5	
99.	22.4	5	
IV.23	Tiêu chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu	4,00	

	<i>khoa học</i>		
100.	23.1	4	
101.	23.2	4	
102.	23.3	4	
103.	23.4	4	
104.	23.5	4	
105.	23.6	4	
IV.24	<i>Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng</i>	4, 0	
106.	24.1	4	
107.	24.2	4	
108.	24.3	4	
109.	24.4	4	
IV.25	<i>Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường</i>	5,00	
110.	25.1	5	
111.	25.2	5	

Ghi chú:

- Tiêu chí có điểm cao nhất: 6 điểm (02 tiêu chí);
- Tiêu chí có điểm thấp nhất: 4 điểm (58 tiêu chí);
- Số tiêu chí đạt từ 4 điểm trở lên: 111/111 (100%);
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình từ 4,00 điểm trở lên: 25/25 (100%);
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình dưới 2,00 điểm: 0/25 (0%).

Quảng Bình, ngày 20 tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Nguyễn Đức Vượng

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục

CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 30/5/2025

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập):

Tiếng Việt: Trường Đại học Quảng Bình

Tiếng Anh: Quang Binh University

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục:

Tiếng Việt: ĐHQB

Tiếng Anh: QBU

3. Tên trước đây (nếu có): Trường CĐSP Quảng Bình

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình

5. Địa chỉ: 312 Lý Thường Kiệt, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: 0232.3822010; Số fax: 0232.3821054

E-mail: quangbinhuni@qbu.edu.vn

Website: <https://qbu.edu.vn>

7. Năm thành lập (theo quyết định thành lập): 2006

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2007

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 2011

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☒

Bán công ☐

Dân lập ☐

Tư thực ☐

Loại hình khác (đề nghị ghi rõ)

11. Các loại hình đào tạo của cơ sở giáo dục (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

Có Không

Chính quy

☒ ☐

Không chính quy

☒ ☐

Từ xa

☒ ☐

Liên kết đào tạo với nước ngoài

☒ ☐

Liên kết đào tạo trong nước

☒ ☐

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình)

12. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của CSGD (các phòng, ban, khoa, trung tâm chỉ ghi cấp trưởng)

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
1. Giám đốc/ Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Vượng	PGS, TS, Hiệu trưởng	0902209065	vuongqbuni@gmail.com
2. Phó Giám đốc/ Phó Hiệu trưởng (liệt kê từng người)	1. Võ Khắc Sơn	TS, Phó Hiệu trưởng	0913252558	khacsonhcm@gmail.com
	2. Dương Thị Ánh Tuyết	TS, Phó Hiệu trưởng	0982338667	duongtuyet77@gmail.com
3. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn,... (liệt kê)				
- Đảng bộ	Nguyễn Đức Vượng	PGS, TS, Bí thư	0902209065	vuongqbuni@gmail.com
- Công đoàn	Nguyễn Phương Văn	TS, Chủ tịch	0912162111	vanqbuni@gmail.com
- Đoàn Thanh niên	Hoàng Anh Vũ	Bí thư Đoàn trưởng	0989179777	vuhoang304@gmail.com
- Hội Sinh viên	Hoàng Anh Vũ	Chủ tịch	0989179777	vuhoang304@gmail.com
4. Các phòng, ban chức năng				
- Phòng Tổ chức – Hành chính	Phạm Xuân Hậu	TS, Trưởng phòng	0913295759	pxhauqbu@gmail.com
- Phòng Kế hoạch, Tài chính và Quản lý đầu tư	Nguyễn Xuân Hảo	TS, Trưởng phòng	0944737077	haoktqbu@gmail.com
- Phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên	Trương Thị Tư	TS, Trưởng phòng	0915345768	truongtu95@gmail.com
- Phòng Khoa học công nghệ - Đối ngoại và Học liệu	Phan Trọng Tiến	TS, Phó Trưởng phòng-Phụ trách phòng	0979840563	Trongtien2000@gmail.com

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
- Phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng giáo dục	Nguyễn Đại Thăng	ThS, Trưởng phòng	0933927969	daithangdhqb@gmail.com
-Phòng Quản trị	Nguyễn Chiêu Sinh	ThS, Phó Trưởng phòng- Phụ trách phòng	0935295899	chieusinhqbu@gmail.com
5. Các trung tâm/ viện trực thuộc (liệt kê)				
-Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học và Đào tạo thường xuyên	Nguyễn Phương Văn	TS, Trưởng Phòng	0912162111	vanqbuni@gmail.com
6. Các khoa/viện đào tạo, tổ (liệt kê)				
-Khoa Giáo dục Thể chất – Quốc phòng	Trần Thủy	TS, Trưởng khoa	0913295711	thuyhoangsonqbuni@gmail.com
-Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	Vương Kim Thành	ThS, Trưởng phòng	0905047377	vuongthanhqb@gmail.com
-Khoa Kinh tế - Du lịch	Trần Tự Lực	TS, Trưởng khoa	0916477979	tranlucqbun@gmail.com
- Khoa Công nghệ thông tin	Đậu Mạnh Hoàn	TS, Giám đốc	0948876886	daumanhhoan@yahoo.com
-Khoa Ngoại ngữ	Võ Thị Dung	TS, Trưởng khoa	0918291055	vodungqbuni@gmail.com
-Khoa Sư phạm	Nguyễn Đình Hùng	TS, Trưởng phòng	0912465091	hungndqbun@gmail.com
-Viện Nông nghiệp và Môi trường	Trần Thế Hùng	TS, Viện trưởng	0912223773	tranhungqbun@gmail.com

13. Các khoa/viện đào tạo của CSGD

Khoa/viện đào tạo	Đại học		Sau đại học		Khác (ghi rõ)	
	Số CTĐT	Số sinh viên	Số CTĐT	Số người học	Số CTĐT	Số người học
Khoa Sư phạm	5	178				
Khoa Kinh tế - Du lịch	3	185				
Khoa Luật	0	0				
Khoa Kỹ thuật – Công nghệ thông tin	1	81				
Khoa Ngoại Ngữ	3	243				
Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	2	417				
Viện Nông nghiệp và Môi trường	2	42				
Khoa Giáo dục Thể chất và Quốc phòng	1	49				
Tổng số	17	1195				

14. Danh sách đơn vị trực thuộc (bao gồm các trung tâm nghiên cứu, chi nhánh/cơ sở của các đơn vị): *không có*

II. Cán bộ, giảng viên, nhân viên

CSGD cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ, giảng viên, nhân viên của mình, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin dưới đây (Thống kê mỗi loại gồm 5 bảng tương ứng với 5 năm của giai đoạn đánh giá):

15. Thống kê số lượng giảng viên và nghiên cứu viên

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên năm 2020	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	173	42 (24,3)		
Nghiên cứu viên				
Tổng	173	42 (24,3)		

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên năm 2021	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)

Giảng viên	169	51 (30,2)		
Nghiên cứu viên				
Tổng	169	51 (30,2)		

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên năm 2022	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	163	50 (30,7)		
Nghiên cứu viên				
Tổng	163	50 (30,7)		

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên năm 2023	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	156	48 (30,7)		
Nghiên cứu viên				
Tổng	156	48 (30,8)		

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên năm 2024	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	137	49(35,7)		
Nghiên cứu viên				
Tổng	137	49 (35,7)		

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên năm 2025 (tính đến tháng 5/2025)	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	133	46(34,5)		
Nghiên cứu viên				
Tổng	133	46(34,5)		

16. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, nhân viên

Phân cấp cán bộ, nhân viên năm 2020	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	62		62
Nhân viên	220	5	225
Tổng cộng	282	5	287

Phân cấp cán bộ, nhân viên năm 2021	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	66		66
Nhân viên	209	6	215
Tổng cộng	275	6	281

Phân cấp cán bộ, nhân viên năm 2022	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	65		65
Nhân viên	188	1	189
Tổng cộng	253	1	254

Phân cấp cán bộ, nhân viên năm 2023	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	64		64
Nhân viên	171	1	172
Tổng cộng	235	1	236

Phân cấp cán bộ, nhân viên năm 2024	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	41		41

Nhân viên	152		152
Tổng cộng	193		193

Phân cấp cán bộ, nhân viên năm 2025 (tính đến tháng 5/2025)	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	39		39
Nhân viên	149	1	150
Tổng cộng	189		189

17. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của CSGD theo giới tính:

TT	Phân loại năm 2020	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	94	188	282
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	86	164	250
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	8	24	32
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	5	0	5
	Tổng cộng	99	188	287

TT	Phân loại năm 2021	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	91	184	275
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	85	160	245
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	6	24	30
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên	6	0	6

	thỉnh giảng			
	Tổng cộng	97	184	281

TT	Phân loại năm 2022	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	85	168	253
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	80	157	237
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	5	11	16
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	1		1
	Tổng cộng	86	168	254

TT	Phân loại năm 2023	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	78	157	235
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	73	148	221
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	5	9	14
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	01	0	01
	Tổng cộng			236

TT	Phân loại năm 2024	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	61	131	192
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	57	126	183
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	4	5	9
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	1	0	1
	Tổng cộng	62	131	193

TT	Phân loại năm 2025 (tính đến tháng 5/2025)	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	60	128	188
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	56	123	179
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	4	5	9
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	1	0	1
	Tổng cộng	61	128	189

18. Thống kê, phân loại giảng viên theo trình độ

TT	Trình độ, học vị, chức danh (năm 2020)	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư			02			02
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	14	01	25			40
5	Thạc sĩ	91	01	30			122
6	Đại học	09	0	0			09
7	Cao đẳng						
8	Trung cấp						
9	Trình độ khác						
	Tổng cộng	114	02	57			173

Tổng số giảng viên cơ hữu²: 173 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: $173/282 = 61,3 \%$

TT	Trình độ, học vị, chức danh (năm 2021)	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư			03			03
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	21	01	26			48
5	Thạc sĩ	78	01	31			110
6	Đại học	8	0	0			8
7	Cao đẳng						
8	Trung cấp						
9	Trình độ khác						
	Tổng cộng	107	02	60			169

Tổng số giảng viên cơ hữu²: 169 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: $169/275 = 61,5 \%$

TT	Trình độ, học vị, chức danh (năm 2022)	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư			02			02
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	19	01	28			48
5	Thạc sĩ	77	0	29			106
6	Đại học	07	0	0			07
7	Cao đẳng						
8	Trung cấp						
9	Trình độ khác						
	Tổng cộng	103	01	59			163

Tổng số giảng viên cơ hữu²: 163 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: $163/253 = 64,4 \%$

TT	Trình độ, học vị, chức danh (năm 2023)	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư	0	0	02			02
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	14	01	31			46
5	Thạc sĩ	76	0	27			103
6	Đại học	05	0	0			05
7	Cao đẳng						
8	Trung cấp						
9	Trình độ khác						
	Tổng cộng	95	01	60			156

Tổng số giảng viên cơ hữu²:156 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: $156/235 = 66,4 \%$

TT	Trình độ, học vị, chức danh (năm 2024)	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư	0	0	02			02
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	16	0	31			47
5	Thạc sĩ	63	0	20			83
6	Đại học	05	0	0			05
7	Cao đẳng						
8	Trung cấp						
9	Trình độ khác						
	Tổng cộng	95	01	60			137

Tổng số giảng viên cơ hữu²:137 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: $137/193 = 71 \%$

TT	Trình độ, học vị, chức danh (năm 2025, đến tháng 5)	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư	0	0	01			01
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	15	0	30			45
5	Thạc sĩ	63	0	19			82
6	Đại học	05	0	0			05
7	Cao đẳng						
8	Trung cấp						
9	Trình độ khác						
	Tổng cộng	95	01	60			133

Tổng số giảng viên cơ hữu²:133 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: $133/189 = 70,4 \%$

19. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị (năm 2020)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư	02	1,2	02	0	0	0	0	02	0
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	40	23,1	22	17	0	24	12	04	0
5	Thạc sĩ	122	70,5	36	87	01	95	19	07	0
6	Đại học	09	5,2	01	08	0	01	04	04	0

7	Cao đẳng									
8	Trung cấp									
9	Trình độ khác									
	Tổng cộng	173		61	112	01	120	35	17	0

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 39,1 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 24,3 %

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 70,5 %

TT	Trình độ / học vị (năm 2021)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư	03	1,8	03	0	0	01	0	02	0
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	48	28,4	26	22	0	29	13	05	01
5	Thạc sĩ	110	65,1	32	78	01	80	20	09	0
6	Đại học	08	4,7	01	07	0	01	03	04	0
7	Cao đẳng									
8	Trung cấp									
9	Trình độ khác									
	Tổng cộng	169		62	107	01	111	36	20	01

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 40 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 30,2 %

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 65,1 %

TT	Trình độ / học vị (năm 2022)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư	02	1,2	02	0	0	01	0	01	0
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	48	29,4	25	23	0	27	16	05	0
5	Thạc sĩ	106	65,0	30	76	0	73	24	09	0
6	Đại học	07	4,3	01	06	0	01	03	03	0
7	Cao đẳng									
8	Trung cấp									
9	Trình độ khác									
	Tổng cộng	163		58	105		102	43	18	0

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 40,8 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 30,7%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 65,03 %

TT	Trình độ / học vị (năm 2023)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư	02	1,3	02	0	0	0	01	01	0
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	46	29,5	22	24	0	23	18	05	0
5	Thạc sĩ	103	66	28	75	0	65	28	10	0
6	Đại học	05	3,2	01	04	0	0	02	03	0

TT	Trình độ / học vị (năm	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
7	Cao đẳng									
8	Trung cấp									
9	Trình độ khác									
	Tổng cộng	156		53	103	0	88	49	19	

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 41 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 30,8%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 66 %

TT	Trình độ / học vị (năm 2024)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư	02	1,5	02				01	01	
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	47	34,3	25	22		17	24	06	
5	Thạc sĩ	83	60,6	19	64		37	37	09	
6	Đại học	05	3,6	01	04			01	04	
7	Cao đẳng									
8	Trung cấp									
9	Trình độ khác									
	Tổng cộng	137	100	47	90		54	63	20	

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 42,5 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 35,8%.

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 60,6%.

TT	Trình độ / học vị (năm 2025)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư	01	0,7	01					01	
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	45	33,8	25	20		15	24	06	
5	Thạc sĩ	82	61,7	19	63		28	45	08	01
6	Đại học	05	3,8	01	04			01	04	
7	Cao đẳng									
8	Trung cấp									
9	Trình độ khác									
	Tổng cộng	133	100	46	87		43	70	19	01

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 43,4 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 34,5%.

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 61,7%.

20. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu:

TT	Tần suất sử dụng (năm 2020)	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	0	75
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	0	25

3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	60	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	40	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0 - 20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100	100

TT	Tần suất sử dụng (năm 2021)	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	0	80
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	0	20
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	65	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	45	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0 - 20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100	100

TT	Tần suất sử dụng (năm 2022)	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	0	80
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	0	20
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	65	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	45	0

5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0 - 20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100	100

TT	Tần suất sử dụng (năm 2023)	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	0	90
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	15	10
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	70	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	15	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100	100

TT	Tần suất sử dụng (năm 2024)	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	0	90
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	20	10
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	70	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	10	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100	100

TT	Tần suất sử dụng (năm 2025)	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	0	90
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	20	10
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	70	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	10	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100	100

III. Người học

Người học bao gồm sinh viên, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh:

21. Tổng số người học đăng ký dự thi vào CSGD, trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây **hệ chính quy**:

Đối tượng, thời gian (năm)	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của người học được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
3. Đại học							
2020	331	331	0	331	19	20	29
2021	315	315	0	315	19	20	13
2022	325	325	0	250	19	20	15
2023	781	385	49.3%	309	21	22	16
2024	822	485	59.0%	351	19	21	25
5.2025	0	0	0	0	0	0	0
4. Cao đẳng							

2020	23	23	0	23	17	18	0
2021	29	29	0	29	17	18	0
2022	0	0	0	0	17	18	0
2023	0	0	0	0	0	0	0
2024	0	0	0	0	0	0	0
5.2025	0	0	0	0	0	0	0

Số lượng người học hệ chính quy đang học tập tại CSGD: 986 người (15/5/25).

22. Tổng số người học đăng ký dự thi vào CSGD, trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây **hệ không chính quy**:

Năm	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của người học được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
1. Đại học							
2020	192	192	0	192	15	18	0
2021	124	124	0	124	15	18	0
2022	94	94	0	94	15	18	0
2023	63	63	0	63	15	18	0
2024	170	170	0	109	15	18	0
5.2025	41	41	0	30	15	18	0

23. Ký túc xá cho sinh viên:

Các tiêu chí	2020	2021	2022	2023	2024	2025
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	6.666	6.666	6.666	6.666	6.666	6.666
2. Số lượng sinh viên	1271	938	916	866	944	1020
3. Số sinh viên có nhu cầu ở ký túc xá	272	241	196	209	223	199
4. Số lượng sinh viên được ở ký túc xá	272	241	196	209	223	199
5. Tỷ số diện tích trên đầu sinh viên ở trong ký túc xá, m ² /người	29,3	27,7	34	32	29,9	33,5

6. Số chỗ ở ký túc xá			676	676	676	676
-----------------------	--	--	-----	-----	-----	-----

24. Sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học:

	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Số lượng (người)	207	114	125	97	109	135
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	20	11	12,5	9,7	10,9	13,5

25. Thống kê số lượng người học tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp					
	2020	2021	2022	2023	2024	5.2025
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ						
2. Học viên tốt nghiệp cao học						
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:						
Hệ chính quy	467	359	253	221	185	1
Hệ không chính quy	21	107	140	114	177	1
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:						
Hệ chính quy	67	20	24	21	21	0
Hệ không chính quy						
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:						
Hệ chính quy						
Hệ không chính quy						
6. Khác...						

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng).

26. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên đại học hệ chính quy:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp					
	2020	2021	2022	2023	2024	5.2025
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	362	278	167	148	173	0
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	66,1%	67%	68,2%	65,8%	72.1%	73,5
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này ◊ chuyển xuống câu 4 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này ◊ điền các thông tin dưới đây						
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	85.2	64.8	62.6	62		
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	5.1	20.5	13.9	36.1		
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>KHÔNG</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	0.9	1.02	0.5	1.9		
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này ◊ chuyển xuống câu 5 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này ◊ điền các thông tin dưới đây						
4.1 Tỷ lệ có việc làm đúng ngành đào tạo (%)						
- Sau 6 tháng tốt nghiệp	53.6	64.6	49.7	74		
- Sau 12 tháng tốt nghiệp	87	82.8	62.6	11.1		
4.2 Tỷ lệ có việc làm trái ngành đào tạo (%)	6	10.2	16	15.7		
4.3 Tỷ lệ tự tạo được việc	3,8	3.5	1.6	7.4		

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp					
	2020	2021	2022	2023	2024	5.2025
làm (%)						
4.4 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm	5.000.000	5.500.000	6.300.000	7.500.000		
5. Đánh giá của nhà sử dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này ◇ chuyển xuống kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này ◇ điền các thông tin dưới đây						
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)	65.7	60.0	71.43	71.69		
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)	15.4	18.9	23.13	25.90		
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)	0.9	2.5	5.44	2.41		

Ghi chú:

- Sinh viên tốt nghiệp là sinh viên có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những sinh viên chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Sinh viên có việc làm là sinh viên tìm được việc làm hoặc tự tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là nhà trường không điều tra về việc này.

27. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên cao đẳng hệ chính quy:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp					
	2020 (K59)	2021 (K60)	2022 (K61)	2023 (K62)	2024	5.2025
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	60	19	22	19	21	0
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	54,4%	76%	61,1%	82,6%	91.3%	0

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp					
	2020 (K59)	2021 (K60)	2022 (K61)	2023 (K62)	2024	5.202 5
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường:						
A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này ◇ chuyển xuống câu 4						
B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này ◇ điền các thông tin dưới đây						
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	75	88.8	46.2	71.4		
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	12	5.9	0	28.6		
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>KHÔNG</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	4	1.2	0	0	7.6	
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:						
C. Nhà trường không điều tra về vấn đề này ◇ chuyển xuống câu 5						
D. Nhà trường có điều tra về vấn đề này ◇ điền các thông tin dưới đây						
4.1 Tỷ lệ có việc làm đúng ngành đào tạo (%)						
- Sau 6 tháng tốt nghiệp	70	80.8	46.2	64.3		
- Sau 12 tháng tốt nghiệp						
4.2 Tỷ lệ có việc làm trái ngành đào tạo (%)	78	29.2	46.2	21.4		
4.3 Tỷ lệ tự tạo được việc làm (%)	2	5	0	14.28		
4.4 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm	4.500.000	4.800.000	5.500.000	6.000.000		
5. Đánh giá của nhà sử dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:						
C. Nhà trường không điều tra về vấn đề này ◇ chuyển xuống kết thúc bảng này						
D. Nhà trường có điều tra về vấn đề này ◇ điền các thông tin dưới đây						
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng	44	3	57.14	85.71		

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp					
	2020 (K59)	2021 (K60)	2022 (K61)	2023 (K62)	2024	5.202 5
yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)						
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)	6	3	14.29	17.29		
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)	14	11	28.57	0.00		

IV. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

28. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của nhà trường được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Số lượng						Tổng số
		2020	2021	2022	2023	2024	2025	
1	Đề tài cấp Nhà nước	0	0	0	1	0	0	1
2	Đề tài cấp Bộ*	0	0	0	0	1	0	1
3	Đề tài cấp trường	16	27	12	22	15	18	110
	Tổng cộng	16	27	12	23	16	18	112

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0,81

29. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của CSGD trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của CSGD (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2020	1873	0,0400	
2	2021	1890	0,0459	
3	2022	867	0,0221	
4	2023	2.229	0,0527	
5	2024	5.588	0,0807	

30. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp Nhà nước	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	30	27	316	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	5	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	30	27	321	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

31. Số lượng sách của CSGD được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Số lượng						
		2020	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng số
1	Sách chuyên khảo	6	7	6	4	2	1	26
2	Sách giáo trình	2	2	1	1	2	1	9
3	Sách tham khảo	3	2	3	5	2		15
4	Sách hướng dẫn	0	0	0	0	1		1
	Tổng cộng	11	11	10	10	7	2	51

Tỷ số sách đã được xuất bản trên cán bộ cơ hữu: 0,37

32. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	39	18	24	1
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	39	17	19	0

33. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của CSGD được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Số lượng						
		2020	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng số
1	Tạp chí KH quốc tế Trong đó:							
	Danh mục ISI	10	11	9	8	4		42
	Danh mục Scopus	14	10	4	3	1		32
	Khác	6	0	4	3	4		17
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	132	111	122	97	57		519
3	Tạp chí KHCN Đại học Quảng Bình	39	55	56	81	77		308
	Tổng cộng	201	187	195	192	143	201	187

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,36

34. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí KH quốc tế	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	Tạp chí KHCN ĐHQB
Từ 1 đến 5 bài báo	50	188	207
Từ 6 đến 10 bài báo	0	9	67
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	46	197	274

35. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của CSGD báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Số lượng						Tổng số
		2020	2021	2022	2023	2024	2025	
1	Hội thảo quốc tế	17	37	19	8	8		89
2	Hội thảo trong nước	31	48	51	47	22		199
3	Hội thảo của trường	18	50	82	25	25		200
	Tổng cộng	66	135	152	80	55		488

(Khi tính hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các hội thảo của trường vì đã được tính 1 lần)

Tỷ số bài báo cáo trên cán bộ cơ hữu: 3.5

36. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo của trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	89	199	200
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	9	67
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	89	199	200

(Khi tính hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các hội thảo của trường)

37. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp trong 5 năm gần đây:

Năm	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2020	0
2021	0
2022	0
2023	0
2024	0

38. Nghiên cứu khoa học của sinh viên

38.1. Số lượng sinh viên của nhà trường tham gia thực hiện đề tài KH trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng sinh viên tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp Nhà nước	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	580	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số sinh viên tham gia	0	0	580	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp nhà nước

38.2 Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng					
		2020	2021	2022	2023	2024	2025
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	207	114	125	97	109	135
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	3	3	0	0	0	8

V. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

39. Diện tích đất, diện tích sàn xây dựng

TT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất của trường	114.225,4	114.225,4		
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường	32.553	32.553		

TT	Tên ngành	Đầu sách	Bản sách
1	Giáo dục Mầm non	201	1416
2	Giáo dục Tiểu học	69	3018
3	Sư phạm Ngữ văn	91	485
4	Sư phạm Toán học	138	3260
5	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	181	947
6	Sư phạm Khoa học Tự nhiên	254	2969
7	Giáo dục Thể chất	94	1285
8	Công nghệ thông tin	131	569
9	Kế toán	194	1227
10	Nông nghiệp	105	1332
11	Ngôn ngữ Anh	374	1043
12	Ngôn ngữ Trung Quốc	111	462
13	Quản lý tài nguyên và môi trường	60	476
14	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	42	346
15	Quản trị kinh doanh	147	1321
TỔNG		2192	20156

TT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
KHU THỰC HÀNH THÍ NGHIỆM								

1	Phòng Thí nghiệm - Thực hành Công nghệ kỹ thuật điện	01	Máy móc, bàn đặt thiết bị	Sinh viên, Giảng viên và các Học viên đến bồi dưỡng nghiệp vụ...	65	65		
2	Phòng Thí nghiệm - Vật lý kỹ thuật	01	Máy móc, dụng cụ thí nghiệm	Sinh viên, Giảng viên và các Học viên đến bồi dưỡng nghiệp vụ...	22	22		
3	Phòng Thí nghiệm - Thực hành kỹ thuật Xây dựng.	01	Máy móc, khuôn đúc	Sinh viên, Giảng viên và các Học viên đến bồi dưỡng nghiệp vụ....	108	108		
4	Phòng Thí nghiệm - Thực hành Vật lý THCS	01	Các thiết bị, máy móc, bộ dụng cụ thí nghiệm	Sinh viên, Giảng viên và các Học viên đến bồi dưỡng nghiệp vụ...	65	65		
5	Phòng Thí nghiệm - Thực hành Hóa hữu cơ.	01	Lò nung, máy đo, các dụng cụ thí nghiệm, hóa chất	Sinh viên, Giảng viên và các Học viên đến bồi dưỡng nghiệp vụ...	43	43		
6	Phòng Thí nghiệm - Thực hành Vật lý đại cương	01	Bộ dụng cụ phục vụ bài học	Sinh viên, Giảng viên và các Học viên đến bồi dưỡng nghiệp vụ...	65	65		
7	Phòng Thí nghiệm - Thực hành Hóa đại cương phân tích.	01	Hóa chất, dụng cụ, các loại máy đo phân tích	Sinh viên, Giảng viên và các Học viên đến bồi dưỡng nghiệp vụ...	65	65		

8	Phòng GV dạy Thực hành 1 phòng	01	Bàn, ghế	Sinh viên, Giảng viên và các Học viên đến bồi dưỡng nghiệp vụ...	22	22		
9	Phòng Thí nghiệm - Thực hành Sinh học	01	Máy móc, các dụng cụ thí nghiệm, các loại máy đo, tủ sấy	Sinh viên, Giảng viên và các Học viên đến bồi dưỡng nghiệp vụ...	108	108		
KHU B1 (PHỤC VỤ CHO KHỐI SƯ PHẠM)								
10	Phòng thực hành Múa các môn biểu diễn	01	Gương, tivi, đàn, đầu đĩa, âm ly	Sinh viên, Giảng viên và các Học viên đến bồi dưỡng nghiệp vụ...	71	71		
11	Phòng thực hành Dinh dưỡng phòng	01	Bếp ga, bình ga, bàn inox, máy chiếu, đầu đĩa	Sinh viên, Giảng viên và các Học viên đến bồi dưỡng nghiệp vụ...	71	71		
12	Phòng thực hành Múa và các môn biểu diễn	01	Đàn, đầu đĩa, gương	Sinh viên, Giảng viên và các Học viên đến bồi dưỡng nghiệp vụ...	71	71		
13	Phòng thực hành Mỹ thuật 1	01	Bàn, ghế, giá vẽ	Sinh viên, Giảng viên và các Học viên đến bồi dưỡng nghiệp vụ...	71	71		
14	Phòng thực hành Mỹ thuật 2	01	Bục đặt mẫu, bảng vẽ, giá vẽ,	Sinh viên, Giảng viên và các Học viên	71	71		

[illegible]

21	Phòng Lab thực hành Ngoại ngữ, máy tính	4	Màn hình, CPU, tai nghe, bàn, ghế, máy chiếu, điều hòa	Sinh viên, Giảng viên và các Học viên đến bồi dưỡng nghiệp vụ...	505	505		
XUỞNG THỰC HÀNH THỰC TẬP ĐIỆN- XÂY DỰNG								
22	Xưởng thực hành thực tập Điện – Xây dựng	01	Máy móc, thiết bị	Sinh viên, Giảng viên và các Học viên đến bồi dưỡng nghiệp vụ...	288	288		
VƯỜN THỰC HÀNH NGHỀ								
23	Vườn thực hành	01	Cuốc, xẻng, dụng cụ liên quan	Sinh viên, Giảng viên và các Học viên đến bồi dưỡng nghiệp vụ..	2.100	2.100		
KHU NHÀ VIỆN NN&MT								
24	Viện Nông nghiệp và Môi trường	20	Máy tính, CPU, bàn, ghế, máy móc	Sinh viên, Giảng viên và các Học viên đến bồi dưỡng nghiệp vụ...	2.708	2.708		
NHÀ ĐA CHỨC NĂNG								
25	Nhà thi đấu đa chức năng	01	Dụng cụ thể thao, dụng cụ tập gym	Sinh viên, Giảng viên và các Học viên đến bồi dưỡng nghiệp vụ...	2.260	2.260		
	Khu bể bơi	01	Dụng cụ học bơi	Sinh viên, Giảng viên và các Học viên đến bồi dưỡng nghiệp vụ...	836	836		
CÁC PHÒNG HỌC VÀ PHÒNG KHÁC								

26	Hội trường	04	Bàn, ghế, máy chiếu, loa máy	CBGV,LDHĐ, SV, và các học viên đến bồi dưỡng nghiệp vụ	3.396	3.396		
27	Phòng học các loại	75	Bàn, ghế, máy chiếu	CBGV, LDHĐ SV và các học viên đến bồi dưỡng nghiệp vụ	12.642	12.642		
28	Phòng học đa phương tiện	11	Máy chiếu, máy tính, loa, bàn, ghế		2.618	2.618		
29	Thư viện	0						
30	Trung tâm học liệu	01	Màn hình, CPU, bàn, ghế, tủ	CBGV,LDHĐ, SV, và các học viên đến bồi dưỡng nghiệp vụ	3.160	3.160		
31	Các phòng chức năng khác - Phòng đọc - Phòng nghiên cứu các hệ thống thông minh	04 01	Máy tính, bàn, ghế, tủ, máy móc phục vụ nghiên cứu	CBGV,LDHĐ, SV, và các học viên đến bồi dưỡng nghiệp vụ	569 26	569 26		

42. Tổng kinh phí từ các nguồn thu của trường trong 5 năm gần đây: (ĐVT: Triệu đồng)

- Năm 2020: 46.777

- Năm 2021: 41.210

- Năm 2022: 39.121
- Năm 2023: 42.243
- Năm 2024: 69.223

43. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 5 năm gần đây: (ĐVT: Triệu đồng)

- Năm 2020: 7.256.
- Năm 2021: 7.927
- Năm 2022: 7.977
- Năm 2023: 7.924
- Năm 2024: 7.329

44. Tổng chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng:

- Năm 2020: 2.277
- Năm 2021: 2.010
- Năm 2022: 403
- Năm 2023: 1.566
- Năm 2024: 2.716

45. Tổng thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng

- Năm 2020: 1.873
- Năm 2021: 1.890
- Năm 2022: 867
- Năm 2023: 2.229
- Năm 2024: 5.588

46. Tổng chi cho hoạt động đào tạo

- Năm 2020: 33.749
- Năm 2021: 26.887
- Năm 2022: 27.866
- Năm 2023: 28.024
- Năm 2024: 37.572

47. Tổng chi cho phát triển đội ngũ

- Năm 2020: 109

- Năm 2021: 69
- Năm 2022: 56
- Năm 2023: 42
- Năm 2024: 57

48. Tổng chi cho hoạt động kết nối doanh nghiệp, tư vấn và hỗ trợ việc làm

- Năm 2020: 167
- Năm 2021: 101
- Năm 2022: 20
- Năm 2023: 36
- Năm 2024: 14

VI. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục

TT	Đối tượng	Bộ tiêu chuẩn đánh giá	Tự đánh giá		Đánh giá ngoài		Thẩm định và công nhận		
			Năm hoàn thành báo cáo TĐG lần 1	Năm cập nhật báo cáo TĐG	Tên tổ chức đánh giá	Tháng /năm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá của Hội đồng KĐCL GD	Giấy chứng nhận	
								Ngày cấp	Giá trị đến
1	Cơ sở giáo dục	VBHN số 06/VBHN-BGDĐT	2017	2017	CEA.U D	2017	Đạt	25/5/2018	25/5/2023
2	Chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin	TT số 04/2016/TT-BGDĐT	2022	2022	KĐCLV	2022	Đạt	21/8/2023	21/8/2028
3	Chương trình đào tạo ngành Giáo dục tiểu học	TT số 04/2016/TT-BGDĐT	2022	2022	KĐCLV	2022	Đạt	21/8/2023	21/8/2028
4	Chương trình đào tạo	TT số 04/2016/TT-	2022	2022	KĐCLV	2022	Đạt	21/8/2023	21/8/2028

	tạo ngành Ngôn ngữ Anh	BGDĐT							
5	Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh.	TT số 04/2016/TT- BGDĐT	2022	2022	KĐCLV	2022	Đạt	21/8/2023	21/8/2028

VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây (*số liệu năm cuối kỳ đánh giá*):

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 133.

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 70,4

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu (%): 34,5

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu (%): 61,7

2. Sinh viên:

Tổng số sinh viên chính quy (người): 986 người (15/5/25).

Tỷ số sinh viên trên giảng viên (sau khi quy đổi): 7,41%

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào: Đại học 73,5% (K63).

3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường:

Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp: Hệ đại học: 62% và cao đẳng trên 71,4%.

Tỷ lệ sinh viên trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp: Hệ đại học: 36,1% và cao đẳng 28,6%.

3. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo, trong đó bao gồm cả sinh viên chưa có việc làm học tập nâng cao: Đại học 85,1%; cao đẳng 64,3% (không tính sinh viên chưa có việc làm).

Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo: Đại học 15,7%; cao đẳng 21,4%.

Tỷ lệ tự tạo được việc làm trong số sinh viên có việc làm: Đại học 7,4%; cao đẳng 14,28%.

Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm: Đại học 7,5 triệu VNĐ; cao đẳng 6 triệu VNĐ.

4. Đánh giá của nhà sử dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%):

Hệ đại học: 71,69% và cao đẳng 85,71%.

Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): Hệ đại học: 25,9% và cao đẳng 17,29%.

5. Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học, chuyển giao khoa học công nghệ và phục vụ cộng đồng trên cán bộ cơ hữu: 0,81

Tỷ số doanh thu từ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng trên cán bộ cơ hữu: ...

Tỷ số sách đã được xuất bản trên cán bộ cơ hữu: 0,37

Tỷ số bài đăng tạp chí trên cán bộ cơ hữu: 1,36

Tỷ số bài báo cáo trên cán bộ cơ hữu: 3,5

6. Cơ sở vật chất (*số liệu năm cuối kỳ đánh giá*):

Tỷ số diện tích sàn xây dựng trên sinh viên chính quy: 33,02% (32.553/986)

Tỷ số chỗ ở ký túc xá trên sinh viên chính quy: 68,56%

7. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục

Cấp cơ sở giáo dục: 01

Cấp chương trình đào tạo: 04

Phụ lục 2. Kế hoạch Tự đánh giá

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

Số: 1906/KH-ĐHQB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày 27 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện công tác tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học năm học 2024 - 2025

Thực hiện Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học; Công văn số 766/QLCL-KĐCLGD về việc hướng dẫn tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học, ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT; Công văn số 768/QLCL-KĐCLGD ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn đánh giá theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học; Công văn số 1668/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT về việc thay thế Bảng hướng dẫn đánh giá ban hành kèm theo Công văn số 768/QLCL-KĐCLGD;

Căn cứ Kế hoạch số 1877/KH-ĐHQB ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Trường Đại học Quảng Bình (ĐHQB) về hoạt động Đảm bảo chất lượng giáo dục năm học 2024 - 2025, Nhà trường xây dựng Kế hoạch thực hiện công tác tự đánh giá (TĐG) cơ sở giáo dục đại học (CSGDĐH) năm học 2024 - 2025 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động của Trường ĐHQB theo bộ tiêu chuẩn ban hành kèm Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và chuẩn bị cho chu kỳ kiểm định chất lượng (KĐCL) CSGDĐH lần thứ hai.

2. Yêu cầu

Hội đồng TĐG, Ban thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng TĐG CSGDĐH năm học 2024 - 2025 phải thực hiện nghiêm túc các văn bản hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT và thực hiện đúng các nội dung công tác tự đánh giá do Trường ĐHQB đề ra tại Kế hoạch này.

II. PHẠM VI

Đánh giá các hoạt động của Trường ĐHQB trong năm học 2024 - 2025 theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGDĐH hiện hành của Bộ GD&ĐT.

III. CÔNG CỤ

Công cụ TĐG là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGDĐH ban hành kèm theo



[Signature]

Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và các văn bản hướng dẫn sau:

1. Công văn số 766/QLCL-KĐCLGD về việc hướng dẫn tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học, ngày ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT;

2. Công văn số 768/QLCL-KĐCLGD về việc hướng dẫn đánh giá theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học, 20 tháng 4 năm 2018 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT.

3. Công văn số 1668/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT về việc thay thế Bảng hướng dẫn đánh giá ban hành kèm theo Công văn số 768/QLCL-KĐCLGD.

IV. HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá (TĐG) CSGDDH được thành lập theo Quyết định số 1905/QĐ-ĐHQB, ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHQB, Hội đồng gồm 21 thành viên (có tên trong danh sách Hội đồng kèm theo Quyết định số 1905/QĐ-ĐHQB).

2. Ban thư ký giúp việc và các Nhóm công tác chuyên trách

Giúp việc cho Hội đồng TĐG có Ban thư ký gồm 11 thành viên và 06 Nhóm công tác chuyên trách (CTCT) gồm 34 thành viên (có tên trong các danh sách Ban thư ký, 06 Nhóm công tác chuyên trách kèm theo Quyết định số 1905/QĐ-ĐHQB).

3. Phân công phụ trách các tiêu chuẩn

TT	Nhóm CTCT	Phụ trách tiêu chuẩn	Trưởng nhóm CTCT
1	Nhóm 1	1; 2; 3; 4; 6	TS. Phạm Xuân Hậu
2	Nhóm 2	9; 10; 11; 12	ThS. Nguyễn Đại Thắng
3	Nhóm 3	13; 14; 15; 16; 22	TS. Trương Thị Tư
4	Nhóm 4	8; 18; 19; 20; 23	TS. Nguyễn Đình Hùng
5	Nhóm 5	5; 7; 25	TS. Nguyễn Xuân Hào
6	Nhóm 6	17; 21; 24	ThS. Nguyễn Thị Thùy Vân

V. KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG CÁC NGUỒN LỰC

Để thực hiện Kế hoạch TĐG CSGDDH, Trường ĐHQB xác định huy động tổng nguồn lực về con người, cơ sở vật chất, tài chính nhằm hoàn thành mục đích, yêu cầu của hoạt động này.

1. Về nhân lực

Ngoài các thành viên của Hội đồng TĐG, Ban thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách, tùy tình hình thực tế khi triển khai công tác TĐG CSGDDH, Nhà trường

có thể huy động thêm cán bộ, viên chức từ các phòng chức năng, các trung tâm và các khoa/viện, bộ môn trong toàn Trường. Việc huy động cán bộ, viên chức sẽ thông qua các đơn vị thuộc và trực thuộc trong Trường.

2. Về cơ sở vật chất

Các Nhóm CTCT sử dụng cơ sở vật chất hiện có tại đơn vị. Việc mua sắm các trang thiết bị cần thiết phục vụ quá trình triển khai hoạt động TĐG CSGDDH được xem xét trên cơ sở đề xuất thông qua Hội đồng TĐG CSGDDH.

3. Về kinh phí

Kinh phí triển khai hoạt động TĐG CSGDDH bao gồm tất cả các khoản chi để thực hiện Kế hoạch TĐG CSGDDH và có dự trù kinh phí tổng thể để thực hiện.

VI. KẾ HOẠCH THU THẬP THÔNG TIN TỪ NGUỒN NGOÀI CSGDDH

Mỗi Nhóm CTCT lập kế hoạch thu thập thông tin từ nguồn ngoài CSGDDH (nếu có) phù hợp với nội hàm của từng tiêu chí, tiêu chuẩn do Nhóm phụ trách.

Trong đó, làm rõ các thông tin cần thu thập từ bên ngoài, nguồn cung cấp, thời gian cần thu thập, kinh phí cần có và trình Hiệu trưởng phê duyệt để triển khai thực hiện.

VII. THỜI GIAN BIỂU, NỘI DUNG VÀ PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

Thời gian thực hiện TĐG CSGDDH năm học 2024 - 2025 của Trường ĐHQB thực hiện từ tháng 9/2024 đến tháng 6/2025 theo lịch trình cụ thể như sau:

Thời gian	Nội dung hoạt động	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm yêu cầu
Tháng 9/2024 (từ ngày 16/9/2024 đến ngày 27/9/2024)	1. Hội đồng Lãnh đạo Nhà trường để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng (HĐ) TĐG; Trưởng các Nhóm CTCT;	- Ban Giám hiệu - Phòng TT-ĐBCLGD	
	2. Hiệu trưởng ra Quyết định thành lập HĐTĐG; Các nhóm CTCT; Ban thư ký;	Hiệu trưởng	Quyết định thành lập HĐTĐG; Ban thư ký; các Nhóm CTCT
	3. Xây dựng Kế hoạch tự đánh giá; triển khai Kế hoạch tự đánh giá.	- Chủ tịch HĐTĐG; - Ban thư ký	Dự thảo và Kế hoạch tự đánh giá
	1. Hội đồng TĐG để: - Hướng dẫn thực hiện quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD;		

Khai

Tháng 10/2024 <i>(từ ngày 01/10/2024 đến ngày 15/10/2024)</i>	- Thảo luận và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên hội đồng; Phân công nhiệm vụ cho các Nhóm CTCT; - Triển khai Kế hoạch tự đánh giá.	- HĐTĐG; - Ban thư ký	Biên bản họp HĐTĐG
	2. Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá.	- Chủ tịch HĐTĐG; - Ban thư ký	Đề cương báo cáo tự đánh giá.
	3. Phổ biến chủ trương, kế hoạch triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học và các bên liên quan bằng các hình thức khác nhau (theo từng đơn vị).	Các đơn vị	Biên bản họp triển khai công tác tháng 10 của các đơn vị.
	4. Các Nhóm CTCT nghiên cứu nội hàm, các mốc chuẩn tham chiếu của từng tiêu chí.	Nhóm CTCT	Biên bản họp triển khai công tác tự đánh giá của các Nhóm CTCT.
<i>(từ ngày 16/10/2024 đến ngày 31/10/2024)</i>	5. Các Nhóm CTCT xác định các thông tin, minh chứng cần thu thập của từng tiêu chí dựa trên kết quả phân tích tiêu chí.	Nhóm CTCT	Dự kiến thông tin, minh chứng cần thu thập theo tiêu chí.
	6. Thu thập cơ sở dữ liệu theo các phụ lục.	Ban thư ký và các đơn vị liên quan	Cơ sở dữ liệu theo các phụ lục.
Tháng 11/2024 <i>(từ ngày 01/11/2024 đến ngày 15/11/2024)</i>	1. Xem xét sự đáp ứng của minh chứng từ danh mục dự kiến thông tin, minh chứng cần thu thập.	Nhóm CTCT	Dự kiến danh mục minh chứng thực tế cần thu thập theo tiêu chí.
<i>(từ ngày 18/11/2024 đến ngày 29/11/2024)</i>	2. Các Nhóm CTCT tổ chức thu thập thông tin và minh chứng; lưu trữ, phân loại, mã hóa thông tin, minh chứng thu được.	Nhóm CTCT	<i>- Phiếu phân tích tiêu chí, tìm thông tin, minh chứng; - Danh mục minh chứng dự kiến theo tiêu chí/tiêu chuẩn. (Phụ lục 01)</i>
	3. Các Nhóm CTCT hoàn thành <i>Phiếu phân tích tiêu chí, tìm thông tin, minh chứng.</i>	Nhóm CTCT	
Tháng 12/2024 <i>(từ ngày 02/12/2024)</i>	1. Các Nhóm CTCT gửi <i>Phiếu phân tích tiêu chí, tìm thông tin, minh chứng; Danh mục minh chứng dự kiến theo tiêu chí/tiêu</i>	- Nhóm CTCT; - Ban Thư ký	Văn bản đề xuất bổ

<i>đến ngày</i> 15/12/2024)	<i>chuẩn về Ban thư ký.</i>		sung thêm thông tin, minh chứng (nếu có).
<i>(từ ngày</i> 16/12/2024 <i>đến ngày</i> 24/12/2024)	2. Ban thư ký xem xét các thông tin, minh chứng được thu thập từ các Nhóm CTCT và đề xuất bổ sung thêm thông tin, minh chứng (nếu có).	Ban thư ký	
<i>(từ ngày</i> 25/12/2024 <i>đến ngày</i> 31/12/2024)	3. Các Nhóm CTCT hoàn thiện lại danh mục minh chứng sau góp ý của Ban thư ký thành danh mục minh chứng hoàn thiện lại sau góp ý.	Nhóm CTCT	Danh mục minh chứng hoàn thiện lại sau góp ý.
Tháng 01/2025 <i>(từ ngày</i> 01/01/2025 <i>đến ngày</i> 15/01/2025)	1. Các Nhóm CTCT hoàn tất <i>Phiếu đánh giá tiêu chí</i> , đảm bảo đủ các nội dung: mô tả, điểm mạnh, điểm tồn tại, kế hoạch hành động, mức đánh giá và gửi <i>Phiếu đánh giá tiêu chí</i> về Ban thư ký.	- Nhóm CTCT; - Ban thư ký	<i>Phiếu đánh giá tiêu chí.</i> (Phụ lục 02).
<i>(từ ngày</i> 16/01/2025 <i>đến ngày</i> 24/01/2025)	2. Các Nhóm CTCT viết các báo cáo của từng tiêu chí.	Nhóm CTCT	Báo cáo tiêu chí hoàn thiện của các Nhóm CTCT.
	3. Tiếp tục thu thập thông tin, minh chứng bổ sung (nếu cần thiết).	Nhóm CTCT	
Tháng 02/2025 <i>(từ ngày</i> 05/02/2025 <i>đến ngày</i> 20/02/2025)	1. Trưởng nhóm CTCT tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành báo cáo tiêu chuẩn theo đúng mẫu quy định. Sau khi hoàn tất gửi file mềm về Ban thư ký.	Nhóm CTCT	Báo cáo tiêu chuẩn hoàn thiện của các Nhóm CTCT.
<i>(từ ngày</i> 21/02/2025 <i>đến ngày</i> 28/02/2025)	2. Ban Thư ký tổng hợp các báo cáo tiêu chuẩn từ Nhóm CTCT thành <i>Dự thảo báo cáo TĐG lần 1</i> theo mẫu và gửi cho HĐTĐG xem xét, góp ý.	Ban thư ký	<i>Dự thảo báo cáo TĐG lần 1.</i>
Tháng 3/2025 <i>(từ ngày</i> 01/3/2025 <i>đến ngày</i> 05/3/2025)	1. Hội đồng TĐG để phân công thành viên rà soát, góp ý <i>Dự thảo báo cáo TĐG lần 1</i> .	Hội đồng TĐG	Biên bản họp HĐTĐG.
<i>(từ ngày</i> 06/3/2025 <i>đến ngày</i>	2. Thành viên HĐTĐG tiến hành rà soát, góp ý <i>Dự thảo báo cáo TĐG lần 1</i> và gửi góp ý về Ban thư ký	Hội đồng TĐG	Biên bản rà soát, góp ý <i>Dự thảo báo cáo</i>

17/3/2025)	để phối hợp với các Nhóm CTCT điều chỉnh dự thảo (nếu có);		TĐG lần 1.
(từ ngày 18/3/2025 đến ngày 24/3/2025)	3. Các Nhóm CTCT điều chỉnh lại phần báo cáo của các tiêu chuẩn được giao theo góp ý của Hội đồng và gửi bản điều chỉnh về BTK	Nhóm CTCT	Báo cáo tự đánh giá đã được điều chỉnh.
Từ ngày 25/3/2025 đến ngày 31/3/2025)	4. Ban thư ký tổng hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành <i>Dự thảo báo cáo tự đánh giá lần 2</i> .	Ban thư ký	<i>Dự thảo báo cáo tự đánh giá lần 2</i> .
Tháng 4/2025 (từ ngày 01/4/2025 đến ngày 23/4/2025)	1. Ban thư ký gửi <i>Dự thảo báo cáo tự đánh giá lần 2</i> để lấy ý kiến góp ý của cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên, người học trong Nhà trường.	- Viên chức, người lao động, người học; - Ban thư ký	Thông báo công bố kèm bản dự thảo báo cáo TĐG.
(từ ngày 23/4/2025 đến ngày 30/4/2025)	2. Tổng hợp các ý kiến góp ý và báo cáo HĐTĐG để hoàn thiện báo cáo tự đánh giá.	- Nhóm CTCT; - Ban thư ký	Bản ý kiến góp ý.
	3. HĐTĐG họp để thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối.	- Hội đồng TĐG; - Ban thư ký	Biên bản họp HĐTĐG.
	4. Các thành viên của HĐTĐG ký tên vào danh sách trong báo cáo tự đánh giá.	Hội đồng HĐTĐG	Báo cáo TĐG.
	5. Hiệu trưởng ký tên vào bảng tổng hợp kết quả trong báo cáo TĐG.	Hiệu trưởng	Báo cáo TĐG.
Tháng 5/2025 (từ ngày 01/5/2025 đến ngày 24/5/2025)	1. Công bố bản báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện (trong nội bộ Nhà trường).	- Hiệu trưởng; - Ban Thư ký	Báo cáo TĐG.
	2. Gửi Báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ GD&ĐT.	Phòng Thanh tra – Đảm bảo chất lượng giáo dục (TT-ĐBCLGD)	Công văn gửi cho cơ quan chủ quản và Bộ GD&ĐT (kèm theo file Báo cáo TĐG).
(từ ngày 26/5/2025 đến ngày 30/5/2025)	3. Hoàn thành hồ sơ đăng ký ĐGN CSGDĐH của Trường ĐHQB.	HĐTĐG; Ban thư ký; Nhóm CCCT; các đơn vị trong toàn Trường	Hồ sơ ĐGN

Tháng 6/2025 <i>Từ ngày</i> <i>02/6/2025</i>	Thực hiện việc cải tiến chất lượng theo các kế hoạch hành động.	Phòng TT-ĐBCLGD	Ban hành kế hoạch hành động sau TĐG CSGDDH.
---	---	--------------------	---

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành viên HĐTĐG CSGDDH của Trường ĐHQB triển khai thực hiện, đôn đốc và kiểm tra, đánh giá các nội dung công việc theo sự phân công của Chủ tịch HĐTĐG.

2. Ban thư ký tham mưu, giúp việc cụ thể cho HĐTĐG CSGDDH thực hiện các nội dung, thời gian biểu ở trên và theo đúng quy trình đề ra; các Nhóm CTCT phụ trách các tiêu chuẩn theo phân công và triển khai công việc đảm bảo đúng các mốc thời gian theo kế hoạch.

3. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường và các cá nhân liên quan phối hợp với thành viên Hội đồng TĐG và các Nhóm CTCT để thực hiện các nhiệm vụ TĐG CSGDDH năm học 2024 - 2025 đảm bảo các yêu cầu, nội dung của Kế hoạch và các quy định hiện hành.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện công tác TĐG CSGDDH năm học 2024 - 2025 của Trường ĐHQB, yêu cầu toàn Trường nghiêm túc triển khai thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị, cá nhân liên quan trao đổi qua Phòng TT-ĐBCLGD để kịp thời xử lý, điều chỉnh./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Quảng Bình (để b/c);
- Hội đồng TĐG CSGDDH Trường;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường;
- Lưu VT, TT-ĐBCLGD.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
QUẢNG BÌNH
T.S. Dương Thị Ánh Tuyết

NH
G
C
NH
INV

Phụ lục 3. Quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

Số: 1905/QĐ-ĐHQB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày 27 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học
năm học 2024 - 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

Căn cứ Quyết định số 237/2006/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Quảng Bình;

Căn cứ Nghị quyết số 1699/NQ-HĐTĐHQB ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Quảng Bình về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Quảng Bình;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Chiến lược công tác Đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Quảng Bình giai đoạn 2019 - 2023 và tầm nhìn đến 2030 ban hành kèm theo Công văn số 93/CL-ĐHQB-ĐBCLGD ngày 14 tháng 01 năm 2019 của Trường Đại học Quảng Bình;

Căn cứ Chiến lược phát triển Trường Đại học Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến 2035 ban hành kèm Quyết định số 1294/QĐ-ĐHQB ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình;

Căn cứ Kế hoạch số 1877/KH-ĐHQB ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Trường Đại học Quảng Bình về hoạt động Đảm bảo chất lượng giáo dục năm học 2024 - 2025,

Xét đề nghị của Trường phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng giáo dục.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học của Trường Đại học Quảng Bình năm học 2024 - 2025, gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách, gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá cơ sở giáo dục theo Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo



[Signature]

tạo và các hướng dẫn tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các Thành viên, Ban thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Trường phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng giáo dục, trưởng các đơn vị, tổ chức đoàn thể thuộc và trực thuộc Trường, các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Đăng Website Trường;
- Lưu: VT, TT-ĐBCLGD.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Dương Thị Ánh Tuyết

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH NĂM HỌC 2024 - 2025**
(Kèm theo Quyết định số 1905/QĐ-ĐHQB ngày 27 tháng 9 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình)

TT	HỌ VÀ TÊN		CHỨC DANH, CHỨC VỤ	NHIỆM VỤ
1	Nguyễn Đức	Vượng	PGS.TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	Dương Thị Ánh	Tuyết	TS, Phó Hiệu trưởng	Phó CT HĐ
3	Võ Khắc	Sơn	TS, Phó Hiệu trưởng	Phó CT HĐ
4	Nguyễn Đại	Thăng	ThS, TP. Phòng TT-ĐBCLGD	Thư ký HĐ
5	Phạm Xuân	Hậu	TS, TP. P.Tổ chức – Hành chính	Thành viên
6	Trương Thị	Tư	TS, TP. P.Đào tạo và QLSV	Thành viên
7	Nguyễn T. Thuý	Vân	ThS, PTP. P.Đào tạo và QLSV	Thành viên
8	Nguyễn Đình	Hùng	TS, TP. P.KHCN-ĐN và HL	Thành viên
9	Nguyễn Xuân	Hào	TS, TP. P.KH, TC và QLĐT	Thành viên
10	Nguyễn Phương	Văn	TS, TP. P.Quản trị; CT. CĐCS	Thành viên
11	Nguyễn Văn	Duy	TS, PGĐ. TT. NN, TH và ĐTTX	Thành viên
12	Nguyễn Thành	Chung	PGS.TS, TK. Khoa học cơ bản	Thành viên
13	Vương Kim	Thành	TS, TK. K.Giáo dục TH-MN	Thành viên
14	Võ Thị	Dung	TS, TK. Khoa Ngoại ngữ	Thành viên
15	Đậu Mạnh	Hoàn	TS, TK. Khoa CNTT	Thành viên
16	Trần Tự	Lực	TS, TK. Khoa Kinh tế-Du lịch	Thành viên
17	Trần	Thuý	TS, TK. Khoa GDTC-QP	Thành viên
18	Trần Thế	Hùng	TS, VT. Viện NN và MT	Thành viên
19	Hoàng Anh	Vũ	ThS, PBT. PT ĐTN; CT HSV	Thành viên
20	Lê Thị Bạch	Liên	TS, TBM; GV. Khoa Sư phạm	Thành viên
21	Đinh Minh	Đức	SV. Lớp ĐH Sư phạm Văn K63	Thành viên

* Danh sách này gồm có 21 người./

Duyệt



UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

DANH SÁCH BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 1905/QĐ-ĐHQB ngày 27 tháng 9 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình)

TT	HỌ VÀ TÊN		CHỨC DANH, CHỨC VỤ	NHIỆM VỤ
1	Nguyễn Đại	Thăng	ThS, TP. Phòng TT-ĐBCLGD	Trưởng ban
2	Trần Công	Trung	ThS, PTP. Phòng TT-ĐBCLGD	Thành viên
3	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	ThS, GV. Phòng TT-ĐBCLGD	Thành viên
4	Nguyễn Thị Minh	Lợi	TS, GV. Phòng TT-ĐBCLGD	Thành viên
5	Nguyễn Thị	Thúy	ThS, VC. Phòng TT-ĐBCLGD	Thành viên
6	Trần Hương	Giang	ThS, GV. Phòng TT-ĐBCLGD	Thành viên
7	Lê Thị Hương	Giang	ThS, GV. Phòng TT-HC	Thành viên
8	Lê Thị Thu	Hiền	ThS, GV. P.Đào tạo và QLSV	Thành viên
9	Trương Thị Thu	Hà	ThS, GV. P.KHCN-ĐN và HL	Thành viên
10	Lê Quý	Son	CN, VC. Phòng Quản trị	Thành viên
11	Hoàng Thị	Oanh	CN, VC. P.Đào tạo và QLSV	Thành viên

* Danh sách này gồm có 11 người./.

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH
(Kèm theo Quyết định số 1905/QĐ-ĐHQB ngày 27 tháng 9 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình)

TT	HỌ VÀ TÊN		CHỨC DANH, CHỨC VỤ	NHIỆM VỤ
Nhóm 1: Phụ trách các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 6				
1	Phạm Xuân	Hậu	TS, TP. P.Tổ chức – Hành chính	Nhóm trưởng
2	Nguyễn Thị Như	Hòa	ThS, PTP. P.TC-HC	Thành viên
3	Dương Thị Hồng	Thuận	ThS, PTP. P.TC-HC	Thành viên
4	Hoàng Thị	Huệ	CN, VC. Phòng TC-HC	Thành viên
5	Trần Thị Thu	Thủy	CN, VC. Phòng TC-HC	Thành viên
6	Lê Thị Hương	Giang	ThS, GV. Phòng TC-HC	Thư ký
Nhóm 2: Phụ trách các tiêu chuẩn 9, 10, 11, 12				
1	Nguyễn Đại	Thắng	ThS, TP. P.TT-ĐBCLGD	Nhóm trưởng
2	Trần Công	Trung	ThS, PTP. P.TT-ĐBCLGD	Thành viên
3	Nguyễn Thị	Thúy	ThS, VC. Phòng TT-ĐBCLGD	Thành viên
4	Nguyễn Thị Minh	Lợi	TS, GV. Phòng TT-ĐBCLGD	Thành viên
5	Trần Hương	Giang	ThS, GV. Phòng TT-ĐBCLGD	Thành viên
6	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	ThS, GV. Phòng TT-ĐBCLGD	Thư ký
Nhóm 3: Phụ trách các tiêu chuẩn 13, 14, 15, 16, 22				
1	Trương Thị	Tư	TS, TP. P.Đào tạo và QLSV	Nhóm trưởng
2	Lý Thị Thu	Hoài	TS, PTP. P.Đào tạo và QLSV	Thành viên
3	Nguyễn Thị Như	Phượng	ThS, GV. Phòng ĐT và QLSV	Thành viên
4	Lê Thị	Thuận	ThS, GV. Phòng ĐT và QLSV	Thành viên
5	Cái Thị Như	Ngọc	CN, VC. Phòng ĐT và QLSV	Thành viên
6	Lê Thị Thu	Hiền	ThS, GV. Phòng ĐT và QLSV	Thư ký
Nhóm 4: Phụ trách các tiêu chuẩn 8, 18, 19, 20, 23				
1	Nguyễn Đình	Hùng	TS, TP. P.KHCN-ĐN và HL	Nhóm trưởng
2	Phan Trọng	Tiến	TS, PTP. P.KHCN-ĐN và HL	Thành viên
3	Trần Thị	Lụa	ThS, PTP. P.KHCN-ĐN và HL	Thành viên
4	Đặng Thị	Hiền	CN, VC. P.KHCN-ĐN và HL	Thành viên
5	Mai Thị Thủy	Dung	ThS. GV. P.KHCN-ĐN và HL	Thành viên
6	Trương Thị Thu	Hà	ThS, GV. P.KHCN-ĐN và HL	Thư ký
Nhóm 5: Phụ trách các tiêu chuẩn 5, 7, 25				
1	Nguyễn Xuân	Hào	TS, TP. P.KH, TC và QLĐT	Nhóm trưởng
2	Nguyễn Phương	Văn	TS, Trưởng phòng Quản trị	Thành viên
3	Mai Thị Huyền	Nga	ThS, PTP. P.KH, TC và QLĐT	Thành viên

QUẢNG BÌNH

Trương Thị Thu

4	Nguyễn T. Tuyết	Minh	CN, VC. P.KH,TC và QLĐT	Thành viên
5	Lê Quý	Son	CN, VC. Phòng Quản trị	Thư ký
Nhóm 6: Phụ trách các tiêu chuẩn 17, 21, 24				
1	Nguyễn Thị Thuỳ	Vân	ThS. PTP. P.Đào tạo và QLSV	Nhóm trưởng
2	Đỗ Hồng	Sâm	ThS, PTP. Phòng Quản trị	Thành viên
3	Hoàng Anh	Vũ	ThS, PBT. PT ĐTN; CT HSV	Thành viên
4	Trần Thị	Tuyết	CN, VC. P.Đào tạo và QLSV	Thành viên
5	Hoàng Thị	Oanh	CN, VC. P.Đào tạo và QLSV	Thư ký

* Danh sách này gồm có 34 người./.

hoàng

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 584/QĐ-ĐHQB

Quảng Bình, ngày 20 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học
và Ban thư ký, các nhóm công tác chuyên trách
năm học 2024 - 2025**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

Căn cứ Quyết định số 237/2006/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Quảng Bình;

Căn cứ Nghị quyết số 1699/NQ-HĐTĐHQB ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Quảng Bình về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Quảng Bình;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Chiến lược công tác Đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Quảng Bình giai đoạn 2019 - 2023 và tầm nhìn đến 2030 ban hành kèm theo Công văn số 93/CL-ĐHQB-ĐBCLGD ngày 14 tháng 01 năm 2019 của Trường Đại học Quảng Bình;

Căn cứ Chiến lược phát triển Trường Đại học Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến 2035 ban hành kèm Quyết định số 1294/QĐ-ĐHQB ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình;

Căn cứ Kế hoạch số 1877/KH-ĐHQB ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Trường Đại học Quảng Bình về hoạt động Đảm bảo chất lượng giáo dục năm học 2024 - 2025,

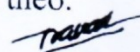
Căn cứ các Quyết định của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình về việc điều động, bổ nhiệm và cử viên chức quản lý, phụ trách các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường Đại học Quảng Bình năm 2025;

Xét đề nghị của Trường phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng giáo dục.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học của Trường Đại học Quảng Bình năm học 2024 - 2025 gồm các ông, bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Thành lập Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng gồm các ông, bà có tên trong các danh sách kèm theo.



Điều 3. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá cơ sở giáo dục theo Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các hướng dẫn tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các Thành viên, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1905/QĐ-ĐHQB ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học năm học 2024 - 2025.

Điều 5. Trưởng phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng giáo dục, trưởng các đơn vị, tổ chức đoàn thể thuộc và trực thuộc Trường, các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Ban Giám hiệu;
- Đăng Website Trường;
- Lưu: VT, TT-ĐBCLGD (03).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Dương Thị Ánh Tuyết

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH NĂM HỌC 2024 - 2025**

(Kèm theo Quyết định số 384/QĐ-ĐHQB ngày 20 tháng 3 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình)

TT	HỌ VÀ TÊN		CHỨC DANH, CHỨC VỤ	NHIỆM VỤ
1	Nguyễn Đức	Vượng	PGS.TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	Dương Thị Ánh	Tuyết	TS, Phó Hiệu trưởng	Phó CT HĐ
3	Võ Khắc	Sơn	TS, Phó Hiệu trưởng	Phó CT HĐ
4	Nguyễn Đại	Thăng	ThS, TP. Phòng TT-ĐBCLGD	Thư ký HĐ
5	Phạm Xuân	Hậu	TS, TP. Phòng Tổ chức-HC	Thành viên
6	Trương Thị	Tư	TS, TP. Phòng Đào tạo và QLSV	Thành viên
7	Nguyễn T. Thuý	Vân	ThS, PTP. Phòng Đào tạo và QLSV	Thành viên
8	Phan Trọng	Tiến	TS, PTP. Phòng KHCN-ĐN và HL	Thành viên
9	Nguyễn Xuân	Hào	TS, TP. Phòng KH, TC và QLĐT	Thành viên
10	Nguyễn Chiêu	Sinh	ThS, PTP. Phòng Quản trị	Thành viên
11	Nguyễn Phương	Văn	TS, GD. TT NN, TH và ĐTTX	Thành viên
12	Nguyễn Đình	Hùng	TS, TK. Khoa Sư phạm	Thành viên
13	Vương Kim	Thành	TS, TK. Khoa Giáo dục TH-MN	Thành viên
14	Võ Thị	Dung	TS, TK. Khoa Ngoại ngữ	Thành viên
15	Đậu Mạnh	Hoàn	TS, TK. Khoa CNTT	Thành viên
16	Trần Tự	Lực	TS, TK. Khoa Kinh tế-Du lịch	Thành viên
17	Trần	Thuý	TS, TK. Khoa GDTC-QP	Thành viên
18	Trần Thế	Hùng	TS, VT. Viện NN và MT	Thành viên
19	Hoàng Anh	Vũ	ThS, GV. Bí thư Đoàn Thanh niên	Thành viên
20	Hoàng Thị	Duyên	TS, GV. Khoa Sư phạm	Thành viên
21	Lê Đăng	Đạt	SV. Lớp ĐH Sư phạm Ngữ Văn K65	Thành viên

* Danh sách này gồm có 21 người./.

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH



DANH SÁCH BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 384 /QĐ-ĐHQB ngày 20 tháng 3 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình)

TT	HỌ VÀ TÊN		CHỨC DANH, CHỨC VỤ	NHIỆM VỤ
1	Nguyễn Đại	Thăng	ThS, TP. Phòng TT-ĐBCLGD	Trưởng ban
2	Trần Công	Trung	ThS, PTP. Phòng TT-ĐBCLGD	Thành viên
3	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	ThS, GV. Phòng TT-ĐBCLGD	Thành viên
4	Nguyễn Thị Minh	Lợi	TS, GV. Phòng TT-ĐBCLGD	Thành viên
5	Nguyễn Thị	Thúy	ThS, VC. Phòng TT-ĐBCLGD	Thành viên
6	Lê Thị Hương	Giang	ThS, GV. Phòng TT-HC	Thành viên
7	Lê Thị Thu	Hiền	ThS, GV. Phòng Đào tạo và QLSV	Thành viên
8	Trương Thị Thu	Hà	ThS, GV. Phòng KHCN-ĐN và HL	Thành viên
9	Lê Quý	Sơn	CN, VC. Phòng Quản trị	Thành viên
10	Hoàng Thị	Oanh	CN, VC. Phòng Đào tạo và QLSV	Thành viên

* Danh sách này gồm có 10 người./.

[Signature]

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 384/QĐ-ĐHQB ngày 20 tháng 3 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình)

TT	HỌ VÀ TÊN		CHỨC DANH, CHỨC VỤ	NHIỆM VỤ
Nhóm 1: Phụ trách các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 6				
1	Phạm Xuân	Hậu	TS, TP. Phòng Tổ chức-HC	Nhóm trưởng
2	Nguyễn Thị Như	Hòa	ThS, PTP. Phòng Tổ chức-HC	Thành viên
3	Dương Thị Hồng	Thuận	ThS, PTP. Phòng Tổ chức-HC	Thành viên
4	Hoàng Thị	Huệ	CN, VC. Phòng Tổ chức-HC	Thành viên
5	Trần Thị Thu	Thủy	CN, VC. Phòng Tổ chức-HC	Thành viên
6	Lê Thị Hương	Giang	ThS, GV. Phòng Tổ chức-HC	Thư ký
Nhóm 2: Phụ trách các tiêu chuẩn 9, 10, 11, 12				
1	Nguyễn Đại	Thắng	ThS, TP. Phòng TT-ĐBCLGD	Nhóm trưởng
2	Trần Công	Trung	ThS, PTP. Phòng TT-ĐBCLGD	Thành viên
3	Nguyễn Thị	Thúy	ThS, VC. Phòng TT-ĐBCLGD	Thành viên
4	Nguyễn Thị Minh	Lợi	TS, GV. Phòng TT-ĐBCLGD	Thành viên
5	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	ThS, GV. Phòng TT-ĐBCLGD	Thư ký
Nhóm 3: Phụ trách các tiêu chuẩn 13, 14, 15, 16, 22				
1	Trương Thị	Tư	TS, TP. Phòng Đào tạo và QLSV	Nhóm trưởng
2	Lý Thị Thu	Hoài	TS, PTP. Phòng Đào tạo và QLSV	Thành viên
3	Nguyễn Thị Như	Phượng	ThS, GV. Phòng Đào tạo và QLSV	Thành viên
4	Lê Thị	Thuận	ThS, GV. Phòng Đào tạo và QLSV	Thành viên
5	Cái Thị Như	Ngọc	CN, VC. Phòng Đào tạo và QLSV	Thành viên
6	Lê Thị Thu	Hiền	ThS, GV. Phòng Đào tạo và QLSV	Thư ký
Nhóm 4: Phụ trách các tiêu chuẩn 8, 18, 19, 20, 23				
1	Phan Trọng	Tiến	TS, PTP. Phòng KHCN-ĐN và HL	Nhóm trưởng
2	Nguyễn Văn	Duy	TS, PTP. Phòng KHCN-ĐN và HL	Thành viên
3	Trần Thị	Lụa	ThS, PTP. Phòng KHCN-ĐN và HL	Thành viên
4	Đặng Thị	Hiền	CN, VC. Phòng KHCN-ĐN và HL	Thành viên
5	Mai Thị Thủy	Dung	ThS, GV. Phòng KHCN-ĐN và HL	Thành viên
6	Trương Thị Thu	Hà	ThS, GV. Phòng KHCN-ĐN và HL	Thư ký
Nhóm 5: Phụ trách các tiêu chuẩn 5, 7, 25				
1	Nguyễn Xuân	Hào	TS, TP. Phòng KH, TC và QLĐT	Nhóm trưởng
2	Nguyễn Chiêu	Sinh	ThS, PTP. Phòng Quản trị	Thành viên
3	Mai Thị Huyền	Nga	ThS, PTP. Phòng KH, TC và QLĐT	Thành viên
4	Nguyễn T. Tuyết	Minh	CN, VC. Phòng KH, TC và QLĐT	Thành viên

5	Lê Quý	Sơn	CN, VC. Phòng Quản trị	Thư ký
Nhóm 6: Phụ trách các tiêu chuẩn 17, 21, 24				
1	Nguyễn Thị Thuỳ	Vân	ThS. PTP. Phòng Đào tạo và QLSV	Nhóm trưởng
2	Đỗ Hồng	Sâm	ThS, PTP. Phòng Quản trị	Thành viên
3	Hoàng Anh	Vũ	ThS, GV. Bí thư Đoàn Thanh niên	Thành viên
4	Trần Thị	Tuyết	CN, VC. Phòng Đào tạo và QLSV	Thành viên
5	Hoàng Thị	Oanh	CN, VC. Phòng Đào tạo và QLSV	Thư ký

* Danh sách này gồm có 33 người./.

[Signature]